

Nam Định, ngày 04 tháng 03 năm 2019

QUY CHẾ TÀI CHÍNH
KINH TẾ CÔNG TY CỔ PHẦN NĂM 2019
CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÔNG HỒNG

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật kế toán của Nhà nước CHXHCN Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành;
- Căn cứ nội quy tài chính và hoạt động của Công ty Cổ phần May Sông Hồng của Hội đồng Quản trị thông qua ngày 12/05/2018.

Kinh tế công ty năm 2019 của Công ty Cổ phần May Sông Hồng (MSH) được thực hiện theo Quy chế tài chính sau đây:

Điều 1. Mục đích

- Đảm bảo trình tự, nguyên tắc công khai, minh bạch quy định kinh tế công ty năm của Công ty Cổ phần May Sông Hồng đi đúng quy định và thành công thực hiện.
- Các quy định của kinh tế công ty hướng tới ý chí thống nhất của kinh tế công ty, áp dụng nguyên tắc quy định của công ty và pháp luật.

Điều 2. Nội dung và phạm vi

- **Nội dung:** Tất cả các chi tiêu, chi phí theo quy định tham gia kinh tế công ty năm MSH đều phải chấp hành, tuân thủ các quy định của Quy chế này, nội quy MSH và quy định hiện hành của pháp luật.
- **Phạm vi áp dụng:** Quy chế này có hiệu lực cho tất cả chi tiêu kinh tế công ty năm 2019 của Công ty Cổ phần May Sông Hồng.

i u 3. i u ki n ti n hành i h i ng c ông (Theo i u 19 i u l MSH)

- i h i ng c ông c ti n hành khi có s c ông đ h p i di n cho ít nh t 65% c ph n có quy n bi u quy t.
- Tr ng h p không có s l ng i bi u c n thi t trong vòng ba m i phút k t th i i m n nh khai m c i h i, i h i ph i c tri u t p l i trong vòng ba m i ngày k t ngày đ nh t ch c i h i ng c ông l n th nh t. i h i ng c ông tri u t p l i ch c ti n hành khi có thành viên tham đ là các c ông và nh ng i di n c u quy n đ h p i di n cho ít nh t 51% c ph n có quy n bi u quy t.
- Tr ng h p i h i l n th hai không c ti n hành do không có s i bi u c n thi t trong vòng ba m i phút k t th i i m n nh khai m c i h i, i h i ng c ông l n th ba có th c tri u t p trong vòng hai m i ngày k t ngày đ nh ti n hành i h i l n hai, và trong tr ng h p này i h i c ti n hành không ph thu c vào s l ng c ông hay i di n u quy n tham đ và c coi là h p l và có quy n quy t nh t t c các v n mà i h i ng c ông l n th nh t có th phê chu n.

i u 4. i bi u tham đ i h i ng c ông

1. Các c ông c a MSH và ng i i di n theo y quy n c a c ông s h u c ph n có quy n bi u quy t (theo danh sách c ông ng ký cu i cùng ngày 21/02/2019) u có quy n tham đ i h i ng c ông;
2. C ông và/ho c i di n theo y quy n sau ây c g i là “ i bi u” khi vào phòng i h i ph i có m t úng th i gian quy nh và làm th t c ng ký v i Ban t ch c i h i;
3. Trong th i gian đi n ra i h i ng c ông, i bi u ph i tuân th theo s h ng đ n c a oàn Ch t ch, ng x v n minh, l ch s và gi tr t t i h i;
4. Các i bi u ph i gi bí m t, th c hi n úng ch s đ ng và b o qu n tài li u, không sao chép, ghi âm a cho ng i ngoài i h i khi ch a c oàn Ch t ch cho phép;
5. Không hút thu c lá trong phòng i h i;

6. Không nói chuyện riêng, không sử dụng điện thoại di động trong lúc đi n ra i h i, t t c các máy i n tho i di ng ph i c t t ho c không chu ng.

i u 5. oàn Ch t ch

1. oàn Ch t ch g m 03 ng i, bao g m 01 Ch t ch và 02 thành viên. Ch t ch H i ng Qu n tr là Ch t ch oàn Ch t ch và là Ch t a i h i ng c ông th ng niên n m 2019 c a MSH.
2. Nhi m v c a oàn Ch t ch:
 - a. i u hành các ho t ng c a i h i ng c ông theo Ch ng trình c a H i ng Qu n tr (H QT) c i h i ng c ông bi u quy t thông qua t i i h i;
 - b. H ng d n các i bi u và i h i th o lu n các n i dung có trong ch ng trình;
 - c. Trình d th o, k t lu n nh ng v n c n thi t i h i bi u quy t;
 - d. Tr l i nh ng v n do i h i yêu c u;
 - e. Gi i quy t các v n phát sinh trong su t quá trình i h i.
3. Nguyên t c làm vi c c a oàn Ch t ch:

oàn Ch t ch làm vi c theo nguyên t c t p th , t p trung dân ch , quy t nh theo a s .

i u 6. Ban Th ký i h i

1. Ban Th ký c a i h i bao g m 02 ng i do Ch t a gi i thi u (thông qua Ban T ch c i h i); Ch u trách nhi m tr c oàn Ch t ch, i h i ng c ông v nhi m v c a mình và d i s i u hành c a oàn Ch t ch.
2. Nhi m v c a Ban Th ký:
 - a. Giúp oàn Ch t ch ki m tra t cách i bi u đ h p (khi c n thi t);
 - b. H tr oàn Ch t ch công b d th o các v n ki n, k t lu n, Ngh quy t c a i h i và g i thông báo c a oàn Ch t ch n các i bi u khi c yêu c u;
 - c. Ti p nh n, rà soát Phi u th o lu n, các ý ki n c a i bi u, chuy n oàn Ch t ch quy t nh;

- d. Ghi chép y trung th c toàn b n i dung đi n bi n i h i và các v n ã c thông qua ho c còn l u ý vào Biên b n i h i;
- e. So n th o Ngh quy t v các v n c thông qua t i i h i.

i u 7. Ban ki m tra t cách i bi u

1. Ban ki m tra t cách i bi u c a i h i g m 03 ng i, bao g m 01 Tr ng Ban và 02 thành viên. Ban ki m tra t cách i bi u ch u trách nhi m tr c oàn Ch t ch, i h i ng c ông v nhi m v c a mình.
2. Nhi m v c a Ban ki m tra t cách i bi u:

Ban ki m tra t cách i bi u c a i h i có trách nhi m ki m tra t cách và tình hình c ông n d h p.

Tr ng Ban ki m tra t cách i bi u báo cáo v i i h i ng c ông tình hình c ông d h p. N u cu c h p có s l ng i bi u d h p i đi n ít nh t 65% s c ph n có quy n bi u quy t tham d thì cu c h p i h i ng c ông MSH c ti n hành.

i u 8. Ban ki m phi u

1. Ban ki m phi u c a i h i g m 03 ng i, bao g m 01 Tr ng Ban và 02 thành viên do Ch t a gi i thi u (thông qua Ban T ch c i h i) và c i h i bi u quy t tín nhi m.
2. Nhi m v c a Ban ki m phi u:
 - Ban ki m phi u ph i l p Biên b n ki m phi u và ch u trách nhi m tr c oàn Ch t ch, i h i ng c ông khi th c hi n nhi m v c a mình;
 - Xác nh chính xác k t qu bi u quy t t i i h i;
 - Nhanh chóng thông báo k t qu ki m phi u cho Ban Th ký;
 - Th c hi n vi c ki m phi u theo quy nh t i Quy ch này.
 - Xem xét và báo cáo i h i nh ng tr ng h p vi ph m th l bi u quy t, b u c ho c n th khi u n i v k t qu ki m phi u.

i u 9. Th o lu n t i i h i

1. Nguyên t c:

- Việc tổ chức các phiên họp trong thời gian quy định và thu thập ý kiến của các thành viên trong chương trình nội dung hội nghị công;
- Mời đại biểu có ý kiến đóng góp vào Phiếu tổ chức và chuyển cho Ban Thư ký;
- Ban Thư ký sắp xếp các Phiếu tổ chức đại biểu theo thứ tự ưu tiên và chuyển lên cho Đoàn Chủ tịch;
- Mời đại biểu khi cần phát biểu hoặc tranh luận thì giơ tay, chỉ khi Đoàn Chủ tịch nhậm chức mới được phát biểu. Mời đại biểu phát biểu không quá 05 phút, nội dung ngắn gọn, tránh trùng lặp.

2. Mời đại biểu kiến nghị các đại biểu:

- Trên cơ sở Phiếu tổ chức đại biểu, Chủ tịch hoặc thành viên do Chủ tịch chỉ định mời đại biểu kiến nghị;
- Trường hợp do giới hạn về thời gian thảo luận, các câu hỏi của đại biểu trả lời trực tiếp tại hội nghị của MSH trả lời trực tiếp bằng văn bản.

Điều 10. Biểu quyết thông qua các văn bản

1. Nguyên tắc:

- Tất cả các văn bản trong chương trình và nội dung họp của hội nghị phải được hội nghị công bố tổ chức công khai và tiến hành biểu quyết công khai bằng thủ tục biểu quyết hoặc bỏ phiếu kín bằng biểu quyết.
- Thủ tục biểu quyết và Phiếu biểu quyết của MSH in, đóng dấu treo và ghi trực tiếp cho đại biểu tại hội nghị (kèm theo tài liệu tham khảo HC). Mời đại biểu các cấp Thủ tục biểu quyết và Phiếu biểu quyết. Trên Thủ tục biểu quyết và Phiếu biểu quyết có ghi rõ mã số đại biểu, họ tên, số phiếu thuận và nhậm quyền biểu quyết của đại biểu đó.
- Hình thức biểu quyết thông qua các văn bản tại hội nghị công bố hàng năm năm 2019 như sau:
 - + Biểu quyết bằng hình thức ghi Thủ tục biểu quyết: hình thức này được dùng thông qua các văn bản như: Chương trình hội nghị; Quy chế làm việc tại hội nghị; thông qua Ban chấp hành, thư ký hội nghị; thông qua Biên bản hội nghị, Nghị quyết hội nghị và các nội dung khác tại hội nghị (nếu có);

+ Bi u quy t b ng hình th c i n vào Phi u bi u quy t: hình th c này c dùng thông qua các n i dung t trình i h i, c xác nh và ghi rõ trong t ng phi u bi u quy t g i cho m i c ông.

2. Cách th c bi u quy t:

- i bi u th c hi n vi c bi u quy t Tán thành, Không tán thành ho c Không ý ki n m t v n c a ra bi u quy t t i i h i b ng cách gi cao Th bi u quy t ho c i n các ph ng án l a ch n trên Phi u bi u quy t t ng ng v i các n i dung c n bi u quy t theo quy nh t i Kho n 2 i u này.
- Khi bi u quy t b ng hình th c gi cao Th bi u quy t, m t tr c c a Th bi u quy t ph i c gi cao h ng v phía oàn Ch t a. Tr ng h p i bi u không gi Th bi u quy t trong c ba l n bi u quy t Tán thành, Không tán thành ho c Không ý ki n c a m t v n thì c xem nh bi u quy t tán thành v n ó. Tr ng h p i bi u gi cao Th bi u quy t quá m t l n trong t ng s ba l n bi u quy t Tán thành, Không tán thành ho c Không ý ki n c a m t v n thì c xem nh vi c bi u quy t cho v n ó là không h p l . Theo hình th c bi u quy t b ng gi Th bi u quy t, Thành viên Ban ki m phi u/Ban ki m tra t cách i bi u ánh d u mã i bi u và s phi u bi u quy t t ng ng c a t ng c ông Tán thành, Không tán thành, Không ý ki n, Không h p l .
- Khi bi u quy t b ng hình th c i n vào Phi u bi u quy t, i v i t ng n i dung, i bi u ch n m t trong ba ph ng án “Tán thành”, “Không tán thành”, “Không có ý ki n” c in s n trong Phi u bi u quy t b ng cách ánh d u “X” ho c “√” vào ô mình ch n.
- Tr ng h p i bi u ho c ng i c y quy n đ h p n sau khi vi c b Phi u Bi u Quy t k t thúc v n c ng ký i bi u và bi u quy t v i nh ng v n phát sinh sau khi i bi u ó ng ký i bi u nh ng không c phép tham gia bi u quy t nh ng v n ã c b phi u xong. Trong tr ng h p này hi u l c c a nh ng bi u quy t ã ti n hành không b nh h ng.
- Sau khi hoàn t t t c n i dung c n bi u quy t c a i h i, i bi u gi Phi u bi u quy t v thùng phi u kín ã c niêm phong t i i h i theo

hàng đ n c a Ban ki m phi u. Phi u bi u quy t ph i có ch ký và ghi rõ h tên c a i bi u.

3. Phi u bi u quy t h p l :

- Phi u do Ban t ch c phát ra
- Không có g ch xóa, c o, s a ch a, rách nát... không ghi thêm n i dung bi u quy t nào khác. Khi có b sung n i dung thì ghi úng s th t c a n i dung c n bi u quy t theo yêu c u c a Ban t ch c.
- Ký và ghi y h tên c a i bi u tham d .
- Trên phi u bi u quy t, n i dung bi u quy t là h p l khi i bi u ánh d u ch n m t (01) trong ba (03) tình tr ng bi u quy t c a n i dung ó. N i dung bi u quy t không h p l là n i dung không úng theo quy nh c a n i dung bi u quy t h p l .

4. Phi u bi u quy t không h p l :

- T ghi thêm n i dung khác vào phi u bi u quy t
- Không ký và ghi y h tên c a i bi u.
- Phi u bi u quy t không theo m u in s n c a Ban t ch c phát ra, phi u không có d u c a MSH ho c b t y xóa, c o, s a ch a, vi t thêm n i dung khác ngoài quy nh cho phi u bi u quy t, khi ó t t c các n i dung bi u quy t trên phi u bi u quy t là không h p l .

5. Th l bi u quy t:

- Các v n c n l y bi u quy t t i i h i ch c thông qua khi t c t l bi u quy t ng ý c a ít nh t 51% s c ph n có quy n bi u quy t tham d i h i.
- i v i các n i dung sau thì ph i c s c ông i di n trên 65% t ng s Phi u Bi u Quy t c a t t c i Bi u đ h p bi u quy t “tán thành” (theo quy nh t i Kho n l i u 21 i u l MSH): S a i và b sung i u l công ty; Lo i c ph n, và s l ng c ph n c chào bán; Thay i ngành ngh và l nh v c kinh doanh; Sáp nh p, t ch c và gi i th Công ty; Giao d ch mua bán tài s n Công ty ho c chi nhánh ho c giao d ch mua do Công ty ho c chi nhánh th c hi n có giá tr b ng ho c l n h n 35% t ng giá tr tài s n c a Công ty tính theo báo cáo tài chính g n nh t c ki m toán; Các v n khác do i u l quy nh.

điều 11. Biên bản, Nghị Quyết và Báo cáo

Biên bản họp và Nghị quyết của Hội đồng phải được lập và thông qua trước khi bắt đầu thi hành.

điều 12. Thi hành Quyết định

Điều lệ này phải được Hội đồng chấp hành nghiêm chỉnh Quyết định của Hội đồng. Điều lệ vi phạm Quyết định này thì tùy theo mức độ, Hội đồng sẽ xem xét và có hình thức xử lý theo Điều lệ MSH và Luật Doanh nghiệp.

Quy định này gồm 12 điều và có hiệu lực ngay sau khi Hội đồng MSH ban hành quy định thông qua.

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHÍNH CHỨC**

Bùi Văn Thành

Nam Định, ngày 04 tháng 03 năm 2019

**QUY CHẾ BỐ C
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÔNG HỒNG**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Luật kế toán của Nhà nước CHXHCN Việt Nam và các văn bản hướng dẫn thi hành;

- Căn cứ Điều lệ và hoạt động của Công ty Cổ phần May Sông Hồng.
Hội đồng thành viên năm 2019 của Công ty Cổ phần May Sông Hồng tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2019 - 2024 theo các nội dung dưới đây:

Điều 1. Phạm vi và mục đích

Công ty Cổ phần có quyền bầu và bãi nhiệm theo quy định của Công ty Cổ phần có quy định của Công ty.

Điều 2. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị

Số lượng thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ 2019 – 2024: 06 thành viên.

Điều 3. Tiêu chuẩn của thành viên Hội đồng quản trị

Thành viên phải đáp ứng các tiêu chuẩn, điều kiện trở thành thành viên HĐQT theo quy định tại Điều 151 Luật doanh nghiệp 2014, cụ thể như sau:

- Có năng lực hành vi dân sự, không thuộc diện không được quản lý doanh nghiệp theo quy định tại khoản 2 Điều 18 của Luật doanh nghiệp 2014;
- Có trình độ chuyên môn, kinh nghiệm trong quản lý kinh doanh của công ty và không phải là thành viên của công ty, trợ lý hoặc quản lý công ty quy định khác.
- Thành viên Hội đồng quản trị công ty có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của công ty khác.

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập có các tiêu chuẩn sau:

- Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liên tiếp trước đó.

- b) Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, từ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị hưởng theo quy định;
- c) Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là công nhân của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
- d) Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số phần vốn có quyền biểu quyết của công ty;
- e) Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.

Điều 4. Điều kiện, quy định về Hội đồng quản trị (Khoản 3, Điều 26 Điều lệ Công ty)

Các công nhân mang tính phần vốn có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quy định phần vốn biểu quyết tại ngày lập viên của các thành viên Hội đồng quản trị.

Công nhân nhóm công nhân mang tính 5% trở lên đến 10% số phần vốn có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng của các thành viên; từ 10% trở lên đến 30% của các hai thành viên; từ 30% trở lên đến 50% của các ba thành viên; từ 50% trở lên đến 65% của các bốn thành viên và từ 65% trở lên của các thành viên.

Trên cơ sở lập các thành viên Hội đồng quản trị thông qua và người công nhân không sở hữu cổ phần thì Hội đồng quản trị cũng có thể thêm thành viên. Các thành viên Hội đồng quản trị cũng có thể thêm thành viên Hội đồng quản trị phải công bố rõ ràng và phải công bố thông qua khi tiến hành công việc.

Điều 5. Hồ sơ tham gia ứng cử, các thành viên bầu vào Hội đồng quản trị

Các công nhân áp dụng tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên Hội đồng quản trị quy định tại Điều 3, Điều 4 Quy chế này có thể làm hồ sơ ứng cử, các thành viên bầu vào Hội đồng quản trị:

1. Hồ sơ tham gia ứng cử, các thành viên bầu vào Hội đồng quản trị bao gồm:
 - Đơn xin ứng cử tham gia Hội đồng quản trị (*theo mẫu*)
 - Sơ yếu lý lịch do thành viên khai (*theo mẫu*)
 - Một trong các giấy tờ sau: Bản sao CMTND/ Hộ khẩu thường trú (hoặc Giấy đăng ký tạm trú dài hạn), Hộ chiếu nếu là người Việt Nam nước ngoài, người nước ngoài
 - Giấy tờ xác nhận tài sản của cá nhân/nhóm công nhân áp dụng điều kiện của Quy chế này quy định (*theo mẫu*)
 - Các bằng cấp chứng nhận văn trình văn hóa và trình độ chuyên môn (*nếu có*).

2. H s tham gia ng c / c phi c g i v Ban t ch c i h i tr c 17h00' ngày 13/03/2019 theo a ch sau ây:
Công ty c ph n May Sông H ng
a ch v n phòng: S 105 ng Nguy n c Thu n, ph ng Th ng Nh t, thành ph Nam nh
i v i các tr ng h p c / ng c t i i h i thì c ông/nhóm c ông c / ng c phi cung c p ngay h s c / ng c cho Ch t a c xem xét.
3. Ch nh ng h s c / ng c áp ng i u ki n c / ng c và nh ng ng viên áp ng i u ki n t ng ng c a thành viên H i ng qu n tr m i c a vào danh sách ng c viên công b t i i h i.

i u 6. Ban ki m phi u

Ban Ki m phi u do Ban t ch c c và c i h i ng c ông thông qua.

Ban Ki m phi u có trách nhi m:

- Thông qua Quy ch b u c ;
- Phát phi u b u và h ng đ n cách th c ghi phi u b u;
- Ti n hành ki m phi u;
- Công b k t qu b u c tr c i h i.

Thành viên Ban ki m phi u không c có tên trong danh sách c và ng c vào H i ng qu n tr , H i ng qu n tr .

i u 7. Phi u b u và ghi phi u b u; Nguyên t c b phi u và ki m phi u

a. Phi u b u và ghi phi u b u

Phi u b u và ghi phi u b u

Phi u b u c in th ng nh t, có t ng s c ph n có quy n bi u quy t theo mã s tham d ;

C ông ho c i di n y quy n c phát ng th i phi u b u thành viên H i ng qu n tr theo mã s tham d (*s h u và c y quy n*);

Tr ng h p ghi sai, c ông ngh Ban ki m phi u i phi u b u khác;

Các tr ng h p phi u b u không h p l

Phi u không theo m u quy nh c a Ban t ch c i h i, không có d u c a Công ty;

Phi u g ch xoá, s a ch a, ghi thêm ho c ghi tên không úng, không thu c danh sách ng c viên ã c i h i ng c ông th ng nh t thông qua tr c khi ti n hành b phi u;

Phiếu có tổng số quy định về quy tắc cho những người thành viên của công việc quá tổng số quy định về quy tắc của công nhân mới (bao gồm số học và quy định).

b. Nguyên tắc phiếu và kiểm phiếu

- Ban kiểm phiếu tiến hành kiểm tra thùng phiếu trước khi niêm phong các phiếu; Việc bỏ phiếu bắt đầu khi việc phát phiếu bắt đầu hoàn tất và kết thúc khi công việc cùng bỏ phiếu bắt đầu vào thùng phiếu;

- Việc kiểm phiếu phải tiến hành ngay sau khi việc bỏ phiếu kết thúc;

- Kết quả kiểm phiếu lập thành văn bản và trình Trưởng Ban kiểm phiếu và ban công bố kết quả;

- Các phiếu bắt đầu sau khi đã kiểm tra phiếu của Công ty.

Điều 8. Phương thức bỏ phiếu, nguyên tắc trưng cầu

a. Phương thức bỏ phiếu

Việc bỏ phiếu bắt đầu thành viên Hội đồng quản trị thực hiện bỏ phiếu kín theo phương thức bỏ phiếu (Theo hướng dẫn quy định tại Phụ lục đính kèm theo Quy định này):

- Mọi công việc có phiếu bắt đầu những việc số phiếu có quy định về quy định (bao gồm số học và quy định) nhân viên thành viên bắt đầu thành viên Hội đồng quản trị;
- Công việc có thể diễn ra những việc số phiếu bắt đầu cho một số người hoặc một số người, nhưng không quá số thành viên đã ghi trong phiếu công việc bỏ phiếu thông qua.

b. Nguyên tắc trưng cầu

Người trưng cầu thành viên Hội đồng quản trị xác định theo số phiếu bắt đầu tính toán xu hướng, bắt đầu những người có số phiếu bắt đầu cao nhất cho đến khi số thành viên theo quy định những người phải có số phiếu bắt đầu những việc ít nhất một quy định của công việc.

Trong trường hợp không lựa chọn số thành viên Hội đồng quản trị theo điều kiện do có những người có số phiếu bắt đầu ngang nhau thì sẽ thực hiện bỏ phiếu riêng những người có số phiếu bắt đầu cao nhất.

Điều 9. Lập và công bố Biên bản kiểm phiếu

Sau khi kiểm phiếu, Ban kiểm phiếu phải lập Biên bản kiểm phiếu.

Toàn văn Biên bản kiểm phiếu phải công bố kết quả.

Điều 10. Những việc cần làm về việc bỏ phiếu và kiểm phiếu số do Chủ tịch thực hiện quy định và ghi vào Biên bản cuộc họp Hội đồng.

Quy ch này g m có 10 i u và c c công khai tr c i h i ng c
ông bi u quy t thông qua.

Kính trình i h i ng c ông xem xét thông qua!

**TM. H I NG QU N TR
CH T CH**

BÙI C TH NH

**PH L CH NG D N B U THÀNH VIÊN
THÀNH VIÊN H I NG QU N TR
(Theo ph ng th c b u d n phi u)**

B phi u:

Phi u b u thành viên H i ng qu n tr c b vào thùng phi u niêm phong.

Ghi phi u b u:

M i c ông có t ng s phi u b u t ng ng v i t ng s c ph n có quy n bi u quy t (bao g m s h u và c y quy n) nhân v i s thành viên c b u c a H i ng qu n tr .

C ông có th chia t ng s phi u b u cho t t c các ng viên, ho c d n toàn b phi u b u cho m t ho c m t s ng c viên nh ng t ng c ng s phi u b u cho các ng c viên không c v t quát ng s phi u b u c a mình.

Ví d :

i h i ng c ông bi u quy t b u 05 thành viên H i ng qu n tr trong t ng s 05 ng viên. C ông Nguy n V n A n m gi (bao g m s h u và c y quy n) 10.000 c ph n có quy n bi u quy t. Khi ó t ng s phi u b u c a c ông Nguy n V n A là:

$$10.000 \text{ c ph n} \times 5 = 50.000 \text{ Phi u b u}$$

C ông Nguy n V n A có th b u d n phi u theo ph ng th c sau:

Tr ng h p 1: C ông Nguy n V n A chia u s phi u b u c a mình cho 05 ng viên (t ng ng m i ng c viên nh n c 10.000 phi u b u)

STT	H và tên ng viên	B u d n u phi u (cho các ng viên)	S phi u b u (cho t ng ng viên)
1	Nguy n V n 1	<input checked="" type="checkbox"/>	
2	Nguy n V n 2	<input checked="" type="checkbox"/>	
3	Nguy n V n 3	<input checked="" type="checkbox"/>	
4	Nguy n V n 4	<input checked="" type="checkbox"/>	
5	Nguy n V n 5	<input checked="" type="checkbox"/>	

Tr ng h p 2: C ông Nguy n V n A d n toàn b phi u b u c a mình cho 1 ng viên

STT	H và tên ng viên	B u d n u phi u (cho các ng viên)	S phi u b u (cho t ng ng viên)
-----	------------------	--------------------------------------	-----------------------------------

1	Nguyễn Văn 1	<input checked="" type="checkbox"/>	
2	Nguyễn Văn 2	<input type="checkbox"/>	
3	Nguyễn Văn 3	<input type="checkbox"/>	
4	Nguyễn Văn 4	<input type="checkbox"/>	
5	Nguyễn Văn 5	<input type="checkbox"/>	

Trường hợp 3: Công Nguyễn Văn A bỏ phiếu bầu cá nhân mình cho 2 người (Người không tự chọn)

STT	Họ và tên người	Buđn u phi u (cho các người)	S phi u b u (cho t người)
1	Nguyễn Văn 1	<input type="checkbox"/>	35.000
2	Nguyễn Văn 2	<input type="checkbox"/>	15.000
3	Nguyễn Văn 3	<input type="checkbox"/>	
4	Nguyễn Văn 4	<input type="checkbox"/>	
5	Nguyễn Văn 5	<input type="checkbox"/>	

5. Phiếu không hợp lệ

Phiếu không theo mẫu quy định, không có dấu của Công ty.

Phiếu gạch xóa, sai cách, ghi thêm hoặc ghi tên không đúng, không thu c danh sách người đã bỏ phiếu thông qua trực tiếp khi tiến hành bỏ phiếu.

Phiếu có tổng số quyền biểu quyết cho người người c a c công v t quá tổng số quyền biểu quyết của công ón m gi (bao gồm số và c y quyền).

STT	Họ và tên người	Buđn u phi u (cho các người)	S phi u b u (cho t người)
1	Nguyễn Văn 1	<input type="checkbox"/>	10.000
2	Nguyễn Văn 2	<input type="checkbox"/>	5.000
3	Nguyễn Văn 3	<input type="checkbox"/>	10.000
4	Nguyễn Văn 4	<input type="checkbox"/>	20.000
5	Nguyễn Văn 5	<input type="checkbox"/>	30.000

Các trường hợp khác quy định tại Quy chế bầu cử.

↑
Phiếu không hợp lệ do ghi quá tổng số phiếu bầu

**BÁO CÁO CHẤM QUẢN CÔNG TY CỔ PHẦN MÁY SÔNG HỒNG
TỔNG KẾT CÔNG VIỆC QUẢN LÝ NĂM 2019-2023**

A. ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ CÁC MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY & CHẤM QUẢN CÔNG TY NĂM 2014-2019.

Trong quãng thời gian từ năm 2014-2019, tình hình kinh tế - chính trị trên thế giới và trong nước có nhiều diễn biến theo hướng khác nhau và tích cực hơn cho ngành công nghiệp Dệt - May Việt Nam, trong đó có Công ty Cổ phần Máy Sông Hồng.

Nhằm bắt kịp thị trường, Ban Lãnh đạo Công ty đã triển khai nhiều biện pháp quản lý mới, thay đổi cơ cấu nguồn hàng và khách hàng nhằm không ngừng gia tăng năng suất, gia tăng doanh thu, gia tăng các nguồn tài chính tích lũy, gia tăng thu nhập cho CBCN và bổ sung một lực lượng CTVU thặng dư cho các Công ty. Đây là nhiệm vụ trọng tâm và toàn diện nhất của Công ty từ trước tới nay mà nhiệm vụ này cùng các nhiệm vụ khác, năm 2018, với các số liệu trình bày như sau:

Doanh thu năm 2018 tăng gấp 4000 tỷ đồng, tăng trên 20% so với năm 2017 và tăng trên 50% so với năm trước nhiệm kỳ, năm 2014. Lợi nhuận trước thuế đạt 450 tỷ đồng, tăng trên 94% so với năm 2017 và tăng gấp 2,5 lần so với năm trước nhiệm kỳ, năm 2014.

Chỉ số và thu nhập của trên 10.000 CBCN không ngừng cải thiện và nâng cao qua từng năm. 2018, thu nhập của Công nhân trực tiếp sản xuất (không bao gồm lương Cán bộ quản lý và Kỹ thuật các cấp) bình quân 8,3 triệu đồng/người/tháng, giảm tỉ lệ nghỉ và thôi việc (không bao gồm các khoản tiền BHXH, BHYT, BHTN, các khoản tiền cơm ca, các loại phụ cấp khác... mà Công ty chi trả cho người lao động). Đây là mức thu nhập khá cao của Công nhân trực tiếp sản xuất trên địa bàn tỉnh Nam Định và trên địa bàn phía Bắc.

Các chi phí của các Công ty, luôn giảm thiểu 40-45% trong suốt các năm của nhiệm kỳ và đây cũng là một kết quả cao so với các Doanh nghiệp khác trong ngành Dệt - May Việt Nam.

Tất cả các Quỹ phòng tài chính, các Quỹ trích lập theo quy định, tích lũy và vận hành... của Công ty khá dồi dào, bổ sung cho sự phát triển không ngừng và bền vững của Công ty trong suốt thời gian qua.

ATAN Nhà máy tuyển lọc bột mỳ.

Công ty luôn có xếp hạng cao trong ngành Dệt - May Việt Nam (thứ 2 so với các DN trong nước và thứ 7 nếu tính cả các DN nước ngoài).

Tháng 11/2018, Máy Sông Hồng đã triển khai thực hiện kế hoạch 30 năm thành lập Nhà máy, là nhiệm vụ cùng các nhiệm vụ khác (2014-2019) và thành hiện thực công việc kỷ niệm 50 năm thành lập Công ty.

ty trên sàn giao dịch Chứng khoán HOSE Sài Gòn, ảnh hưởng tích cực đến phát triển r r t vinh quang của Công ty, là niềm tự hào to lớn của CBCN Sông Hồng và nhân viên công ty cùng nhau ảnh hưởng giá cao cả bên trong, bên ngoài, các tác khách hàng trong nước và nước ngoài.

B. V HO T NG C A H QT:

Trong suốt các năm qua, Hội đồng Quản trị duy trì các kế hoạch hàng quý và năm nghe Ban Giám đốc báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh. Chủ tịch Hội đồng và nghiêm túc các kế hoạch công tác hàng năm và công bố các thông tin trên hệ thống truyền thông nội bộ và ngoài.

1. V nhân s :

Hội đồng Công ty CP Máy Sông Hồng hiện có 04 thành viên:

1. Ông Bùi Văn Thành, Chủ tịch Hội đồng
2. Ông Bùi Văn Quang, Thành viên Hội đồng, TG
3. Ông Nguyễn Mạnh Tiến, Thành viên Hội đồng, Phó TG
4. Bà Lê Hồng Yến, Thành viên Hội đồng, Giám Tài chính

2. Công tác giám sát hoạt động của Ban Giám đốc và các tổ chức khác trong Công ty:

Hội đồng ghi nhận Tổng Giám đốc và Ban Giám đốc đã có nhiều sáng tạo, cố gắng trong công tác điều hành và triển khai kế hoạch các quy định của HĐQT và Hội đồng.

Hội đồng đánh giá cao nỗ lực của Ban Giám đốc, các bộ phận và nhân viên Công ty luôn vì sự phát triển bền vững của Công ty trong quá trình thực hiện kế hoạch năm 2018, đã thực hiện quản lý, sản xuất và phát huy tất cả nguồn lực con người, tài sản và lao động của công ty, nỗ lực vượt qua khó khăn, thách thức để vượt qua khủng hoảng.

Ban Giám đốc đã hoàn thành tốt nhiệm vụ của mình, tạo điều kiện thuận lợi cho sự phát triển sản xuất kinh doanh. Hội đồng tin tưởng và ủng hộ Ban Giám đốc, Ban Giám đốc, các bộ phận và nhân viên trong Công ty, Công ty vượt qua các thách thức mà Hội đồng tin tưởng giao phó, tổ chức chính phủ ngày càng phát triển.

3. Thù lao và các khoản lợi ích khác của các Thành viên Hội đồng, BKS và Ban Giám đốc:

Hội đồng tin tưởng trong phạm vi trích lập 5% lợi nhuận sau thuế mà các kế hoạch kinh doanh Công tác hàng năm đã bị quy định và đã thực hiện các khoản kiểm toán kiểm tra, xác nhận.

C. CÁC CHỈ TIÊU KINH T - TÀI CHÍNH NĂM 2019 & NHIỆM KÌ 2019- 2023.

1. Doanh thu năm 2019: 4300 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế 465-475 tỷ đồng. Chi phí CP 35-45%. Thu nhập của CNTT SX: 8,5 triệu đồng/người/tháng. Các nhiệm vụ theo kế hoạch thực hiện các chỉ tiêu 15-20% (trên cơ sở chi phí).
2. Kế hoạch xây dựng cơ sở sản xuất mới thu nhập xã Nghĩa Phong-Nghĩa Hưng. Dự án sẽ thu hút trên 2000 lao động và đầu tư sản xuất chính thức từ Quý II/năm 2020, đạt tổng nhân lực toàn Công ty lên gần 13.000 người, tổng doanh thu năm 2021 trên 5000 tỷ đồng.
3. Hoàn thành tất cả di chuyển các cơ sở máy trong nhà thành Nam Định, bao gồm các xưởng máy 1, 2, 3, 4, 5, 6 và xưởng bông ra khu vực công nghiệp xã Mỹ Tân- Mỹ Lộc và hoàn

thành thành công chuyên nghiệp tích sản dư thừa Công ty sau khi di chuyển xong các cơ sở sản xuất hiện tại.

4. Triển khai thành công các công cụ quản trị nhân sự mới khai thác hiệu quả tiềm năng nhân lực của Công ty, triển khai kế hoạch, chi phí trong từng năm kế hoạch quá trình sản xuất, phục vụ sản xuất và các hoạt động khác trong Công ty...

H. QT nhiệm kỳ 3 (2019-2023) sẽ chủ yếu và tập trung vào những nội dung Ban TG đề xuất hành động các mục tiêu sau:

1. Xây dựng Công ty công nghệ may Sông Hồng vững mạnh hơn, hiệu quả hơn trên cơ sở sản xuất hợp lý các nguồn lực; nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, liên kết cao hơn với tài chính, công nghệ và thị trường.
2. Xây dựng đội ngũ lãnh đạo có bản lĩnh và chuyên nghiệp, năng lực xây dựng đội ngũ nhân lý, kinh doanh và chuyên gia giỏi, duy trì và phát huy văn hóa Sông Hồng hội tụ trí tuệ và tinh thần của tập thể CBCNV cùng phát triển công ty.
3. Tiếp tục duy trì tăng trưởng, ổn định trong sản xuất kinh doanh, mức lợi nhuận năm 2019 đạt 35% - 45%.
4. Trở thành một nhà cung cấp sản phẩm dệt may thời trang hiện đại và có uy tín trong chuỗi cung ứng hàng dệt may toàn cầu, tiếp tục đứng trong TOP 10 các doanh nghiệp dệt may có kim ngạch xuất khẩu lớn nhất Việt Nam.

Trên cơ sở các mục tiêu nêu trên, sẽ triển khai theo những hướng sau:

1. Chăm sóc, tích cực tìm kiếm các khách hàng tiềm năng và gia tăng các mùa vụ và tính chuyên môn hóa các sản phẩm khu vực.
2. Tiếp tục đầu tư thị trường hiện tại, áp dụng các phương pháp tiên tiến để mở rộng sản xuất, chi tiêu sản phẩm; nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp.
3. Tiếp tục tuyển dụng, đào tạo nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh của công ty.
4. Duy trì và phát huy hiệu quả việc kiểm soát mua bán vật tư, tiết kiệm chi phí đầu vào.
5. Khẩn trương sản xuất công ty và các khu vực tiếp tục đầu tư nâng cao năng lực đáp ứng ngày càng tăng nhu cầu sản xuất. Tăng trưởng bền vững các kênh tiêu thụ hàng FOB phù hợp với năng lực sản xuất.

Thực hiện các công việc:

Trong những ngày qua, chúng ta sẽ thông qua Báo cáo Kế toán năm tài chính 2018, thông qua Báo cáo của Ban Giám đốc, BKS, thông qua Báo cáo của HĐQT, thông qua Hội đồng quản trị và Ủy ban kiểm soát của Công ty, thông qua thay đổi kế hoạch chi tiêu quản lý, thông qua phương án phát hành EPSOP, thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chia lợi nhuận năm 2018 và kế hoạch 2019, chi trả thù lao cho HĐQT và BKS, thông qua việc lựa chọn văn phòng Kế toán BCTC năm tài khóa 2019 và thông qua phương án đi dặt các công may trong những thành ra khu công nghiệp Miền Tân.

Trong những ngày qua, sẽ thực hiện QT nhiệm kỳ (2019- 2023) theo các quy định của Luật Doanh nghiệp và Luật Chứng khoán.

Vì khi làm công việc như thế này, những công việc sẽ làm tốt trách nhiệm của mình thì sẽ trở thành công việc tốt, tập trung làm tốt nhiệm vụ cho Ban TG phát huy cao trí tuệ

và s c m nh t ng l c toàn Nhà máy, a Công ty phát tri n v t b c h n n a trong n m 2019 và nh ng n m ti p theo.

N i nh n:

- C ông Công ty CP May SH;
- H QT, BKS, BG , Th ký Công ty;
- L u VT; H QT.

CH T CH H I NG QU N TR

(ã ký)

BÙI C TH NH

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT TÀI CHÍNH CÔNG TY NĂM 2019

Kính thưa Quý vị Ông!

- Căn cứ luật doanh nghiệp số 68/2014/QH của Quốc hội của cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Máy Sóng Hồng;
- Theo chức năng quy định làm việc của ban kiểm soát;
- Các Quy định về chế độ tài chính kế toán và hệ thống chu trình kế toán Việt Nam;
- Báo cáo tài chính năm 2018 của công ty Cổ phần Máy Sóng Hồng đã kiểm toán bởi công ty TNHH kiểm toán Vaco;

Thay mặt Ban Kiểm soát tôi xin báo cáo tình hình, kết quả hoạt động của Ban Kiểm soát trong năm 2018 về các nội dung sau:

1. Các hoạt động của Ban Kiểm soát

Trong năm 2018, Ban Kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ thay mặt công ty kiểm tra, giám sát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty trên cơ sở các quy định của pháp luật, Điều lệ của Công ty và các yêu cầu của chủ sở hữu. Nội dung công việc bao gồm:

- Lập kế hoạch kiểm tra, giám sát hàng tháng/quý, phân công trách nhiệm cho các thành viên Ban kiểm soát thực hiện theo chức năng, nhiệm vụ đã quy định;
- Kiểm tra, giám sát tình hình thực hiện kế hoạch SXKD; giám sát việc thực hiện nghị quyết Hội đồng quản trị năm 2018; giám sát việc tuân thủ Điều lệ, các quy định quản lý nội bộ của Công ty;
- Tham gia các cuộc họp Hội đồng quản trị và kế hoạch hoạt động của công ty;
- Thẩm định báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh, báo cáo tài chính, phân tích đánh giá tình hình tài chính, hiệu quả hoạt động, khả năng bảo toàn và phát triển vốn của doanh nghiệp do Ban điều hành và phòng kế toán lập.

Công tác kiểm tra, giám sát của Ban kiểm soát Công ty thực hiện theo quy định, liên tục nhằm đảm bảo tính trung thực, hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2. Kết quả giám sát tình hình thực hiện kế hoạch SXKD năm 2018

Năm 2018 kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2018 của Máy Sóng Hồng so với kế hoạch như sau:

STT	Chỉ Tiêu	Khoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018	% so sánh
1	Tổng doanh thu	3.500 t	3.950 t	12,86%
2	Lợi nhuận trước thuế	277 t	449,9 t	62,42%
3	Lợi nhuận sau thuế	230 t	369,8 t	60,78%
4	Trợ cấp ngân sách	40%	40%	0%

Vấn đề về kinh doanh:

Trong năm 2018, Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ ngân sách nhà nước: 23.814.000 đồng.

V Công tác tài chính kế toán:

- Công ty thực hiện áp dụng các chế độ kế toán ngân sách nhà nước hiện hành để ghi chép, thu thập và xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong doanh nghiệp, thu thập và xử lý các nghiệp vụ kinh tế phát sinh cá nhân không xảy ra tình trạng trốn thuế.
- Chấp hành áp dụng các quy định, quy chế của Nhà nước trong công tác hạch toán kế toán.
- Hoàn thành báo cáo tài chính năm và thực hiện công bố thông tin đúng thời gian quy định về Công ty Niêm Yết.

3. Kết quả thẩm định báo cáo tài chính năm 2018

Hàng tháng, hàng quý, BKS đã tiến hành kiểm tra, thẩm định các số liệu kế toán, xem xét kiểm soát khâu lập chế độ báo cáo kế toán. Qua công tác kiểm tra, BKS có ý kiến đánh giá như sau:

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12. Căn cứ Báo cáo tài chính năm 2018 đã kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Vaco Ban Kiểm soát đánh giá báo cáo đã phản ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài chính và kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018; phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán Việt Nam và các Quy chế, Quy định khác về quản lý của Công ty và Nhà nước.

Năm 2018 sau khi trích nộp các khoản thuế cho ngân sách nhà nước, Công ty đã trích lập các quỹ, tính đến ngày 31/12/2018 các nguồn quỹ hiện có:

- Quỹ đầu tư phát triển: 183.792.535.504 đồng
- Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu: 1.972.416.636 đồng
- Quỹ khen thưởng phúc lợi: 20.299.480.170 đồng
- Lợi nhuận chưa phân phối: 271.443.925.400 đồng

Năm 2018 công tác tài chính kế toán của toàn Công ty sử dụng trên phần mềm Bravo, tiếp tục áp dụng chế độ Kế toán Việt Nam ban hành theo thông tư 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

4. Kết quả giám sát việc chấp hành quy trình, quy định trong sản xuất

- Việc tuân thủ các quy trình, quy định của pháp luật, của khách hàng và của công ty, qua hình thức kiểm tra giá, của các khách hàng và văn phòng trách nhiệm xã hội, hình thức kiểm soát chất lượng, hình thức an ninh nhà máy của các khu vực xuất khẩu.
- Công tác phòng chống cháy nổ: Công tác phòng chống cháy nổ của các phòng ban chức năng phối hợp với cơ quan công an và phòng cháy chữa cháy để tổ chức phụ trách hàng năm.
- Công tác ATVSLD: Công ty mời các chuyên gia để tổ chức huấn luyện cho cán bộ quản lý, phụ trách an toàn, nhân công làm việc có yêu cầu ATVSLD nhằm nâng cao hiểu biết về luật ATVSLD.
- Công tác ATVSTP: Công ty đã phối hợp với chi cục ATVSTP tổ chức lớp tập huấn ATTP cho cán bộ nhân viên phòng hành chính và các nhà cung cấp LTPP nhằm nâng cao hiểu biết về thực phẩm an toàn nhập khẩu, nguồn gốc, quy chế nuôi trồng, quy cách ghi nhãn, sơ chế chế biến và các thủ tục quy định của pháp luật về công tác ATVSTP của cán bộ công nhân viên hiểu và sử dụng phù hợp và an toàn trong bán hàng CBCNV.
- Về công tác môi trường: công ty đã ký hợp đồng bảo trì, bảo dưỡng sạch sẽ hình thức xử lý nước thải của các khu vực nhằm đảm bảo an toàn cho hình thức, duy trì các chỉ số môi trường đạt quy chuẩn.
- Về văn phòng sản xuất: Công ty đang triển khai áp dụng hình thức quản trị ERP, hình thức quản lý kế hoạch sản xuất áp dụng công nghệ trong quản lý và sản xuất nhằm nâng cao hiểu biết về công nghệ sản xuất của công ty.

5. Kết quả giám sát đầu tư xây dựng cơ bản

Trong năm 2018, Công ty thực hiện đầu tư, xây dựng cơ bản các hạng mục sau:

- Thay toàn bộ mái tôn cho 10 xưởng của khu vực Nam Ninh và Xuân Trường.
- Cải thiện hình thức cung cấp điện cho các dây chuyền may, thay đổi hình thức nền cho các xưởng may khu vực Sông Hồng Hải Hậu.
- Đầu tư thi công lắp đặt máy lọc nước và 387 thiết bị khác phục vụ cho chuyên môn hóa trong sản xuất.

Tất cả các công trình đầu tư xây dựng mua sắm thiết bị thực hiện theo đúng quy trình có thị trường, chào hàng, báo giá cạnh tranh là chính và cung cấp tốt nhất.

6. Báo giá thẩm định Kết quả giám sát nội vụ thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và các cán bộ quản lý

Trong năm 2018 Ban Kiểm soát không phát hiện trường hợp bất thường nào trong hoạt động của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban Kiểm soát và các cán bộ quản lý khác của Công ty May Sông Hồng.

Ban Kiểm soát cho rằng các cán bộ quản lý Công ty May Sông Hồng đã thể hiện trách nhiệm cao trong vị trí của mình, đã cống hiến trong sản xuất kinh doanh vì lợi ích tốt đẹp của kinh doanh năm 2018 hoàn thành vượt kế hoạch đề ra.

7. Báo cáo đánh giá sơ bộ hiệu quả hoạt động của Ban Kiểm soát và Hội đồng

Ban kiểm soát đã phê duyệt chấp thuận vụ việc Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc trên tinh thần xây dựng hợp tác, thể hiện các cuộc họp HĐQT đều mở rộng, có Ban kiểm soát tham dự. Các Nghị quyết của HĐQT đều chuyển sang Ban kiểm soát Ban kiểm soát theo dõi việc thực hiện các Nghị quyết của HĐQT và điều hành của Ban Giám đốc.

Thống kê xuyên phê duyệt cùng với HĐQT, Ban Giám đốc khi triển khai thực hiện Nghị quyết của HĐQT trên các phòng ban, phân xưởng trong Công ty, các công trình trong công nghệ ngoài Công ty như hoạt động SXKD, chia sẻ tài sản, chuyển nhượng cổ phần... thể hiện Nghị quyết của HĐQT đã được thực hiện. Ban kiểm soát đã cùng Hội đồng quản trị, Ban giám đốc tổ chức kiểm tra kiểm tra hoàn thành nhiệm vụ.

Trên đây là toàn bộ báo cáo hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2018 trình Hội đồng công bố thông tin.

Kính chúc Hội đồng thành công tốt đẹp.

Xin chân thành cảm ơn Quý vị công đồng.

Thay mặt Ban Kiểm soát

Trưởng Ban

(*đã ký*)

BÁO CÁO CẢM THẤNG VỀ KẾT QUẢ SXKD NĂM 2018, KINH HOẠCH NĂM 2019

I. Những thuận lợi và khó khăn ảnh hưởng tới hoạt động kinh doanh trong năm 2018

1. Thuận lợi

- Xu thế dịch chuyển của hàng tiêu dùng Trung Quốc sang Việt Nam ngày càng mạnh mẽ.
- Các thị trường cạnh tranh chính với Việt Nam và các hàng nhập khẩu như Bangladesh, Campuchia, Myanmar đều gặp những khó khăn không thuận lợi về chính trị, công nhân đấu tranh đòi tăng mức lương tối thiểu, và tác động của thị trường nhanh không kém Việt Nam.
- Kinh tế Việt Nam phát triển nhanh, cơ sở hạ tầng và môi trường đầu tư cạnh tranh tốt hơn.

2. Khó khăn

- Cạnh tranh về lao động trở nên gay gắt do nhu cầu doanh nghiệp ngoài thị trường hút hàng đầu tư tại Việt Nam.
- Chi phí tranh chấp thương mại ở Trung Quốc và sự bất ổn trong kinh tế châu Âu kéo chậm lại nhịp độ phát triển của kinh tế thế giới.
- Luật lao động chặt chẽ và sự biến động gây ra nhu cầu biến đổi doanh nghiệp. Chính sách tăng lương tối thiểu hàng năm chưa sát thực tế tình hình cạnh tranh về nhân sự của các gia.

II. Kết quả sản xuất kinh doanh thực tế trong năm 2018

Về tình hình sản xuất kinh doanh gặp rất nhiều khó khăn, Ban Tổng Giám đốc đã phát huy tinh thần đoàn kết, tập trung sức lực vào tích cực triển khai các quy định của Hội đồng quản trị, thể hiện kiên trì toàn bộ máy tổ chức và tìm kiếm những tháo gỡ những khó khăn trong năm 2018.

K t qu ho t ng s n xu t kinh doanh n m 2018

n v : Nghìn ng

STT	Ch tiêu	N m 2017	N m 2018	% t ng gi m n m 2018/2017
1	T ng tài s n	2.380.599.642.269	2.520.922.570.460	5.89%
2	V n ch s h u	755.174.728.756	932.834.819.540	23.53%
3	Doanh thu thu n	3.281.886.259.862	3.950.826.716.000	20.38%
4	L i nhu n thu n t ho t ng kinh doanh	233.568.786.655	450.346.939.277	92.81%
5	L i nhu n khác	-2.269.178.723	-445.427.560	80.37%
6	L i nhu n tr c thu	231.299.607.932	449.901.511.717	94.51%
7	L i nhu n sau thu	200.386.460.183	369.826.068.561	84.55%
8	Giá tr s sách/cp	31.711	19.585	-38.2%
9	T l l i nhu n tr c t c	4.500 /cp	4.000 /cp	-11.1%

(Ngu n: Báo cáo tài chính ki m toán n m 2018)

Ngoài ra công ty còn xây d ng các ch tiêu doanh thu theo nhóm s n ph m nh sau:

1. Doanh thu FOB hàng may m c: 151.5 tri u USD
2. Doanh thu hàng gia công may m c: 26.5 tri u USD
3. Doanh thu m ng Ch n ga g i m: 22 tri u USD

III. M c tiêu, gi i pháp th c hi n k ho ch kinh doanh n m 2019

1. D ki n k ho ch kinh doanh n m 2019

T nh ng khó kh n và thu n l i, nh h ng và ch o c a H i ng qu n tr , Ban TG xây d ng k ho ch kinh doanh n m 2019 theo m t s ch tiêu kinh doanh ch y u sau:

K ho ch s n xu t kinh doanh n m 2019

n v : Nghìn ng

STT	Ch tiêu	K ho ch 2019	% t ng gi m so v i n m 2018
1	Doanh thu thu n	4.300 t ng	8.8%
2	L i nhu n tr c thu	475 t ng	5.6%
3	T l c t c (đ ki n)	35-45%	
4	L ng lao ng bình quân (ng i)	7.000.000 ng	

2. Gi i pháp th c hi n c các m c tiêu k ho ch kinh doanh n m 2019

- T p trung công tác qu n tr nhân s v m t thu hút nhân tài, ào t o ki n th c chuyên môn cho i ng nhân viên ch ch t.
- Xây d ng k ho ch kinh doanh khoa h c và ch c ch n, giám sát vi c nh n hàng hóa úng và v i n ng l c s n xu t.
- Hoàn thi n v c b n các h th ng ph n m m qu n tr doanh nghi p.
- Tì n hành tái u t nâng c p nhà x ng, thi t b t ng n ng su t lao ng.

Trên ây là báo cáo ho t ng s n xu t kinh doanh trong n m 2018 và k ho ch d ki n n m 2019, kính trình i h i ng c ông thông qua.

Trân tr ng c m n!

N i nh n:

- C ông Công ty CP May SH;
- H QT, BKS, BG , Th ký Công ty;
- L u VT; H QT.

T NG GIÁM C

(ã ký)

BÙI VI T QUANG

Nam Định, ngày 04 tháng 03 năm 2019

T TRÌNH

V/v: Thông qua các báo cáo HĐQT, BKS và Ban Tổng Giám

Kính gửi: Ban Giám đốc Công ty Cổ phần May Sông Hồng

- Công văn Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Công văn về điều chỉnh và hoạt động của Công ty Cổ phần May Sông Hồng đã ban hành kèm theo Quyết định năm 2018 thông qua ngày 12/05/2018.

Ban Giám đốc kính trình Ban Giám đốc Công ty xem xét thông qua nội dung sau:

- Báo cáo của Ban Giám đốc;
- Báo cáo của Ban Kiểm soát;
- Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc về tình hình hoạt động năm 2018 và Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2019 của Công ty.

Kính trình Ban Giám đốc Công ty xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

TM. BAN GIÁM ĐỐC

CHỨC VỤ

(Đã ký)

Nội dung:

- Công ty Cổ phần May SH.
- HĐQT, BKS, BGĐ, Thủ ký Công ty;
- Lưu VT; HĐQT.

BÙI VĂN NH

Nam Định, ngày 04 tháng 03 năm 2019

T TRÌNH

V/v: Thông qua Báo cáo tài chính kế toán năm 2018

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ vào nội quy tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Máy Sông Hồng đã được Hội đồng thành viên năm 2018 thông qua ngày 12/05/2018.

Hội đồng quản trị kính trình Hội đồng công ty xem xét thông qua nội dung sau:

Báo cáo tài chính kế toán năm 2018 của Công ty Cổ phần Máy Sông Hồng có kế toán số lập bởi CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VACO, ký ngày 28/02/2019.

Kính trình Hội đồng công ty xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

**TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỨC VỤ**

Nội dung:

- Công ty Cổ phần Máy Sông Hồng.
- HĐQT, BKS, BGĐ, Thủ ký Công ty;
- Lưu VT; HĐQT.

(Đã ký)

BÙI C TH NH

Số: 27/TTr- HC

Nam Định, ngày 04 tháng 03 năm 2019

T TRÌNH

V/v phân phối lợi nhuận năm 2018 và dự kiến mức cổ tức năm 2019

Kính gửi: Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Máy Sông Hồng

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ hoạt động của Công ty Cổ phần Máy Sông Hồng đã được Ban Giám đốc thông qua trong kỳ họp Hội đồng thành viên năm 2018 thông qua ngày 12/05/2018;
- Căn cứ báo cáo tài chính năm 2018 của Công ty Cổ phần Máy Sông Hồng đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán VACO;
- Căn cứ vào tình hình sản xuất kinh doanh của Công ty;

Ban Giám đốc Công ty kính trình Ban Giám đốc Công ty thông qua các nội dung sau:

I. PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN NĂM 2018

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Máy Sông Hồng kính trình Ban Giám đốc Công ty thông qua phương án phân phối lợi nhuận và chia cổ tức năm 2018:

- Cổ tức bằng TM năm 2018 – 40%: 190.512.000.000 đồng chiếm 51.51%/LNST
- Trích Quỹ khen thưởng phúc lợi: 18.491.303.428 đồng chiếm 5% /LNST
- Thù lao cho HĐQT, BKS: 5.940.000.000 đồng chiếm 1.61%/LNST
- Lợi nhuận sau thuế chia phần phi: 160.822.765.133 đồng

II. DỰ KIẾN MỨC CỔ TỨC NĂM 2019

Cổ tức dự kiến năm 2019 là 35% -45%.

Kính trình quý vị Ban Giám đốc xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn!

TM. BAN GIÁM ĐỐC
CH T CH

N i nh n:

- Công ty Cổ phần Máy Sông Hồng;
- HĐQT, BKS, BGĐ, Thủ ký Công ty;
- Lưu VT; HĐQT.

(*đã ký*)

T TRÌNH

V/v thông qua thù lao HĐQT, BKS

Kính gửi: Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Máy Sông Hồng

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Máy Sông Hồng đã được Ban Giám đốc thông qua trong kỳ họp thường niên 2018 thông qua ngày 12/05/2018.

Ban Giám đốc kính trình Ban Giám đốc Công ty xem xét thông qua nội dung sau:

Liên quan đến hoạt động của HĐQT và BKS trong việc triển khai nhiệm vụ giao, căn cứ vào Kế hoạch SXKD của Công ty Cổ phần Máy Sông Hồng năm 2019 và các quy định của Nhà nước, Công ty xin báo cáo tổng mức thù lao của HĐQT và BKS trong năm 2018:

* Tổng mức thù lao:

Tổng mức thù lao	Báo cáo thù lao năm 2018
Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát	5.940.000.000 đồng

Các quy định khác của thành viên Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát thực hiện theo quy định của pháp luật và quy định của Công ty.

* Ngân sách hoạt động:

Thành viên Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát thanh toán các chi phí hợp lý phát sinh từ hoạt động của Ban Giám đốc, Ban Kiểm soát theo quy định của Nhà nước và của Công ty.

Kính trình Ban Giám đốc Công ty xem xét và thông qua!

TM. BAN GIÁM ĐỐC
CHỨC THỰC
(Đã ký)

Nhân:

- Công ty Cổ phần Máy Sông Hồng;
- HĐQT, BKS, BGĐ, Thủ ký Công ty;
- Lưu VT; HĐQT.

BÙI VĂN NH

Tài liệu Ban Giám đốc thông qua trong kỳ họp thường niên năm 2019 - Công ty Cổ phần Máy Sông Hồng

TỜ TRÌNH

V/v: **Lựa chọn công ty kiểm toán chức vụ kiểm toán BCTC
cho năm tài chính 2019**

Kính gửi: Ủy ban Giám đốc Công ty Cổ phần Máy Sông Hồng

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ vào Điều lệ và Hợp đồng của Công ty Cổ phần Máy Sông Hồng đã được Ủy ban Giám đốc thông qua ngày 12/05/2018.
- Căn cứ yêu cầu của Công ty kiểm toán.

Ủy ban Giám đốc kính trình Ủy ban Giám đốc Công ty xem xét thông qua nội dung sau:

Để bố trí công việc của các nhân viên kiểm toán phù hợp, đáp ứng yêu cầu của Công ty về thời gian thực hiện và chất lượng dịch vụ, Ủy ban Giám đốc kính trình Ủy ban Giám đốc yêu cầu Hội đồng quản trị của Công ty kiểm toán có tên trong danh sách các Công ty kiểm toán chức vụ kiểm toán theo quy định hiện hành tiến hành kiểm toán báo cáo tài chính năm 2019 và soát xét các báo cáo tài chính quý, bán niên (nếu cần thiết theo yêu cầu của các quan quản lý Nhà nước).

Kính trình Ủy ban Giám đốc Công ty xem xét thông qua!

TM. ỦY BAN GIÁM ĐỐC

CHỨC VỤ

(Đã ký)

Nội dung:

- Công ty Cổ phần Máy Sông Hồng;
- HĐQT, BKS, BGĐ, Thư ký Công ty;
- Lưu VT; HĐQT.

BÙI VĂN NH

Nam nh, ngày 04 tháng 03 n m 2019

T TRÌNH

V/v Thay i mô hình qu n tr công ty

Kính g i: i h i ng c ông Công ty c ph n May Sông H ng

- C n c Lu t Doanh nghi p s 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Thông t 95/2017 là Thông t s 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 c a B Tài chính h ng d n m t s i u c a Ngh nh 71/2017 quy nh v qu n tr công ty áp d ng cho các công ty i chúng.
- Ngh nh 71/2017 là Ngh nh s 71/2017/N -CP h ng d n v qu n tr công ty áp d ng i v i công ty i chúng.
- C n c i ul ho t ng c a Công ty C ph n May Sông H ng.

H i ng qu n tr kính trình i h i ng c ông công ty xem xét thông qua vì c thay i mô hình qu n tr , ki m soát c a Công ty nh sau:

1. Mô hình qu n tr ki m soát hi n t i c a Công ty:

- i h i ng c ông;
- H i ng qu n tr ;
- Ban ki m soát;
- T ng giám c i u hành

2. Mô hình qu n tr , ki m soát xu t thay i:

- i h i ng c ông;
- H i ng qu n tr (Có Ban ki m toán n i b tr c thu c H i ng qu n tr);
- T ng giám c i u hành.

Kính trình quý v c ông xem xét, thông qua và y quy n cho H i ng qu n tr th c hi n rà soát, ban hành các Quy ch n i b Công ty có th áp d ng mô hình qu n tr , ki m soát m i và các th t c ng ký, thay i v i các c quan nhà n c có th m quy n.

Xin trân tr ng c m n.

N i nh n:

- C ông Công ty CP May SH;
- H QT, BKS, BG , Th ký Công ty;
- L u VT; H QT

TM. H I NG QU N TR

CH T CH

(ã ký)

BÙI C TH NH

T TRÌNH

V/v: **Sai sót chi phí và hoạt động Công ty theo các Quy định**

Kính gửi: **Chỉ huy trưởng Công ty Cổ phần Máy Sông Hồng**

- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;*
- *Căn cứ Luật Kế toán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006;*
- *Căn cứ Luật Thuế, lệ phí và các khoản chi phí khác số 62/2010/QH12 ngày 24/11/2010;*
- *Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần Máy Sông Hồng đã được Chỉ huy trưởng Công ty thông qua ngày 12/05/2018.*

Chỉ huy trưởng kính trình Chỉ huy trưởng Công ty về sai sót và bổ sung chi phí Công ty như sau:

Do thay đổi mô hình Công ty, Chỉ huy trưởng nhận thấy một số chi phí Công ty cần xem xét sai sót, bổ sung cho phù hợp với quy định pháp luật và các yêu cầu quản trị và tiến hành theo mô hình quản trị không có Ban kiểm soát.

Nội dung chi tiết các chi phí sai sót, bổ sung chi phí Công ty trình bày tại Phụ lục kèm Trình này. Các quy định của Điều lệ Công ty về sai sót, bổ sung chi phí có hiệu lực áp dụng kể từ ngày Chỉ huy trưởng Công ty thông qua.

Kính trình quý vị Công ty xem xét thông qua.

Xin trân trọng cảm ơn

TM. CHỈ HUY TRƯỞNG
CHỨC VỤ
(*Đã ký*)

Nội dung:

- Công ty Cổ phần Máy SH;
- HQT, BKS, BGĐ, Thủ quỹ Công ty;
- Lưu VT; HQT.

BÙI C TH NH

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÔNG HỒNG

*xuất các nội dung sai, bổ sung nội dung Công ty theo mô hình Quản trị mà không có Ban kiểm soát
(Ch màu là phần chỉnh sửa bổ sung)*

STT	Nội dung nội dung hiện hành	Nội dung chỉnh sửa	Ghi chú/ Căn cứ Pháp lý
1	<p>Phần mở đầu:</p> <p>Nội dung này được thông qua bởi Hội đồng của Công ty để thực hiện chính thức vào ngày 12 tháng 05 năm 2018, thay thế cho nội dung hiện hành được thông qua ngày 23/5/2015</p>	<p>Phần mở đầu:</p> <p>Nội dung này được thông qua bởi Hội đồng của Công ty để thực hiện chính thức vào ngày 16 tháng 03 năm 2019, thay thế cho nội dung hiện hành được thông qua ngày 12/05/2018</p>	<p><i>Thay thế theo ngày thông qua</i></p>
2		<p>i m i, Khoản 1, nội dung:</p> <p>i. “Ban Kiểm Toán” có nghĩa là Ban kiểm toán nội bộ thực hiện Quy định nội quy nội bộ, Khoản 1, nội dung 134 của Luật Doanh Nghiệp</p>	<p><i>Sử dụng cụm từ “Ban Kiểm Toán” (Audit Committee) phù hợp với thực hành chung. Bên cạnh đó, văn bản quy định của Ban Kiểm Toán là Ban kiểm toán nội bộ mà phù hợp với quy định pháp luật hiện hành.</i></p>
3		<p>i m j, Khoản 1, nội dung:</p> <p>j. “Quy Chế Quản Trị Công Ty” là văn bản nội quy các nguyên tắc, quy định nội dung hành, quản lý Công ty được ban hành theo thẩm quyền, trình tự theo của Công Ty và phù hợp với quy định của Pháp Luật hiện hành</p>	

4	<p>Kho n 1, i u 5</p> <p>1. V n i u l c a Công ty là 238.140.000.000 VND</p> <p>(B ng ch : Hai tr m ba m i tám t m t tr m b n m i tri u ng ch n)</p> <p>T ng s v n i u l c a Công ty c chia thành 23.814.000 c ph n v i m nh giá là 10.000 ng/c ph n.</p>	<p>Kho n 1, i u 5</p> <p>1. V n i u l c a Công ty là 476.280.000.000 VND</p> <p>(B ng ch : B n tr m b y m i sáu t hai tr m tám m i tri u ng ch n)</p> <p>T ng s v n i u l c a Công ty c chia thành 47.628.000 c ph n v i m nh giá là 10.000 ng/c ph n.</p>	<p><i>Thay i theo s v n m i</i></p>
5	<p>i u 11. C c u t ch c qu n lý, qu n tr và ki m soát</p> <p>C c u t ch c qu n lý, qu n tr và ki m soát c a Công ty bao g m:</p> <p>a. i h i ng c ông;</p> <p>b. H i ng qu n tr ;</p> <p>c. Ban ki m soát;</p> <p>d. T ng giám c i u hành;</p>	<p>i u 11. Mô hình qu n tr</p> <p>Mô hình qu n tr c a Công ty bao g m:</p> <p>e. i h i ng c ông;</p> <p>f. H i ng qu n tr ;</p> <p>g. T ng giám c;</p>	<p><i>Thay i mô hình qu n tr không có Ban Ki m soát theo mô hình m i t i i u 134 Lu t Doanh nghi p.</i></p>
6	<p>Kho n 3 i u 12. Quy n c a c ông</p> <p>1. C ông ho c nhóm c ông n m gi trên 5% t ng s c ph n ph thông trong th i h n liên t c t sáu tháng tr lên có các</p>	<p>Kho n 3 i u 12. Quy n c a c ông</p> <p>3. C ông ho c nhóm c ông n m gi trên 5% t ng s c ph n ph thông trong th i h n liên t c t sáu tháng tr lên có các quy n sau:</p>	<p><i>B d n chi u n Ban Ki m Soát.</i></p>

<p>quy n sau:</p> <p>a. c các ng viên H i ng qu n tr ho c Ban ki m soát theo quy nh t ng ng t i các Error! Reference source not found.6.Error! Reference source not found. và Error! Reference source not found.7.Error! Reference source not found.;</p> <p>b. Yêu c u H i ng qu n tr th c hi n vi c tri u t p i h i ng c ông theo các quy nh t i i u 114 và i u 136 Lu t Doanh nghi p;</p> <p>c. Xem xét và trích l c s biên b n và các ngh quy t c a H i ng qu n tr , báo cáo tài chính gi a n m và h ng n m theo m u c a h th ng k toán Vi t Nam và các báo cáo c a Ban ki m soát.</p> <p>d. Yêu c u Ban ki m soát ki m tra t ng v n c th liên quan n qu n lý, i u hành ho t ng c a công ty khi xét th y c n thi t. Yêu c u ph i th hi n b ng v n b n; ph i có h , tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s Gi y ch ng minh nhân dân, H chi u ho c ch ng th c cá nhân h p pháp</p>	<p>f. c các ng viên H i ng qu n tr theo quy nh t ng ng t i các Error! Reference source not found..3;</p> <p>g. Yêu c u H i ng qu n tr th c hi n vi c tri u t p i h i ng c ông theo các quy nh t i i u 114 và i u 136 Lu t Doanh nghi p;</p> <p>h. Xem xét và trích l c s biên b n và các ngh quy t c a H i ng qu n tr , báo cáo tài chính gi a n m và h ng n m theo m u c a h th ng k toán Vi t Nam.</p> <p>i. Yêu c u H i ng qu n tr ki m tra t ng v n c th liên quan n qu n lý, i u hành ho t ng c a công ty khi xét th y c n thi t. Yêu c u ph i th hi n b ng v n b n; ph i có h , tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s Gi y ch ng minh nhân dân, H chi u ho c ch ng th c cá nhân h p pháp khác i v i c ông là cá nhân; tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s quy t nh thành l p ho c s ng ký kinh doanh i v i c ông là t ch c; s l ng c ph n và th i i m ng ký c ph n c a t ng c ông, t ng s c ph n c a c nhóm c ông và t l s h u trong t ng s c ph n c a công ty; v n c n ki m tra, m c ích ki m tra;</p>	
---	--	--

	<p>khác i v i c ông là cá nhân; tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s quy t nh thành l p ho c s ng ký kinh doanh i v i c ông là t ch c; s l ng c ph n và th i i m ng ký c ph n c a t ng c ông, t ng s c ph n c a c nhóm c ông và t l s h u trong t ng s c ph n c a công ty; v n c n ki m tra, m c ích ki m tra;</p> <p>e. Các quy n khác c quy nh t i i u l này.</p>	<p>Trong tr ng h p này, vi c ki m tra do Tì u Ban Ki m toán tr c ti p th c hi n và báo cáo.</p> <p>j. Các quy n khác c quy nh t i i u l này.</p>	
7	<p>Kho n 4 i u 14. i h i c ông</p> <p>4. Tri u t p h p i h i ng c ông b t th ng</p> <p>a. H i ng qu n tr ph i tri u t p h p i h i ng c ông trong th i h n ba m i ngày k t ngày s thành viên H i ng qu n tr còn l i nh quy nh t i Kho n Error! Reference source not found.Error! Reference source not found. Error! Reference source not found. ho c nh n c yêu c u quy nh t i Kho n Error! Reference source not found.d và Error! Reference source not found.e Error! Reference source not found.</p>	<p>Kho n 4 i u 14. i h i c ông</p> <p>4. Tri u t p h p i h i ng c ông b t th ng</p> <p>a. H i ng qu n tr ph i tri u t p h p i h i ng c ông trong th i h n ba m i ngày k t ngày s thành viên H i ng qu n tr còn l i nh quy nh t i Kho n Error! Reference source not found.Error! Reference source not found. Error! Reference source not found. Error! Reference source not found. ho c nh n c yêu c u quy nh t i Kho n Error! Reference source not found.d và Error! Reference source not found.e Error! Reference source not found.</p>	<p><i>Do thay i mô hình qu n tr , b Ban Ki m Soát.</i></p>

	<p>b. Tr ợng h ợp H ợng qu ợn tr ợng không tr ợ t p h ợp ợ h ợng c ợng theo quy ợnh t ợ Kho ợn 0a Error! Reference source not found. thì trong th ợ h ợn ba m ợ ngày t ợ p theo, Ban ki ợm soát p h ợ thay th ợ H ợng qu ợn tr ợ tr ợ t p h ợp ợ h ợng c ợng theo quy ợnh Kho ợn 5 ợ i u 136 Lu ợ t Doanh nghi ợp.</p>	<p>b. Tr ợng h ợp H ợng qu ợn tr ợng không tr ợ t p h ợp ợ h ợng c ợng theo quy ợnh t ợ Kho ợn 4a Error! Reference source not found. thì trong th ợ h ợn ba m ợ ngày t ợ p theo, c ợng, nhóm c ợng có y ợu c ợ quy ợnh t ợ Kho ợn Error! Reference source not found.d Error! Reference source not found. có quy ợn thay th ợ H ợng qu ợn tr ợ tr ợ t p h ợp ợ h ợng c ợng theo quy ợnh Kho ợn 6 ợ i u 136 Lu ợ t Doanh nghi ợp.</p>	
8	<p>Kho ợn 1 ợ i u 15 Quy ợn và nhi ợm v ợ c ợ a ợ h ợng c ợng</p> <p>1. ợ h ợng c ợng th ợng niên có quy ợn th ợ o lu ợn và thông qua:</p> <p>a. Báo cáo tài chính hàng n ợm c ợ ki ợm toán;</p> <p>b. Báo cáo c ợa Ban ki ợm soát;</p> <p>c. Báo cáo c ợa H ợng qu ợn tr ợ;</p> <p>d. K ợ ho ợ ch phát tri ợn ng ợn h ợn và dài h ợn c ợa Công ty.</p> <p>Kho ợn 2 ợ i u 15 Quy ợn và nhi ợm v ợ c ợ a</p>	<p>Kho ợn 1 ợ i u 15 Quy ợn và nhi ợm v ợ c ợ a ợ h ợng c ợng</p> <p>1. ợ h ợng c ợng th ợng niên có quy ợn th ợ o lu ợn và thông qua:</p> <p>e. Báo cáo tài chính hàng n ợm c ợ ki ợm toán;</p> <p>f. Báo cáo c ợa H ợng qu ợn tr ợ;</p> <p>g. K ợ ho ợ ch phát tri ợn ng ợn h ợn và dài h ợn c ợa Công ty.</p> <p>Kho ợn 2 ợ i u 15 Quy ợn và nhi ợm v ợ c ợ a ợ h ợng c ợng</p> <p>k. Ki ợm tra và x ợ lý các vi ph ợm c ợa H ợng</p>	<p><i>Do thay ợ i mô hình qu ợn tr ợ, b ợ Ban Ki ợm Soát.</i></p>

	<p>i h i n g c ô n g</p> <p>k. Ki m tra và x lý các vi ph m c a H i n g qu n tr ho c Ban ki m soát gây thi t h i cho Công ty và các c ô n g c a Công ty;</p> <p>n. Vi c t n g giám c i u hành n g th i làm ch t ch H QT</p>	<p>qu n tr gây thi t h i cho Công ty và các c ô n g c a Công ty;</p> <p>n. (b i m n t n g giám c n g th i làm ch t ch H QT)</p>	
9	<p>i m e, k Kho n 2 i u 15 Quy n và nhi m v c a i h i n g c ô n g</p> <p>e. B u, bãi mi n và thay th thành viên H i n g qu n tr và Ban ki m soát và phê chu n vi c H i n g qu n tr b nhi m T n g giám c i u hành;</p> <p>k.Ki m tra và x lý các vi ph m c a H i n g qu n tr ho c Ban ki m soát gây thi t h i cho Công ty và các c ô n g c a Công ty;</p>	<p>i m e, k Kho n 2 i u 15 Quy n và nhi m v c a i h i n g c ô n g</p> <p>e. B u, bãi mi n và thay th thành viên H i n g qu n tr và phê chu n vi c H i n g qu n tr b nhi m T n g giám c;</p> <p>k. Ki m tra và x lý các vi ph m c a H i n g qu n tr gây thi t h i cho Công ty và các c ô n g c a Công ty;</p>	<p><i>Do thay i mô hình qu n tr , b Ban Ki m Soát.</i></p>
		<p>Kho n 3 i u 21 Thông qua quy t nh c a i h i n g c ô n g</p> <p>3. Vi c bi u quy t b u thành viên H i n g qu n tr ph i th c hi n theo ph n g th c b u d n phi u, theo ó m i c ô n g có t n g s phi u bi u quy t t n g n g v i t n g s c ph n s h u nhân v i s thành viên c b u c a H i n g qu n tr và c ô n g có quy n d n h t ho c m t ph n t n g s phi u b u c a mình cho</p>	<p><i>B sung chi ti t theo i u l m u Thông t 95</i></p>

		<p>m t h o c m t s n g c v i ê n . N g i t r ú n g c t h à n h v i ê n H i n g Q u n T r c x á c n h t h e o s p h i u b u t í n h t c a o x u n g t h p , b t u t n g c v i ê n c ó s p h i u b u c a o n h t c h o n k h i s t h à n h v i ê n H i n g Q u n T r (m b o t l t i t h i u t h à n h v i ê n H i n g Q u n T r c l p) q u y n h t i i u l C ô n g T y . n g v i ê n t r ú n g c t h à n h v i ê n H i n g Q u n T r p h i c ó í t n h t m t (0 1) p h i u b u . m b o t s l n g t i t h i u t h à n h v i ê n H i n g Q u n T r c l p t h e o i u 2 6 c a i u l , c á c n g v i ê n c l p s c c h n t r c (t í n h t h e o s p h i u b u t c a o x u n g t h p r i ê n g c h o c á c n g v i ê n c l p) . S a u k h i c h n s l n g t h à n h v i ê n H i n g Q u n T r c l p , v i c c h n c á c t h à n h v i ê n H i n g Q u n T r c ò n l i s c t í n h t h e o s p h i u b u t c a o x u n g t h p (b a o g m c á c n g v i ê n H i n g Q u n T r k h ô n g c l p v à c l p c ò n l i)</p>	
	<p>Kho n 5 i u 22 Th m quy n và th th c l y ý ki n c ông b ng v n b n thông qua quy t nh c a i h i ng c ông</p> <p>5. H i n g qu n tr ki m phi u và l p biên b n ki m phi u đ i s ch ng ki n c a Ban ki m soát ho c c a c ông không n m gi ch c v qu n lý Công ty</p>	<p>Kho n 5 i u 22 Th m quy n và th th c l y ý ki n c ông b ng v n b n thông qua quy t nh c a i h i ng c ông</p> <p>5. H i n g qu n tr ki m phi u và l p biên b n ki m phi u đ i s ch ng ki n c a Ng i ph trách Qu n tr Công ty ho c c a c ông không n m gi ch c v qu n lý Công ty</p>	

10	<p>Điểm 26. Thành phần và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không ít hơn ba (03) người và không nhiều hơn mười một (11) người. Nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể bầu lại nhiệm kỳ không hạn chế.</p> <p>3. Các công ty thành viên có quy định tỷ lệ quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quy định tỷ lệ quyền biểu quyết của từng người khác nhau của các thành viên Hội đồng quản trị. Công ty thành viên có quy định 5% trở lên đến 10% số cổ phần có quy định tỷ lệ quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng của các thành viên; từ 10% trở lên đến 30% của các thành viên; từ 30% trở lên đến 50% của các thành viên; từ 50% trở lên đến 65% của các thành viên và từ 65% trở lên của các thành viên.</p> <p>5. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm thành viên Hội đồng quản trị mới thay thế chức vụ phát sinh và thành viên mới này phải</p>	<p>Điểm 26. Thành phần và nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị</p> <p>1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không ít hơn ba (03) người và không nhiều hơn mười một (11) người. Nhiệm vụ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể bầu lại nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên Hội đồng quản trị của công ty phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên Hội đồng quản trị của công ty phải đáp ứng các điều kiện theo quy định của Pháp luật.</p> <p>Thành viên Hội đồng quản trị không đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của không quá 05 Công ty khác.</p> <p>3. Các công ty thành viên có quy định tỷ lệ quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quy định tỷ lệ quyền biểu quyết của từng người khác nhau của các thành viên Hội đồng quản trị. Công ty thành viên có quy định 5% trở lên đến 10% số cổ phần có quy định tỷ lệ quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng của các thành viên; từ 10% trở lên đến 30% của các thành viên;</p>	<p>Sau đây là tiêu chuẩn công ty niêm yết trong Thông lệ 95</p>
----	--	--	---

	<p>c chấp thu n t i i h i ng c ông ngay t i p sau ó. Sau khi c i h i ng c ông chấp thu n, vì c b nhi m thành viên m i ó s c coi là có hi u l c vào ngày c H i ng qu n tr b nhi m. Nhi m k c a thành viên H i ng qu n tr m i c tính t ngày vì c b nhi m có hi u l c n ngày k t thúc nhi m k c a H i ng qu n tr . Trong tr ng h p thành viên m i không c i h i ng c ông chấp thu n, m i quy t nh c a H i ng qu n tr cho n tr c th i i m đi n ra i h i ng c ông có s tham gia bi u quy t c a thành viên H i ng qu n tr thay th v n c coi là có hi u l c.</p>	<p>t 30% n d i 50% c c ba thành viên; t 50% n d i 65% c c b n thành viên và n u t 65% tr lên c c s ng viên.</p> <p>Tr ng h p s l ng các ng viên H i ng qu n tr thông qua c và ng c v n không s l ng c n thi t, H i ng qu n tr ng nhi m có th c thêm ng viên ho c t ch c c theo c ch c Công ty quy nh t i Quy Ch Qu n Tr Công ty. C ch c hay cách th c H i ng qu n tr ng nhi m c ng c viên H i ng qu n tr ph i c công b rõ ràng và ph i c i h i ng c ông thông qua tr c khi ti n hành c .</p> <p>5. Vì c b nhi m các thành viên H i ng qu n tr ph i c công b thông tin theo các quy nh c a pháp lu t v ch ng khoán và th tr ng ch ng khoán.</p>	
11	<p>Kho n 3 i u 29 Các cu c h p c a H i ng qu n tr</p> <p>3. Các cu c h p b t th ng. Ch t ch ph i tri u t p h p H i ng qu n tr , không c trì hoãn n u không có lý do chính áng, khi m t trong s các i t ng d i</p>	<p>Kho n 3 i u 29 Các cu c h p c a H i ng qu n tr</p> <p>3. Các cu c h p b t th ng. Ch t ch ph i tri u t p h p H i ng qu n tr , không c trì hoãn n u không có lý do chính áng, khi m t trong s các i t ng d i ây</p>	<p><i>Do thay i mô hình qu n tr , b Ban Ki m Soát.</i></p>

	<p>ây ngh b ng v n b n trình bày m c ích cu c h p và các v n c n bàn:</p> <p>a. T ng giám c i u hành ho c ít nh t n m Ng i qu n lý doanh nghi p;</p> <p>b. Ít nh t hai thành viên i u hành c a H i ng qu n tr ;</p> <p>c. Ban ki m soát ho c thành viên c l p c a H i ng qu n tr .</p>	<p>ng h b ng v n b n trình bày m c ích cu c h p và các v n c n bàn:</p> <p>d. T ng giám c ho c ít nh t n m Ng i qu n lý doanh nghi p;</p> <p>e. Ít nh t hai thành viên i u hành c a H i ng qu n tr ;</p> <p>f. Theo yêu c u c a ki m toán c l p bàn v báo cáo ki m toán và tình hình Công ty.</p>	
12	<p>i u 29. Các cu c h p c a H i ng qu n tr</p> <p>11. Các ti u ban c a H i ng qu n tr. H i ng qu n tr có th thành l p và u quy n hành ng cho các ti u ban tr c thu c. Thành viên c a ti u ban có th g m m t ho c nhi u thành viên c a H i ng qu n tr và m t ho c nhi u thành viên bên ngoài theo quy t nh c a H i ng qu n tr. Trong quá trình th c hi n quy n h n c u thác, các ti u ban ph i tuân th các quy nh mà H i ng qu n tr ra. Các quy nh này có th i u ch nh ho c cho phép k t n p thêm nh ng ng i không ph i là thành viên H i ng qu n tr vào các ti u ban nêu trên và cho phép ng i ó c quy n bi u quy t</p>	<p>i u 30. Các ti u ban c a H i ng qu n tr</p> <p>1. H i ng qu n tr có th thành l p ti u ban tr c thu c ph trách v chính sách phát tri n, nhân s , l ng th ng, ki m toán n i b .S l ng thành viên c a ti u ban do H i ng qu n tr quy t nh, nh ng nên có ít nh t ba (03) ng i bao g m thành viên c a H i ng qu n tr và thành viên bên ngoài. Các thành viên c l p H i ng qu n tr /thành viên H i ng qu n tr không i u hành nên chi m a s trong ti u ban và m t trong s các thành viên này c b nhi m làm Tr ng ti u ban theo quy t nh c a H i ng qu n tr . Ho t ng c a ti u ban ph i tuân th theo quy nh</p>	<p><i>B sung n i dung v Ti u Ban Ki m Toán.</i></p>

~~v i t cách thành viên c a ti u ban nh ng (a) ph i m b o s l ng thành viên bên ngoài ít h n m t n a t ng s thành viên c a ti u ban và (b) ngh quy t c a các ti u ban ch có hi u l c khi có a s thành viên tham đ và bi u quy t t i phiên h p c a ti u ban là thành viên H i ng qu n tr .~~

c a H i ng qu n tr . Ngh quy t c a ti u ban ch có hi u l c khi có a s thành viên tham đ và bi u quy t thông qua t i cu c h p c a ti u ban là thành viên H i ng qu n tr .

2. Vi c th c thi quy t nh c a H i ng qu n tr , ho c c a ti u ban tr c thu c H i ng qu n tr , ho c c a ng i có t cách thành viên ti u ban H i ng qu n tr ph i phù h p v i các quy nh pháp lu t hi n hành và quy nh t i i u l công ty

3. Các quy nh liên quan v c c u t ch c, ch c n ng c a Ti u Ban Ki m Toán:

3.1 C c u t ch c c a Ti u Ban Ki m Toán: Ph n l n thành viên c a Ti u Ban Ki m Toán là thành viên H i ng qu n tr c l p và thành viên H i ng qu n tr không i u hành. Các n i dung c th liên quan n c c u t ch c c a Ti u Ban Ki m Toán s c quy nh t i Quy ch Qu n Tr Công Ty.

3.2 Ít nh t m t (01) thành viên c a Ti u Ban Ki m Toán có các b ng c p, ch ng ch ho c có kinh nghi m liên quan n công tác tài chính, k toán ho c ki m toán.

3.3 Ti u Ban Ki m Toán có nh ng quy n h n và trách nhi m đ i ây:a. Khi có

		<p>yêu cầu của Công hoc nhóm Công hoc quy nh t i Kho n 3 i u 12 c a i u L này, th c hi n và ti n hành ki m tra trong th i h n b y (07) ngày làm vi c, k t ngày nh n c yêu c u. Trong th i h n m i l m (15) ngày làm vi c, k t ngày k t thúc ki m tra, Ti u Ban Ki m Toán ph i báo cáo gi i trình v nh ng v n c yêu c u ki m tra n H i ng Qu n Tr và Công hoc nhóm Công hoc có yêu c u. Vi c ki m tra c a Ti u Ban Ki m Toán quy nh t i kho n này không c c n tr ho t ng bình th ng c a H i ng qu n tr , không gây gián o n i u hành ho t ng kinh doanh c a Công Ty;</p> <p>b. Xây d ng c ch ti p nh n ý ki n ph n ánh, khi u n i c a nhân viên trong Công Ty v các sai ph m, thi u sót trong vi c qu n lý, i u hành kinh doanh, qu n tr r i ro, ki m soát n i b . C ch này ph i m b o b o m t và b o v quy n l i h p pháp c a ng i ph n ánh, khi u n i, c ng nh quy nh v i u tra c l p và các b c x lý sau ó.</p> <p>c. Khi phát hi n thành viên H i ng Qu n Tr , T ng Giám c vi ph m ngh a v c a ng i qu n lý Công Ty quy nh t i i u 160 c a Lu t Doanh Nghi p, i u 35 và i u</p>	
--	--	--	--

36 c a i u L này thì ph i yêu c u ng i có hành vi vi ph m ch m d t ngay hành vi vi ph m, ng th i g i thông báo ngay b ng v n b n n H i ng Qu n Tr H i ng Qu n Tr ra quy t nh x lý;

d. Ki m tra tính h p lý, h p pháp, tính trung th c và m c c n tr ng trong qu n lý, i u hành ho t ng kinh doanh, trong t ch c công tác k toán, th ng kê và l p báo cáo tài chính;

e. Xem xét s k toán và các tài li u khác c a Công Ty, các công vi c qu n lý, i u hành ho t ng c a Công Ty theo quy t nh c a i H i ng C ông ho c theo yêu c u c a C ông ho c nhóm C ông c quy nh t i Kho n 3 i u 12 c a i u L này;

f. Ki n ngh H i ng Qu n Tr các bi n pháp s a i, b sung, c i ti n c c u t ch c c a Công Ty

g. Th m nh báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính n m, sáu tháng và quý c a Công Ty. L p n i dung th m nh này trong báo cáo c a H i ng Qu n Tr trình i H i ng C ông t i cu c h p th ng niên.

h. Ki m toán n i b : Ti u Ban Ki m

Toán chủ trách nhiệm vụ hoạt động kế toán
nội bộ của Công Ty.

i. Trong hoạt động kế toán, kế toán
của Công Ty:

– Xuất lập các chứng từ kế toán của
công ty, các phiếu kế toán và các biên có liên
quan. Hướng dẫn Trình độ Hướng
dẫn Công nghệ duy trì theo thực tế
điều 48 của Điều này;

– Tổ chức và phân bổ kế toán trực tiếp
các việc kế toán;

– Tổ chức và hướng dẫn khó khăn và
tìm kiếm phát hiện các kết quả kế toán giữa
các bộ phận của công ty mà kế toán
viên của công ty bàn bạc;

– Xem xét thực tiễn lý của kế toán viên
của công ty;

– Giám sát tính chính xác và khách quan của
kế toán của công ty.

j. Các quy định và trách nhiệm khác
theo Điều này, Quy chế Quản lý Công ty,
và quy định Pháp luật.

3.4 Tiểu Ban Kế toán của quy định
đang tồn tại của công ty thể hiện các nhiệm vụ
của giao.

		<p>3.5 T ng Giám c và Cán B Qu n Lý ph i cung c p t t c các thông tin và tài li u liên quan n ho t ng c a Công ty theo yêu c u c a Ti u Ban Ki m Toán.</p>	
12	<p>i u 33. Th ký công ty (b) i u 37, 38 v Ban ki m soát b theo mô hình m i.</p>	<p>i u 34 Ng i ph trách qu n tr công ty</p> <p>1. H i ng qu n tr ch nh ít nh t m t (01) ng i làm Ng i ph trách qu n tr công ty h tr ho t ng qu n tr công ty c ti n hành m t cách có hi u qu . Nhi m k c a Ng i ph trách qu n tr công ty do H i ng qu n tr quy t nh, t i a là n m (05) n m.:</p> <p>2. Ng i ph trách qu n tr công ty ph i áp ng các tiêu chu n sau</p> <p>a. Có hi u bi t v pháp lu t;</p> <p>b. Không c ng th i làm vi c cho công ty ki m toán c l p ang th c hi n ki m toán các báo cáo tài chính c a Công ty;</p> <p>c. Các tiêu chu n khác theo quy nh c a pháp lu t, i u l này và quy t nh c a H i ng qu n tr .</p> <p>3. H i ng qu n tr có th bãi nhi m</p>	<p><i>B sung, thay i Theo i u 32 i u l m u Thông t 95</i></p>

Người ph trách qu n tr công ty khi c n nh ng không trái v i các quy nh pháp lu t hi n hành v lao ng. H i ng qu n tr có th b nhi m Tr lý Ng i ph trách qu n tr công ty tùy t ng th i i m.

4. Ng i ph trách qu n tr công ty có các quy n và ngh a v sau:

a. T v n H i ng qu n tr trong vi c t ch c h p i h i ng c ông theo quy nh và các công vi c liên quan gi a Công ty và c ông;

b. Chu n b các cu c h p H i ng qu n tr và i h i ng c ông theo yêu c u c a H i ng qu n tr ;

c. T v n v th t c c a các cu c h p;

d. Tham d các cu c h p;

e. T v n th t c l p các ngh quy t c a H i ng qu n tr phù h p v i quy nh c a pháp lu t;

f. Cung c p các thông tin tài chính, b n sao biên b n h p H i ng qu n

		<p>tr và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;</p> <p>g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.</p> <p>h. Báo cáo thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;</p> <p>i. Các quy định và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty</p>	
13	<p>Điều 39. Quy định chi tiết sách lược</p> <p>1. Công ty có nhóm công ty con trong Điều 266.2 và Điều 37.2 của Điều lệ này có quy định chi tiết kiểm tra trong giấy làm việc và tài liệu kinh doanh chính của công ty danh sách công ty, các biên bản của Hội đồng.</p>	<p>Khoản 1 Điều 38 Quy định chi tiết sách lược</p> <p>1. Công ty có nhóm công ty con trong khoản 3 Error! Reference source not found. của Điều lệ này có quy định chi tiết kiểm tra trong giấy làm việc và tài liệu kinh doanh chính của công ty danh sách công ty, các biên bản của Hội đồng.</p>	<p><i>Do thay đổi mô hình quản trị, Ban Kiểm Soát.</i></p>

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÔNG HỒNG

*xuất các nội dung sửa đổi, bổ sung Quy chế Quản trị Công ty theo mô hình Quản trị mới
không có Ban kiểm soát*

STT	Nội dung hiện hành	Nội dung sửa đổi	Ghi chú/ Căn cứ Pháp lý
1	<p>Điều khoản 2 Điều 5</p> <p>e. BKS yêu cầu triệu tập cuộc họp của BKS có lý do tin tưởng rằng các thành viên HĐQT hoặc người quản lý khác vi phạm nghiêm trọng các nghĩa vụ của họ theo Điều 160 Luật doanh nghiệp hoặc HĐQT hành vi hoặc có ý định hành vi ngoài phạm vi</p>	<p>Điều khoản 2 Điều 5</p> <p>Bổ sung</p>	<p>Bổ sung BKS thay đổi theo mô hình mới.</p>

	vi quy n h n c a mình		
2	<p>Kho n 7, i u 5:</p> <p>Báo cáo ho t ng c a BKS trình H C th ng niên t i thi u ph i bao g m các n i dung sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Ho t ng, thù lao và chi phí ho t ng c a BKS và t ng thành viên BKS; - T ng k t các cu c h p c a BKS và các quy t nh c a BKS; - K t qu giám sát tình hình ho t ng và tài chính c a công ty; - K t qu giám sát và ánh giá ho t ng i v i thành viên H QT, T ng Giám c và ng i i u hành khác; - Báo cáo ánh giá s ph i h p ho t ng gi a BKS v i H QT, T ng Giám c và c ông; - Báo cáo k t qu th c hi n các quy nh v qu n tr Công ty. 	<p>Kho n 7, i u 5:</p> <p>B .</p>	<p><i>B BKS thay i theo mô hình m i.</i></p>
3		<p>Kho n 5 i u 10</p> <p>5. C n c vào s l ng thành viên H QT c phê chu n, i h i s d a vào t l phi u b u tính t cao xu ng th p, b t u t ng viên có s phi u b u cao nh t cho n khi s thành viên c n b u và ph i m b o áp ng s l ng t i thi u thành</p>	<p><i>B sung cách th c b u H QT c l p theo quy nh.</i></p>

		<p>viên H QT c l p theo quy nh pháp lu t và i u l . ng viên trúg c thành viên H i ng Qu n Tr ph i có ít nh t m t (01) phi u b u.</p> <p>m b o t s l ng t i thi u thành viên H i ng Qu n Tr c l p theo i u 26 c a i u l , các ng viên c l p s c ch n tr c (tính theo s phi u b u t cao xu ng th p riêng cho các ng viên c l p). Sau khi ch n s l ng thành viên H i ng Qu n Tr c l p, vi c ch n các thành viên H i ng Qu n Tr còn l i s c tính theo s phi u b u t cao xu ng th p (bao g m các ng viên H i ng Qu n Tr không c l p và c l p còn l i)</p>	
4		<p>B sung i m f Kho n l i u 16</p> <p>f. Ki m phi u và L p biên b n ki m phi u</p> <p>H QT ki m phi u và l p biên b n ki m phi u d i s ch ng ki n c a Ng i ph trách qu n tr công ty h o c c a c ông không ph i là ng i qu n lý doanh nghi p.</p>	<i>Thay i theo mô hình m i.</i>
5		<p>B sung kho n 2 i u 18</p> <p>2. Tiêu chu n thành viên c l p H i ng qu n tr nh sau:</p> <p>b. Không ph i là ng i ang làm vi c cho công ty, công ty con c a công ty; không ph i là ng i ã t ng làm vi c cho công ty, công ty con c a công ty ít nh t trong 03 n m li n tr c</p>	<i>B sung theo quy nh v thành viên H QT c l p</i>

		<p>ó.</p> <p>c. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, từ các khoản phúc lợi mà thành viên Hội đồng quản trị hưởng theo quy định;</p> <p>d. Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là cổ đông lớn của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;</p> <p>e. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số phần vốn có quy định của công ty;</p> <p>f. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.</p>	
6	<p>Điều 20 Cách thức bầu thành viên HĐQT</p> <p>1. Trong trường hợp số lượng viên lãnh đạo thành viên HĐQT cần bầu thì việc bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu gián tiếp, theo mô hình công có tổng số phiếu bầu tương ứng với tổng số phần vốn sở hữu nhân với số thành viên của Ủy ban HĐQT và công có quy định nhất hoặc một phần tổng số phiếu của mình cho một hoặc một số người</p>	<p>Điều 20 Cách thức bầu thành viên HĐQT</p> <p>Bổ sung thêm:</p> <p>Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị xác định theo số phiếu bầu tính toán cao nhất, bắt đầu từ các viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi số thành viên Hội đồng Quản trị (mô hình tập thể) thành viên Hội đồng Quản trị (cá nhân) quy định tại Điều Công Ty. Người trúng cử thành viên Hội đồng Quản trị phải có ít nhất một (01)</p>	<p><i>Bổ sung thêm cách thức bầu thành viên của HĐQT</i></p>

<p>viên.</p> <p>Phi u b u c do Ban t ch c HC chu n b , có ghi danh sách ng c viên, t ng s phi u b u c a c ông, có óng d u treo Công ty.</p> <p>C ông nh n phi u b u c , ghi s phi u b u cho ng viên mình l a ch n. Phi u b u h p l là không b t y xoá, g ch s a, không vi t thêm n i dung vào phi u b u ho c b u nhi u h n s l ng thành viên H QT c phép b u.</p> <p>Ng i trúg c thành viên H QT c xác nh theo s phi u b u tính t cao xu ng th p, b t u t ng c viên có s phi u b u cao nh t cho n khi s thành viên quy nh t i i u l công ty. Tr ng h p có t 02 ng c viên tr lên t cùng s phi u b u nh nhau cho thành viên cu i cùng c a H QT thì s t i n hành b u l i trong s các ng c viên có s phi u b u ngang nhau ho c l a ch n theo tiêu chí quy ch b u c .</p> <p>2. Trong tr ng h p s ng viên nh h n ho c b ng s thành viên H QT c n b u thì vi c b u thành viên H QT ph i th c hi n theo ph ng th c bi u quy t (tán thành, không tán thành, không có ý ki n). T l bi u quy t thông qua th c hi n theo Kho n</p>	<p>phi u b u. m b o t s l ng t i thi u thành viên H i ng Qu n Tr c l p theo i u 26 c a i u l , các ng viên c l p s c ch n tr c (tính theo s phi u b u t cao xu ng th p riêng cho các ng viên c l p). Sau khi ch n s l ng thành viên H i ng Qu n Tr c l p, vi c ch n các thành viên H i ng Qu n Tr còn l i s c tính theo s phi u b u t cao xu ng th p (bao g m các ng viên H i ng Qu n Tr không c l p và c l p còn l i)</p>	
---	--	--

	2 i u 21 i u l Công ty.		
7	<p>Kho n 1 i u 23 Cách th c gi i thi u ng viên thành viên H QT</p> <p>1. H QT tri u t p cu c h p H QT v vi c b u c thành viên H QT ph bi n n i dung b u c : s l ng ,viên H QT, tiêu chu n ng viên tham gia b u c , cách th c c , ng c theo quy nh t i i u 19 Quy ch này. Vi c b u c s c th c hi n t i H C g n nh t.</p> <p>Ch ng IV Ban ki m soát</p>	<p>Kho n 1 i u 23 Cách th c gi i thi u ng viên thành viên H QT</p> <p>1. H QT tri u t p cu c h p H QT v vi c b u c thành viên H QT ph bi n n i dung b u c : s l ng , c c u thành viên H QT, tiêu chu n ng viên tham gia b u c , cách th c c , ng c theo quy nh t i i u 19 Quy ch này. Vi c b u c s c th c hi n t i H C g n nh t.</p> <p>B ch ng IV</p>	
8		<p>i u 29 Thành l p và Ho t ng c a Ti u ban Ki m toán</p> <p>1. Tiêu chu n c a Thành viên Ti u ban Ki m toán</p> <ul style="list-style-type: none"> – Các thành viên H QT c l p ho c không i u hành s chi m a s trong Ti u ban Ki m toán. – H QT s quy t nh có ít nh t m t thành viên trong Ti u ban ki m toán có chuyên môn v tài chính, k toán ho c ki m toán (có b ng c p, ch ng ch ho c kinh nghi m liên quan) và không làm vi c cho b ph n 	<i>S a i theo mô hình m i</i>

k toán học tài chính của Công ty.

- Các thành viên Ủy ban Kiểm toán sẽ chuyên môn và kinh nghiệm mà đáng về quản lý rủi ro, hoạt động, tuân thủ.

2. Quy định và trách nhiệm của Ủy ban Kiểm toán

- Khi có yêu cầu của Công đồng hoặc nhóm Công đồng quy định tại Khoản 3 điều 12 của Điều lệ này, thành viên và tiến hành kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Ủy ban Kiểm toán phải báo cáo ghi trình về những vấn đề yêu cầu kiểm tra Hội đồng Quản trị và Công đồng hoặc nhóm Công đồng có yêu cầu. Việc kiểm tra của Ủy ban Kiểm toán quy định tại khoản này không cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn hoặc ảnh hưởng kinh doanh của Công Ty;
- Xây dựng chế độ tiếp nhận ý kiến phản ánh, khi cần có nhân viên trong Công Ty về các sai phạm, thi u sót trong việc quản lý, điều hành kinh doanh, quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ. Chế độ này phải đảm bảo bảo mật và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người phản ánh, khi cần, công nhận quy định về điều tra nội bộ và các biện pháp xử lý sau đó.

c. Khi phát hiện thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công Ty quy định tại Điều 160 của Luật Doanh Nghiệp, Điều 35 và Điều 36 của Điều lệ này thì phải yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm, đồng thời gửi thông báo ngay bằng văn bản đến Hội đồng Quản trị Hội đồng Quản trị ra quyết định xử lý;

d. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ tin cậy trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

e. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công Ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty theo quy định của Hội đồng Công đồng hoặc theo yêu cầu của Công đồng hoặc nhóm Công đồng quy định tại Khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này;

f. Kiểm tra Hội đồng Quản trị các biện pháp sai, bổ sung, cắt giảm chi phí của Công Ty

g. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý của Công Ty. Lập nội dung thẩm định này trong báo cáo của Hội đồng Quản trị trình Hội đồng Công đồng thi hành nhiệm vụ.

h. Kiểm toán nội bộ: Tiểu Ban Kiểm Toán chịu trách nhiệm về hoạt động kiểm toán nội bộ của Công Ty.

		<p>i. Trong hoạt động kế toán, kế toán của Công Ty:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xuất lập các chứng từ kế toán của công ty kế toán các loại, các phí kế toán và các khoản có liên quan. Hội đồng Quản trị và Hội đồng Công phê duyệt theo thủ tục tại Điều 48 của Điều lệ này; - Tổ chức và phân bổ kế toán viên các loại và phân bổ kế toán trưởng khi bắt đầu việc kế toán; - Tổ chức và nâng cao trình độ và năng lực phát hiện các khuyết điểm kế toán giữa các bộ phận của công ty mà kế toán viên các loại phụ trách; - Xem xét thực hiện các quy định của kế toán viên các loại; - Giám sát tính chính xác và khách quan của kế toán các loại. <p>j. Các quy định và trách nhiệm khác theo Điều lệ này, Quy chế Quản trị Công ty, và quy định Pháp</p>	
--	--	--	--

		<p>Lu t.</p> <p>3. Cu c h p c a Ti u ban Ki m toánTi u ban Ki m toán ti n hành h p ho c th o lu n nh k hàng quý tr c cu c h p quý c a H QT. Thành ph n t i thi u c a m t cu c h p là 2/3 thành viên.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tỳ theo công vi c c phân công, thành viên Ti u ban Ki m toán có th yêu c u h p riêng v i lãnh o các n v thu c Ban i u hành. - Ti u ban Ki m toán làm vi c theo c ch bi u quy t a s . Tr ng h p m t v n có s bi u quy t ngang nhau thì bi u quy t bên có ý ki n c a Tr ng ti u ban s là ý ki n quy t nh. - Tr ng Ti u ban Ki m toán có th tri u t p cu c h p, trao i riêng v i t ng thành viên trong Ti u ban th o lu n v các ch riêng bi t. 	
--	--	--	--

T TRÌNH

V/v: **Ưu tiên, mua sắm KCN M Tân, M L c, Nam Định và chuyển nhượng
đất đai các nhà máy trong thành phố**

Kính gửi: **Chỉ huy trưởng Công ty Cổ phần Máy Sông Hồng**

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ vào Điều lệ và hồ sơ của Công ty Cổ phần Máy Sông Hồng đã
được chỉ huy trưởng công ty thành lập năm 2018 thông qua ngày 12/05/2018.
- Căn cứ tình hình kinh doanh và nhu cầu sản xuất của Công ty.

Trên cơ sở tình hình sản xuất kinh doanh thực tế, nhằm mục đích tăng cường
lực sản xuất, mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và phát huy tối đa các nguồn
lực sẵn có, Chỉ huy trưởng (“H QT”) kính trình chỉ huy trưởng công ty
xem xét thông qua nội dung sau:

1. Yêu cầu cho H QT ưu tiên, mua sắm KCN M Tân, M L c, Nam Định và xây
dựng mới Nhà máy di chuyển toàn bộ các xưởng máy của công ty trong nội thành phố
Nam Định ra các KCN xã M Tân, huyện M L c, Nam Định.
2. Yêu cầu cho H QT làm các thủ tục chuyển nhượng đất đai các Nhà
máy trong thành phố đã di chuyển vào các KCN.

Kính trình chỉ huy trưởng công ty xem xét thông qua!

TM. CHỈ HUY TRƯỞNG

CH T CH

Nội dung:

(*đã ký*)

- Công ty Cổ phần Máy SH;
- H QT, BKS, BG , Thủ ký Công ty;
- Lưu VT; H QT.

BÙI C TH NH

T TRÌNH

Vấn đề phát hành cổ phiếu ưu đãi theo chương trình ESOP

Kính trình: Ban Giám đốc Công ty Cổ phần CTCP May Sông Hồng

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Căn cứ Điều lệ Công ty Cổ phần May Sông Hồng

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần May Sông Hồng kính trình Ban Giám đốc và Ban Quản lý vốn phòng Công ty Cổ phần May Sông Hồng về vấn đề phát hành cổ phiếu ưu đãi chi tiết như sau:

I. CĂN CỨ PHÁP LÝ VÀ PHÁT HÀNH

- Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 ngày 26/11/2014;
- Luật kế toán số 70/2006/QH11 ngày 29/06/2006;
- Điều lệ Công ty Cổ phần May Sông Hồng.

II. PHƯƠNG ÁN PHÁT HÀNH CỔ PHIẾU ƯU ĐÃI

Phát hành cổ phiếu ưu đãi Công ty trong năm 2019. Phương án phát hành chi tiết như sau:

Chào bán cho cán bộ công nhân viên theo chương trình khuyến khích (ESOP)

- Mục đích: Ghi nhận sự đóng góp của Cán bộ quản lý cao cấp thu được ban đầu của Công ty
- Tiêu chuẩn và điều kiện tham gia chương trình ESOP 2019: Cán bộ quản lý thu được Ban Giám đốc công ty; chức vụ: Chủ tịch Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Cán bộ quản lý vốn phòng Công ty Cổ phần May Sông Hồng.
- Tên cổ phiếu: Cổ phiếu Công ty Cổ phần May Sông Hồng
- Mệnh giá: 10.000 đồng/cổ phiếu
- Tỷ lệ cổ phiếu phát hành: 5% số vốn điều lệ của Công ty Cổ phần May Sông Hồng
- Số vốn cổ phiếu phát hành: 2.381.400 đồng/cổ phiếu

- Giá chào bán: 10.000 đồng/cổ phần (Một nghìn đồng/cổ phần)
- Hạn chuyển nhượng: 01 năm
- Hình thức chào bán: Phân phối theo quy chế và danh sách do Hội đồng quản trị trình Hội đồng thông qua.
- Thời gian chào bán: diễn ra trong Quý II/2019, sau khi nhận được chấp thuận của Ủy ban chứng khoán Nhà nước.

(Chi tiết tại: Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ quản lý thuộc Ban điều hành Công ty).

Hội đồng quản trị kính trình:

- Hội đồng thông qua:
 - + Phê duyệt án phát hành ESOP năm 2019 nêu trên.
 - + Quy chế phát hành cổ phiếu theo chương trình lựa chọn cho cán bộ quản lý thuộc Ban điều hành Công ty và danh sách theo chi tiết đính kèm.
- Ủy quyền Hội đồng quản trị:
 - + Tiến hành triển khai án phát hành, thực hiện các thủ tục đăng ký phát hành với UBCKNN; lựa chọn thời điểm phân phối cổ phiếu thích hợp sau khi có chấp thuận của UBCKNN.
 - + Xây dựng tiêu chí xếp loại cổ phần không chào bán hết trong đợt chào bán cổ phần cho cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn theo nguyên tắc giá bán cho đợt khác không có thể phần giá bán cho cán bộ công nhân viên theo chương trình lựa chọn;
 - + Đăng ký tăng vốn và sửa đổi theo số vốn sau đợt phát hành theo quy định của pháp luật.

Kính trình Hội đồng thông qua!

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

CH T CH

(Đã ký)

BÙI ĐỨC THỊNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY CHẾ ĐỊNH VÀ QUẢN TRỊ CÔNG TY

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÔNG HỒNG

(Độc lập)

Tháng 03/2019

QUY CH N I B V QU N TR CÔNG TY CÔNG TY C PH N MAY SÔNG H NG

(Ban hành theo Ngh quy t i h i ng c ông ngày 16 tháng 03 n m 2019)

C n c :

- Lu t Doanh nghi p s 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 n m 2014;
- Lu t Ch ng khoán s 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 n m 2006;
- Ngh nh 71/2017/N -CP ngày 06 tháng 06 n m 2017 h ng d n v qu n tr công ty áp d ng i v i công ty i chúng;
- Thông t s 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 n m 2017 c a B Tài chính h ng d n m t s i u c a Ngh nh s 71/2017/N -CP ngày 06 tháng 6 n m 2017 c a Chính ph h ng d n v qu n tr công ty áp d ng i v i công ty i chúng;
- i u l T ch c và Ho t ng c a Công ty c ph n May Sông H ng.

CH NG I – QUY NH CHUNG

i u 1. Ý ngh a và Ph m vi i u ch nh

Quy ch này c xây d ng theo Thông t s 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 c a B Tài chính, quy nh v qu n tr Công ty c a Công ty C ph n May Sông H ng.

Quy ch này quy nh nh ng nguyên t c c b n v qu n tr Công ty b o v quy n và l i ích h p pháp c a c ông; th m quy n, ngh a v và ph ng th c ho t ng c a ng i qu n lý Công ty.

i u 2. Nguyên t c qu n tr n i b công ty

- Tuân th nh ng quy nh hi n hành c a pháp lu t;
- Tôn tr ng o c kinh doanh, có trách nhi m v i xã h i;
- m b o quy n l i cho các c ông và i x công b ng gi a các c ông;
- Minh b ch trong ho t ng c a Công ty;
- H i ng qu n tr và Ban Ki m soát qu n lý và ki m soát công ty hi u qu .

i u 3. Gi i thích thu t ng và ch vi t t t

1. Ng i có liên quan là cá nhân ho c t ch c c quy nh t i kho n 17 i u 4 Lu t doanh nghi p, kho n 34 i u 6 Lu t ch ng khoán.

2. Thành viên Hội đồng quản trị không đi u hành là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và nhân viên quản lý khác theo quy định của nội bộ công ty.
3. “Công ty”: là Công ty Cổ phần May Sông Hồng
4. “Hội đồng Quản trị”: là Hội đồng quản trị
5. “Hội đồng Cổ đông”: là Hội đồng cổ đông
6. “Đi u bị u”: Cổ đông, người đi u (người đi u cổ đông quy định)
7. Người chịu trách nhiệm quản trị công ty: là người có trách nhiệm và quy định nội bộ quy định nội dung Điều lệ 18 Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

CHƯƠNG II – C H I E U VÀ N H I E U N G C H I E U

Điều 4. Quy định và nghĩa vụ của cổ đông

1. Công ty có ý các quy định và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và nội bộ công ty, cụ thể là:
 - a. Quy định về quyền công bố. Mọi thành viên cùng một loại u cho công ty sử dụng các quy định, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quy định và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải công bố rõ ràng cho cổ đông và phải được Hội đồng thông qua;
 - b. Quy định về tiếp cận và thông tin bất kỳ và thông tin bất kỳ do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
2. Công ty có quy định về các quy định liên hệ pháp luật của mình. Trong trường hợp quy định của Hội đồng Cổ đông, quy định của Hội đồng Quản trị vì phạm pháp luật hoặc vì phạm những quy định liên hệ của công ty theo quy định của pháp luật, công ty có quy định nghĩa vụ quy định theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các quy định vì phạm pháp luật gây thiệt hại cho công ty, Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc đi u hành phải bồi thường cho công ty theo trách nhiệm của mình. Công ty có quy định yêu cầu công ty bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Điều 5. Hội đồng cổ đông

1. Hội đồng Cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Hội đồng cổ đông thường niên được tổ chức một lần một năm (01) lần.
Hội đồng Quản trị hoặc người điều hành của Hội đồng Cổ đông sẽ lập kế hoạch trình nghị sự, bố trí địa điểm, thời gian họp lý do luận và bị u quy định trong chương trình họp Hội đồng Cổ đông. Địa điểm họp Hội đồng Cổ đông phải trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp của Hội đồng Cổ đông tổ chức họp thì địa điểm họp khác nhau thì địa điểm họp Hội đồng Cổ đông xác định là nội dung tham dự họp.
2. Hội đồng cổ đông thường niên

- a. Hội đồng quản trị phải họp thường niên trong tháng chẵn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo nghị quyết Hội đồng quản trị, công quan hệ ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- b. Việc họp Hội đồng quản trị thường niên không thể thực hiện hình thức lý thuyết công bằng và công bằng.
- c. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Hội đồng quản trị thường niên và lựa chọn đại diện phù hợp. Hội đồng quản trị thường niên quy định nội dung và theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, công bố thông tin qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo.
- d. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản nghi ngờ, Công ty có thể mời đơn vị kiểm toán độc lập để họp Hội đồng quản trị giải thích các nội dung liên quan.

3. Hình thức công bố thông tin:

Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị thông tin trong các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Báo cáo tài chính năm hoặc Báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vấn đề sâu sắc hoặc bất thường (1/2) số cổ đông;
- c. Thành viên Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần hai (1/2) số cổ đông thành viên quy định trong Điều lệ Công ty;
- d. Công ty hoặc nhóm công ty quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty yêu cầu triệu tập họp Hội đồng quản trị. Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng quản trị phải thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cụ thể, có thể ký các công văn liên quan hoặc văn bản yêu cầu độc lập thành lập ban và tổ chức ký các công văn có liên quan;
- e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Công ty không thể hạn chế công ty tham dự Hội đồng quản trị, phải tạo điều kiện cho công ty thể hiện ý kiến và quy định điều kiện tham gia Hội đồng quản trị hoặc bồi đắp thông tin khi công ty có yêu cầu. Công ty phải hướng dẫn thiết thực quy định và lập quy định quy định cho các công ty theo quy định.

Công ty công bố thông tin trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện tại công ty có thể tham dự và phát biểu ý kiến tích cực về Hội đồng quản trị, bao gồm hướng dẫn công bố thông tin quy định thông qua họp Hội đồng quản trị trực tuyến, bồi đắp thông tin hoặc hình thức khác theo quy định tại Điều 140 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

6. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Hội đồng quản trị thường niên thì phải bao gồm các nội dung sau:

- Đánh giá tình hình hoạt động của công ty trong năm tài chính, trong đó có đánh giá liên quan trách nhiệm môi trường và xã hội (nếu có);
- Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị;

- Tng k t các cu c h p c a H QT và các quy t nh c a H QT;
- K t qu giám sát i v i T ng Giám c;
- K t qu giám sát i v i ng i qu n lý khác;
- Các k ho ch trong t ng lai.

7. Tham d H C c a ki m toán viên c l p

Ki m toán viên ho c i di n công ty ki m toán c l p có th c m i d h p H C th ng niên phát bi u ý ki n t i H C v các v n liên quan n Báo cáo tài chính n m trong tr ng h p Báo cáo ki m toán có các kho n ngo i tr tr ng y u.

i u 6. Thông báo v vi c ch t danh sách c ông có quy n tham d i h i c ông

Công ty công b thông tin v vi c l p danh sách c ông có quy n tham d h p H C t i thi u 20 ngày tr c ngày ng ký cu i cùng.

Thông báo v vi c l p danh sách c ông có quy n tham d h p i h i c ông c công b trên trang thông tin i n t c a công ty, y ban ch ng khoán nhà n c.

i u 7. Trình t tri u t p H C

1. L p danh sách c ông có quy n d h p H C

Danh sách c ông có quy n d h p H C c l p d a trên Danh sách ng i s h u ch ng khoán do Công ty ho c n v c y quy n qu n lý c ông l p t i thi i m ch t danh sách. Danh sách c ông có quy n d h p H C c l p không s m h n 10 ngày tr c ngày g i thông báo m i h p H C .

2. Công tác chu n b h p H C

- a. Ng i tri u t p H C ph i chu n b danh sách c ông i u ki n tham gia và bi u quy t t i H C ; ch ng trình, n i dung i h i; tài li u cho i h i; th i gian và a i m t ch c H C ; Thông báo và g i thông báo h p H C cho t t c các c ông có quy n d h p trong úng th i gian quy nh t i Kho n 1 i u này; và các v n khác ph c v i h i phù h p v i lu t pháp và các qui nh c a Công ty. Các v n a vào ch ng trình H C ph i phù h p v i th m quy n H C c qui nh t i i u l Công ty.
- b. C ông ho c nhóm c ông c c p t i Kho n 3 i u 12 Lu t Doanh nghi p có quy n ki n ngh các v n a vào ch ng trình h p H C . Ki n ngh ph i c làm b ng v n b n và ph i c g i cho Công ty ít nh t ba (03) ngày làm vi c tr c ngày khai m c H C . xu t ph i bao g m h và tên c ông, s l ng và lo i c ph n ng i ó n m gi và n i dung ki n ngh a vào ch ng trình h p.
- c. Ng i tri u t p h p H C có quy n t ch i nh ng ki n ngh liên quan n i m (b) Kho n này trong các tr ng h p sau:
 - Ki n ngh c g i n không úng th i h n ho c không , không úng n i dung;

- Vào thời điểm khi nhận, công nhân nhóm công không có ít nhất 10% cổ phần thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 114 Luật Doanh nghiệp Công ty;
- Văn kiện khi không thu được phạm vi thẩm quyền của HĐQT bàn bạc và thông qua;

3. Thông báo triệu tập HĐQT

- a. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ số chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thành phố trụ sở công nhân viên địa điểm theo quy định của công ty; thời gian và địa điểm họp, cách thức đăng ký tham dự họp HĐQT và những yêu cầu khác (nếu có) kèm theo.

Thông báo họp HĐQT gửi cho tất cả các công nhân viên thành viên, đồng thời công bố trên trang thông tin internet của Công ty và Ủy ban Kiểm toán Nhà nước chậm nhất là (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp HĐQT (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi bằng phương tiện khác, trừ chi phí hoặc chi trả vào hôm đó).

Công ty công bố trên trang thông tin internet của công ty và Ủy ban Kiểm toán Nhà nước về việc họp HĐQT, trong đó nêu rõ nội dung toàn bộ tài liệu họp HĐQT thường niên. Tài liệu họp HĐQT phải công bố nội dung và nội dung các tài liệu, bổ sung (nếu có) cho tất cả khi kết thúc HĐQT;

Các tài liệu bao gồm:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- Danh sách và thông tin chi tiết của các thành viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, Kiểm soát viên;
- Phiếu biểu quyết;
- Mục lục nội dung theo quy định họp;
- Đồ dùng quy định về nội dung trong chương trình họp.

Điều 8. Cách thức đăng ký tham dự HĐQT trước ngày khai mạc cuộc họp HĐQT

1. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp HĐQT được quy định tại Thông báo họp HĐQT.
2. Công nhân viên thành viên đăng ký tham dự họp HĐQT theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:
 - Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; (Trường hợp có nhu cầu nhân viên địa điểm các thành viên xác nhận số phần và số phiếu bầu của ủy quyền cho mình (nếu có)).

- Tham dự và biểu quyết thông qua hình thức trực tuyến, biểu quyết điện tử hoặc hình thức khác (nếu có);
- Gửi biểu quyết trực tiếp thông qua giấy, fax, thư điện tử (nếu có);
- Các hình thức đăng ký tham dự họp HĐQT khác phù hợp với qui định của Pháp luật.

Công ty cổ phần tiến hành áp dụng các công nghệ thông tin hiện có để công có thể tham dự và phát biểu ý kiến trực tiếp HĐQT trực tuyến, bao gồm hình thức công biểu quyết thông qua họp HĐQT trực tuyến, biểu quyết điện tử hoặc hình thức khác theo quy định tại Điều 140 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Tùy vào điều kiện thực tế hiện tại của HĐQT mà Công ty áp dụng các hình thức đăng ký, tham dự và biểu quyết phù hợp. Mọi cách thức áp dụng phù hợp nêu trên được thông báo minh bạch công khai và thu nhận tín hiệu trong việc áp dụng.

Điều 9. Cách thức đăng ký tham dự HĐQT và Kiểm tra tính khả thi vào ngày họp HĐQT

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện tất cả các công việc đăng ký công và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các công có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Công nhân tham dự phải ghi danh theo Giấy tờ qui định tại Thông báo họp HĐQT xác nhận tính khả thi.

Việc đăng ký thực hiện tiến hành ngay sau khi ra cuộc họp HĐQT.

2. Khi tiến hành đăng ký tham dự, Công ty cấp cho từng công hoặc cá nhân quy định có quyền biểu quyết (giấy tờ là biểu quyết) biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên công nhân hoặc cá nhân và số biểu quyết của công nhân.

3. Biểu quyết nêu trên của công nhân có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại hội nghị. Chủ tịch không có trách nhiệm đăng ký biểu quyết của công nhân đăng ký và hiện tại của các biểu quyết đã tiến hành trực tiếp khi biểu quyết của công nhân tham dự không bắt buộc.

Điều 10. Cách thức biểu phiếu

- Hàng Chủ Ban kiểm phiếu theo cách thức tập.
- Người ký danh phiếu chấp thuận quy tắc công vụ và nội dung quy tắc trong chương trình họp.
- Hàng Chủ luận và biểu quyết theo công vụ trong nội dung chương trình. Việc biểu quyết cần tiến hành bằng cách thu thập biểu quyết tán thành quy tắc, sau đó thu thập biểu quyết không tán thành.
- Công đồng người chấp thuận quy tắc sau khi cuộc họp đã khai mạc, người ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi người ký. Chủ tịch không cần đồng ý cuộc họp như người nhận phiếu. Trong trường hợp này, hội đồng chấp thuận biểu quyết đã tiến hành không bình thường.
- Việc biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị phải thực hiện theo phương thức biểu quyết, theo đó mỗi công đồng có phiếu biểu quyết công vụ và nội dung công vụ thành viên chấp thuận của Hội đồng Quản trị và công đồng có quyền đồng ý phiếu biểu quyết của mình cho một thành viên công đồng.

Cần vào sổ thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận, ghi số vào tài liệu biểu quyết tính toán xu hướng, bắt đầu công đồng có phiếu biểu quyết cao nhất cho thành viên chấp thuận và phải mở đáp ứng số lượng thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận pháp luật và nội dung công đồng trúng thành viên Hội đồng Quản trị có ít nhất một (01) phiếu biểu quyết số lượng thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận theo điều 26 của nội dung, các công đồng chấp thuận (tính theo số phiếu biểu quyết công vụ riêng cho các công đồng chấp thuận). Sau khi chọn số lượng thành viên Hội đồng Quản trị chấp thuận, vì chọn các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại sẽ tính theo số phiếu biểu quyết công vụ (bao gồm các công đồng Hội đồng Quản trị không chấp thuận và chấp thuận còn lại)

Điều 11. Cách thức kiểm phiếu

- Ban kiểm phiếu thực hiện kiểm tra list chấp thuận quy tắc thu và số chấp thuận quy tắc phát ra công đồng.
- Tập họp và phân loại riêng chấp thuận quy tắc công vụ theo việc biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến.
- Thực hiện kiểm chấp thuận quy tắc tán thành quy tắc, sau đó thực hiện kiểm chấp thuận quy tắc không tán thành và chấp thuận quy tắc không có ý kiến.

Điều 12. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Kết quả kiểm phiếu sẽ công bố ngay trước khi bắt đầu cuộc họp.

Điều 13. Các thức phân quyền nội quy của Hàng Chủ

- Trong trường hợp Công đồng biểu quyết phân quyền quy tắc vì các thành viên công đồng thay đổi quy tắc, nghĩa vụ các công đồng quy tắc nội dung công đồng có quyền yêu cầu công đồng mua

liên hệ cá nhân. Yêu cầu phải nêu rõ tên, địa chỉ công sở, số điện thoại, địa chỉ email, giá trị hàng hóa, lý do yêu cầu công ty mua hàng. Yêu cầu phải gửi kèm theo biên bản họp của Hội đồng Quản trị công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua hàng theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị quy định tại khoản 1 của Điều này với giá trị hàng hóa có giá trị tính theo nguyên tắc quy định tại Điều 10 của Công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp lập báo giá. Công ty ghi chi phí ít nhất 03% chi phí thẩm định giá chuyên nghiệp có công lập sẵn và lập sẵn đó là quy định chung.

Điều 14. Lập Biên bản họp Hội đồng

1. Chủ tịch Hội đồng phải ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức khác. Biên bản họp Hội đồng lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- a. Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- b. Thời gian và địa điểm họp Hội đồng;
- c. Chương trình họp và nội dung cuộc họp;
- d. Hội đồng, tên chủ tọa và thành viên;
- e. Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu của Hội đồng về từng vấn đề trong chương trình họp;
- f. Số công và tổng số phiếu biểu quyết của các công đồng đồng ý, phần trăm danh sách công đồng đồng ý, số đồng ý công đồng đồng ý và số phiếu biểu quyết;
- g. Tổng số phiếu biểu quyết đồng ý và tổng số phiếu biểu quyết, trong đó ghi rõ phần trăm biểu quyết, tổng số phiếu biểu quyết, không biểu quyết, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tổng số phiếu biểu quyết trên tổng số phiếu biểu quyết của công đồng đồng ý;
- h. Các vấn đề đã thông qua và tổng số phiếu biểu quyết thông qua từng vấn đề;
- i. Chủ tịch chủ tọa và thành viên.

Biên bản họp Hội đồng lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Hội đồng phải lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tịch và thành viên cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Hội đồng được coi là bằng chứng xác thực về nội dung công việc đã tiến hành tại cuộc họp Hội đồng trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản của các thành viên theo đúng quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi ghi biên bản.

4. Biên bản họp Hội đồng, phần trăm danh sách công đồng đồng ý kèm theo chủ tịch chủ tọa công đồng, văn bản quy định tham dự họp và tài liệu có liên quan và phải lưu giữ tại trụ sở chính của Công ty.

Điều 15. Công bố Nghị quyết và Biên bản họp HĐQT hoặc Biên bản kiểm phiếu tại các kỳ họp đầy đủ lần đầu tiên của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày họp.

Biên bản họp (hoặc Biên bản kiểm phiếu) và Nghị quyết của HĐQT phải được công bố trên trang thông tin internet của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ ngày họp. Ngày họp của Công ty phải công bố thông tin 24 giờ trước khi họp theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Thẩm quyền và Trình tự thực hiện công bố nghị quyết của HĐQT

HQĐT có quyền ủy quyền công bố nghị quyết của HĐQT bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

1. Trình tự thực hiện công bố nghị quyết của HĐQT: Các bộ phận ủy quyền công bố nghị quyết như sau:

a. Chủ tịch Tài liệu:

HQĐT phân công: Ủy viên ủy quyền, đồng thời quy định của HĐQT và các tài liệu ghi trình đồng thời quy định. HĐQT phân công bộ phận, công bố tài liệu cho các công đồng trong một thời gian hợp lý xem xét biểu quyết và phê duyệt ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp của phi ủy viên.

Phi ủy viên phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích ủy quyền;
- Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của công đồng là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quy định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của công đồng là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người di chuyển theo quy định của công đồng là tổ chức; số đăng ký kinh doanh và số phiếu biểu quyết của công đồng;
- Văn bản ủy quyền thông qua quy định;
- Phê duyệt biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến tại kỳ họp đầy đủ lần đầu tiên;
- Thời hạn phê duyệt Công ty phi ủy viên đã cử đại diện;
- Họ, tên, chức vụ của Chủ tịch HĐQT và người di chuyển theo pháp luật của Công ty.

- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến về nội dung;
- Các vấn đề đã thông qua;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đi đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định đã thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

g. Thông qua quyết định của HĐQT

Nghị quyết đã thông qua theo hình thức lấy ý kiến công bố công khai và có giá trị như nghị quyết đã thông qua tại cuộc họp HĐQT.

h. Lưu tài liệu

Phiếu lấy ý kiến đã xử lý, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã thông qua và tài liệu có liên quan sẽ kèm theo phiếu lấy ý kiến gửi lại cho các thành viên HĐQT.

2. HĐQT không công bố công khai trong những trường hợp có ý sau:

- Bổ sung hoặc bổ nhiệm thành viên HĐQT, khi số thành viên S thành viên HĐQT còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
- Xin ý kiến công bố công khai thông qua Nghị quyết HĐQT thường niên.

Điều 17. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của HĐQT

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp HĐQT hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến công bố công khai, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, công đoàn hoặc nhóm công đoàn quyền khởi kiện theo Điều 114 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của HĐQT trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến công bố công khai và ra quyết định của HĐQT không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trình tự họp quy định tại khoản 2 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.
3. Trình tự họp quyết định của HĐQT bất hợp pháp theo quy định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp HĐQT bất hợp pháp có thể xem xét thực hiện cuộc họp HĐQT theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

CHƯƠNG III – THÀNH VIÊN HĐQT VÀ HĐQT

M. C. I. C, NG C, B U, MI N NHI N VÀ BÃI NHI M THÀNH VIÊN HĐQT

Điều 18. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Có năng lực hành vi dân sự, không thuộc diện bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
 - b. Có trình độ, có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp.
 - c. Có sức khỏe, phẩm chất tốt, trung thực, liêm khiết, có hi vọng về tương lai.
 - d. Không có nghĩa vụ là thành viên HĐQT của quá 05 công ty khác.
 - e. Các điều kiện khác theo quy định của Pháp luật.
2. Tiêu chuẩn thành viên Hội đồng quản trị cấp như sau:
 - b. Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.
 - c. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên Hội đồng quản trị hưởng theo quy định;
 - d. Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là công nhân của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
 - e. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số phần vốn có quy định của công ty;
 - f. Không phải là người đã từng làm thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.
3. Chức vụ HĐQT không kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc.

Điều 19. Cách thức công, nhóm công nợ, công nợ vào vị trí thành viên HĐQT

Các công nợ mà ghi chép thông trong thời hạn liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quy định quy định của quy định của các thành viên HĐQT. Công nợ nhóm công nợ mà ghi chép 5% trở lên đến 10% số phần vốn có quy định của quy định trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng của một thành viên; từ 10% trở lên đến 30% của hai thành viên; từ 30% trở lên đến 50% của ba thành viên; từ 50% trở lên đến 65% của bốn thành viên và vượt 65% trở lên của các thành viên.

Các công nợ thông tin quy định phải thành nhóm thỏa mãn các điều kiện quy định của công nợ vào HĐQT. Việc hình thành nhóm này phải thông báo cho Hội đồng quản trị và các công nợ để hình thành Hội đồng kiểm soát ngay khi khai mạc Hội đồng.

Trình tự xử lý công nợ thành viên HĐQT thông qua và ngược lại không sử dụng nhân viên, HĐQT không nhiệm có thể thêm công nợ hoặc bớt công nợ theo cách của Công ty quy định tại Khoản 4, Điều 23 Quy chế này. Thời gian HĐQT không nhiệm ghi nhận công nợ thành viên HĐQT phải công bố rõ ràng và phải có Hội đồng kiểm soát thông qua trước khi tiến hành công theo quy định pháp luật.

Điều 20. Cách thức bầu thành viên HĐQT

1. Trong trường hợp số lượng thành viên HĐQT cũ bầu thì vị trí bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu trực tiếp, theo số phiếu có tổng số phiếu bầu bằng tổng số thành viên bầu của HĐQT và công có quy định hình thức phiếu bầu của mình cho một hoặc nhiều thành viên.

Phiếu bầu do Ban chấp hành HC chuẩn bị, có ghi danh sách thành viên, tổng số phiếu bầu của công, có đóng dấu treo Công ty.

Công nhận phiếu bầu, ghi số phiếu bầu cho thành viên mình lựa chọn. Phiếu bầu phải là không tẩy xóa, gập, rách, không viết thêm nội dung vào phiếu bầu hoặc bôi nhọ số lượng thành viên HĐQT được phép bầu.

Ngày trúng thành viên Hội đồng Quản trị xác định theo số phiếu bầu tính toán cao nhất, bắt đầu từ ngày có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi số thành viên Hội đồng Quản trị (mỗi một vị trí thành viên Hội đồng Quản trị) quy định tại Điều lệ Công Ty. Thành viên trúng thành viên Hội đồng Quản trị phải có ít nhất một (01) phiếu bầu. Mỗi một số lượng vị trí thành viên Hội đồng Quản trị theo Điều 26 của Điều lệ, các thành viên được chọn trực tiếp (tính theo số phiếu bầu cao nhất riêng cho các thành viên được chọn). Sau khi chọn số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, vị trí chọn các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại sẽ tính theo số phiếu bầu cao nhất (bao gồm các thành viên Hội đồng Quản trị không được chọn và được chọn). Trường hợp có từ 02 thành viên trở lên cùng số phiếu bầu nhau cho thành viên cụ thể của HĐQT thì sẽ tiến hành bốc thăm trong số các thành viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định của công ty.

2. Trong trường hợp số lượng thành viên mới bổ sung thành viên HĐQT cũ bầu thì vị trí bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu gián tiếp (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Tất cả bầu quy định thông qua thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ Công ty.

Điều 21. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a. Không có tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.
- b. Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 06 (sáu) tháng liên tiếp, trừ trường hợp bất khả kháng.
- c. Có xin thôi việc.
- d. Chết, mất quyền công dân, bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc kết án tù giam...
- e. Công ty phá sản, giải thể.
- f. Công là thành viên của tổ chức khác hoặc công có thay đổi nơi cư trú theo quy định pháp luật là thành viên HĐQT.

2. Thành viên HĐQT có thể bị bãi nhiệm theo quy định của HC.

Điều 22. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trên trang internet của Công ty và cho các cổ quan quản lý nhà nước theo trình tự và quy định của pháp luật.

Điều 23. Cách thức gọi thí tuyển thành viên HĐQT

1. HĐQT triệu tập cuộc họp HĐQT về việc bầu thành viên HĐQT phù hợp với nội dung báo cáo: số lượng, cấu trúc thành viên HĐQT, tiêu chuẩn tuyển thành viên tham gia bầu, cách thức thực hiện, quy trình và quy định chi tiết theo quy định tại Điều 19 Quy chế này. Việc bầu thành viên HĐQT thực hiện theo quy định của pháp luật.

2. Công ty ban hành thông báo công bố công khai về việc bầu thành viên HĐQT trong đó ghi rõ lý do bầu, số lượng, tiêu chuẩn và cách thức bầu, thủ tục thực hiện, ...

3. HĐQT thông qua danh sách ứng viên thông qua các kênh và thông tin về ứng viên nhằm mời các ứng viên ứng cử vào vị trí, tiêu chuẩn làm Thành viên HĐQT theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Trình tự sắp xếp ứng viên HĐQT thông qua các kênh và ứng viên không sắp xếp ứng cử thì, HĐQT sẽ chọn danh sách ứng viên theo các tiêu chí sau:

- Số lượng ứng viên: là số lượng còn thi tuyển sau khi thông qua danh sách ứng viên họp thông qua các kênh và ứng cử tại Khoản 3 Điều này.
- Ứng viên do HĐQT gọi thí tuyển phải là Thành viên HĐQT ứng nhiệm tại nhiệm kỳ quy định thông qua.
- Ứng viên do HĐQT gọi thí tuyển phải là ứng cử viên các vị trí, tiêu chuẩn theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

M C II. TRÌNH TỰ VÀ THỦ TỤC HỌP HĐQT**Điều 24. Thông báo và chuẩn bị nội dung họp**

1. Thông báo họp HĐQT phải được gửi cho các thành viên HĐQT ngày làm việc trước ngày họp.

Thông báo họp HĐQT phải nêu rõ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thiết về nội dung thảo luận và biên bản quy tắc cuộc họp và phiếu biểu quyết cho thành viên HĐQT không thể hiện mặt.

Cuộc họp HĐQT có thể tiến hành trực tiếp chính của Công ty hoặc tại địa điểm khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp và các quy định của HĐQT.

2. Chủ tịch HĐQT hoặc người triệu tập gọi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo gửi Trưởng Giám đốc mời các thành viên HĐQT. Trưởng Giám đốc có quyền đề cử các cuộc họp của HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

3. Thông báo miệng bằng văn bản, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải báo cáo bằng văn bản cho thành viên HĐQT để ký tại Công ty.

Thành viên HĐQT có thể chấp thuận thông báo miệng bằng văn bản, vì cách này có thể thay thế hoặc thay thế bằng văn bản của thành viên HĐQT.

Thành viên HĐQT có thể yêu cầu bổ sung nội dung chi tiết trình bày bằng văn bản, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác tại Chủ tịch HĐQT hoặc người đại diện.

4. Các hình thức họp khác

a. Cuộc họp của HĐQT có thể thực hiện theo hình thức trực tiếp hoặc qua phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp. Điều kiện để cuộc họp thực hiện theo quy định này là phải có đủ thành viên HĐQT, hoặc là phải có mặt Chủ tịch cuộc họp.

- Nghe tiếng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- Phát biểu và tiếp xúc các thành viên tham dự khác một cách riêng tư.

b. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp. Điều kiện để cuộc họp thực hiện theo quy định này là phải có đủ thành viên HĐQT, hoặc là phải có mặt Chủ tịch cuộc họp.

c. Các quyết định thông qua trong cuộc họp qua điện thoại trực tiếp và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp bằng phương tiện kỹ thuật như sau: Các thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.

Điều 25. Điều kiện thực hiện họp HĐQT

Các cuộc họp của HĐQT chỉ tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc qua điện thoại (ngay cả quy định). Trường hợp không đủ thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải trì hoãn tối thiểu 7 (bảy) ngày kể từ ngày dự họp lần tiếp theo. Cuộc họp trì hoãn chỉ tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.

Thành viên HĐQT chỉ có quyền cho người khác đại diện nếu là thành viên HĐQT họp thường.

Điều 26. Cách thức biểu quyết và thông qua Nghị quyết của HĐQT

1. Trường hợp nội dung Điều 25 này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người đại diện quy định trực tiếp có một phiếu cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có mặt (01) phiếu biểu quyết.

2. Thành viên HĐQT không biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên HĐQT không tính vào tổng số thành viên

từ thi u có m t có th t ch c cu c h p H QT v nh ng quy t nh mà thành viên ó không có quy n bi u quy t;

3. Theo quy nh t i kho n 4 i u này, khi có v n phát sinh trong m t cu c h p c a H QT liên quan n m c l ích c a thành viên H QT ho c liên quan n quy n bi u quy t c a m t thành viên mà nh ng v n ó không c gi i quy t b ng s t nguy n t b quy n bi u quy t c a thành viên H QT liên quan, nh ng v n phát sinh ó s c chuy n t i ch t a cu c h p và phán quy t c a ch t a liên quan n v n này s có giá tr là quy t nh cu i cùng, tr tr ng h p tính ch t ho c ph m vi l ích c a thành viên H QT liên quan ch a c công b y ;

4. Thành viên H QT h ng l i t m th p ng c quy nh t i i u 162 Lu t Doanh nghi p c coi là có l ích áng k trong h p ng ó.

5. Thành viên H QT có th g i phi u bi u quy t n cu c h p thông qua th , fax, th i n t . Tr ng h p g i phi u bi u quy t n cu c h p thông qua th , phi u bi u quy t ph i ng trong phong bì kín và ph i c chuy n n Ch t ch H QT ch m nh t m t (01) gi tr c khi khai m c. Phi u bi u quy t ch c m tr c s ch ng ki n c a t c ng i d h p.

6. H QT thông qua các quy t nh và ra ngh quy t trên c s a s thành viên H QT d h p tán thành. Tr ng h p s phi u tán thành và ph n i ngang b ng nhau, phi u bi u quy t c a Ch t ch H QT là phi u quy t nh.

7. Ngh quy t theo hình th c l y ý ki n b ng v n b n c thông qua trên c s ý ki n tán thành c a a s thành viên H QT có quy n bi u quy t. Ngh quy t này có hi u l c và giá tr nh ngh quy t c thông qua t i cu c h p.

i u 27. Biên b n h p H QT

1. Các cu c h p c a H QT ph i c ghi biên b n và có th ghi âm, ghi và l u gi d i hình th c i n t khác. Biên b n ph i l p b ng t i ng Vi t và có th l p thêm b ng t i ng n c ngoài, có các n i dung ch y u sau ây:

- a. Tên, a ch tr s chính, mã s doanh nghi p;
- b. M c ích, ch ng trình và n i dung h p;
- c. Th i gian, a i m h p;
- d. H , tên t ng thành viên d h p ho c ng i c y quy n d h p và cách th c d h p; h , tên các thành viên không d h p và lý do;
- e. Các v n c th o lu n và bi u quy t t i cu c h p;
- f. Tóm t t phát bi u ý ki n c a t ng thành viên d h p theo trình t di n bi n c a cu c h p;
- g. K t qu bi u quy t trong ó ghi rõ nh ng thành viên tán thành, không tán thành và không có ý ki n;
- h. Các v n ã c thông qua;
- i. H , tên, ch ký ch t a và ng i ghi biên b n.

Chức năng và nội dung biên bản họp chi ủy trách nhiệm và tính trung thực và chính xác của nội dung biên bản họp HĐQT.

2. Biên bản họp HĐQT và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải có nội dung chính xác của công ty.

3. Biên bản họp báo chí và thông tin ngoài có nội dung ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản họp báo chí và thông tin ngoài thì nội dung trong biên bản họp báo chí có nội dung áp dụng.

Điều 28. Thông báo Nghị quyết HĐQT

Sau khi ban hành Nghị quyết HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trên trang thông tin internet của Công ty và cho các cơ quan quản lý nhà nước theo trình tự và quy định của hiện hành.

CHƯƠNG IV - THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TIUBAN KIỂM TOÁN

Điều 29. Thành lập và Hoạt động của Tiểu ban Kiểm toán

1. Tiêu chuẩn của Thành viên Tiểu ban Kiểm toán

- Các thành viên HĐQT phải có trình độ không thấp hơn chi mức trong Tiểu ban Kiểm toán.
- HĐQT quy định có ít nhất một thành viên trong Tiểu ban kiểm toán có chuyên môn về tài chính, kế toán hoặc kiểm toán (có bằng cấp, chứng chỉ hoặc kinh nghiệm liên quan) và không làm việc cho bộ phận kế toán hoặc tài chính của Công ty.
- Các thành viên Tiểu ban Kiểm toán có chuyên môn và kinh nghiệm độc lập về quản lý tài chính, hoạt động, tuân thủ.

2. Quy định và trách nhiệm của Tiểu ban Kiểm toán

a. Khi có yêu cầu của Công đồng hoặc nhóm Công đồng quy định tại Khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này, chức năng và nhiệm vụ kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Tiểu ban Kiểm toán phải báo cáo kết quả trình và báo cáo yêu cầu kiểm tra Hội đồng Quản trị và Công đồng hoặc nhóm Công đồng có yêu cầu. Việc kiểm tra của Tiểu ban Kiểm toán quy định tại khoản này không có tính chất tố tụng bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn nội dung hoạt động kinh doanh của Công ty;

b. Xây dựng chế độ tiếp nhận ý kiến phản ánh, khi nhận được khiếu nại của nhân viên trong Công ty về các sai phạm, thiếu sót trong việc quản lý, nội dung hoạt động kinh doanh, quản trị tài chính, kiểm soát nội bộ. Công ty phải có biện pháp tiếp nhận và báo cáo quy định tại Điều lệ và các quy định khác có liên quan, khi nhận được khiếu nại, công nhân viên phải có trách nhiệm và các biện pháp xử lý sau đó.

c. Khi phát hiện thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty quy định tại Điều 160 của Luật Doanh nghiệp, Điều 35 và Điều 36 của Điều lệ này thì phải yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm, đồng thời gửi

thông báo ngay bằng văn bản Hội đồng Quản trị Hội đồng Quản trị ra quyết định xử lý;

d. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ tin cậy trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

e. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công Ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty theo quy định của Hội đồng Công hoc theo yêu cầu của Công hoc nhóm Công hoc quy định tại Khoản 3 điều 12 của Điều này;

f. Kiểm nghị Hội đồng Quản trị các biện pháp sai, bổ sung, cải tiến cụ thể của Công Ty

g. Tham mưu báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý của Công Ty. Lập nội dung tham mưu này trong báo cáo của Hội đồng Quản trị trình Hội đồng Công hoc tại cuộc họp thường niên.

h. Kiểm toán nội bộ: Tiểu Ban Kiểm Toán chịu trách nhiệm về hoạt động kiểm toán nội bộ của Công Ty.

i. Trong hoạt động kế toán, kiểm toán của Công Ty:

- Xu hướng nhân công ty kiểm toán cấp, mức phí kiểm toán và mức độ liên quan Hội đồng Quản trị trình Hội đồng Công hoc phê duyệt theo thẩm quyền tại Điều 48 của Điều này;
- Tholu nhân viên kiểm toán viên cấp và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
- Tholu nhân sự kiện khó khăn và tồn tại phát hiện các kết quả kiểm toán giữa khách hàng và các đơn vị kinh doanh mà kiểm toán viên cấp mua bán;
- Xem xét thẩm quyền lý của kiểm toán viên cấp;
- Giám sát tính cấp và khách quan của kiểm toán cấp.

j. Các quy định và trách nhiệm khác theo Điều này, Quy chế Quản trị Công ty, và quy định Pháp Luật.

3. Cuộc họp của Tiểu ban Kiểm toán Tiểu ban Kiểm toán tiến hành họp theo tholu nhân hàng quý trước cuộc họp quý của HĐQT. Thành phần tối thiểu của cuộc họp là 2/3 thành viên.

- Tùy theo công việc phân công, thành viên Tiểu ban Kiểm toán có thể yêu cầu họp riêng với lãnh đạo các đơn vị thuộc Ban điều hành.
- Tiểu ban Kiểm toán làm việc theo chế độ quy tắc. Trường hợp mâu thuẫn có sự bất đồng quy tắc ngang nhau thì bất đồng quy tắc bên có ý kiến của Trưởng tiểu ban sẽ là ý kiến quyết định.
- Trưởng Tiểu ban Kiểm toán có thể triệu tập cuộc họp, trao đổi riêng với từng thành viên trong Tiểu ban tholu nhân các chế độ riêng biệt.

CHƯƠNG V - QUY TRÌNH TỐT NGHIỆP, THỰC HÀNH, BỒI DƯỠNG, MIỄN NHIỆM CÔNG VIỆC QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 30. Các tiêu chuẩn lựa chọn ứng viên quản lý công ty

1. Tiêu chuẩn cơ bản ứng viên quản lý công ty

- Có năng lực hành vi dân sự, không thuộc diện cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- Có óc sáng tạo, trung thực, nhiệt tình và có uy tín;
- Nắm vững nghiệp vụ, chuyên môn lĩnh vực phụ trách;
- Có năng lực quản trị;

Các tiêu chuẩn riêng biệt cho từng vị trí (ngoại trừ Tổng Giám đốc) sẽ do Tổng Giám đốc xuất và Hội đồng Quản trị phê duyệt.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc/Phó Tổng Giám đốc

Ngoài những quy định tại Điều 65 Luật Doanh nghiệp, Tổng Giám đốc/Phó Tổng Giám đốc còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện dưới đây:

- Có kiến thức và kinh nghiệm quản lý Công ty: Từng trải nghiệm thực tiễn, có kinh nghiệm làm công việc quản lý, điều hành trong lĩnh vực hành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.
- Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, hiểu biết pháp luật.
- Các quy định khác theo quy định của Pháp luật.

Tùy theo từng giai đoạn phát triển của Công ty, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị quyết định.

3. Tiêu chuẩn lựa chọn Kế toán trưởng

Các tiêu chuẩn và điều kiện cho vị trí Kế toán trưởng như sau:

- Không thuộc diện ngừng nghiệp vụ quản lý công tác kế toán quy định tại Điều 52 Luật Kế toán.
- Có phẩm chất đạo đức, phẩm chất chuyên nghiệp, trung thực, có ý thức chấp hành và ưu tiên bảo vệ quyền lợi, chính sách, chính quyền quản lý tài chính và kinh tế theo quy định của pháp luật và của Công ty;

- Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ kế toán, có thể gian công tác thực tế trong ngành kế toán ít nhất là năm (05) năm và có chứng chỉ bồi dưỡng và cấp chứng chỉ kế toán trưởng ứng theo quy định của pháp luật kế toán.

Điều 31. Về bổ nhiệm người quản lý công ty

Người quản lý doanh nghiệp phải có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ Công ty và các mục tiêu ra trong hồ sơ và tài chính.

Hội đồng Quản trị bổ nhiệm thành viên trong Hội đồng Quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng Giám đốc. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là không quá năm (05) năm và có thể tái bổ nhiệm. Về bổ nhiệm có thể dựa trên hồ sơ vào các quy định hiện hành lao động.

Về bổ nhiệm người quản lý doanh nghiệp (trừ Tổng Giám đốc) gồm Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng ban nghiệp vụ và người quản lý khác do Hội đồng Quản trị phê chuẩn theo xu hướng của Tổng Giám đốc.

Theo nghĩa của Tổng Giám đốc và các sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị, Công ty có thể tuyển dụng người quản lý khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với các yêu cầu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng Quản trị quy định.

Người quản lý doanh nghiệp phải có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ Công ty và các mục tiêu ra trong hồ sơ và tài chính.

Điều 32. Ký hợp đồng lao động với người quản lý công ty

Sau khi có quyết định bổ nhiệm Tổng Giám đốc của Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc. Nội dung của Hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật về hợp đồng lao động và các thỏa thuận không trái với quy định của pháp luật.

Tổng Giám đốc hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị thực hiện ký hợp đồng lao động với người quản lý khác sau khi được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị.

Điều 33. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm người quản lý công ty

1. Về việc miễn nhiệm của Tổng Giám đốc:

Hội đồng Quản trị có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số (trên 50%) thành viên Hội đồng Quản trị họp có quyết định tán thành và bổ nhiệm thành viên Tổng Giám đốc mới thay thế.

Tổng Giám đốc có thể bị Hội đồng Quản trị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Do nhu cầu công tác, di chuyển, luân chuyển nhân sự của Công ty;
- b. Do sức khỏe không đảm bảo tiếp tục công tác;
- c. Và các trường hợp khác mà pháp luật cho phép

Tổng Giám đốc có thể bị Hội đồng Quản trị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty;

b. Vi phạm pháp luật nghiêm trọng của nhân viên truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc của nhân viên bị xử lý kỷ luật lao động;

c. Và những trường hợp khác mà pháp luật cho phép.

2. Nội quy nội bộ của công ty khác: vì các nhiệm vụ, bài nhiệm vụ do HĐQT quy định theo xu hướng của Tổng Giám đốc

Vì các nhiệm vụ, bài nhiệm vụ nêu trên không trái với các quy định theo hợp đồng của nhân viên bị xử lý kỷ luật (nếu có).

Điều 34. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm nội quy nội bộ công ty

Sau khi có quy định bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm hoặc cách chức nội quy nội bộ, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trên trang internet của Công ty và cho các cơ quan quản lý nhà nước theo trình tự và quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VI – THỰC TIỄN PHÁP LUẬT NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 35. Nguyên tắc làm việc và Phối hợp trong

1. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và nội quy nội bộ khác phải chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giao và phải nghiêm túc phối hợp trong bộ phận quy định để thực hiện pháp luật, công, phát triển Công ty.

2. Tất cả các thành viên đều có quy định rõ ràng về trách nhiệm hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ và có trách nhiệm giải trình về việc đó khi cần yêu cầu.

Các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau để làm việc theo đúng quy định của luật và pháp luật nhằm hiệu quả hành động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng những mục tiêu H C thông qua.

Điều 36. Phối hợp trong việc triển khai công việc

1. Phối hợp trong việc triển khai công việc

a. HĐQT khi cần thì sẽ sử dụng nhân sự và trang thiết bị Công ty phục vụ công tác của HĐQT. Nội quy công tác thực hiện H C, HĐQT thông báo cho Tổng Giám đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực từ các bộ phận (45) ngày trước ngày H C.

b. Tất cả các cuộc họp của HĐQT, Chủ tịch HĐQT hoặc Chủ tịch cuộc họp cần nội dung cuộc họp quy định của thành viên Ban Tổng Giám đốc và/hoặc nội quy nội bộ khác phải trách các mục công việc có liên quan để họp và tham gia đóng góp ý kiến (nếu có).

c. Tất cả các cuộc họp nội bộ hoặc tất cả các cuộc họp liên quan đến các nội dung quản trị do Tổng Giám đốc chủ trì, Chủ tịch cuộc họp cần vào nội dung cuộc họp quy định của

m i Ch t ch H QT và/ho c thành viên H QT đ h p và óng góp ý ki n (n u có). N i dung cu c h p c l p thành biên b n và g i cho Ch t ch H QT m t b n báo cáo.

d. i v i các v n mà H QT phê duy t theo T trình c a T ng Giám c, H QT ph n h i trong vòng b y (07) ngày làm vi c ho c m t th i h n khác do hai bên cùng th a thu n.

e. T ng Giám c có trách nhi m báo cáo b ng v n b n v vi c th c hi n nhi m v và quy n h n c giao theo nh k cho H QT (quý/06 tháng/n m) và cho H C th ng niên ho c khi c yêu c u.

f. Trong tr ng h p c p thi t, vì nh ng m c ích liên quan n nhi m v c a mình, thành viên H QT có quy n yêu c u T ng Giám c cung c p các thông tin v ho t ng c a Công ty. T ng Giám c ch u trách nhi m t o m i i u ki n thu n l i cho Ch t ch H QT và các thành viên H QT c ti p c n các thông tin, các báo cáo trong th i gian nhanh nh t.

g. T ng Giám c có quy n t ch i thi hành và b o l u các ý ki n c a mình i v i các quy t nh c a H QT n u nh n th y quy t nh này trái pháp lu t, i u l Công ty, các Quy ch qu n lý ho c Ngh quy t c a H C . Trong tr ng h p này, T ng Giám c ph i có báo cáo gi i trình ngay v i H QT b ng v n b n. Tr ng h p phát hi n r i ro có th nh h ng l n n uy tín ho c/và ho t ng s n xu t kinh doanh c a Công ty ho c phát sinh các s vi c xét th y c n thi t, T ng Giám c có trách nhi m báo cáo ngay cho H QT tr c ti p theo dõi và có bi n pháp x lý.

2. Ph i h p khác Ch t ch H QT và T ng Giám c t o i u ki n cho các thành viên H QT, thành viên Ban T ng Giám c và ng i qu n lý khác tham gia các khóa h c nghi p v , các ho t ng kh o sát th c t , các h i th o nghi p v trong và ngoài n c nh m trau d i, h c h i kinh nghi m, nâng cao ki n th c qu n tr , i u hành Công ty. Vi c tham gia các khóa h c, kh o sát, h i th o c a thành viên H QT, thành viên Ban T ng Giám c và ng i qu n lý khác không c nh h ng n công vi c chung c a Công ty.

i u 37. Các tr ng h p T ng Giám c ngh tri u t p h p H QT và nh ng v n c n xin ý ki n H QT

1. Yêu c u tri u t p h p H QT

Tr ng h p T ng Giám c phát hi n hành vi vi ph m pháp lu t ho c vi ph m i u l công ty c a thành viên H QT và ng i qu n lý khác, T ng Giám c ph i thông báo b ng v n b n v i H QT trong vòng 48 gi yêu c u tri u t p h p H QT, ng th i yêu c u ng i có hành vi vi ph m ch m đ t vi ph m và có gi i pháp kh c ph c h u qu .

T ng Giám c có th ngh tri u t p h p H QT khi nh n th y có s ki n gây nh h ng nghiêm tr ng t i ho t ng s n xu t c a Công ty.

2. Tổng Giám đốc có thể xin ý kiến cho các Hội đồng Quản trị khi thực hiện quy định và nhiệm vụ của mình tại khoản 3 điều 33 của Luật Công ty.

CHƯƠNG VII – ÁNH GIÁ HÀNG NĂM VÀ Khen thưởng và Kỷ luật Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và Quản lý khác

Điều 38. Ánh giá hoạt động

1. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn ánh giá hoạt động cho tất cả các vị trí là thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và quản lý khác.

2. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ phân công và các tiêu chuẩn ánh giá đã đề ra thì Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc thực hiện ánh giá hoạt động thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Tổng Giám đốc.

3. Việc ánh giá hoạt động của cán bộ quản lý khác do Tổng Giám đốc thực hiện hoặc có thể đưa vào bản ánh giá hoạt động của các cán bộ quản lý này.

4. Tiêu chí ánh giá hoạt động:

- Kết quả thực hiện công việc giao g m m c hoàn thành, khối lượng, chất lượng, hiệu quả công việc cá nhân, kết quả phát triển cá nhân.
- Phẩm chất, đạo đức, lối sống, nhân cách, tinh thần, việc tuân thủ và chấp hành nội quy Công ty, nội quy lao động, chế độ, chính sách của Công ty và quy định pháp luật.
- Năng lực cá nhân gồm kiến thức, trình độ chuyên môn, khả năng giải quyết vấn đề và khả năng giao tiếp, trình bày.
- Năng lực quản lý, lãnh đạo gồm khả năng quản lý và vận hành hệ thống quy trình, khả năng tạo động viên, quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, thái độ quan tâm, tham gia, lắng nghe.
- Tinh thần học tập nâng cao trình độ, trung thực, cầu thị trong công tác, ý thức trách nhiệm, tinh thần trách nhiệm trong công việc giao và vận hành nhiệm vụ.
- Hoàn thành, phối hợp trong và ngoài công ty, phối hợp nâng cao mối quan hệ hợp tác trong và ngoài Công ty.
- Mối quan hệ với nhân viên cấp dưới và người lao động trong Công ty.

Điều 39. Khen thưởng

Hội đồng Quản trị phối hợp cùng Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng quy chế khen thưởng. Việc khen thưởng thực hiện dựa trên kết quả ánh giá hoạt động tại điều 47 của Quy chế này.

Công ty sẽ tiến hành khen thưởng nhân viên có đóng góp cho tập thể hoặc cá nhân thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có đóng góp thành tích trong công tác quản lý hoặc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Điều 40. Klu t

- HĐQT/Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng hệ thống klu t dựa trên tính chất và mức độ ảnh hưởng của vi phạm. Việc klu t phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.
- Thành viên HĐQT cán bộ quản lý không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu và sứ mệnh trung thành, siêng năng, cần trng sự ph i ch u trách nhiệm cá nhân v nh ng thi t h i do mình gây ra.
- Thành viên HĐQT, các b qu n lý khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tu theo mức độ vi phạm mà xử lý klu t, vi phạm hành chính hoặc truy c u trách nhiệm hình s theo quy định của pháp luật và i u l Công ty. Tr ng h p gây thi t h i n l i ích của Công ty, công h c ng i khác s ph i b i th ng theo quy định của pháp luật.

CH NG VIII – TRÌNH T , TH T C L A CH N, B NHI M, MI N NHI M NG I PH TRÁCH QU N TR CÔNG TY

Điều 41. Việc bãi nhiệm người ph trách qu n tr Công ty

HQT có thể bãi nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người ph trách qu n tr công ty. Nhiệm vụ của Người ph trách qu n tr công ty do HĐQT, tối đa là 05 năm.

Điều 42. Các tiêu chuẩn lựa chọn người ph trách qu n tr Công ty

- Có năng lực hành vi dân sự, có óc ngh nghi p, trung th c, nh i t tình và có uy tín;
- Phải là người có hi u bi t v pháp luật, không c ng thi làm việc cho công ty khi m toán c l p ang th c hi n ki m toán các báo cáo tài chính của công ty.
- Có năng lực quản trị;
- Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, i u l và quy t nh c a HĐQT.

Điều 43. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm người ph trách qu n tr Công ty

HQT có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm người ph trách qu n tr Công ty khi a s (trên 50%) thành viên HĐQT đề nghị có quy định quy t tán thành và bãi nhiệm miễn Người ph trách qu n tr công ty mới thay thế.

Người ph trách qu n tr Công ty có thể c HĐQT miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Do nhu cầu công tác, i u chuy n, luân chuy n nhân s c a Công ty;

- b. Do sự khác biệt không thể phân biệt công tác;
- c. Và các trường hợp khác mà pháp luật cho phép.

Người phụ trách quản trị công ty có thể H. QT bất kỳ nhiệm vụ trong các trường hợp sau:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty;
- b. Vi phạm pháp luật nghiêm trọng hoặc truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành các biện pháp cải tạo lao động;
- c. Và những trường hợp khác mà pháp luật cho phép.

Việc bất kỳ nhiệm vụ nêu trên không trái với các quy định theo hợp đồng ký kết (nếu có).

Điều 44. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị Công ty, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan nhà nước quản lý, trên trang thông tin internet của Công ty theo trình tự và quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG IX - CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 45. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin nội bộ và bất kỳ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho công chúng và cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.
2. Công ty phải xây dựng và ban hành quy chế về công bố thông tin của công ty theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.

Việc công bố thông tin thực hiện theo những phương thức nhằm bảo vệ công chúng và nhà đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho công chúng và nhà đầu tư.

CHƯƠNG X – NỘI DUNG THÔNG TIN

Điều 46. Bổ sung và sửa đổi Quy chế quản trị Công ty

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Hội đồng Quản trị Công ty xem xét, biểu quyết và thông qua.

Điều 47. Hiệu lực

1. Quy chế này gồm 10 chương 47 điều, được Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần May Sông Hồng thông qua ngày 16 tháng 03 năm 2019 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của quy chế, từ quy định tại khoản 2 điều này.
2. Quy định tại khoản 2 điều 18 quy chế này có hiệu lực sau 03 năm kể từ ngày 1/8/2020.

Quy nh t i kho n l e i u 18 quy ch này có hi u l c sau 02 n m k t ngày 1/8/2019.

3. Quy ch này là duy nh t và chính th c a công ty.

4. Các b n sao ho c trích l c Quy ch v qu n tr công ty ph i có ch ký c a Ch t ch H QT ho c có ch ký c a ng i i di n theo pháp lu t m i có giá tr ./.

N i nh n:

- H QT, BKS VPCT;
- L u VPCT.

TM. H I NG QU N TR

CH T CH

M C L C

CHƯƠNG I – QUY ĐỊNH CHUNG.....	1
Điều 1. Ý nghĩa và Phạm vi điều chỉnh.....	1
Điều 2. Nguyên tắc quản trị nội bộ công ty.....	1
Điều 3. Giới thích thu thuế và chi phí tài trợ.....	1
CHƯƠNG II – CÔNG VÀ HỘI ĐỒNG.....	2
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ các công.....	2
Điều 5. Hình thức công.....	2
Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách công có quyền tham dự hội đồng.....	4
Điều 7. Trình tự họp HĐQT.....	4
Điều 8. Cách thức đăng ký tham dự HĐQT trước ngày khai mạc cuộc họp HĐQT.....	5
Điều 9. Cách thức đăng ký tham dự HĐQT và Kiểm tra tài cách điều lệ vào ngày tổ chức HĐQT.....	6
Điều 10. Cách thức bỏ phiếu.....	7
Điều 11. Cách thức kiểm phiếu.....	7
Điều 12. Thông báo kết quả kiểm phiếu.....	7
Điều 13. Các trường hợp miễn quyền biểu quyết của HĐQT.....	7
Điều 14. Lập Biên bản hội đồng.....	8
Điều 15. Công bố Nghị quyết và Biên bản họp HĐQT hoặc Biên bản kiểm phiếu tại kỳ họp lần đầu tiên kể từ ngày ra công chúng.....	9
Điều 16. Thẩm quyền và Trình tự thẩm định ý kiến công bố nội dung thông qua quyết định HĐQT.....	9
Điều 17. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của HĐQT.....	11
CHƯƠNG III – THÀNH VIÊN HĐQT VÀ HĐQT.....	11
Điều 18. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT.....	12
Điều 19. Cách thức công, nhóm công nghệ, công nghệ vào vị trí thành viên HĐQT.....	12
Điều 20. Cách thức bổ sung thành viên HĐQT.....	13
Điều 21. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT.....	13
Điều 22. Thông báo về bổ nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT.....	14
Điều 23. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT.....	14
Điều 24. Thông báo và chuẩn bị nội dung họp.....	14
Điều 25. Điều kiện tổ chức cuộc họp HĐQT.....	15
Điều 26. Cách thức biểu quyết và thông qua Nghị quyết của HĐQT.....	15
Điều 27. Biên bản họp HĐQT.....	16
Điều 28. Thông báo Nghị quyết HĐQT.....	17
CHƯƠNG IV - BKS VÀ THÀNH VIÊN BKS.....	17

i u 29.	Tiêu chu n và i u ki n làm Thành viên BKS	17
i u 30.	Cách th c c ng i và ng c vào v trí Thành viên BKS c a c ông, nhóm c ông.	Error! Bookmark not defined.
i u 31.	Cách th c b u Thành viên BKS.....	Error! Bookmark not defined.
i u 32.	Các tr ng h p mi n nhi m, bãi nhi m Thành viên BKSError! Bookmark not defined.	
i u 33.	Thông báo v b u, mi n nhi m, bãi nhi m Thành viên BKS.Error! Bookmark not defined.	
i u 34.	Cu ch p c a BKS.....	Error! Bookmark not defined.
CH NG V - QUY NH TRÌNH T , TH T C L A CH N, B NHI M, MI N NHI M NG I QU N LÝ CÔNG TY		19
i u 35.	Các tiêu chu n l a ch n ng i qu n lý công ty.....	19
i u 36.	Vi c b nhi m ng i qu n lý công ty.....	20
i u 37.	Ký h p ng lao ng v i ng i qu n lý công ty.....	20
i u 38.	Các tr ng h p mi n nhi m, bãi nhi m ng i qu n lý công ty.....	20
i u 39.	Thông báo b nhi m, mi n nhi m, bãi nhi m ng i qu n lý công ty.....	21
CH NG VI – TH T C PH I H P HO T NG GI A H QT, BKS VÀ T NG GIÁM C.....		21
i u 40.	Nguyên t c làm vi c và Ph i h p ho t ng.....	21
i u 41.	Ph i h p ho t ng gi a H QT v i BKS	Error! Bookmark not defined.
i u 42.	Ph i h p ho t ng gi a H QT v i T ng Giám c	21
i u 43.	Ph i h p ho t ng gi a BKS v i TG	Error! Bookmark not defined.
i u 44.	Các tr ng h p T ng Giám c và BKS ngh tri u t p h p H QT và nh ng v n c n xin ý ki n H QT.....	22
CH NG VII – ÁNH GIÁ HÀNG N M I V I HO T NG, KHEN TH NG VÀ K LU T I V I THÀNH VIÊN H QT, THÀNH VIÊN BKS, T NG GIÁM C VÀ NG I QU N LÝ KHÁC.....		23
i u 45.	ánh giá ho t ng.....	23
i u 46.	Khen th ng	23
i u 47.	K lu t.....	24
CH NG VIII – TRÌNH T , TH T C L A CH N, B NHI M, MI N NHI M NG I PH TRÁCH QU N TR CÔNG TY.....		24
i u 48.	Vi c b nhi m ng i ph trách qu n tr Công ty.....	24
i u 49.	Các tiêu chu n l a ch n ng i ph trách qu n tr Công ty.....	24
i u 50.	Các tr ng h p mi n nhi m, bãi nhi m ng i ph trách qu n tr Công ty.....	24
i u 51.	Thông báo b nhi m, mi n nhi m, bãi nhi m Ng i ph trách qu n tr Công ty	25
CH NG IX - CÔNG B THÔNG TIN.....		25
i u 52.	Ngh a v công b thông tin.....	25

CH NG X – I U KHO N THI HÀNH	25
i u 53. B sung và s a i Quy ch v qu n tr Công ty.....	25
i u 54. Hi u l c	25

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÔNG HỒNG
Địa chỉ: 105 Nguyễn Huệ – Thành phố Hồ Chí Minh

QUY ĐỊNH CHỨC VÀ HỌ TÊN

(Đã đính kèm)

Tháng 3 năm 2019

M C L C

PH N M U.....	4
I. NH NGH A CÁC THU T NG TRONG I U L	4
i u 1. nh ngh a.....	4
II. TÊN, HÌNH TH C, TR S , CHI NHÁNH, V N PHÒNG I DI N VÀ TH I H N HO T NG C A CÔNG TY	5
i u 2. Tên, hình th c, tr s , chi nhánh, v n phòng i di n và th i h n ho t ng c a Công ty.....	5
III. M C TIÊU, PH M VI KINH DOANH VÀ HO T NG C A CÔNG TY.....	6
i u 3. M c tiêu ho t ng c a Công ty.....	6
i u 4. Ph m vi kinh doanh và ho t ng.....	6
IV. V N I U L , C PH N, C ÔNG SÁNG L P	6
i u 5. V n i u l , c ph n, c ông sáng l p.....	6
i u 6. Ch ng nh n c phi u.....	7
i u 7. Ch ng ch ch ng khoán khác.....	7
i u 8. Chuy n nh ng c ph n	7
i u 9. Thu h i c ph n.....	8
i u 10. Mua l i c ph n.....	9
V. C C UT CH C, QU N TR VÀ KI M SOÁT	9
i u 11. C c ut ch c qu n lý, qu n tr và ki m soát.....	9
VI. C ÔNG VÀ I H I NG C ÔNG.....	9
i u 12. Quy n c a c ông.....	9
i u 13. Ngh a v c a c ông.....	10
i u 14. i h i ng c ông.....	11
i u 15. Quy n và nhi m v c a i h i ng c ông.....	12
i u 16. Các i di n c y quy n.....	13
i u 17. Thay i các quy n.....	14
i u 18. Tri ut p i h i ng c ông, ch ng trình h p, và thông báo h p i h i ng c ông.....	14
i u 19. Các i u ki n ti n hành h p i h i ng c ông.....	15
i u 20. Th th c ti n hành h p và bi u quy t t i i h i ng c ông.....	16
i u 21. Thông qua quy t nh c a i h i ng c ông.....	17
i u 22. Th m quy n và th th c l y ý ki n c ông b ng v n b n thông qua quy t nh c a i h i ng c ông.....	18
i u 23. Biên b nh p i h i ng c ông.....	20
i u 24. Yêu c u h y b quy t nh c a i h i ng c ông.....	20
i u 25. Hi u l c các ngh quy t, quy t nh c a i h i ng c ông.....	21
VII. H I NG QU N TR	21
i u 26. Thành ph n và nhi m k c a thành viên H i ng qu n tr	21
i u 27. Quy n h n và nhi m v c a H i ng qu n tr	22
i u 28. Ch t ch H i ng qu n tr	23
i u 29. Các cu ch p c a H i ng qu n tr	24
VIII. T NG GIÁM C I U HÀNH, NG I QU N LÝ DOANH NGHI P KHÁC VÀ TH KÝ CÔNG TY.....	28
i u 30. T ch c b máy qu n lý.....	28
i u 31. Ng i qu n lý doanh nghi p.....	28
i u 32. B nhi m, mi n nhi m, nhi m v và quy n h n c a T ng giám c i u hành.....	28
i u 33. Th ký Công ty.....	30
IX. NHI M V C A THÀNH VIÊN H I NG QU N TR , BAN KI M SOÁT, T NG GIÁM C I U HÀNH VÀ NG I QU N LÝ DOANH NGHI P.....	30
i u 34. Trách nhi m c n tr ng	30

i u 35. Trách nhi m trung th c và tránh các xung t v quy n l i.....	31
i u 36. Trách nhi m v thi th i và b i th ng	31
X. BAN KI M SOÁT	31
i u 37. Thành viên Ban ki m soát.....	Error! Bookmark not defined.
i u 38. Ban ki m soát.....	Error! Bookmark not defined.
XI. QUY N I U TR A S SÁCH VÀ H S CÔNG TY.....	32
i u 39. Quy n i u tra s sách và h s	32
XII. PHÂN CHIA L I NHU N.....	32
i u 40. C t c.....	32
i u 41. Các v n khác liên quan n phân ph i l i nhu n.....	33
XIII. TÀI KHO N NGÂN HÀNG, QU D TR , N M TÀI CHÍNH VÀ H TH NG K TOÁN.....	33
i u 42. Tài kho n ngân hàng	33
i u 43. N m tài khóa	33
i u 44. H th ng k toán	33
XIV. TRÁCH NHI M CÔNG B THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG.....	34
i u 45. Báo cáo hàng n m.....	34
i u 46. Công b thông tin và thông báo ra công chúng	34
XV. KI M TOÁN CÔNG TY.....	34
i u 47. Ki m toán.....	34
XVI. CON D U	35
i u 48. Con d u	35
XVII. CH M D THO T NG VÀ THANH LÝ	35
i u 49. Ch m d tho t ng.....	35
i u 50. Tr ng h p b t c gi a các thành viên H i ng qu n tr và c ông.....	35
i u 51. Thanh lý	36
XVIII. GI I QUY T TRANH CH P N I B	36
i u 52. Gi i quy t tranh ch p n i b	36
XIX. B SUNG VÀ S A I I U L	37
i u 53. B sung và s a i i ul	37
XX. NGÀY HI U L C.....	37
i u 54. Ngày hi u l c.....	37

PH N M U

i u l này c a Công ty c ph n May Sông H ng (d i ây g i là "Công ty"), là c s pháp lý cho Công ty ho t ng theo Lu t Doanh nghi p s 68/2014/QH13 c Qu c h i n c C ng hòa Xã h i Ch ngh a Vi t Nam khóa XIII, k h p th 8 thông qua ngày 26 tháng 11 n m 2014; Lu t Ch ng khoán s 70/2006/QH11 ã c Qu c h i n c C ng hòa xã h i ch ngh a Vi t Nam thông qua ngày 29/06/2006 và Lu t s a i b sung m t s i u c a Lu t ch ng khoán s 62/2010/QH12 ã c Qu c h i n c C ng hòa xã h i ch ngh a Vi t Nam thông qua ngày 24/11/2010 và Ngh nh s 71/2017/N -CP h ng đ n v qu n tr công ty áp đ ng i v i công ty i chúng c Chính Ph ban hành ngày 6/6/2017.

i u l , các quy nh c a Công ty, các ngh quy t c a i h i ng c ông và H i ng qu n tr n u ã c thông qua m t cách h p l phù h p v i lu t pháp liên quan s là nh ng quy t c và quy nh ràng bu c ti n hành ho t ng kinh doanh c a Công ty.

i u l này c thông qua b i i h i ng c ông c a Công ty c t ch c chính th c vào ngày 16 tháng 03 n m 2019, thay th cho i u l c i h i ng c ông thông qua ngày 12/05/2018, c s a i b sung phù h p v i nh ng quy nh c a pháp lu t hi n hành và tình hình ho t ng kinh doanh c a Công ty.

I. NH NGH A CÁC THU T NG TRONG I U L

i u 1. nh ngh a

1. Trong i u l này, nh ng thu t ng d i ây s c hi u nh sau:
 - a. "V n i u l " là t ng giá tr m nh giá c ph n ã bán và quy nh t i i u 5 c a i u l này.
 - b. "Lu t Doanh nghi p" có ngh a là Lu t Doanh nghi p s 68/2014/QH13 c Qu c h i thông qua ngày 26 tháng 11 n m 2014.
 - c. "Lu t Ch ng khoán" có ngh a là Lu t Ch ng khoán s 70/2006/QH11 ã c Qu c h i n c C ng hòa xã h i Ch ngh a Vi t Nam thông qua ngày 29 tháng 06 n m 2006 và Lu t s a i b sung m t s i u c a Lu t Ch ng khoán s 62/2010/QH12 ã c Qu c h i n c C ng hòa xã h i ch ngh a Vi t Nam thông qua ngày 24/11/2010.
 - d. "Ngày thành l p" là ngày Công ty c c p Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh l n u.
 - e. "Ng i qu n lý doanh nghi p" là T ng giám c i u hành, Phó T ng giám c, Giám c tài chính, K toán tr ng, và các v trí qu n lý khác trong Công ty c H i ng qu n tr phê chu n.
 - f. "Ng i có liên quan" là cá nhân ho c t ch c nào c quy nh t i kho n 17 i u 4 c a Lu t Doanh nghi p.
 - g. "Th i h n ho t ng" là th i h n ho t ng c a Công ty c quy nh t i i u 2 c a i u l này và th i gian gia h n (n u có) c i h i ng c ông c a Công ty thông qua b ng ngh quy t.
 - h. "Vi t Nam" là n c C ng hoà Xã h i Ch ngh a Vi t Nam.

i. “Ti u Ban Ki m Toán” có ngh a là Ban ki m toán n i b tr c thu c H i ng Qu n tr nh c quy nh t i i m b, Kho n l, i u 134 c a Lu t Doanh Nghi p.

j. “Quy Ch Qu n Tr Công Ty” là v n b n t p h p các nguyên t c, quy nh v i u hành, qu n lý Công Ty c ban hành theo th m quy n, trình t th t c c a Công Ty và phù h p v i quy nh c a Pháp Lu t t i t ng th i i m.

2. Trong i u l này, các tham chi u t i m t ho c m t s quy nh ho c v n b n khác s bao g m c nh ng s a i ho c v n b n thay th chúng.

3. Các tiêu (ch ng, i u c a i u l này) c s d ng nh m thu n t i n cho vi c hi u n i dung và không nh h ng t i n i dung c a i u l này;

4. Các t ho c thu t ng ã c nh ngh a trong Lu t Doanh nghi p (n u không mâu thu n v i ch th ho c ng c nh) s có ngh a t ng t trong i u l này.

II. TÊN, HÌNH TH C, TR S , CHI NHÁNH, V N PHÒNG I DI N VÀ TH I H N HO T NG C A CÔNG TY

i u 2. Tên, hình th c, tr s , chi nhánh, v n phòng i di n và th i h n ho t ng c a Công ty

1. Tên Công ty

- o Tên ti ng Vi t: CÔNG TY C PH N MAY SÔNG H NG.
- o Tên ti ng Anh: Sông H ng Garment Joint Stock Company.
- o Tên giao d ch: Song Hong Garment Joint Stock Company.
- o Tên vi t t t: Song Hong Garment JSC

2. Công ty là công ty c ph n có t cách pháp nhân phù h p v i pháp lu t hi n hành c a Vi t Nam.

3. Tr s ng ký c a Công ty là:

o a ch : 105 Nguy n c Thu n, TP. Nam nh, T nh Nam nh, Vi t Nam.

- o i n tho i: (84) 2283. 649365
- o Fax: (84) 2283. 646737
- o E-mail: info@songhong.vn
- o Website: www.songhong.vn

4. Ch t ch H i ng Qu n tr là i di n theo pháp lu t c a Công ty.

5. Công ty có th thành l p chi nhánh và v n phòng i di n t i a bàn kinh doanh th c hi n các m c tiêu ho t ng c a Công ty phù h p v i ngh quy t c a H i ng qu n tr và trong ph m vi lu t pháp cho phép.

6. Tr khi ch m d t ho t ng tr c th i h n theo i u 48.4 và i u 49 c a i u l này, th i h n ho t ng c a Công ty s b t u t ngày thành l p và là vô th i h n.

III. M C TIÊU, PH M VI KINH DOANH VÀ HO T NG C A CÔNG TY

i u 3. M c tiêu ho t ng c a Công ty

1. Lĩnh v c kinh doanh c a Công ty là s n xu t, kinh doanh các s n ph m may m c, các lo i v t t , thi t b , hàng hoá ph c v cho ngành công nghi p d t may và các s n ph m công nghi p ph c v dân sinh.

2. M c tiêu ho t ng c a Công ty: n nh phát tri n, phát tri n t n t i. Không ng ng nâng cao i s ng v t ch t, v n hoá, tinh th n cho ng i lao ng, t ng tr ng l i t c c ông và tích lu n n tài chính b n v ng. Ph n u tr thành m t t p oàn l n trong ngành d t may Vi t Nam.

i u 4. Ph m vi kinh doanh và ho t ng

1. Công ty c phép l p k ho ch và ti n hành t t c các ho t ng kinh doanh theo quy nh c a Gi y ch ng nh n ng ký doanh nghi p và i u l này phù h p v i quy nh c a pháp lu t hi n hành và th c hi n các bi n pháp thích h p t c các m c tiêu c a Công ty.

2. Công ty có th ti n hành ho t ng kinh doanh trong các lĩnh v c khác c pháp lu t cho phép và c i h i ng c ông thông qua.

IV. V N I U L , C PH N, C ÔNG SÁNG L P

i u 5. V n i u l , c ph n, c ông sáng l p

1. V n i u l c a Công ty là 476.280.000.000 VND

(B ng ch : B n tr m b y m i sáu t hai tr m tám m i tri u ng ch n)

T ng s v n i u l c a Công ty c chia thành 47.628.000 c ph n v i m nh giá là 10.000 ng/c ph n.

2. Công ty có th t ng v n i u l khi c i h i ng c ông thông qua và phù h p v i các quy nh c a pháp lu t.

3. Các c ph n c a Công ty u là c ph n ph thông.

4. Công ty có th phát hành các lo i c ph n u ã khác sau khi có s ch p thu n c a i h i ng c ông và phù h p v i các quy nh c a pháp lu t.

5. C ph n ph thông ph i c u tiên chào bán cho các c ông hi n h u theo t l t ng ng v i t l s h u c ph n ph thông c a h trong Công ty, tr tr ng h p i h i ng c ông quy nh khác. S c ph n c ông không ng ký mua h t s do H i ng qu n tr c a Công ty quy t nh. H i ng qu n tr có th phân ph i s c ph n ó cho các i t ng theo các i u ki n và cách th c mà H i ng qu n tr th y là phù h p, nh ng không c bán s c ph n ó theo các i u ki n thu n l i h n so v i nh ng i u ki n ã chào bán cho các c ông hi n h u, tr tr ng h p c ph n c bán qua S Giao d ch Ch ng khoán theo ph ng th c u giá.

6. Công ty có th mua c ph n do chính công ty ã phát hành (k c c ph n u ã hoàn l i) theo nh ng cách th c c quy nh trong i u l này và pháp lu t hi n hành. C

ph n do Công ty mua l i là c phi u qu và H i ng qu n tr có th chào bán theo nh ng cách th c phù h p v i quy nh c a i u l này và Lu t Ch ng khoán và v n b n h ng d n liên quan.

7. Công ty có th phát hành các lo i ch ng khoán khác khi c i h i ng c ông nh t trí thông qua b ng v n b n và phù h p v i quy nh c a pháp lu t v ch ng khoán và th tr ng ch ng khoán.

8. Tên, a ch , s l ng c ph n và các chi ti t khác v c ông sáng l p theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p s c nêu t i Ph l c s 01 ính kèm. Ph l c này là m t ph n c a i u l này.

i u 6. Ch ng nh n c phi u

1. Công c a Công ty c c p ch ng nh n c phi u t ng ng v i s c ph n và lo i c ph n s h u.

2. Ch ng nh n c phi u ph i có d u c a Công ty và ch ký c a i di n theo pháp lu t c a Công ty theo các quy nh t i Lu t Doanh nghi p. Ch ng nh n c phi u ph i ghi rõ s l ng và lo i c phi u mà c ông n m gi , h và tên ng i n m gi và các thông tin khác theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p. Tr ng h p c ông có thay i a ch th ng trú thì ph i thông báo k p th i v i công ty c p nh t vào s ng ký c ông. Công ty không ch u trách nhi m v vi c không liên l c c v i c ông do không c thông báo thay i a ch c a c ông.

3. Trong th i h n hai tháng (ho c th i h n khác theo i u ki n phát hành quy nh), ng i s h u s c ph n s c c p ch ng nh n c phi u. Ng i s h u c ph n không ph i tr cho công ty chi phí in ch ng nh n c phi u.

4. Tr ng h p ch ng nh n c phi u ghi danh b h ng ho c b t y xoá ho c b ánh m t, m t c p ho c b tiêu hu , ng i s h u c phi u ó có th yêu c u c c p ch ng nh n c phi u m i v i i u ki n ph i a ra b ng ch ng v v i c s h u c ph n và thanh toán m i chi phí liên quan cho Công ty.

i u 7. Ch ng ch ch ng khoán khác

Ch ng ch trái phi u ho c các ch ng ch ch ng khoán khác c a Công ty (tr các th chào bán, các ch ng ch t m th i và các tài li u t ng t), s c phát hành có d u và ch ký m u c a i di n theo pháp lu t c a Công ty

i u 8. Chuy n nh ng c ph n

1. T t c các c ph n u có th c t do chuy n nh ng tr khi i u l này và pháp lu t có quy nh khác. C phi u niêm y t trên S Giao d ch Ch ng khoán s c chuy n nh ng theo các quy nh c a pháp lu t v ch ng khoán và th tr ng ch ng khoán.

2. C ph n ch a c thanh toán y không c chuy n nh ng và h ng các quy n l i liên quan nh quy n nh n c t c, quy n nh n c phi u phát hành t ng v n c ph n t ngu n v n ch s h u, quy n mua c phi u m i chào bán.

3. Vi c chuy n nh ng c th c hi n b ng h p ng theo cách thông th ng ho c thông qua giao d ch trên th tr ng ch ng khoán. Tr ng h p chuy n nh ng b ng h p ng thì gi y t chuy n nh ng ph i c bên chuy n nh ng và bên nh n chuy n nh ng

ho c i đi n y quy n c a h ký. Tr ng h p chuy n nh ng thông qua giao d ch trên th tr ng ch ng khoán, trình t , th t c và vi c ghi nh n s h u th c hi n theo quy nh c a pháp lu t v ch ng khoán.

4. Tr ng h p c ông là cá nhân ch t thì ng i th a k theo di chúc ho c theo pháp lu t c a c ông ó là c ông c a công ty.

5. Tr ng h p c ph n c a c ông là cá nhân ch t mà không có ng i th a k , ng i th a k t ch i nh n th a k ho c b tru t quy n th a k thì s c ph n ó c gi i quy t theo quy nh c a pháp lu t v dân s .

6. C ông có quy n t ng cho m t ph n ho c toàn b c ph n c a mình t i công ty cho ng i khác; s d ng c ph n tr n . Tr ng h p này, ng i c t ng cho ho c nh n tr n b ng c ph n s là c ông c a công ty.

7. Tr ng h p c ông chuy n nh ng m t s c ph n thì c phi u c b h y b và công ty phát hành c phi u m i ghi nh n s c ph n ã chuy n nh ng và s c ph n còn l i.

8. Ng i nh n c ph n trong các tr ng h p quy nh t i i u này ch tr thành c ông công ty t th i i m các thông tin c a h quy nh t i kho n 2 i u 121 Lu t doanh nghi p c ghi y vào s ng ký c ông.

i u 9. Thu h i c ph n

1. Tr ng h p c ông không thanh toán y và úng h n s t i n ph i tr mua c phi u, H i ng qu n tr thông báo và có quy n yêu c u c ông ó thanh toán s t i n còn l i cùng v i lãi su t trên kho n t i n ó và nh ng chi phí phát sinh do vi c không thanh toán y gây ra cho Công ty theo quy nh.

2. Thông báo thanh toán nêu trên ph i ghi rõ th i h n thanh toán m i (t i thi u là b y ngày k t ngày g i thông báo), a i m thanh toán và thông báo ph i ghi rõ tr ng h p không thanh toán theo úng yêu c u, s c ph n ch a thanh toán h t s b thu h i.

3. H i ng qu n tr có quy n thu h i các c ph n ch a thanh toán y và úng h n trong tr ng h p các yêu c u trong thông báo nêu trên không c th c hi n.

4. C ph n b thu h i c coi là các c ph n c quy n chào bán. H i ng qu n tr có th tr c t i p ho c y quy n bán, tái phân ph i ho c gi i quy t cho ng i ã s h u c ph n b thu h i ho c các i t ng khác theo nh ng i u ki n và cách th c mà H i ng qu n tr th y là phù h p.

5. C ông n m gi c ph n b thu h i s ph i t b t cách c ông i v i nh ng c ph n ó, nh ng v n ph i thanh toán t t c các kho n t i n có liên quan c ng v i t i n lãi theo t l (không quá 12% m t n m) vào th i i m thu h i theo quy t nh c a H i ng qu n tr k t ngày thu h i cho n ngày th c hi n thanh toán. H i ng qu n tr có toàn quy n quy t nh vi c c ng ch thanh toán toàn b giá tr c phi u vào th i i m thu h i.

6. Thông báo thu h i s c gi n ng i n m gi c ph n b thu h i tr c th i i m thu h i. Vi c thu h i v n có hi u l c k c trong tr ng h p có sai sót ho c b t c n trong vi c g i thông báo.

i u 10. Mua l i c ph n

1. Mua l i c ph n theo yêu c u c a c ông: C ông bi u quy t ph n i quy t nh v i c t ch c l i công ty ho c thay i quy n, ngh a v c a c ông quy nh t i i u l công ty có quy n yêu c u Công ty mua l i c ph n c a mình và Công ty ph i mua l i c ph n ó theo quy nh t i i u 129 Lu t Doanh nghi p.

2. Mua l i c ph n theo quy t nh c a Công ty: Công ty có quy n mua l i không quá 30% (ba m i ph n tr m) t ng s c ph n ph thông ã bán. H i ng qu n tr có quy n quy t nh mua l i không quá 10% (m i ph n tr m) t ng s c ph n c a t ng lo i ã c chào bán trong m i 12 (m i hai) tháng. Tr ng h p khác, vi c mua l i c ph n do i h i ng c ông quy t nh.

3. H QT quy t nh giá mua l i c ph n. i v i c ph n ph thông, giá mua l i không c cao h n giá th tr ng t i th i i m mua l i.

4. Vi c mua l i c ph n c a Công ty ch c phép th c hi n n u ngay sau khi thanh toán h t s c ph n c mua l i, công ty v n b o m thanh toán các kho n n và ngh a v tài s n khác.

5. C ph n c mua l i c coi là c ph n ch a bán theo quy nh t i kho n 4 i u 111 c a Lu t Doanh nghi p. Công ty ph i làm th t c i u ch nh gi m v n i u l t ng ng v i t ng giá tr m nh giá các c ph n c công ty mua l i trong th i h n 10 (m i) ngày, k t ngày hoàn thành vi c thanh toán mua l i c ph n, tr tr ng h p pháp lu t v ch ng khoán có quy nh khác.

6. C phi u xác nh n quy n s h u c ph n ã c mua l i ph i c tiêu h y ngay sau khi c ph n t ng ng ã c thanh toán .

7. Sau khi thanh toán h t s c ph n mua l i, n u t ng giá tr tài s n c ghi trong s k toán c a công ty gi m h n 10% thì công ty ph i thông báo cho t t c các ch n bi t trong th i h n 15 ngày, k t ngày thanh toán h t s c ph n mua l i.

V. C C UT CH C, QU N TR VÀ KI M SOÁT

i u 11. Mô hình qu n tr

Mô hình qu n tr c a Công ty bao g m:

- a. i h i ng c ông;
- b. H i ng qu n tr ;
- c. T ng giám c;

VI. C ÔNG VÀ I H I NG C ÔNG

i u 12. Quy n c a c ông

1. C ông là ng i ch s h u Công ty, có các quy n và ngh a v t ng ng theo s c ph n và lo i c ph n mà h s h u. C ông ch ch u trách nhi m v n và các ngh a v tài s n khác c a Công ty trong ph m vi s v n ã góp vào Công ty.

2. Ng i n m gi c ph n ph thông có các quy n sau:

a. Tham d và phát bi u trong các i h i ng c ông và th c hi n quy n bi u quy t tr c ti p ho c thông qua i di n theo y quy n ho c theo hình th c khác quy nh t i i u 140 Lu t doanh nghi p, i u l công ty. M i c ph n ph thông có m t phi u bi u quy t;

b. Nh n c t c v i m c theo quy t nh c a i h i ng c ông;

c. T do chuy n nh ng c ph n ã c thanh toán y theo quy nh c a i u l này và pháp lu t hi n hành;

d. c u tiên mua c phi u m i chào bán t ng ng v i t l c ph n ph thông mà h s h u;

e. Xem xét, tra c u và trích l c các thông tin liên quan n c ông trong danh sách c ông t cách tham gia i h i ng c ông và yêu c u s a i các thông tin không chính xác;

f. Xem xét, tra c u, trích l c ho c sao ch p i u l công ty, s biên b n h p i h i ng c ông và các ngh quy t c a i h i ng c ông;

g. Tr ng h p Công ty gi i th ho c phá s n, c nh n m t ph n tài s n còn l i t ng ng v i s c ph n góp v n vào công ty sau khi Công ty ã thanh toán cho ch n và các c ông lo i khác theo quy nh c a pháp lu t;

h. Yêu c u Công ty mua l i c ph n c a h trong các tr ng h p quy nh c a Lu t Doanh nghi p;

i. Các quy n khác theo quy nh c a i u l này và pháp lu t.

3. C ông ho c nhóm c ông n m gi trên 5% t ng s c ph n ph thông trong th i h n liên t c t sáu tháng tr lên có các quy n sau:

a. c các ng viên H i ng qu n tr theo quy nh t ng ng t i các i u 26.3;

b. Yêu c u H i ng qu n tr th c hi n vi c tri u t p i h i ng c ông theo các quy nh t i i u 114 và i u 136 Lu t Doanh nghi p;

c. Xem xét và trích l c s biên b n và các ngh quy t c a H i ng qu n tr , báo cáo tài chính gi a n m và h ng n m theo m u c a h th ng k toán Vi t Nam.

d. Yêu c u H i ng qu n tr ki m tra t ng v n c th liên quan n qu n lý, i u hành ho t ng c a công ty khi xét th y c n thi t. Yêu c u ph i th hi n b ng v n b n; ph i có h , tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s Gi y ch ng minh nhân dân, H chi u ho c ch ng th c cá nhân h p pháp khác i v i c ông là cá nhân; tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s quy t nh thành l p ho c s ng ký kinh doanh i v i c ông là t ch c; s l ng c ph n và th i i m ng ký c ph n c a t ng c ông, t ng s c ph n c a c nhóm c ông và t l s h u trong t ng s c ph n c a công ty; v n c n ki m tra, m c ích ki m tra; Trong tr ng h p này, vi c ki m tra do Tì u Ban Ki m toán tr c ti p th c hi n và báo cáo.

e. Các quy n khác c quy nh t i i u l này.

i u 13. Ngh a v c a c ông

C ông có ngh a v sau:

1. Tuân th i u l Công ty và các quy ch c a Công ty; ch p hành quy t nh c a i h i ng c ông, H i ng qu n tr ;
2. Tham gia các cu c h p i h i ng c ông và th c hi n quy n bi u quy t tr c ti p ho c thông qua i di n c y quy n ho c hình th c khác do pháp lu t, i u l công ty quy nh. C ông có th y quy n cho thành viên H i ng qu n tr làm i di n cho mình t i i h i ng c ông.
3. Thanh toán ti n mua c ph n ã ng ký mua theo quy nh;
4. Cung c p a ch chính xác khi ng ký mua c ph n;
5. Hoàn thành các ngh a v khác theo quy nh c a pháp lu t hi n hành;
6. Ch u trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty d i m i hình th c th c hi n m t trong các hành vi sau ây:
 - a. Vi ph m pháp lu t;
 - b. Ti n hành kinh doanh và các giao d ch khác t l i ho c ph c v l i ích c a t ch c, cá nhân khác;
 - c. Thanh toán các kho n n ch a n h n tr c nguy c tài chính có th x y ra i v i công ty.

i u 14. i h i ng c ông

1. i h i ng c ông là c quan có th m quy n cao nh t c a Công ty. i h i c ông th ng niên c t ch c m i n m m t l n. i h i ng c ông ph i h p th ng niên trong th i h n b n tháng, k t ngày k t thúc n m tài chính.
2. H i ng qu n tr t ch c tri u t p h p i h i ng c ông th ng niên và l a ch n a i m phù h p. i h i ng c ông th ng niên quy t nh nh ng v n theo quy nh c a pháp lu t và i u l Công ty, c bi t thông qua các báo cáo tài chính hàng n m và đ toán cho n m tài chính ti p theo. Các ki m toán viên c l p c m i tham d i h i t v n cho vi c thông qua các báo cáo tài chính hàng n m.
3. H i ng qu n tr ph i tri u t p i h i ng c ông b t th ng trong các tr ng h p sau:
 - a. H i ng qu n tr xét th y c n thi t vì l i ích c a Công ty;
 - b. B ng cân i k toán hàng n m, các báo cáo quý ho c n a n m ho c báo cáo ki m toán c a n m tài chính ph n ánh v n ch s h u ã b m t m t n a s o v i s u k ;
 - c. Khi s thành viên c a H i ng qu n tr ít h n s thành viên mà lu t pháp quy nh ho c ít h n m t n a s thành viên quy nh trong i u l ;
 - d. C ông ho c nhóm c ông quy nh t i i u 12.3 c a i u l này yêu c u tri u t p i h i ng c ông b ng m t v n b n ki n ngh . V n b n ki n ngh tri u t p ph i nêu rõ lý do và m c ích cu c h p, có ch ký c a các c ông liên quan (v n b n ki n ngh có th l p thành nhi u b n có ch ký c a t t c các c ông có liên quan);
 - e. Các tr ng h p khác theo quy nh c a pháp lu t và i u l công ty.
4. Tri u t p h p i h i ng c ông b t th ng

a. H i ng qu n tr ph i tri u t p h p i h i ng c ông trong th i h n ba m i ngày k t ngày s thành viên H i ng qu n tr còn l i nh quy nh t i Kho n 3c i u 14 ho c nh n c yêu c u quy nh t i Kho n 3d và 3e i u 14.

b. Tr ng h p H i ng qu n tr không tri u t p h p i h i ng c ông theo quy nh t i Kho n 4a i u 14 thì trong th i h n ba m i ngày t i p theo, c ông, nhóm c ông có yêu c u quy nh t i Kho n 3d i u 14 có quy n thay th H i ng qu n tr tri u t p h p i h i ng c ông theo quy nh Kho n 6 i u 136 Lu t Doanh nghi p.

Trong tr ng h p này, c ông ho c nhóm c ông tri u t p h p i h i ng c ông có quy n ngh c quan ng ký kinh doanh giám sát trình t , th t c tri u t p, t i n hành h p và ra quy t nh c a i h i ng c ông.

c. T t c chi phí cho vi c tri u t p và t i n hành h p i h i ng c ông s c công ty hoàn l i. Chi phí này không bao g m nh ng chi phí do c ông chi tiêu khi tham d i h i ng c ông, k c chi phí n và i l i.

i u 15. Quy n và nhi m v c a i h i ng c ông

1. i h i ng c ông th ng niên có quy n th o lu n và thông qua:

- a. Báo cáo tài chính hàng n m c ki m toán;
- b. Báo cáo c a H i ng qu n tr ;
- c. K ho ch phát tri n ng n h n và dài h n c a Công ty.

2. i h i ng c ông th ng niên và b t th ng thông qua quy t nh b ng v n b n v các v n sau:

- a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng n m;
- b. M c c t c thanh toán hàng n m cho m i lo i c ph n phù h p v i Lu t Doanh nghi p và các quy n g n li n v i lo i c ph n ó. M c c t c này không cao h n m c mà H i ng qu n tr ngh sau khi ã tham kh o ý ki n các c ông t i i h i ng c ông;
- c. S l ng thành viên c a H i ng qu n tr ;
- d. L a ch n công ty ki m toán;
- e. B u, bãi mi n và thay th thành viên H i ng qu n tr và phê chu n vi c H i ng qu n tr b nhi m T ng giám c ;
- f. T ng s t i n thù lao c a các thành viên H i ng qu n tr và Báo cáo t i n thù lao c a H i ng qu n tr ;
- g. B sung và s a i i u l Công ty;
- h. Lo i c ph n và s l ng c ph n m i s c phát hành cho m i lo i c ph n;
- i. Chia, tách, h p nh t, sáp nh p ho c chuy n i Công ty;
- j. T ch c l i và gi i th (thanh lý) Công ty và ch nh ng i thanh lý;
- k. Ki m tra và x lý các vi ph m c a H i ng qu n tr gây thi t h i cho Công ty và các c ông c a Công ty;

1. Quy t nh giao d ch bán tài s n Công ty ho c chi nhánh ho c giao d ch mua có giá tr t 35% tr lên t ng giá tr tài s n c a Công ty và các chi nhánh c a Công ty c ghi trong báo cáo tài chính ã c ki m toán g n nh t;

m. Công ty mua l i h n 10% m t lo i c ph n phát hành;

n. Công ty ho c các chi nhánh c a Công ty ký k t h p ng v i nh ng ng i c quy nh t i i u 162.1 c a Lu t Doanh nghi p v i giá tr b ng ho c l n h n 20% t ng giá tr tài s n c a Công ty và các chi nhánh c a Công ty c ghi trong báo cáo tài chính ã c ki m toán g n nh t;

o. Các v n khác theo quy nh c a i u l này và các quy ch khác c a Công ty;

3. Công không c tham gia b phi u trong các tr ng h p sau ây:

a. Các h p ng quy nh t i i u 15.2 i u l này khi c công ó ho c ng i có liên quan t i c công ó là m t bên c a h p ng;

b. Vi c mua c ph n c a c công ó ho c c a ng i có liên quan t i c công ó tr ng h p vi c mua l i c ph n c th c hi n theo t l s h u c a t t c các c công ho c vi c mua l i c th c hi n thông qua kh p l nh ho c chào mua công khai trên S giao d ch ch ng khoán.

4. T t c các ngh quy t và các v n ã c a vào ch ng trình h p phi c a ra th o lu n và bi u quy t t i i h i ng c công.

i u 16. Các i di n c y quy n

1. Các c công có quy n tham d i h i ng c công theo lu t pháp có th tr c ti p tham d ho c u quy n cho i di n c a mình tham d . Tr ng h p có nhi u h n m t ng i i di n theo y quy n c c thì ph i xác nh c th s c ph n và s phi u b u c y quy n c a m i ng i i di n.

2. Vi c u quy n cho ng i i di n đ h p i h i ng c công ph i l p thành v n b n theo m u c a công ty và ph i có ch ký theo quy nh sau ây:

a. Tr ng h p c công cá nhân là ng i u quy n thì gi y y quy n ph i có ch ký c a c công ó và ng i c u quy n đ h p;

b. Tr ng h p ng i i di n theo u quy n c a c công là t ch c là ng i u quy n thì gi y y quy n ph i có ch ký c a ng i i di n theo u quy n, ng i i di n theo pháp lu t c a c công và ng i c u quy n đ h p;

c. Trong tr ng h p khác thì gi y y quy n ph i có ch ký c a ng i i di n theo pháp lu t c a c công và ng i c u quy n đ h p.

Ng i c u quy n đ h p i h i ng c công ph i n p v n b n u quy n tr c khi vào phòng h p.

3. Tr ng h p lu t s thay m t cho ng i u quy n ký gi y ch nh i di n, vi c ch nh i di n trong tr ng h p này ch c coi là có hi u l c n u gi y ch nh i di n ó c xu t trình cùng v i th u quy n cho lu t s ho c b n sao h p l c a th u quy n ó (n u tr c ó ch a ng ký v i Công ty).

4. Tr tr ng h p quy nh t i kho n 3 i u 16, phi u bi u quy t c a ng i c u quy n đ h p trong ph m vi c u quy n v n có hi u l c khi có m t trong các tr ng h p sau ây:

a. Ng i u quy n ã ch t, b h n ch n ng l c hành vi dân s ho c b m t n ng l c hành vi dân s ;

b. Ng i u quy n ã hu b vi c ch nh u quy n;

c. Ng i u quy n ã hu b th m quy n c a ng i th c hi n vi c u quy n.

i u kho n này s không áp d ng trong tr ng h p Công ty nh n c thông báo v m t trong các s ki n trên tr c gi khai m c cu c h p i h i ng c ông ho c tr c khi cu c h p c tri u t p l i.

i u 17. Thay i các quy n

1. Vi c thay i ho c hu b các quy n c bi t g n li n v i m t lo i c ph n u ã có hi u l c khi c c ông n m gi ít nh t 51% c ph n ph thông tham đ h p thông qua ng th i c c ông n m gi ít nh t 65% quy n bi u quy t c a lo i c ph n u ã nói trên bi u quy t thông qua.

Vi c t ch c cu c h p c a các c ông n m gi m t lo i c ph n u ã thông qua vi c thay i quy n nêu trên ch có giá tr khi có t i thi u hai (02) c ông (ho c i di n c y quy n c a h) và n m gi t i thi u m t ph n ba (1/3) giá tr m nh giá c a các c ph n lo i ó ã phát hành. Tr ng h p không có s i bi u nh nêu trên thì cu c h p c t ch c l i trong vòng ba m i (30) ngày sau ó và nh ng ng i n m gi c ph n thu c lo i ó (không ph thu c vào s l ng ng i và s c ph n) có m t tr c ti p ho c thông qua i di n c u quy n u c coi là s l ng i bi u yêu c u. T i các cu c h p c a c ông n m gi c ph n u ã nêu trên, nh ng ng i n m gi c ph n thu c lo i ó có m t tr c ti p ho c qua ng i i di n có th yêu c u b phi u kín. M i c ph n cùng lo i có quy n bi u quy t ngang b ng nhau t i các cu c h p nêu trên.

2. Th t c ti n hành các cu c h p riêng bi t nh v y c th c hi n t ng t v i các quy nh t i i u 19 và i u 21.

3. Tr khi các i u kho n phát hành c ph n quy nh khác, các quy n c bi t g n li n v i các lo i c ph n có quy n u ã i v i m t s ho c t t c các v n liên quan n chia s l i nhu n ho c tài s n c a Công ty s không b thay i khi Công ty phát hành thêm các c ph n cùng lo i.

i u 18. Tri u t p i h i ng c ông, ch ng trình h p, và thông báo h p i h i ng c ông

1. H i ng qu n tr tri u t p i h i ng c ông, ho c i h i ng c ông c tri u t p theo các tr ng h p quy nh t i i u 14.4 **Error! Reference source not found.** ho c i u 14.4b.

2. Ng i tri u t p i h i ng c ông ph i th c hi n nh ng nhi m v sau ây:

a. L p danh sách các c ông i u ki n tham gia và bi u quy t t i i h i. Danh sách này c l p không s m h n 10 (m i) ngày làm vi c tr c ngày g i thông báo m i

h p i h i ng c ông; ch ng trình h p, và các tài li u theo quy nh phù h p v i lu t pháp và các quy nh c a Công ty;

b. Xác nh th i gian và a i m t ch c i h i;

c. Thông báo và g i thông báo h p i h i ng c ông cho t t c các c ông có quy n d h p.

Thông báo h p i h i ng c ông c g i cho t t c các c ông ng th i công b trên ph ng ti n thông tin c a S giao d ch ch ng khoán (i v i các công ty niêm y t ho c ng ký giao d ch), trên trang thông tin i n t (website) c a công ty. Thông báo h p i h i ng c ông ph i c g i ít nh t m i (10) ngày tr c ngày h p i h i ng c ông, (tính t ngày mà thông báo c g i ho c chuy n i m t cách h p l , c tr c c phí ho c c b vào hòm th). Ch ng trình h p i h i ng c ông, các tài li u liên quan n các v n s c bi u quy t t i i h i c g i cho các c ông ho c/và ng trên trang thông tin i n t c a Công ty. Trong tr ng h p tài li u không c g i kèm thông báo h p i h i ng c ông, thông báo m i h p ph i nêu rõ a ch trang thông tin i n t các c ông có th ti p c n.

3. C ông ho c nhóm c ông c c p t i i u 12.3 c a i u l này có quy n xu t các v n a vào ch ng trình h p i h i ng c ông. xu t ph i c làm b ng v n b n và ph i c g i cho Công ty ít nh t ba ngày làm vi c tr c ngày khai m c i h i ng c ông. xu t ph i bao g m h và tên c ông, s l ng và lo i c ph n ng i ó n m gi , và n i dung ngh a vào ch ng trình h p.

4. Ng i tri u t p h p i h i ng c ông có quy n t ch i nh ng xu t liên quan n Kho n 3 c a i u 18 trong các tr ng h p sau:

a. xu t c g i n không úng th i h n ho c không , không úng n i dung;

b. Vào th i i m xu t, c ông ho c nhóm c ông không có ít nh t 5% c ph n ph thông trong th i gian liên t c ít nh t sáu tháng;

c. V n xu t không thu c ph m vi th m quy n c a i h i ng c ông bàn b c và thông qua.

5. H i ng qu n tr ph i chu n b d th o ngh quy t cho t ng v n trong ch ng trình h p.

6. Tr ng h p t t c c ông i di n 100% s c ph n có quy n bi u quy t tr c ti p tham d ho c thông qua i di n c u quy n t i i h i ng c ông, nh ng quy t nh c i h i ng c ông nh t trí thông qua u c coi là h p l k c trong tr ng h p vi c tri u t p i h i ng c ông không theo úng trình t và th t c ho c n i dung bi u quy t không có trong ch ng trình.

i u 19. Các i u ki n t i n hành h p i h i ng c ông

1. i h i ng c ông c t i n hành khi có s c ông d h p i di n cho ít nh t 65% c ph n có quy n bi u quy t.

2. Tr ng h p không có s l ng i bi u c n thi t trong vòng ba m i phút k t th i i m n nh khai m c i h i, ng i tri u t p h p h y c u c h p. i h i ng c

ông tri u t p l i ch c ti n hành khi có thành viên tham d là các c ông và nh ng i di n c u quy n d h p i di n cho ít nh t 51% c ph n có quy n bi u quy t.

3. Tr ng h p i h i l n th hai không c ti n hành do không có s i bi u c n thi t trong vòng ba m i phút k t th i i m n nh khai m c i h i, i h i ng c ông l n th ba có th c tri u t p trong vòng hai m i ngày k t ngày d nh ti n hành i h i l n hai, và trong tr ng h p này i h i c ti n hành không ph thu c vào s l ng c ông hay i di n u quy n tham d và c coi là h p l và có quy n quy t nh t t c các v n đ ki n c phê chu n t i i h i ng c ông l n th nh t.

4. C ông c coi là tham d và bi u quy t t i cu c h p i h i ng c ông trong tr ng h p sau ây:

- a) Tham d và bi u quy t tr c ti p t i cu c h p;
- b) y quy n cho m t ng i khác tham d và bi u quy t t i cu c h p;
- c) Tham d và bi u quy t thông qua h i ngh tr c tuy n, b phi u i n t ho c hình th c i n t khác;
- d) G i phi u bi u quy t n cu c h p thông qua g i th , fax, th i n t .

i u 20. Th th c ti n hành h p và bi u quy t t i i h i ng c ông

1. Vào ngày t ch c i h i ng c ông, Công ty ph i th c hi n th t c ng ký c ông và ph i th c hi n vi c ng ký cho n khi các c ông có quy n d h p có m t ng ký h t.

2. Khi ti n hành ng ký c ông, Công ty s c p cho t ng c ông ho c i di n c u quy n có quy n bi u quy t m t th bi u quy t, trên ó có ghi s ng ký, h và tên c a c ông, h và tên i di n c u quy n và s phi u bi u quy t c a c ông ó. Khi ti n hành bi u quy t t i i h i, s th tán thành ngh quy t c thu tr c, s th ph n i ngh quy t c thu sau, cu i cùng m t ng s phi u tán thành hay ph n i quy t nh. T ng s phi u tán thành, ph n i t ng v n ho c b phi u tr ng, s c Ch to thông báo ngay sau khi ti n hành bi u quy t v n ó. i h i b u nh ng ng i ch u trách nhi m ki m phi u ho c giám sát ki m phi u theo ngh c a Ch to . S thành viên c a ban ki m phi u do i h i ng c ông quy t nh c n c ngh c a Ch to nh ng không v t quá s ng i theo quy nh c a pháp lu t hi n hành.

3. C ông n d i h i ng c ông mu n có quy n ng ký ngay và sau ó có quy n tham gia và bi u quy t ngay t i i h i. Ch to không có trách nhi m đ ng i h i cho c ông n mu n ng ký và hi u l c c a các t bi u quy t ã ti n hành tr c khi c ông n mu n tham d s không b nh h ng.

4. Ch t ch H i ng qu n tr làm ch to các cu c h p do H i ng qu n tr tri u t p. Tr ng h p Ch t ch v ng m t ho c t m th i m t kh n ng làm vi c thì các thành viên còn l i b u m t ng i trong s h làm ch to cu c h p. Tr ng h p không có ng i có th làm ch to , thành viên H i ng qu n tr có ch c v cao nh t i u khi n i h i ng c ông b u ch to cu c h p trong s nh ng ng i đ h p và ng i có phi u b u cao nh t làm ch to cu c h p.

Trong các tr ng h p khác, ng i ký tên tri u t p h p i h i ng c ông i u khi n i h i ng c ông b u ch to cu c h p và ng i có phi u b u cao nh t c c làm ch to cu c h p.

5. Quy t nh c a Ch to v trình t , th t c ho c các s ki n phát sinh ngoài ch ng trình c a i h i ng c ông s mang tính phán quy t cao nh t.

6. Ch to i h i ng c ông có th hoãn h p i h i ngay c trong tr ng h p ã có s i bi u c n thi t n m t th i i m khác và t i m t a i m do ch to quy t nh mà không c n l ý ki n c a i h i n u nh n th y r ng :

(a) Các thành viên tham d không th có ch ng i thu n ti n a i m t ch c i h i.

(b) Hành vi c a nh ng ng i có m t làm m t tr t t ho c có kh n ng làm m t tr t t c a cu c h p.

(c) S trì hoãn là c n thi t các công vi c c a i h i c ti n hành m t cách h p l .

Ngoài ra, Ch to i h i có th hoãn i h i khi có s nh t trí ho c yêu c u c a i h i ng c ông ã có s l ng i bi u đ h p c n thi t. Th i gian hoãn t i a không quá ba ngày k t ngày d nh khai m c i h i. i h i h p l i s ch xem xét các công vi c l ra ã c gi i quy t h p pháp t i i h i b trì hoãn tr c ó.

7. Ch to c a i h i ho c Th ký i h i có th ti n hành các ho t ng mà h th y c n thi t i u khi n i h i ng c ông m t cách h p l và có tr t t ; ho c i h i ph n ánh c mong mu n c a a s tham d .

8. H i ng qu n tr có th yêu c u các c ông ho c i di n c u quy n tham d i h i ng c ông ch u s ki m tra ho c các bi n pháp an ninh mà H i ng qu n tr cho là thích h p. Tr ng h p có c ông ho c i di n c u quy n không ch u tuân th nh ng quy nh v ki m tra ho c các bi n pháp an ninh nói trên, H i ng qu n tr sau khi xem xét m t cách c n tr ng có th t ch i ho c tr c xu t c ông ho c i di n nói trên tham gia i h i.

Trong tr ng h p t i i h i ng c ông có áp d ng các bi n pháp nêu trên, H i ng qu n tr khi xác nh a i m i h i có th :

(a) Thông báo i h i c ti n hành t i a i m ghi trong thông báo và ch to i h i có m t t i ó (“ a i m chính c a i h i”);

(b) B trí, t ch c nh ng c ông ho c i di n c u quy n không đ h p c theo i u kho n này ho c nh ng ng i mu n tham gia a i m khác v i a i m chính c a i h i có th ng th i tham d i h i;

Thông báo v vi c t ch c i h i không c n nêu chi ti t nh ng bi n pháp t ch c theo i u kho n này.

Hàng n m Công ty ph i t ch c i h i ng c ông ít nh t m t l n. i h i ng c ông th ng niên không c t ch c đ i hình th c l ý ki n b ng v n b n.

i u 21. Thông qua quy t nh c a i h i ng c ông

1. Tr các tr ng h p quy nh t i kho n 2 i u này, các ngh quy t, quy t nh v n i dung sau ây c thông qua n u c s c ông i di n ít nh t 65% t ng s phi u bi u quy t c a t t c c ông d h p ch p thu n (trong tr ng h p t ch c h p tr c ti p) ho c ít nh t 65% t ng s phi u b u c a các c ông có quy n bi u quy t ch p thu n (i v i tr ng h p l y ý ki n c ông b ng v n b n).

(a) S a i và b sung i u l công ty;

(b) Lo i c ph n và s l ng c ph n c chào bán;

(c) Thay i ngành ngh và l nh v c kinh doanh;

(d) Sáp nh p, t ch c l i và gi i th Công ty;

(e) Giao d ch mua, bán tài s n Công ty ho c chi nhánh ho c giao d ch mua do Công ty ho c các chi nhánh th c hi n có giá tr b ng ho c l n h n 35% t ng giá tr tài s n c a Công ty tính theo báo cáo tài chính g n nh t c ki m toán.

2. Các ngh quy t, quy t nh khác c thông qua n u c s c ông i di n ít nh t 51% t ng s phi u bi u quy t c a t t c c ông d h p ch p thu n (trong tr ng h p t ch c h p tr c ti p) ho c ít nh t 51% t ng s phi u b u c a các c ông có quy n bi u quy t ch p thu n (i v i tr ng h p l y ý ki n c ông b ng v n b n), tr các tr ng h p quy nh t i kho n 1 i u này.

3. Vi c bi u quy t b u thành viên H i ng qu n tr ph i th c hi n theo ph ng th c b u đ n phi u, theo ó m i c ông có t ng s phi u bi u quy t t ng ng v i t ng s c ph n s h u nhân v i s thành viên c b u c a H i ng qu n tr và c ông có quy n đ n h t ho c m t ph n t ng s phi u b u c a mình cho m t ho c m t s ng c viên. Ng i trúng c thành viên H i ng Qu n Tr c xác nh theo s phi u b u tính t cao xu ng th p, b t u t ng c viên có s phi u b u cao nh t cho n khi s thành viên H i ng Qu n Tr (m b o t l t i thi u thành viên H i ng Qu n Tr c l p) quy nh t i i u l Công Ty. ng viên trúng c thành viên H i ng Qu n Tr ph i có ít nh t m t (01) phi u b u. m b o t s l ng t i thi u thành viên H i ng Qu n Tr c l p theo i u 26 c a i u l , các ng viên c l p s c ch n tr c (tính theo s phi u b u t cao xu ng th p riêng cho các ng viên c l p). Sau khi ch n s l ng thành viên H i ng Qu n Tr c l p, vi c ch n các thành viên H i ng Qu n Tr còn l i s c tính theo s phi u b u t cao xu ng th p (bao g m các ng viên H i ng Qu n Tr không c l p và c l p còn l i)

i u 22. Th m quy n và th th c l y ý ki n c ông b ng v n b n thông qua quy t nh c a i h i ng c ông

1. H i ng qu n tr có quy n l y ý ki n c ông b ng v n b n thông qua quy t nh c a i h i ng c ông;

2. H i ng qu n tr ph i chu n b phi u l y ý ki n, đ th o quy t nh c a i h i ng c ông và các tài li u gi i trình đ th o quy t nh. Phi u l y ý ki n kèm theo đ th o quy t nh và tài li u gi i trình ph i c g i b ng ph ng th c b o m n c a ch ng ký c a t ng c ông. H i ng qu n tr ph i m b o g i, công b tài li u cho các

c ông trong m t th i gian h p lý xem xét bi u quy t và ph i g i ch m nh t 10 (m i) ngày tr c ngày h t h n nh n phi u l y ý ki n;

3. Phi u l y ý ki n ph i có các n i dung ch y u sau ây:

(a) Tên, a ch tr s chính, s và ngày c p Gi y ch ng nh n ng ký doanh nghi p n i ng ký kinh doanh c a Công ty;

(b) M c ích l y ý ki n;

(c) H , tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s gi y ch ng minh nhân dân, h chi u ho c ch ng th c cá nhân h p pháp khác c a c ông là cá nhân; tên, a ch th ng trú, qu c t ch, s quy t nh thành l p ho c s ng ký kinh doanh c a c ông ho c i di n theo y quy n c a c ông là t ch c; s l ng c ph n c a t ng lo i và s phi u bi u quy t c a c ông;

(d) V n c n l y ý ki n thông qua quy t nh;

() Ph ng án bi u quy t bao g m tán thành, không tán thành và không có ý ki n i v i t ng v n l y ý ki n;

(e) Th i h n ph i g i v Công ty phi u l y ý ki n ã c tr l i;

(g) H , tên, ch ký c a Ch t ch H i ng qu n tr và ng i i di n theo pháp lu t c a Công ty;

4. C ông có th g i phi u l y ý ki n ã tr l i n công ty theo m t trong các hình th c sau ây:

(a) G i th . Phi u l y ý ki n ã c tr l i ph i có ch ký c a c ông là cá nhân, c a ng i i di n theo y quy n ho c ng i i di n theo pháp lu t c a c ông là t ch c. Phi u l y ý ki n g i v công ty ph i c ng trong phong bì dán kín và không ai c quy n m tr c khi ki m phi u;

(b) G i fax ho c th i n t . Phi u l y ý ki n g i v công ty qua fax ho c th i n t ph i c gi bí m t n th i i m ki m phi u.

Các phi u l y ý ki n g i v công ty sau th i h n ã xác nh t i n i dung phi u l y ý ki n ho c ã b m trong tr ng h p g i th và b t i t l trong tr ng h p g i fax, th i n t là không h p l . Phi u l y ý ki n không c g i v c coi là phi u không tham gia bi u quy t;

5. H i ng qu n tr ki m phi u và l p biên b n ki m phi u d i s ch ng ki n c a Ng i ph trách Qu n tr Công ty ho c c a c ông không n m gi ch c v qu n lý Công ty. Biên b n ki m phi u ph i có các n i dung ch y u sau ây:

(a) Tên, a ch tr s chính, s và ngày c p gi y ch ng nh n ng ký doanh nghi p, n i ng ký kinh doanh;

(b) M c ích và các v n c n l y ý ki n thông qua quy t nh;

(c) S c ông v i t ng s phi u bi u quy t ã tham gia bi u quy t, trong ó phân bi t s phi u bi u quy t h p l và s phi u bi u quy t không h p l , kèm theo ph l c danh sách c ông tham gia bi u quy t;

(d) T ng s phi u tán thành, không tán thành và không có ý ki n i v i t ng v n ;

(e) Các quy t nh ã c thông qua;

(f) H , tên, ch ký c a Ch t ch H i ng qu n tr , ng i i di n theo pháp lu t c a Công ty và c a ng i giám sát ki m phi u;

Các thành viên H i ng qu n tr và ng i giám sát ki m phi u ph i liên i ch u trách nhi m v tính trung th c, chính xác c a biên b n ki m phi u; liên i ch u trách nhi m v các thi t h i phát sinh t các quy t nh c thông qua do ki m phi u không trung th c, không chính xác.

6. Biên b n k t qu ki m phi u ph i c g i n các c ông trong th i vòng m i l m ngày, k t ngày k t thúc ki m phi u. Tr ng h p công ty có trang thông tin i n t , vi c g i biên b n ki m phi u có th c thay th b ng vi c ng t i lên trang thông tin i n t c a công ty;

7. Phi u l y ý ki n ã c tr l i, biên b n ki m phi u, toàn v n Ngh quy t ã c thông qua và tài li u có liên quan g i kèm theo phi u l y ý ki n u ph i c l u gi t i tr s chính c a công ty;

8. Quy t nh c thông qua theo hình th c l y ý ki n c ông b ng v n b n có giá tr nh quy t nh c thông qua t i cu c h p i h i ng c ông.

i u 23. Biên b n h p i h i ng c ông

Cu c h p i h i ng c ông ph i c ghi biên b n và có th ghi âm ho c ghi và l u gi d i hình th c i n t khác. Biên b n ph i l p b ng t i ng Vi t, có th l p thêm b ng t i ng n c ngoài và có các n i dung ch y u theo quy nh t i i u 146 Lu t doanh nghi p.

Biên b n h p i h i ng c ông ph i làm xong và thông qua tr c khi k t thúc cu c h p.

Ng i ch trì i h i ng c ông ch u trách nhi m t ch c l u tr các biên b n i h i ng c ông.

Biên b n i h i ng c ông ph i c công b trên website c a Công ty trong th i h n 24 (hai m i b n) gi và c g i n t t c c ông trong th i h n 15 ngày, k t ngày k t thúc cu c h p; vi c g i biên b n ki m phi u có th thay th b ng vi c ng t i lên trang thông tin i n t c a công ty (n u có).

Biên b n i h i ng c ông c coi là b ng ch ng xác th c v nh ng công vi c ã c t i n hành t i i h i ng c ông tr khi có ý ki n ph n i v n i dung biên b n c a ra theo úng th t c quy nh trong vòng m i ngày k t khi g i biên b n.

Biên b n h p i h i ng c ông, ph l c danh sách c ông ng ký d h p, ngh quy t ã c thông qua và tài li u có liên quan g i kèm theo thông báo m i h p ph i c l u gi t i tr s chính c a công ty.

i u 24. Yêu c u h y b quy t nh c a i h i ng c ông

Trong th i h n chín m i ngày, k t ngày nh n c biên b n h p i h i ng c ông ho c biên b n k t qu ki m phi u l y ý ki n i h i ng c ông, c ông, nhóm c ông theo quy nh t i kho n 3, i u 12 i u l này có quy n yêu c u Toà án ho c Tr ng tài xem xét, hu b quy t nh c a i h i ng c ông trong các tr ng h p sau ây:

1. Trình t và th t c tri u t p h p i h i ng c ông không th c hi n úng theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p và i u l công ty;
2. Trình t , th t c ra quy t nh và n i dung quy t nh vi ph m pháp lu t ho c i u l công ty.

i u 25. Hi u l c các ngh quy t, quy t nh c a i h i ng c ông

1. Các ngh quy t c a i h i ng c ông có hi u l c k t ngày c thông qua ho c t th i i m hi u l c ghi t i ngh quy t ó.

2. **2.** Các ngh quy t c a i h i ng c ông c thông qua b ng 100% t ng s c ph n có quy n bi u quy t là h p pháp và có hi u l c ngay c khi trình t và th t c thông qua ngh quy t ó không c th c hi n úng nh quy nh.

3. **3.** Tr ng h p có c ông, nhóm c ông yêu c u Toà án ho c Tr ng tài h y b ngh quy t c a i h i ng c ông theo quy nh t i i u 24 c a i u l này, thì các ngh quy t ó v n có hi u l c thi hành cho n khi Toà án, Tr ng tài có quy t nh khác, tr tr ng h p áp d ng bi n pháp kh n c p t m th i theo quy t nh c a c quan có th m quy n.

VII. H I NG QU N TR

i u 26. Thành ph n và nhi m k c a thành viên H i ng qu n tr

1. S l ng thành viên H i ng qu n tr không ít h n ba (03) ng i và không nhi u h n m i m t (11) ng i. Nhi m k c a thành viên H i ng qu n tr không quá n m (05) n m; thành viên H i ng qu n tr có th c b u l i v i s nhi m k không h n ch . **T ng s thành viên c l p H i ng qu n tr ph i chi m ít nh t m t ph n ba (1/3) t ng s thành viên H i ng qu n tr.** Thành viên c l p H i ng qu n tr ph i áp ng y các i u ki n theo quy nh c a Pháp Lu t.

Thành viên H i ng qu n tr không c ng th i là thành viên H i ng qu n tr c a không quá 05 Công ty khác.

2. Tr ng h p t t c thành viên H i ng qu n tr cùng k t thúc nhi m k thì các thành viên ó t i p t c là thành viên H i ng qu n tr cho n khi có thành viên m i c b u thay th và t i p qu n công vi c.

3. Các c ông n m gi c ph n có quy n bi u quy t trong th i h n liên t c ít nh t sáu tháng có quy n g p s quy n bi u quy t c a t ng ng i l i v i nhau c các ng viên H i ng qu n tr . C ông ho c nhóm c ông n m gi t 5% n d i 10% s c ph n có quy n bi u quy t trong th i h n liên t c ít nh t sáu tháng c c m t thành viên; t 10% n d i 30% c c hai thành viên; t 30% n d i 50% c c ba thành viên; t 50% n d i 65% c c b n thành viên và n u t 65% tr lên c c s ng viên.

Tr ng h p s l ng các ng viên H i ng qu n tr thông qua c và ng c v n không s l ng c n thi t, H i ng qu n tr ng nhi m có th c thêm ng viên ho c t ch c c theo c ch c Công ty quy nh t i Quy Ch Qu n Tr Công ty. C ch c hay cách th c H i ng qu n tr ng nhi m c ng c viên H i ng qu n tr ph i c công b rõ ràng và ph i c i h i ng c ông thông qua tr c khi t n hành c .

4. Thành viên H i ng qu n tr s không còn t cách thành viên H i ng qu n tr trong các tr ng h p sau:

a. Thành viên ó không t cách làm thành viên H i ng qu n tr theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p ho c b lu t pháp c m không c làm thành viên H i ng qu n tr ;

b. Thành viên ó g i n b ng v n b n xin t ch c n tr s chính c a Công ty;

c. Thành viên ó b r i lo n tâm th n và thành viên khác c a H i ng qu n tr có nh ng b ng ch ng chuyên môn ch ng t ng i ó không còn n ng l c hành vi;

d. Thành viên ó không tham d các cu c h p c a H i ng qu n tr liên t c trong vòng sáu (06) tháng mà không có s ch p thu n c a H i ng qu n tr và H i ng qu n tr quy t nh ch c v c a ng i này b b tr ng;

e. Thành viên ó b bãi nhi m theo quy t nh c a i h i ng c ông.

5. Vi c b nhi m các thành viên H i ng qu n tr ph i c công b thông tin theo các quy nh c a pháp lu t v ch ng khoán và th tr ng ch ng khoán. .

i u 27. Quy nh n và nhi m v c a H i ng qu n tr

1. H i ng qu n tr là c quan có y quy nh n th c hi n t t c các quy n nhân danh Công ty tr nh ng th m quy n thu c v i h i ng c ông. Ho t ng kinh doanh và các công vi c c a Công ty ph i ch u s giám sát và ch o th c hi n c a H i ng qu n tr .

2. H i ng qu n tr có trách nhi m giám sát T ng giám c và các Ng i qu n lý doanh nghi p khác.

3. Quy n và ngh a v c a H i ng qu n tr do lu t pháp, i u l Công ty, và quy t nh c a i h i ng c ông quy nh. C th , H i ng qu n tr có nh ng quy nh n và nhi m v sau:

a. Quy t nh k ho ch phát tri n s n xu t kinh doanh và ngân sách hàng n m;

b. Xác nh các m c tiêu ho t ng trên c s các m c tiêu chi n l c c i h i ng c ông thông qua;

c. B nhi m và bãi nhi m các Ng i qu n lý doanh nghi p theo ngh c a T ng giám c i u hành và quy t nh m c l ng c a h ;

d. Quy t nh c c u t ch c c a Công ty;

e. xu t các lo i c phi u có th phát hành và t ng s c phi u phát hành theo t ng lo i;

f. xu t vi c phát hành trái phi u, trái phi u chuy n i thành c phi u và các ch ng quy n cho phép ng i s h u mua c phi u theo m c giá nh tr c;

g. Quy t nh giá chào bán trái phi u, c phi u và các ch ng khoán chuy n i;

h. B nh i m, mi n nh i m, cách ch c T ng giám c hay Ng i qu n lý doanh nghi p ho c ng i i di n c a Công ty khi H i ng qu n tr cho r ng ó là vì l i ích t i cao c a Công ty. Vi c b i nh i m nói trên không c trái v i các quy n theo h p ng c a nh ng ng i b b i nh i m (n u có);

i. xu t m c c t c hàng n m và xác nh m c c t c t m th i; t ch c vi c chi tr c t c;

j. xu t vi c tái c c u l i ho c gi i th Công ty.

4. Nh ng v n sau ây ph i c H i ng qu n tr phê chu n:

a. Thành l p chi nhánh ho c các v n phòng i di n c a Công ty;

b. Thành l p các công ty con c a Công ty;

c. Trong ph m vi quy nh t i i u 149.2 c a Lu t Doanh nghi p và tr tr ng h p quy nh t i i u 162.3 Lu t Doanh nghi p ph i do i h i ng c ông phê chu n, H i ng qu n tr tùy t ng th i i m quy t nh vi c th c hi n, s a i và hu b các h p ng l n c a Công ty (bao g m các h p ng mua, bán, sáp nh p, thâu tóm công ty và liên doanh);

d. Ch nh và b i nh i m nh ng ng i c Công ty y nh i m là i di n th ng m i và Lu t s c a Công ty;

e. Vi c vay n và vi c th c hi n các kho n th ch p, b o m, b o lãnh và b i th ng c a Công ty;

f. Các kho n u t không n m trong k ho ch kinh doanh và ngân sách v t quá 10% giá tr k ho ch và ngân sách kinh doanh hàng n m;

g. Vi c mua ho c bán c ph n c a nh ng công ty khác c thành l p Vi t Nam hay n c ngoài;

h. Vi c nh giá các tài s n góp vào Công ty không ph i b ng t i n liên quan n vi c phát hành c phi u ho c trái phi u c a Công ty, bao g m vàng, quy n s d ng t, quy n s h u trí tu , công ngh và bí quy t công ngh ;

i. Vi c công ty mua ho c thu h i không quá 10% m i lo i c ph n;

j. Các v n kinh doanh ho c giao d ch mà H i ng quy t nh c n ph i có s ch p thu n trong ph m vi quy n h n và trách nh i m c a mình;

k. Quy t nh m c giá mua ho c thu h i c ph n c a Công ty.

5. H i ng qu n tr ph i báo cáo i h i ng c ông v ho t ng c a mình, c th là v vi c giám sát c a H i ng qu n tr i v i T ng giám c và nh ng Ng i qu n lý doanh nghi p khác trong n m tài chính. Tr ng h p H i ng qu n tr không trình báo cáo cho i h i ng c ông, báo cáo tài chính hàng n m c a Công ty s b coi là không có giá tr và ch a c H i ng qu n tr thông qua.

i u 28. Ch t ch H i ng qu n tr

1. H i ng qu n tr b u m t thành viên c a H i ng qu n tr làm Ch t ch. Ch t ch H i ng qu n tr không c kiêm nhi m ch c danh T ng Giám c.
2. Ch t ch H QT là ng i i di n theo pháp lu t c a Công ty và là ng i i di n cao nh t cho các l ích v t ch t, tinh th n c a m i thành viên trong Công ty và c a các c ông; là ng i có trách nhi m cao nh t trong vi c b o m an toàn, an ninh trong toàn Công ty, nên Ch t ch H QT có y m i quy n h n thay m t H QT th c thi nh ng nhi m v nh quy nh t i i u 27.
3. Ch t ch H QT là ng i ch tài kho n có trách nhi m cao nh t trong Công ty. Quy n h n và ph m vi ho t ng c a các Ng i qu n lý doanh nghi p trong b máy Giám c i u hành và các Ng i qu n lý doanh nghi p khác c th ch trong Quy ch làm vi c c ban hành kèm theo B n i u l này.
4. Ch t ch H QT th ng xuyên ho ch nh k h p v i Ban T ng Giám c nghe báo cáo v tình hình s n xu t, phân tích tình hình th tr ng, khách hàng, tình hình tài chính và nh ng v n khác trong Công ty... nh h ng xây d ng các m c tiêu phát tri n công ty trong t ng th i k phù h p v i các i u ki n trong n c và qu c t trình bày trong i h i c ông ho c trong H QT theo s phân c p trong b n i u l này.
5. Ch t ch H QT ch u trách nhi m ch o h th ng t ch c xây d ng quy ho ch và k ho ch b i d ng i ng cán b ch ch t c a Công ty t các phòng ban, phân x ng, th tr ng... m b o không b thi u h t i ng cán b òng c t v k thu t, chuyên môn, Ng i qu n lý doanh nghi p trong m i tình hu ng theo yêu c u phát tri n c a Công ty.
6. Ch t ch H QT có th c m t s u viên H QT không n m trong b máy i u hành tham gia m t s công vi c nào ó n u th y c n thi t, ch y u là qu n lý v hành chính, duy trì an toàn an ninh, giám sát vi c tuân th n i quy, quy nh c a Công ty, c a H QT ho c t v n m t s l nh v c nào ó mà kh n ng c a nh ng cá nhân ó có th phát huy.
7. Ch t ch H i ng qu n tr có trách nhi m tri u t p và ch to i h i ng c ông và các cu c h p c a H i ng qu n tr, ng th i có nh ng quy n và trách nhi m khác quy nh t i i u l này và Lu t Doanh nghi p. Tr ng h p Ch t ch t m th i không th th c hi n nhi m v vì lý do nào ó, H i ng qu n tr có th b nhi m m t ng i khác trong s h th c hi n nhi m v c a Ch t ch theo nguyên t c a s quá bán.
8. Ch t ch H i ng qu n tr ph i có trách nhi m m b o vi c H i ng qu n tr g i báo cáo tài chính hàng n m, báo cáo ho t ng c a công ty, báo cáo ki m toán và báo cáo ki m tra c a H i ng qu n tr cho các c ông t i i h i ng c ông;

i u 29. Các cu c h p c a H i ng qu n tr

1. Tr ng h p H i ng qu n tr b u Ch t ch thì cu c h p u tiên c a nhi m k H i ng qu n tr b u Ch t ch và ra các quy t nh khác thu c th m quy n ph i c ti n hành trong th i h n b y ngày làm vi c, k t ngày k t thúc b u c H i ng qu n tr nhi m k ó. Cu c h p này do thành viên có s phi u b u cao nh t tri u t p. Tr ng h p có nhi u h n m t thành viên có s phi u b u cao nh t và ngang nhau thì các thành viên ã b u theo nguyên t c a s m t ng i trong s h tri u t p H i ng qu n tr.

2. Các cu c h p th ng k . Ch t ch H i ng qu n tr ph i tri u t p các cu c h p H i ng qu n tr , l p ch ng trình ngh s , th i gian và a i m h p ít nh t n m ngày tr c ngày h p d ki n. Ch t ch có th tri u t p h p b t k khi nào th y c n thi t, nh ng ít nh t là m i quý ph i h p m t l n.

3. Các cu c h p b t th ng. Ch t ch ph i tri u t p h p H i ng qu n tr , không c trì hoãn n u không có lý do chính áng, khi m t trong s các i t ng d i ây ngh b ng v n b n trình bày m c ích cu c h p và các v n c n bàn:

- a. T ng giám c ho c ít nh t n m Ng i qu n lý doanh nghi p;
- b. Ít nh t hai thành viên i u hành c a H i ng qu n tr ;
- c. Theo yêu c u c a ki m toán c l p bàn v báo cáo ki m toán và tình hình Công ty.

4. Các cu c h p H i ng qu n tr nêu t i Kho n 3 i u 29 ph i c t i n hành trong th i h n b y ngày làm vi c sau khi có xu t h p. Tr ng h p Ch t ch H i ng qu n tr không ch p nh n tri u t p h p theo ngh thì Ch t ch ph i ch u trách nhi m v nh ng thi t h i x y ra i v i công ty; nh ng ng i ngh t ch c cu c h p c c p n Kho n 3 i u 29 có th t mình tri u t p h p H i ng qu n tr .

5. Tr ng h p có yêu c u c a ki m toán viên c l p, Ch t ch H i ng qu n tr ph i tri u t p h p H i ng qu n tr bàn v báo cáo ki m toán và tình hình Công ty.

6. a i m h p, các cu c h p H i ng qu n tr s c t i n hành a ch ã ng ký c a Công ty ho c nh ng a ch khác V i t Nam ho c n c ngoài theo quy t nh c a Ch t ch H i ng qu n tr và c s nh t trí c a H i ng qu n tr .

7. Thông báo và ch ng trình h p, thông báo h p H i ng qu n tr ph i c g i tr c cho các thành viên H i ng qu n tr ít nh t 03 (ba) ngày tr c khi t ch c h p. Thông báo h p H i ng ph i c làm b ng v n b n ti ng Vi t và ph i thông báo y ch ng trình, th i gian, a i m h p, kèm theo nh ng tài li u c n thi t v nh ng v n s c bàn b c và bi u quy t t i cu c h p H i ng qu n tr và các phi u b u cho nh ng thành viên H i ng không th d h p. Thông báo m i h p c g i b ng b u i n, fax, th i n t ho c ph ng ti n khác, nh ng ph i b o m n c a ch c a t ng thành viên H i ng qu n tr c ng ký t i công ty.

8. Cu c h p H i ng qu n tr c t i n hành khi có t ba ph n t t ng s thành viên tr lên d h p. Tr ng h p cu c h p c tri u t p theo quy nh kho n này không s thành viên d h p theo quy nh thì c tri u t p l n th hai trong th i h n 07 ngày, k t ngày d nh h p l n th nh t, cu c h p c t i n hành n u có h n m t n a s thành viên H i ng qu n tr d h p.

9. Thành viên H i ng qu n tr c coi là tham d và bi u quy t t i cu c h p trong tr ng h p sau ây:

- (a) Tham d và bi u quy t tr c t i p t i cu c h p;
- (b) y quy n cho ng i khác n d h p theo quy nh t i kho n 10 i u này.
- (c) Tham d và bi u quy t thông qua h i ngh tr c tuy n ho c hình th c t ng t khác;

(d) G i phi u bi u quy t n cu c h p thông qua th , fax, th i n t .

Tr ng h p g i phi u bi u quy t n cu c h p thông qua th , phi u bi u quy t ph i ng trong phong bì kín và ph i c chuy n n Ch t ch H i ng qu n tr ch m nh t m t gi tr c khi khai m c. Phi u bi u quy t ch c m tr c s ch ng ki n c a t t c nh ng ng i d h p.

Quy t nh c a H i ng qu n tr c thông qua n u c a s thành viên d h p ch p thu n; tr ng h p s phi u ngang nhau thì quy t nh cu i cùng thu c v phía có ý ki n c a Ch t ch H i ng qu n tr .

10. Biên b n h p H i ng qu n tr .

Các cu c h p c a H i ng qu n tr ph i c ghi biên b n và có th ghi âm, ghi và l u gi d i hình th c i n t khác. Biên b n ph i l p b ng ti ng Vi t và có th l p thêm b ng ti ng n c ngoài, có các n i dung theo quy nh t i kho n l i u 154 Lu t doanh nghi p.

Biên b n h p H i ng qu n tr và tài li u s d ng trong cu c h p ph i c l u gi t i tr chính c a công ty.

Biên b n l p b ng ti ng Vi t và ti ng n c ngoài có hi u l c ngang nhau. Tr ng h p có s khác nhau v n i dung biên b n ti ng Vi t và ti ng n c ngoài thì n i dung trong biên b n ti ng Vi t có hi u l c áp d ng.

Ch t ch H i ng qu n tr có trách nhi m chuy n biên b n h p H i ng qu n tr cho các thành viên và nh ng biên b n ó s ph i c xem nh nh ng b ng ch ng xác th c v công vi c ã c ti n hành trong các cu c h p ó tr khi có ý ki n ph n i v n i dung biên b n trong th i h n m i ngày k t khi chuy n i.

i u 30. Các ti u ban c a H i ng qu n tr

1. H i ng qu n tr có th thành l p ti u ban tr c thu c ph trách v chính sách phát tri n, nhân s , l ng th ng, ki m toán n i b .S l ng thành viên c a ti u ban do H i ng qu n tr quy t nh, nh ng nên có ít nh t ba (03) ng i bao g m thành viên c a H i ng qu n tr và thành viên bên ngoài. Các thành viên c l p H i ng qu n tr /thành viên H i ng qu n tr không i u hành nên chỉ m a s trong ti u ban và m t trong s các thành viên này c b nhi m làm Tr ng ti u ban theo quy t nh c a H i ng qu n tr . Ho t ng c a ti u ban ph i tuân th theo quy nh c a H i ng qu n tr . Ngh quy t c a ti u ban ch có hi u l c khi có a s thành viên tham d và bi u quy t thông qua t i cu c h p c a ti u ban là thành viên H i ng qu n tr .

2. Vi c th c thi quy t nh c a H i ng qu n tr , ho c c a ti u ban tr c thu c H i ng qu n tr , ho c c a ng i có t cách thành viên ti u ban H i ng qu n tr ph i phù h p v i các quy nh pháp lu t hi n hành và quy nh t i i u l công ty

3. Các quy nh liên quan v c c u t ch c, ch c n ng c a Ti u Ban Ki m Toán:

3.1 C c u t ch c c a Ti u Ban Ki m Toán: Ph n l n thành viên c a Ti u Ban Ki m Toán là thành viên H i ng qu n tr c l p và thành viên H i ng qu n tr không i u hành. Các n i dung c th liên quan n c c u t ch c c a Ti u Ban Ki m Toán s c quy nh t i Quy ch Qu n Tr Công Ty.

3.2 Ít nh t m t (01) thành viên c a Ti u Ban Ki m Toán có các b ng c p, ch ng ch ho c có kinh nghi m liên quan n công tác tài chính, k toán ho c ki m toán.

3.3 Ti u Ban Ki m Toán có nh ng quy n h n và trách nhi m d i ây:

a. Khi có yêu c u c a C ông ho c nhóm C ông c quy nh t i Kho n 3 i u 12 c a i u L này, th c hi n và ti n hành ki m tra trong th i h n b y (07) ngày làm vi c, k t ngày nh n c yêu c u. Trong th i h n m i l m (15) ngày làm vi c, k t ngày k t thúc ki m tra, Ti u Ban Ki m Toán ph i báo cáo gi i trình v nh ng v n c yêu c u ki m tra n H i ng Qu n Tr và C ông ho c nhóm C ông có yêu c u. Vi c ki m tra c a Ti u Ban Ki m Toán quy nh t i kho n này không c c n tr ho t ng bình th ng c a H i ng qu n tr , không gây gián o n i u hành ho t ng kinh doanh c a Công Ty;

b. Xây d ng c ch ti p nh n ý ki n ph n ánh, khi u n i c a nhân viên trong Công Ty v các sai ph m, thi u sót trong vi c qu n lý, i u hành kinh doanh, qu n tr r i ro, ki m soát n i b . C ch này ph i m b o b o m t và b o v quy n l i h p pháp c a ng i ph n ánh, khi u n i, c ng nh quy nh v i u tra c l p và các b c x lý sau ó.

c. Khi phát hi n thành viên H i ng Qu n Tr , T ng Giám c vi ph m ngh a v c a ng i qu n lý Công Ty quy nh t i i u 160 c a Lu t Doanh Nghi p, i u 35 và i u 36 c a i u L này thì ph i yêu c u ng i có hành vi vi ph m ch m d t ngay hành vi vi ph m, ng th i g i thông báo ngay b ng v n b n n H i ng Qu n Tr H i ng Qu n Tr ra quy t nh x lý;

d. Ki m tra tính h p lý, h p pháp, tính trung th c và m c c n tr ng trong qu n lý, i u hành ho t ng kinh doanh, trong t ch c công tác k toán, th ng kê và l p báo cáo tài chính;

e. Xem xét s k toán và các tài li u khác c a Công Ty, các công vi c qu n lý, i u hành ho t ng c a Công Ty theo quy t nh c a i H i ng C ông ho c theo yêu c u c a C ông ho c nhóm C ông c quy nh t i Kho n 3 i u 12 c a i u L này;

f. Ki n ngh H i ng Qu n Tr các bi n pháp s a i, b sung, c i t i n c c u t ch c c a Công Ty

g. Th m nh báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính n m, sáu tháng và quý c a Công Ty. L p n i dung th m nh này trong báo cáo c a H i ng Qu n Tr trình i H i ng C ông t i cu c h p th ng niên.

h. Ki m toán n i b : Ti u Ban Ki m Toán ch u trách nhi m v ho t ng ki m toán n i b c a Công Ty.

i. Trong ho t ng k toán, ki m toán c a Công Ty:

- xu t l a ch n công ty ki m toán c l p, m c phí ki m toán và m i v n có liên quan H i ng Qu n Tr trình i H i ng C ông phê duy t theo th th c t i i u 48 c a i u L này;
- Th o lu n v i ki m toán viên c l p v tính ch t và ph m vi ki m toán tr c khi b t u vi c ki m toán;

- Th o lu n v nh ng v n khó kh n và t n t i phát hi n t các k t qu ki m toán gi a k ho c cu i k c ng nh m i v n mà ki m toán viên c l p mu n bàn b c;
- Xem xét th qu n lý c a ki m toán viên c l p;
- Giám sát tính c l p và khách quan c a ki m toán c l p.

j. Các quy n h n và trách nhi m khác theo i u l này, Quy ch Qu n Tr Công ty, và quy nh Pháp Lu t.

3.4 Ti u Ban Ki m Toán c quy n s d ng t v n c l p th c hi n các nhi m v c giao.

3.5 T ng Giám c và Cán B Qu n Lý ph i cung c p t t c các thông tin và tài li u liên quan n ho t ng c a Công ty theo yêu c u c a Ti u Ban Ki m Toán.

VIII. T NG GIÁM C, NG I QU N LÝ DOANH NGHIỆP KHÁC VÀ TH KÝ CÔNG TY

i u 31. T ch c b máy qu n lý

Công ty s ban hành m t h th ng qu n lý mà theo ó b máy qu n lý s ch u trách nhi m và n m d i s lãnh o c a H i ng qu n tr . Công ty có m t T ng giám c , m t s Phó T ng giám c, m t Giám c tài chính và m t K toán tr ng do H i ng qu n tr b nhi m. T ng giám c và các Phó T ng giám c có th ng th i là thành viên H i ng qu n tr , và c H i ng qu n tr b nhi m ho c bãi mi n b ng m t ngh quy t c thông qua m t cách h p th c.

i u 32. Ng i qu n lý doanh nghi p

1. Theo ngh c a T ng giám c và c s ch p thu n c a H i ng qu n tr , Công ty c s d ng s l ng và lo i Ng i qu n lý doanh nghi p c n thi t ho c phù h p v i c c u và thông l qu n lý công ty do H i ng qu n tr xu t tu t ng th i i m. Ng i qu n lý doanh nghi p ph i có s m n cán c n thi t các ho t ng và t ch c c a Công ty t c các m c tiêu ra.

2. M c l ng, t n thù lao, l i ích và các i u kho n khác trong h p ng lao ng i v i T ng giám c s do H i ng qu n tr quy t nh và h p ng v i nh ng Ng i qu n lý doanh nghi p khác s do H i ng qu n tr quy t nh sau khi tham kh o ý ki n c a T ng giám c .

i u 33. B nhi m, mi n nhi m, nhi m v và quy n h n c a T ng giám c

1. B nhi m. H i ng qu n tr s b nhi m m t thành viên trong H i ng ho c m t ng i khác làm T ng giám c và s ký h p ng quy nh m c l ng, thù lao, l i ích và các i u kho n khác liên quan n vi c tuy n d ng.

2. Nhi m k . Nhi m k c a T ng giám c không quá n m (5) n m và có th c tái b nhi m. Vi c b nhi m có th h t hi u l c c n c vào các quy nh t i h p ng lao ng. T ng giám c không c phép là nh ng ng i b pháp lu t c m gi ch c v này, t c là nh ng ng i v thành niên, ng i không n ng l c hành vi, ng i ã b k t án tù, ng i ang thi hành hình ph t tù, nhân viên l c l ng v trang, các cán b công ch c nhà

n c và ng i ã b phán quy t là ã làm cho công ty mà h t ng lãnh o tr c ây b phá s n.

3. Quy n h n và nhi m v . T ng giám c có nh ng quy n h n và trách nhi m sau:

a. Th c hi n các ngh quy t c a H i ng qu n tr và i h i ng c ông, k ho ch kinh doanh và k ho ch u t c a Công ty ã c H i ng qu n tr và i h i ng c ông thông qua;

b. Quy t nh t t c các v n không c n ph i có ngh quy t c a H i ng qu n tr , bao g m vi c thay m t công ty ký k t các h p ng tài chính và th ng m i, t ch c và i u hành ho t ng s n xu t kinh doanh th ng nh t c a Công ty theo nh ng thông l qu n lý t t nh t;

c. Ki n ngh s l ng và các lo i Ng i qu n lý doanh nghi p mà công ty c n thuê H i ng qu n tr b nhi m ho c mi n nhi m khi c n thi t nh m áp d ng các ho t ng c ng nh các c c u qu n lý t t do H i ng qu n tr xu t, và t v n H i ng qu n tr quy t nh m c l ng, thù lao, các l i ích và các i u kho n khác c a h p ng lao ng c a Ng i qu n lý doanh nghi p;

d. Tham kh o ý ki n c a H i ng qu n tr quy t nh s l ng ng i lao ng, m c l ng, tr c p, l i ích, vi c b nhi m, mi n nhi m và các i u kho n khác liên quan n h p ng lao ng c a h ; tr các ch c danh thu c th m quy n quy t nh c a H i ng qu n tr .

e. Hàng n m, T ng giám c ph i trình H i ng qu n tr phê chu n k ho ch kinh doanh chi ti t cho n m tài chính ti p theo trên c s áp ng các yêu c u c a ngân sách phù h p c ng nh k ho ch tài chính n m n m.

f. Th c thi k ho ch kinh doanh hàng n m c i h i ng c ông và H i ng qu n tr thông qua;

g. xu t nh ng bi n pháp nâng cao ho t ng và qu n lý c a Công ty;

h. Chu n b các b n d toán dài h n, hàng n m và hàng quý c a Công ty (sau ây g i là b n d toán) ph c v ho t ng qu n lý dài h n, hàng n m và hàng quý c a Công ty theo k ho ch kinh doanh. B n d toán hàng n m (bao g m c b n cân i k toán, báo cáo ho t ng s n xu t kinh doanh và báo cáo l u chuy n ti n t d ki n) cho t ng n m tài chính s ph i c trình H i ng qu n tr thông qua và ph i bao g m nh ng thông tin quy nh t i các quy ch c a Công ty.

i. Th c hi n t t c các ho t ng khác theo quy nh c a i u l này và các quy ch c a Công ty, các ngh quy t c a H i ng qu n tr , h p ng lao ng c a T ng giám c i u hành và pháp lu t.

4. Báo cáo lên H i ng qu n tr và các c ông. T ng giám c ch u trách nhi m tr c H i ng qu n tr và i h i ng c ông v vi c th c hi n nhi m v và quy n h n c giao và ph i báo cáo các c quan này khi c yêu c u.

5. Bã i nhi m: H i ng qu n tr có th bã i nhi m T ng giám c khi có t hai ph n ba thành viên H i ng qu n tr tr lên bi u quy t tán thành (trong tr ng h p này không tính bi u quy t c a T ng giám c) và b nhi m m t T ng giám c m i thay th . T ng

giám c b bãi nhi m có quy n ph n i vi c bãi nhi m này t i i h i ng c ông t i p theo g n nh t.

i u 34. Ng i ph trách qu n tr công ty

1. H i ng qu n tr ch nh ít nh t m t (01) ng i làm Ng i ph trách qu n tr công ty h tr ho t ng qu n tr công ty c ti n hành m t cách có hi u qu . Nhi m k c a Ng i ph trách qu n tr công ty do H i ng qu n tr quy t nh, t i a là n m (05) n m.:

2. Ng i ph trách qu n tr công ty ph i áp ng các tiêu chu n sau

- a. Có hi u bi t v pháp lu t;
- b. Không c ng th i làm vi c cho công ty ki m toán c l p ang th c hi n ki m toán các báo cáo tài chính c a Công ty;
- c. Các tiêu chu n khác theo quy nh c a pháp lu t, i u l này và quy t nh c a H i ng qu n tr .

3. H i ng qu n tr có th bãi nhi m Ng i ph trách qu n tr công ty khi c n nh ng không trái v i các quy nh pháp lu t hi n hành v lao ng. H i ng qu n tr có th b nhi m Tr lý Ng i ph trách qu n tr công ty tùy t ng th i i m.

4. Ng i ph trách qu n tr công ty có các quy n và ngh a v sau:

- a. T v n H i ng qu n tr trong vi c t ch c h p i h i ng c ông theo quy nh và các công vi c liên quan gi a Công ty và c ông;
- b. Chu n b các cu c h p H i ng qu n tr và i h i ng c ông theo yêu c u c a H i ng qu n tr ;
- c. T v n v th t c c a các cu c h p;
- d. Tham d các cu c h p;
- e. T v n th t c l p các ngh quy t c a H i ng qu n tr phù h p v i quy nh c a pháp lu t;
- f. Cung c p các thông tin tài chính, b n sao biên b n h p H i ng qu n tr và các thông tin khác cho thành viên c a H i ng qu n tr và Ki m soát viên;
- g. Giám sát và báo cáo H i ng qu n tr v ho t ng công b thông tin c a công ty.
- h. B o m t thông tin theo các quy nh c a pháp lu t và i u l công ty;
- i. Các quy n và ngh a v khác theo quy nh c a pháp lu t và i u l công ty

IX. NHI M V C A THÀNH VIÊN H I NG QU N TR , BAN KI M SOÁT, T NG GIÁM C VÀ NG I QU N LÝ DOANH NGH I P

i u 35. Trách nhi m c n tr ng

Thành viên H i ng qu n tr , T ng giám c và Ng i qu n lý doanh nghi p c u thác có trách nhi m th c hi n các nhi m v c a mình, k c nh ng nhi m v v i t cách thành viên các t i u ban c a H i ng qu n tr , m t cách trung th c và theo ph ng th c mà

h tin là vì l i ích cao nh t c a Công ty và v i m t m c c n tr ng mà m t ng i th n tr ng th ng có khi m nhi m v trí t ng ng và trong hoàn c nh t ng t .

Thành viên H i ng qu n tr , T ng giám c và Ng i qu n lý doanh nghi p ph i là nh ng ng i có ph m ch t, n ng l c, ph i làm vi c h t s c mình và tuy t i trung thành v i l i ích c a Công ty, c a các C ông và ng i lao ng.

i u 36. Trách nhi m trung th c và tránh các xung t v quy n l i

1. Thành viên H i ng qu n tr , T ng giám c và Ng i qu n lý doanh nghi p và nh ng ng i có liên quan t i các thành viên nêu trên không c phép s d ng nh ng c h i kinh doanh có th mang l i l i ích cho Công ty vì m c ích cá nhân; ng th i không c s d ng nh ng thông tin có c nh ch c v c a mình t l i cá nhân hay ph c v l i ích c a t ch c ho c cá nhân khác.

2. Thành viên H i ng qu n tr T ng giám c , Ng i qu n lý doanh nghi p và nh ng ng i có liên quan t i các thành viên nêu trên có ngh a v thông báo cho H i ng qu n tr t t c các l i ích có th gây xung t v i l i ích c a Công ty mà h có th c h ng thông qua các pháp nhân kinh t , các giao d ch ho c cá nhân khác. Nh ng i t ng nêu trên ch c s d ng nh ng c h i ó khi các thành viên H i ng qu n tr không có l i ích liên quan ã quy t nh không truy c u v n này.

i u 37. Trách nhi m v thi t h i và b i th ng

1. Trách nhi m v thi t h i: Thành viên H i ng qu n tr , T ng giám c và Ng i qu n lý doanh nghi p vi ph m ngh a v hành ng m t cách trung th c, không hoàn thành ngh a v c a mình v i s c n tr ng, m n cán và n ng l c chuyên môn s ph i ch u trách nhi m v nh ng thi t h i do hành vi vi ph m c a mình gây ra.

2. B i th ng: Công ty s b i th ng cho nh ng ng i ã, ang và có nguy c tr thành m t bên liên quan trong các v khi u n i, ki n, kh i t ã, ang ho c có th s c t i n hành cho dù ây là v vi c dân s , hành chính (mà không ph i là vi c ki n t ng do Công ty th c hi n hay thu c quy n kh i x ng c a Công ty) n u ng i ó ã ho c ang là thành viên H i ng qu n tr , Ng i qu n lý doanh nghi p, nhân viên ho c là i di n c Công ty (hay công ty con c a Công ty) u quy n, ho c ng i ó ã ho c ang làm theo yêu c u c a Công ty (hay công ty con c a Công ty) v i t cách thành viên H i ng qu n tr , Ng i qu n lý doanh nghi p, nhân viên ho c i di n c u quy n c a m t công ty, i tác, liên doanh, tín thác ho c pháp nhân khác. Nh ng chi phí c b i th ng bao g m: các chi phí phát sinh (k c phí thuê lu t s), chi phí phán quy t, các kho n t i n ph t, các kho n ph i thanh toán phát sinh trong th c t ho c c coi là m c h p lý khi gi i quy t nh ng v vi c này trong khuôn kh lu t pháp cho phép, v i i u ki n là ng i ó ã hành ng trung th c, c n tr ng, m n cán và v i n ng l c chuyên môn theo ph ng th c mà ng i ó tin t ng r ng ó là vì l i ích ho c không ch ng l i l i ích cao nh t c a Công ty, trên c s tuân th lu t pháp và không có s phát hi n hay xác nh n nào r ng ng i ó ã vi ph m nh ng trách nhi m c a mình. Công ty có quy n mua b o hi m cho nh ng ng i ó tránh nh ng trách nhi m b i th ng nêu trên.

X. BAN KI M SOÁT

[i u kho n này c bãi b có ch ích]

XI. QUY N I UTRAS SÁCH VÀ H S CÔNG TY

i u 38. Quy n i u tra s sách và h s

1. Công ho c nhóm c ông c p trong kho n 3 i u 26 c a i u l này có quy n tr c ti p c ki m tra trong gi làm vi c và t i a i m kinh doanh chính c a công ty danh sách c ông, các biên b n c a i h i ng c ông.

2. Thành viên H i ng qu n tr , , T ng giám c và Ng i qu n lý doanh nghi p có quy n ki m tra s ng ký c ông c a Công ty, danh sách c ông và nh ng s sách và h s khác c a Công ty vì nh ng m c ích liên quan t i ch c v c a mình v i i u ki n các thông tin này ph i c b o m t.

3. Công ty s ph i l u i u l này và nh ng b n s a i b sung i u l , Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh, các quy ch , các tài li u ch ng minh quy n s h u tài s n, biên b n h p i h i ng c ông và H i ng qu n tr , báo cáo tài chính hàng n m, s sách k toán và b t c gi y t nào khác theo quy nh c a pháp lu t t i tr s chính ho c m t n i khác v i i u ki n là các c ông và c quan ng ký kinh doanh c thông báo v a i m l u tr các gi y t này.

XII. PHÂN CHIA L I NHU N

i u 39. C t c

1. Theo quy t nh c a i h i ng c ông và theo quy nh c a pháp lu t, c t c s c công b và chi tr t l i nhu n gi l i c a Công ty nh ng không c v t quá m c do H i ng qu n tr xu t sau khi ã tham kh o ý ki n c ông t i i h i ng c ông.

2. Theo quy nh c a Lu t Doanh nghi p, H i ng qu n tr có th quy t nh t m ng c t c gi a k n u xét th y vi c chi tr này phù h p v i kh n ng sinh l i c a công ty.

3. Công ty không tr l i cho kho n ti n tr c t c hay kho n ti n chi tr liên quan t i m t lo i c phi u.

4. H i ng qu n tr có th ngh i h i ng c ông thông qua vi c thanh toán toàn b ho c m t ph n c t c b ng nh ng tài s n c th (nh c phi u ho c trái phi u ã c thanh toán y do công ty khác phát hành) và H i ng qu n tr là c quan th c thi ngh quy t này.

5. Tr ng h p c t c hay nh ng kho n ti n khác liên quan t i m t lo i c phi u c chi tr b ng ti n m t, Công ty s ph i chi tr b ng ti n ng Vi t Nam và có th thanh toán b ng séc ho c l nh tr ti n g i qua Ngân hàng/ B u i n t i a ch ã ng ký c a c ông th h ng và tr ng h p có r i ro phát sinh (t a ch ã ng ký c a c ông) thì c ông ó ph i ch u. Vi c thanh toán c t c i v i các c phi u niêm y t t i S Giao d ch Ch ng khoán n u có có th c ti n hành thông qua công ty ch ng khoán ho c Trung tâm L u ký.

6. Tr ng h p có s ch p thu n c a i h i ng c ông, H i ng qu n tr có th quy t nh và thông báo r ng nh ng ng i s h u c ph n ph thông c nh n c t c b ng các c ph n ph thông thay cho c t c b ng ti n m t. Các c ph n b sung tr c

t c này c ghi là nh ng c ph n ã thanh toán y ti n mua trên c s giá tr c a các c ph n tr c t c ph i t ng ng v i s ti n m t tr c t c.

7. C n c Lu t Doanh nghi p, Lu t Ch ng khoán, H i ng qu n tr có th thông qua ngh quy t quy nh m t ngày c th ch t danh sách c ông. C n c theo danh sách ch t t i ngày ó, c ông s c nh n các quy n c a c ông theo quy nh c a pháp lu t.

i u 40. Các v n khác liên quan n phân ph i l i nhu n

Vi c phân ph i l i nhu n tuân th theo quy nh c a pháp lu t và quy t nh c a i h i c ông. Hàng n m sau khi th c hi n các ngh a v tài chính i v i nhà n c, l i nhu n sau thu c a Công ty c phân b nh sau:

1. Qu d tr b sung v n i u l : b ng 5% l i nhu n sau thu c a Công ty và c trích cho n khi qu d tr b ng 10% v n i u l c a Công ty.
2. Qu d phòng tài chính 10% l i nhu n sau thu cho n khi b ng 25% m c v n i u l c a Công ty.
3. Qu khen th ng, phúc l i trích t i a không quá 01 tháng l ng.
4. Trích t i a 5% l i nhu n sau thu tr thù lao cho H QT.
5. Các qu khác theo quy nh c a pháp lu t.

XIII. TÀI KHO N NGÂN HÀNG, QU D TR , N M TÀI CHÍNH VÀ H TH NG K TOÁN

i u 41. Tài kho n ngân hàng

6. Công ty s m tài kho n t i các ngân hàng Vi t Nam ho c t i các ngân hàng n c ngoài c phép ho t ng t i Vi t Nam.

7. Công ty có th m tài kho n ngân hàng n c ngoài theo các quy nh c a pháp lu t.

8. Công ty s ti n hành t t c các kho n thanh toán và giao d ch k toán thông qua các tài kho n t i n Vi t Nam ho c ngo i t t i các ngân hàng mà Công ty m tài kho n.

i u 42. N m tài khóa

N m tài khóa c a Công ty b t u t ngày u tiên c a tháng M t hàng n m và k t thúc vào ngày th 31 c a tháng 12 cùng n m. N m tài chính u tiên b t u t ngày c p Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh (ho c gi y phép kinh doanh i v i nh ng ngành, ngh kinh doanh có i u ki n) và k t thúc vào ngày th 31 c a tháng 12 ngay sau ngày c p Gi y ch ng nh n ng ký kinh doanh (gi y phép kinh doanh) ó.

i u 43. H th ng k toán

1. H th ng k toán Công ty s d ng là H th ng K toán Vi t Nam (VAS) ho c h th ng k toán khác c B Tài chính ch p thu n.

2. Công ty l p s sách k toán b ng ti ng Vi t. Công ty s l u gi h s k toán theo lo i hình c a các ho t ng kinh doanh mà Công ty tham gia. Nh ng h s này ph i

chính xác, c p nh t, có h th ng và ph i ch ng minh và gi i trình các giao d ch c a Công ty.

3. Công ty s d ng ng Vi t Nam làm n v ti n t dùng trong k toán.

XIV. TRÁCH NHI M CÔNG B THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHỨNG

i u 44. Báo cáo hàng n m

1. Công ty ph i l p b n báo cáo tài chính hàng n m theo quy nh c a pháp lu t c ng nh các quy nh c a U ban Ch ng khoán Nhà n c và báo cáo ph i c ki m toán theo quy nh t i i u 46 c a i u l này, và trong th i h n 90 ngày k t khi k t thúc m i n m tài chính, ph i n p báo cáo tài chính hàng n m ã c i h i ng c ông thông qua cho c quan thu có th m quy n và c quan ng ký kinh doanh.

Báo cáo tài chính n m ph i bao g m báo cáo k t qu ho t ng s n xu t kinh doanh ph n ánh m t cách trung th c và khách quan tình hình v lãi và l c a Công ty trong n m tài chính và b n cân i k toán ph n ánh m t cách trung th c và khách quan tình hình các ho t ng c a Công ty cho n th i i m l p báo cáo, báo cáo l u chuy n ti n t và thuy n minh báo cáo tài chính.

2. Báo cáo th ng niên: Công ty ph i l p và công b Báo cáo th ng niên theo các quy nh c a pháp lu t v ch ng khoán và th tr ng ch ng khoán.

i u 45. Công b thông tin và thông báo ra công chứng

Các báo cáo tài chính hàng n m, Báo cáo th ng niên và các tài li u b tr khác ph i c công b ra công chứng theo nh ng quy nh c a U ban Ch ng khoán Nhà n c và n p cho c quan thu h u quan và c quan ng ký kinh doanh theo các quy nh c a Lu t Doanh nghi p.

XV. KI M TOÁN CÔNG TY

i u 46. Ki m toán

1. T i i h i ng c ông th ng niên s ch nh m t công ty ki m toán c l p, ho t ng h p pháp t i Vi t Nam và c U ban Ch ng khoán Nhà n c ch p thu n ki m toán cho các công ty niêm y t, ti n hành các ho t ng ki m toán Công ty cho n m tài chính t i p theo đ a trên nh ng i u kho n và i u ki n tho thu n v i H i ng qu n tr .

2. Công ty s ph i chu n b và gi báo cáo tài chính hàng n m cho công ty ki m toán c l p sau khi k t thúc n m tài chính.

3. Công ty ki m toán c l p ki m tra, xác nh n và báo cáo v báo cáo tài chính hàng n m cho bi t các kho n thu chi c a Công ty, l p báo cáo ki m toán và trình báo cáo ó cho H i ng qu n tr trong vòng hai tháng k t ngày k t thúc n m tài chính. Các nhân viên c a công ty ki m toán c l p th c hi n vi c ki m toán cho Công ty ph i c U ban Ch ng khoán Nhà n c ch p thu n.

4. M t b n sao c a báo cáo ki m toán s ph i c gi ính kèm v i m i b n báo cáo k toán hàng n m c a Công ty.

5. Kế toán viên thực hiện việc kế toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp liên quan đến công việc và các quy định về các thông báo và các thông tin khác liên quan đến công việc mà các công việc quy định và các phát biểu ý kiến liên quan đến các vấn đề có liên quan đến kế toán.

XVI. CON D U

i u 47. Con d u

1. Công ty có quy định quy định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của doanh nghiệp. Nội dung con dấu phải thể hiện nội dung thông tin sau đây:

(a) Tên doanh nghiệp;

(b) Mã số doanh nghiệp.

2. Trước khi sử dụng, Công ty có nghĩa vụ thông báo mẫu con dấu về cơ quan đăng ký kinh doanh để công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

3. Hình thức nội dung quy định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu khác theo quy định của luật pháp.

4. Hình thức nội dung, Tên giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVII. CH M D T H O T NG VÀ THANH LÝ

i u 48. Ch m d t h o t ng

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể sau khi đã gia hạn;
- Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
- Giải thể theo thời hạn theo quy định của điều lệ công ty.
- Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể thời hạn đã gia hạn) do điều lệ công ty quy định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quy định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

i u 49. Tr ng h p b t c gi a các thành viên H i ng qu n tr và c ông

Trước khi điều lệ này có quy định khác, các công việc mà giám đốc điều hành của công ty có quy định bắt buộc thành viên Hội đồng quản trị có quy định khi cần thì yêu cầu giải thể theo một thay đổi các công việc sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không tham gia trong quản lý các công việc của Công ty đơn thuần trong khi không thực hiện các nhiệm vụ theo quy định Hội đồng quản trị hoạt động.

2. Các công việc không tham gia nên không thực hiện các nhiệm vụ theo quy định hiện hành của thành viên Hội đồng quản trị.

3. Có s b t ng trong n i b và hai ho c nhi u phe cánh c ông b chia r khi n cho vi c gi i th s là ph ng án có l i h n c cho toàn th c ông.

i u 50. Thanh lý

1. T i thi u sáu tháng tr c khi k t thúc th i h n ho t ng c a Công ty ho c sau khi có m t quy t nh gi i th Công ty, H i ng qu n tr ph i thành l p Ban thanh lý g m ba thành viên. Hai thành viên do i h i ng c ông ch nh và m t thành viên do H i ng qu n tr ch nh t m t công ty ki m toán c l p. Ban thanh lý s chu n b các quy ch ho t ng c a mình. Các thành viên c a Ban thanh lý có th c l a ch n trong s nhân viên Công ty ho c chuyên gia c l p. T t c các chi phí liên quan n thanh lý s c Công ty u tiên thanh toán tr c các kho n n khác c a Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhi m báo cáo cho c quan ng ký kinh doanh v ngày thành l p và ngày b t u ho t ng. K t th i i m ó, Ban thanh lý s thay m t Công ty trong t t c các công vi c liên quan n thanh lý Công ty tr c Toà án và các c quan hành chính.

3. T i n thu c t vi c thanh lý s c thanh toán theo th t sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. T i n l ng và chi phí b o hi m cho công nhân viên;
- c. Thu và các kho n n p có tính ch t thu mà Công ty ph i tr cho Nhà n c;
- d. Các kho n vay (n u có);
- e. Các kho n n khác c a Công ty;
- f. S d còn l i sau khi ã thanh toán t t c các kho n n t m c (a) n (e) trên ây s c phân chia cho các c ông. Các c ph n u ã s u tiên thanh toán tr c.

XVIII. GI I QUY T TRANH CH P N I B

i u 51. Gi i quy t tranh ch p n i b

1. Tr ng h p phát sinh tranh ch p hay khi u n i có liên quan t i ho t ng c a Công ty hay t i quy n c a các c ông phát sinh t i u l hay t b t c quy n ho c ngh a v do Lu t Doanh nghi p hay các lu t khác ho c các quy nh hành chính quy nh, gi a:

- a. C ông v i Công ty; ho c
- b. C ông v i H i ng qu n tr , Ban ki m soát, T ng giám c i u hành hay Ng i qu n lý doanh nghi p cao c p

Các bên liên quan s c g ng gi i quy t tranh ch p ó thông qua th ng l ng và hoà gi i. Tr tr ng h p tranh ch p liên quan t i H i ng qu n tr hay Ch t ch H i ng qu n tr , Ch t ch H i ng qu n tr s ch trì vi c gi i quy t tranh ch p và s yêu c u t ng bên trình bày các y u t th c t i n liên quan n tranh ch p trong vòng 15 ngày làm vi c k t ngày tranh ch p phát sinh. Tr ng h p tranh ch p liên quan t i H i ng qu n tr hay Ch t ch H i ng qu n tr , b t c bên nào c ng có th yêu c u H i ng qu n tr ch nh m t chuyên gia c l p hành ng v i t cách là tr ng tài cho quá trình gi i quy t tranh ch p.

2. Tr ng h p không t c quy t nh hoà gi i trong vòng sáu tu n t khi b t u quá trình hoà gi i ho c n u quy t nh c a trung gian hoà gi i không c các bên ch p nh n, b t c bên nào c ng có th a tranh ch p ó ra Tr ng tài kinh t ho c Toà án kinh t .

3. Các bên s t ch u chi phí c a mình có liên quan t i th t c th ng l ng và hoà gi i. Các chi phí c a Toà án s do Toà phán quy t bên nào ph i ch u.

XIX. B SUNG VÀ S A I I U L

i u 52. B sung và s a i i u l

1. Vi c b sung, s a i i u l này ph i c i h i ng c ông xem xét quy t nh.

2. Trong tr ng h p có nh ng quy nh c a pháp lu t có liên quan n ho t ng c a Công ty ch a c c p trong b n i u l này ho c trong tr ng h p có nh ng quy nh m i c a pháp lu t khác v i nh ng i u kho n trong i u l này thì nh ng quy nh c a pháp lu t ó ng nhiên c áp đ ng và i u ch nh ho t ng c a Công ty.

XX. NGÀY HI U L C

i u 53. Ngày hi u l c

1. B n i u l này g m 20 ch ng, 53 i u, c i h i ng c ông Công ty c ph n May Sông H ng nh t trí thông qua ngày 16 tháng 03 n m 2019 t i tr s công ty s 105 Nguy n c Thu n, Tp. Nam nh và cùng ch p thu n hi u l c toàn v n c a i u l này k t ngày 16 tháng 03 n m 2019. Tr quy nh t i Kho n l i u 28 s có hi u l c k t ngày 1/8/2020.

2. i u l c l p thành 10 b n, có giá tr nh nhau, trong ó:

- a. 01 b n n p t i Phòng công ch ng Nhà n c c a a ph ng.
- b. 05 b n ng ký t i c quan chính quy n theo quy nh c a U ban nhân dân T nh, Thành ph .
- c. 04 b n l u tr t i Tr s chính c a Công ty.

3. i u l này là duy nh t và chính th c c a Công ty.

4. Các b n sao ho c trích l c i u l Công ty ph i có ch ký c a Ch t ch H i ng qu n tr ho c t i thi u m t ph n hai t ng s thành viên H i ng qu n tr m i có giá tr .

Ch t ch H i ng Qu n tr

PH L C 01

**DANH SÁCH C ÔNG SÁNG L P CÔNG TY C PH N MAY SÔNG
H NG**

TT	Tên c ông	N i ng ký h kh u th ng trú	Lo i c ph n	S c ph n	T l	S CMND
1	BÙI C TH NH	S 15 M c Th B i Nam nh	C ph n ph thông	5.150.220	21,63%	160153160
2	NGUY N TH PH NG	S 336, Tr ng chnh, Nam nh	C ph n ph thông	0	0	160098372
3	V THÁI QUÝ	S 9, B ch ng, Phan hnh Phùng, Nam nh	C ph n ph thông	277.380	1,16%	160097859
4	T HOÀNG GIANG	S 194, Quang Trung, Nam nh	C ph n ph thông	341.200	1,43%	162043809

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÔNG HỒNG

Địa chỉ: 105 Nguyễn Đức Thuận – Thành phố Nam Định

ĐIỀU LỆ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG

(sửa đổi lần thứ 9)

Tháng 3 năm 2019

MỤC LỤC

PHẦN MỞ ĐẦU.....	3
I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ.....	4
Điều 1. Định nghĩa.....	4
II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	5
Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty.....	5
III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.....	6
Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty.....	6
Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động.....	6
IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP.....	6
Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập.....	6
Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu.....	7
Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác.....	7
Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần.....	7
Điều 9. Thu hồi cổ phần.....	8
Điều 10. Mua lại cổ phần.....	9
V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT.....	9
Điều 11. Mô hình quản trị.....	9
VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG.....	10
Điều 12. Quyền của cổ đông.....	10
Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông.....	11
Điều 14. Đại hội đồng cổ đông.....	11
Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông.....	12
Điều 16. Các đại diện được ủy quyền.....	13
Điều 17. Thay đổi các quyền.....	14
Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông.....	15
Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 20. Thể thức tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.....	16
Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	18
Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông.....	20
Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	21
Điều 25. Hiệu lực các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông.....	21
VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ.....	21
Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị.....	21
Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị.....	22
Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị.....	24
Điều 29. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị.....	24
Điều 30. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị.....	26
VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP KHÁC VÀ THƯ KÝ CÔNG TY.....	28
Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý.....	28
Điều 32. Người quản lý doanh nghiệp.....	28
Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc.....	28
Điều 34. Người phụ trách quản trị công ty.....	30
IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP.....	31
Điều 35. Trách nhiệm cần trọng.....	31
Điều 36. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi.....	31

Điều 37. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường	31
X. BAN KIỂM SOÁT	32
XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY	32
Điều 38. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ	32
XII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN	32
Điều 39. Cổ tức	32
Điều 40. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận	33
XIII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN	33
Điều 41. Tài khoản ngân hàng	33
Điều 42. Năm tài khóa	33
Điều 43. Hệ thống kế toán	34
XIV. TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG	34
Điều 44. Báo cáo hàng năm	34
Điều 45. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng	34
XV. KIỂM TOÁN CÔNG TY	34
Điều 46. Kiểm toán	34
XVI. CON DẤU	35
Điều 47. Con dấu	35
XVII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ	35
Điều 48. Chấm dứt hoạt động	35
Điều 49. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông	35
Điều 50. Thanh lý	36
XVIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ	36
Điều 51. Giải quyết tranh chấp nội bộ	36
XIX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ	37
Điều 52. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ	37
XX. NGÀY HIỆU LỰC	37
Điều 53. Ngày hiệu lực	37

PHẦN MỞ ĐẦU

Điều lệ này của Công ty cổ phần May Sông Hồng (dưới đây gọi là "Công ty"), là cơ sở pháp lý cho Công ty hoạt động theo Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII, kỳ họp thứ 8 thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014; Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29/06/2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật chứng khoán số 62/2010/QH12 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2010 và Nghị định số 71/2017/NĐ-CP hướng dẫn về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng được Chính Phủ ban hành ngày 6/6/2017.

Điều lệ, các quy định của Công ty, các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị nếu đã được thông qua một cách hợp lệ phù hợp với luật pháp liên quan sẽ là những quy tắc và quy định ràng buộc tiến hành hoạt động kinh doanh của Công ty.

Điều lệ này được thông qua bởi Đại hội đồng cổ đông của Công ty được tổ chức chính thức vào ngày 16 tháng 03 năm 2019, thay thế cho Điều lệ được Đại hội đồng cổ đông thông qua ngày 12/05/2018, được sửa đổi bổ sung phù hợp với những quy định của pháp luật hiện hành và tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty.

I. ĐỊNH NGHĨA CÁC THUẬT NGỮ TRONG ĐIỀU LỆ

Điều 1. Định nghĩa

1. Trong Điều lệ này, những thuật ngữ dưới đây sẽ được hiểu như sau:
 - a. "Vốn điều lệ" là tổng giá trị mệnh giá cổ phần đã bán và quy định tại Điều 5 của Điều lệ này.
 - b. "Luật Doanh nghiệp" có nghĩa là Luật Doanh nghiệp số 68/2014/QH13 được Quốc hội thông qua ngày 26 tháng 11 năm 2014.
 - c. "Luật Chứng khoán" có nghĩa là Luật Chứng khoán số 70/2006/QH11 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 29 tháng 06 năm 2006 và Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán số 62/2010/QH12 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 24/11/2010.
 - d. "Ngày thành lập" là ngày Công ty được cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu.
 - e. "Người quản lý doanh nghiệp" là Tổng giám đốc điều hành, Phó Tổng giám đốc, Giám đốc tài chính, Kế toán trưởng, và các vị trí quản lý khác trong Công ty được Hội đồng quản trị phê chuẩn.
 - f. "Người có liên quan" là cá nhân hoặc tổ chức nào được quy định tại khoản 17 Điều 4 của Luật Doanh nghiệp.
 - g. "Thời hạn hoạt động" là thời hạn hoạt động của Công ty được quy định tại Điều 2 của Điều lệ này và thời gian gia hạn (nếu có) được Đại hội đồng cổ đông của Công ty thông qua bằng nghị quyết.
 - h. "Việt Nam" là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam.

i. “Tiểu Ban Kiểm Toán” có nghĩa là Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội Đồng Quản trị như được quy định tại Điểm b, Khoản 1, Điều 134 của Luật Doanh Nghiệp.

j. “Quy Chế Quản Trị Công Ty” là văn bản tập hợp các nguyên tắc, quy định về điều hành, quản lý Công Ty được ban hành theo thẩm quyền, trình tự thủ tục của Công Ty và phù hợp với quy định của Pháp Luật tại từng thời điểm.

2. Trong Điều lệ này, các tham chiếu tới một hoặc một số quy định hoặc văn bản khác sẽ bao gồm cả những sửa đổi hoặc văn bản thay thế chúng.

3. Các tiêu đề (chương, điều của Điều lệ này) được sử dụng nhằm thuận tiện cho việc hiểu nội dung và không ảnh hưởng tới nội dung của Điều lệ này;

4. Các từ hoặc thuật ngữ đã được định nghĩa trong Luật Doanh nghiệp (nếu không mâu thuẫn với chủ thể hoặc ngữ cảnh) sẽ có nghĩa tương tự trong Điều lệ này.

II. TÊN, HÌNH THỨC, TRỤ SỞ, CHI NHÁNH, VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN VÀ THỜI HẠN HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 2. Tên, hình thức, trụ sở, chi nhánh, văn phòng đại diện và thời hạn hoạt động của Công ty

1. Tên Công ty

- Tên tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÔNG HỒNG.
- Tên tiếng Anh: Sông Hồng Garment Joint Stock Company.
- Tên giao dịch: Song Hong Garment Joint Stock Company.
- Tên viết tắt: Song Hong Garment JSC

2. Công ty là công ty cổ phần có tư cách pháp nhân phù hợp với pháp luật hiện hành của Việt Nam.

3. Trụ sở đăng ký của Công ty là:

○ Địa chỉ: 105 Nguyễn Đức Thuận, TP. Nam Định, Tỉnh Nam Định, Việt Nam.

- Điện thoại: (84) 2283. 649365
- Fax: (84) 2283. 646737
- E-mail: info@songhong.vn
- Website: www.songhong.vn

4. Chủ tịch Hội đồng Quản trị là đại diện theo pháp luật của Công ty.

5. Công ty có thể thành lập chi nhánh và văn phòng đại diện tại địa bàn kinh doanh để thực hiện các mục tiêu hoạt động của Công ty phù hợp với nghị quyết của Hội đồng quản trị và trong phạm vi luật pháp cho phép.

6. Trừ khi chấm dứt hoạt động trước thời hạn theo Điều 48.4 và Điều 49 của Điều lệ này, thời hạn hoạt động của Công ty sẽ bắt đầu từ ngày thành lập và là vô thời hạn.

III. MỤC TIÊU, PHẠM VI KINH DOANH VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY

Điều 3. Mục tiêu hoạt động của Công ty

1. Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất, kinh doanh các sản phẩm may mặc, các loại vật tư, thiết bị, hàng hoá phục vụ cho ngành công nghiệp dệt may và các sản phẩm công nghiệp phục vụ dân sinh.

2. Mục tiêu hoạt động của Công ty: ổn định để phát triển, phát triển để tồn tại. Không ngừng nâng cao đời sống vật chất, văn hoá, tinh thần cho người lao động, tăng trưởng lợi tức cổ đông và tích lũy nền tài chính bền vững. Phân đấu trở thành một tập đoàn lớn trong ngành dệt may Việt Nam.

Điều 4. Phạm vi kinh doanh và hoạt động

1. Công ty được phép lập kế hoạch và tiến hành tất cả các hoạt động kinh doanh theo quy định của Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp và Điều lệ này phù hợp với quy định của pháp luật hiện hành và thực hiện các biện pháp thích hợp để đạt được các mục tiêu của Công ty.

2. Công ty có thể tiến hành hoạt động kinh doanh trong các lĩnh vực khác được pháp luật cho phép và được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

IV. VỐN ĐIỀU LỆ, CỔ PHẦN, CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP

Điều 5. Vốn điều lệ, cổ phần, cổ đông sáng lập

1. Vốn điều lệ, việc điều chỉnh vốn điều lệ của Công ty do Đại hội đồng cổ đông thông qua vào từng thời điểm, được ghi nhận trong Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và được công bố theo quy định của pháp luật;

Vốn điều lệ hiện tại của Công ty được quy định chi tiết trong Phụ lục 02 đi kèm Điều lệ này. Quy định về vốn điều lệ trong Phụ lục 02 được tự động điều chỉnh khi phát hành các cổ phần mới được phép phát hành theo Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông .

2. Công ty có thể tăng vốn điều lệ khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và phù hợp với các quy định của pháp luật.

3. Các cổ phần của Công ty đều là cổ phần phổ thông.

4. Công ty có thể phát hành các loại cổ phần ưu đãi khác sau khi có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông và phù hợp với các quy định của pháp luật.

5. Cổ phần phổ thông phải được ưu tiên chào bán cho các cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ tương ứng với tỷ lệ sở hữu cổ phần phổ thông của họ trong Công ty, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông quy định khác. Số cổ phần cổ đông không đăng ký mua hết sẽ do Hội đồng quản trị của Công ty quyết định. Hội đồng quản trị có thể phân phối số cổ phần đó cho các đối tượng theo các điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp, nhưng không được bán số cổ phần đó theo các điều kiện thuận lợi hơn so với những điều kiện đã chào bán cho các cổ đông hiện hữu, trừ trường hợp cổ phần được bán qua Sở Giao dịch Chứng khoán theo phương thức đấu giá.

6. Công ty có thể mua cổ phần do chính công ty đã phát hành (kể cả cổ phần ưu đãi hoàn lại) theo những cách thức được quy định trong Điều lệ này và pháp luật hiện hành. Cổ phần do Công ty mua lại là cổ phiếu quỹ và Hội đồng quản trị có thể chào bán theo những cách thức phù hợp với quy định của Điều lệ này và Luật Chứng khoán và văn bản hướng dẫn liên quan.

7. Công ty có thể phát hành các loại chứng khoán khác khi được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua bằng văn bản và phù hợp với quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

8. Tên, địa chỉ, số lượng cổ phần và các chi tiết khác về cổ đông sáng lập theo quy định của Luật Doanh nghiệp sẽ được nêu tại Phụ lục số 01 đính kèm. Phụ lục này là một phần của Điều lệ này.

Điều 6. Chứng nhận cổ phiếu

1. Cổ đông của Công ty được cấp chứng nhận cổ phiếu tương ứng với số cổ phần và loại cổ phần sở hữu.

2. Chứng nhận cổ phiếu phải có dấu của Công ty và chữ ký của đại diện theo pháp luật của Công ty theo các quy định tại Luật Doanh nghiệp. Chứng nhận cổ phiếu phải ghi rõ số lượng và loại cổ phiếu mà cổ đông nắm giữ, họ và tên người nắm giữ và các thông tin khác theo quy định của Luật Doanh nghiệp. Trường hợp cổ đông có thay đổi địa chỉ thường trú thì phải thông báo kịp thời với công ty để cập nhật vào sổ đăng ký cổ đông. Công ty không chịu trách nhiệm về việc không liên lạc được với cổ đông do không được thông báo thay đổi địa chỉ của cổ đông.

3. Trong thời hạn hai tháng (hoặc thời hạn khác theo điều kiện phát hành quy định), người sở hữu số cổ phần sẽ được cấp chứng nhận cổ phiếu. Người sở hữu cổ phần không phải trả cho công ty chi phí in chứng nhận cổ phiếu.

4. Trường hợp chứng nhận cổ phiếu ghi danh bị hỏng hoặc bị tẩy xóa hoặc bị đánh mất, mất cắp hoặc bị tiêu hủy, người sở hữu cổ phiếu đó có thể yêu cầu được cấp chứng nhận cổ phiếu mới với điều kiện phải đưa ra bằng chứng về việc sở hữu cổ phần và thanh toán mọi chi phí liên quan cho Công ty.

Điều 7. Chứng chỉ chứng khoán khác

Chứng chỉ trái phiếu hoặc các chứng chỉ chứng khoán khác của Công ty (trừ các thư chào bán, các chứng chỉ tạm thời và các tài liệu tương tự), sẽ được phát hành có dấu và chữ ký mẫu của đại diện theo pháp luật của Công ty

Điều 8. Chuyển nhượng cổ phần

1. Tất cả các cổ phần đều có thể được tự do chuyển nhượng trừ khi Điều lệ này và pháp luật có quy định khác. Cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch Chứng khoán sẽ được chuyển nhượng theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

2. Cổ phần chưa được thanh toán đầy đủ không được chuyển nhượng và hưởng các quyền lợi liên quan như quyền nhận cổ tức, quyền nhận cổ phiếu phát hành để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu, quyền mua cổ phiếu mới chào bán.

3. Việc chuyển nhượng được thực hiện bằng hợp đồng theo cách thông thường hoặc thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán. Trường hợp chuyển nhượng bằng hợp đồng thì giấy tờ chuyển nhượng phải được bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng hoặc đại diện ủy quyền của họ ký. Trường hợp chuyển nhượng thông qua giao dịch trên thị trường chứng khoán, trình tự, thủ tục và việc ghi nhận sở hữu thực hiện theo quy định của pháp luật về chứng khoán.

4. Trường hợp cổ đông là cá nhân chết thì người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của cổ đông đó là cổ đông của công ty.

5. Trường hợp cổ phần của cổ đông là cá nhân chết mà không có người thừa kế, người thừa kế từ chối nhận thừa kế hoặc bị truất quyền thừa kế thì số cổ phần đó được giải quyết theo quy định của pháp luật về dân sự.

6. Cổ đông có quyền tặng cho một phần hoặc toàn bộ cổ phần của mình tại công ty cho người khác; sử dụng cổ phần để trả nợ. Trường hợp này, người được tặng cho hoặc nhận trả nợ bằng cổ phần sẽ là cổ đông của công ty.

7. Trường hợp cổ đông chuyển nhượng một số cổ phần thì cổ phiếu cũ bị hủy bỏ và công ty phát hành cổ phiếu mới ghi nhận số cổ phần đã chuyển nhượng và số cổ phần còn lại.

8. Người nhận cổ phần trong các trường hợp quy định tại Điều này chỉ trở thành cổ đông công ty từ thời điểm các thông tin của họ quy định tại khoản 2 Điều 121 Luật doanh nghiệp được ghi đầy đủ vào sổ đăng ký cổ đông.

Điều 9. Thu hồi cổ phần

1. Trường hợp cổ đông không thanh toán đầy đủ và đúng hạn số tiền phải trả mua cổ phiếu, Hội đồng quản trị thông báo và có quyền yêu cầu cổ đông đó thanh toán số tiền còn lại cùng với lãi suất trên khoản tiền đó và những chi phí phát sinh do việc không thanh toán đầy đủ gây ra cho Công ty theo quy định.

2. Thông báo thanh toán nêu trên phải ghi rõ thời hạn thanh toán mới (tối thiểu là bảy ngày kể từ ngày gửi thông báo), địa điểm thanh toán và thông báo phải ghi rõ trường hợp không thanh toán theo đúng yêu cầu, số cổ phần chưa thanh toán hết sẽ bị thu hồi.

3. Hội đồng quản trị có quyền thu hồi các cổ phần chưa thanh toán đầy đủ và đúng hạn trong trường hợp các yêu cầu trong thông báo nêu trên không được thực hiện.

4. Cổ phần bị thu hồi được coi là các cổ phần được quyền chào bán. Hội đồng quản trị có thể trực tiếp hoặc ủy quyền bán, tái phân phối hoặc giải quyết cho người đã sở hữu cổ phần bị thu hồi hoặc các đối tượng khác theo những điều kiện và cách thức mà Hội đồng quản trị thấy là phù hợp.

5. Cổ đông nắm giữ cổ phần bị thu hồi sẽ phải từ bỏ tư cách cổ đông đối với những cổ phần đó, nhưng vẫn phải thanh toán tất cả các khoản tiền có liên quan cộng với tiền lãi theo tỷ lệ (không quá 12% một năm) vào thời điểm thu hồi theo quyết định của Hội đồng quản trị kể từ ngày thu hồi cho đến ngày thực hiện thanh toán. Hội đồng quản trị có toàn quyền quyết định việc cưỡng chế thanh toán toàn bộ giá trị cổ phiếu vào thời điểm thu hồi.

6. Thông báo thu hồi sẽ được gửi đến người nắm giữ cổ phần bị thu hồi trước thời điểm thu hồi. Việc thu hồi vẫn có hiệu lực kể cả trong trường hợp có sai sót hoặc bất cẩn trong việc gửi thông báo.

Điều 10. Mua lại cổ phần

1. Mua lại cổ phần theo yêu cầu của cổ đông: Cổ đông biểu quyết phản đối quyết định về việc tổ chức lại công ty hoặc thay đổi quyền, nghĩa vụ của cổ đông quy định tại Điều lệ công ty có quyền yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của mình và Công ty phải mua lại cổ phần đó theo quy định tại Điều 129 Luật Doanh nghiệp.

2. Mua lại cổ phần theo quyết định của Công ty: Công ty có quyền mua lại không quá 30% (ba mươi phần trăm) tổng số cổ phần phổ thông đã bán. Hội đồng quản trị có quyền quyết định mua lại không quá 10% (mười phần trăm) tổng số cổ phần của từng loại đã được chào bán trong mỗi 12 (mười hai) tháng. Trường hợp khác, việc mua lại cổ phần do Đại hội đồng cổ đông quyết định.

3. HĐQT quyết định giá mua lại cổ phần. Đối với cổ phần phổ thông, giá mua lại không được cao hơn giá thị trường tại thời điểm mua lại.

4. Việc mua lại cổ phần của Công ty chỉ được phép thực hiện nếu ngay sau khi thanh toán hết số cổ phần được mua lại, công ty vẫn bảo đảm thanh toán đủ các khoản nợ và nghĩa vụ tài sản khác.

5. Cổ phần được mua lại được coi là cổ phần chưa bán theo quy định tại khoản 4 Điều 111 của Luật Doanh nghiệp. Công ty phải làm thủ tục điều chỉnh giảm vốn điều lệ tương ứng với tổng giá trị mệnh giá các cổ phần được công ty mua lại trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày hoàn thành việc thanh toán mua lại cổ phần, trừ trường hợp pháp luật về chứng khoán có quy định khác.

6. Cổ phiếu xác nhận quyền sở hữu cổ phần đã được mua lại phải được tiêu hủy ngay sau khi cổ phần tương ứng đã được thanh toán đủ.

7. Sau khi thanh toán hết số cổ phần mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán của công ty giảm hơn 10% thì công ty phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày thanh toán hết số cổ phần mua lại.

V. CƠ CẤU TỔ CHỨC, QUẢN TRỊ VÀ KIỂM SOÁT

Điều 11. Mô hình quản trị

Mô hình quản trị của Công ty bao gồm:

- a. Đại hội đồng cổ đông;
- b. Hội đồng quản trị;
- c. Tổng giám đốc;

VI. CỔ ĐÔNG VÀ ĐẠI HỘI ĐỒNG CỔ ĐÔNG

Điều 12. Quyền của cổ đông

1. Cổ đông là người chủ sở hữu Công ty, có các quyền và nghĩa vụ tương ứng theo số cổ phần và loại cổ phần mà họ sở hữu. Cổ đông chỉ chịu trách nhiệm về nợ và các nghĩa vụ tài sản khác của Công ty trong phạm vi số vốn đã góp vào Công ty.

2. Người nắm giữ cổ phần phổ thông có các quyền sau:

a. Tham dự và phát biểu trong các Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện theo ủy quyền hoặc theo hình thức khác quy định tại Điều 140 Luật doanh nghiệp, Điều lệ công ty. Mỗi cổ phần phổ thông có một phiếu biểu quyết;

b. Nhận cổ tức với mức theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

c. Tự do chuyển nhượng cổ phần đã được thanh toán đầy đủ theo quy định của Điều lệ này và pháp luật hiện hành;

d. Được ưu tiên mua cổ phiếu mới chào bán tương ứng với tỷ lệ cổ phần phổ thông mà họ sở hữu;

e. Xem xét, tra cứu và trích lục các thông tin liên quan đến cổ đông trong danh sách cổ đông đủ tư cách tham gia Đại hội đồng cổ đông và yêu cầu sửa đổi các thông tin không chính xác;

f. Xem xét, tra cứu, trích lục hoặc sao chụp Điều lệ công ty, sổ biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông;

g. Trường hợp Công ty giải thể hoặc phá sản, được nhận một phần tài sản còn lại tương ứng với số cổ phần góp vốn vào công ty sau khi Công ty đã thanh toán cho chủ nợ và các cổ đông loại khác theo quy định của pháp luật;

h. Yêu cầu Công ty mua lại cổ phần của họ trong các trường hợp quy định của Luật Doanh nghiệp;

i. Các quyền khác theo quy định của Điều lệ này và pháp luật.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ trên 5% tổng số cổ phần phổ thông trong thời hạn liên tục từ sáu tháng trở lên có các quyền sau:

a. Đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị theo quy định tương ứng tại các Điều 26.3;

b. Yêu cầu Hội đồng quản trị thực hiện việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông theo các quy định tại Điều 114 và Điều 136 Luật Doanh nghiệp;

c. Xem xét và trích lục sổ biên bản và các nghị quyết của Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính giữa năm và hằng năm theo mẫu của hệ thống kế toán Việt Nam.

d. Yêu cầu Hội đồng quản trị kiểm tra từng vấn đề cụ thể liên quan đến quản lý, điều hành hoạt động của công ty khi xét thấy cần thiết. Yêu cầu phải thể hiện bằng văn bản; phải có họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác đối với cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh đối với cổ đông là tổ chức; số

lượng cổ phần và thời điểm đăng ký cổ phần của từng cổ đông, tổng số cổ phần của cả nhóm cổ đông và tỷ lệ sở hữu trong tổng số cổ phần của công ty; vấn đề cần kiểm tra, mục đích kiểm tra; Trong trường hợp này, việc kiểm tra do Tiểu Ban Kiểm toán trực tiếp thực hiện và báo cáo.

e. Các quyền khác được quy định tại Điều lệ này.

Điều 13. Nghĩa vụ của cổ đông

Cổ đông có nghĩa vụ sau:

1. Tuân thủ Điều lệ Công ty và các quy chế của Công ty; chấp hành quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;

2. Tham gia các cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và thực hiện quyền biểu quyết trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền hoặc hình thức khác do pháp luật, Điều lệ công ty quy định. Cổ đông có thể ủy quyền cho thành viên Hội đồng quản trị làm đại diện cho mình tại Đại hội đồng cổ đông.

3. Thanh toán tiền mua cổ phần đã đăng ký mua theo quy định;

4. Cung cấp địa chỉ chính xác khi đăng ký mua cổ phần;

5. Hoàn thành các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật hiện hành;

6. Chịu trách nhiệm cá nhân khi nhân danh công ty dưới mọi hình thức để thực hiện một trong các hành vi sau đây:

a. Vi phạm pháp luật;

b. Tiến hành kinh doanh và các giao dịch khác để tư lợi hoặc phục vụ lợi ích của tổ chức, cá nhân khác;

c. Thanh toán các khoản nợ chưa đến hạn trước nguy cơ tài chính có thể xảy ra đối với công ty.

Điều 14. Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội cổ đông thường niên được tổ chức mỗi năm một lần. Đại hội đồng cổ đông phải họp thường niên trong thời hạn bốn tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

2. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông thường niên và lựa chọn địa điểm phù hợp. Đại hội đồng cổ đông thường niên quyết định những vấn đề theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, đặc biệt thông qua các báo cáo tài chính hàng năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo. Các kiểm toán viên độc lập được mời tham dự đại hội để tư vấn cho việc thông qua các báo cáo tài chính hàng năm.

3. Hội đồng quản trị phải triệu tập Đại hội đồng cổ đông bất thường trong các trường hợp sau:

a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;

b. Bảng cân đối kế toán hàng năm, các báo cáo quý hoặc nửa năm hoặc báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vốn chủ sở hữu đã bị mất một nửa so với số đầu kỳ;

c. Khi số thành viên của Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên mà luật pháp quy định hoặc ít hơn một nửa số thành viên quy định trong Điều lệ;

d. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại Điều 12.3 của Điều lệ này yêu cầu triệu tập Đại hội đồng cổ đông bằng một văn bản kiến nghị. Văn bản kiến nghị triệu tập phải nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có chữ ký của các cổ đông liên quan (văn bản kiến nghị có thể lập thành nhiều bản để có đủ chữ ký của tất cả các cổ đông có liên quan);

e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty.

4. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường

a. Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn ba mươi ngày kể từ ngày số thành viên Hội đồng quản trị còn lại như quy định tại Khoản 3c Điều 14 hoặc nhận được yêu cầu quy định tại Khoản 3d và 3e Điều 14.

b. Trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Khoản 4a Điều 14 thì trong thời hạn ba mươi ngày tiếp theo, cổ đông, nhóm cổ đông có yêu cầu quy định tại Khoản 3d Điều 14 có quyền thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định Khoản 6 Điều 136 Luật Doanh nghiệp.

Trong trường hợp này, cổ đông hoặc nhóm cổ đông triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền đề nghị cơ quan đăng ký kinh doanh giám sát trình tự, thủ tục triệu tập, tiến hành họp và ra quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

c. Tất cả chi phí cho việc triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông sẽ được công ty hoàn lại. Chi phí này không bao gồm những chi phí do cổ đông chi tiêu khi tham dự Đại hội đồng cổ đông, kể cả chi phí ăn ở và đi lại.

Điều 15. Quyền và nhiệm vụ của Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông thường niên có quyền thảo luận và thông qua:

- a. Báo cáo tài chính hàng năm được kiểm toán;
- b. Báo cáo của Hội đồng quản trị;
- c. Kế hoạch phát triển ngắn hạn và dài hạn của Công ty.

2. Đại hội đồng cổ đông thường niên và bất thường thông qua quyết định bằng văn bản về các vấn đề sau:

a. Thông qua các báo cáo tài chính hàng năm;

b. Mức cổ tức thanh toán hàng năm cho mỗi loại cổ phần phù hợp với Luật Doanh nghiệp và các quyền gắn liền với loại cổ phần đó. Mức cổ tức này không cao hơn mức mà Hội đồng quản trị đề nghị sau khi đã tham khảo ý kiến các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

c. Số lượng thành viên của Hội đồng quản trị;

d. Lựa chọn công ty kiểm toán;

e. Bầu, bãi miễn và thay thế thành viên Hội đồng quản trị và phê chuẩn việc Hội đồng quản trị bổ nhiệm Tổng giám đốc;

- f. Tổng số tiền thù lao của các thành viên Hội đồng quản trị và Báo cáo tiền thù lao của Hội đồng quản trị;
 - g. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ Công ty;
 - h. Loại cổ phần và số lượng cổ phần mới sẽ được phát hành cho mỗi loại cổ phần;
 - i. Chia, tách, hợp nhất, sáp nhập hoặc chuyển đổi Công ty;
 - j. Tổ chức lại và giải thể (thanh lý) Công ty và chỉ định người thanh lý;
 - k. Kiểm tra và xử lý các vi phạm của Hội đồng quản trị gây thiệt hại cho Công ty và các cổ đông của Công ty;
- l. Quyết định giao dịch bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua có giá trị từ 35% trở lên tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - m. Công ty mua lại hơn 10% một loại cổ phần phát hành;
 - n. Công ty hoặc các chi nhánh của Công ty ký kết hợp đồng với những người được quy định tại Điều 162.1 của Luật Doanh nghiệp với giá trị bằng hoặc lớn hơn 20% tổng giá trị tài sản của Công ty và các chi nhánh của Công ty được ghi trong báo cáo tài chính đã được kiểm toán gần nhất;
 - o. Các vấn đề khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế khác của Công ty;
- 3. Cổ đông không được tham gia bỏ phiếu trong các trường hợp sau đây:
 - a. Các hợp đồng quy định tại Điều 15.2 Điều lệ này khi cổ đông đó hoặc người có liên quan tới cổ đông đó là một bên của hợp đồng;
 - b. Việc mua cổ phần của cổ đông đó hoặc của người có liên quan tới cổ đông đó trừ trường hợp việc mua lại cổ phần được thực hiện theo tỷ lệ sở hữu của tất cả các cổ đông hoặc việc mua lại được thực hiện thông qua khớp lệnh hoặc chào mua công khai trên Sở giao dịch chứng khoán.
 - 4. Tất cả các nghị quyết và các vấn đề đã được đưa vào chương trình họp phải được đưa ra thảo luận và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông.

Điều 16. Các đại diện được ủy quyền

- 1. Các cổ đông có quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông theo luật pháp có thể trực tiếp tham dự hoặc ủy quyền cho đại diện của mình tham dự. Trường hợp có nhiều hơn một người đại diện theo ủy quyền được cử thì phải xác định cụ thể số cổ phần và số phiếu bầu được ủy quyền của mỗi người đại diện.
- 2. Việc ủy quyền cho người đại diện dự họp Đại hội đồng cổ đông phải lập thành văn bản theo mẫu của công ty và phải có chữ ký theo quy định sau đây:
 - a. Trường hợp cổ đông cá nhân là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của cổ đông đó và người được ủy quyền dự họp;
 - b. Trường hợp người đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức là người ủy quyền thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo ủy quyền, người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp;

c. Trong trường hợp khác thì giấy ủy quyền phải có chữ ký của người đại diện theo pháp luật của cổ đông và người được ủy quyền dự họp.

Người được ủy quyền dự họp Đại hội đồng cổ đông phải nộp văn bản ủy quyền trước khi vào phòng họp.

3. Trường hợp luật sư thay mặt cho người ủy quyền ký giấy chỉ định đại diện, việc chỉ định đại diện trong trường hợp này chỉ được coi là có hiệu lực nếu giấy chỉ định đại diện đó được xuất trình cùng với thư ủy quyền cho luật sư hoặc bản sao hợp lệ của thư ủy quyền đó (nếu trước đó chưa đăng ký với Công ty).

4. Trừ trường hợp quy định tại khoản 3 Điều 16, phiếu biểu quyết của người được ủy quyền dự họp trong phạm vi được ủy quyền vẫn có hiệu lực khi có một trong các trường hợp sau đây:

a. Người ủy quyền đã chết, bị hạn chế năng lực hành vi dân sự hoặc bị mất năng lực hành vi dân sự;

b. Người ủy quyền đã huỷ bỏ việc chỉ định ủy quyền;

c. Người ủy quyền đã huỷ bỏ thẩm quyền của người thực hiện việc ủy quyền.

Điều khoản này sẽ không áp dụng trong trường hợp Công ty nhận được thông báo về một trong các sự kiện trên trước giờ khai mạc cuộc họp Đại hội đồng cổ đông hoặc trước khi cuộc họp được triệu tập lại.

Điều 17. Thay đổi các quyền

1. Việc thay đổi hoặc huỷ bỏ các quyền đặc biệt gắn liền với một loại cổ phần ưu đãi có hiệu lực khi được cổ đông nắm giữ ít nhất 51% cổ phần phổ thông tham dự họp thông qua đồng thời được cổ đông nắm giữ ít nhất 65% quyền biểu quyết của loại cổ phần ưu đãi nói trên biểu quyết thông qua.

Việc tổ chức cuộc họp của các cổ đông nắm giữ một loại cổ phần ưu đãi để thông qua việc thay đổi quyền nêu trên chỉ có giá trị khi có tối thiểu hai (02) cổ đông (hoặc đại diện được ủy quyền của họ) và nắm giữ tối thiểu một phần ba (1/3) giá trị mệnh giá của các cổ phần loại đó đã phát hành. Trường hợp không có đủ số đại biểu như nêu trên thì cuộc họp được tổ chức lại trong vòng ba mươi (30) ngày sau đó và những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó (không phụ thuộc vào số lượng người và số cổ phần) có mặt trực tiếp hoặc thông qua đại diện được ủy quyền đều được coi là đủ số lượng đại biểu yêu cầu. Tại các cuộc họp của cổ đông nắm giữ cổ phần ưu đãi nêu trên, những người nắm giữ cổ phần thuộc loại đó có mặt trực tiếp hoặc qua người đại diện có thể yêu cầu bỏ phiếu kín. Mỗi cổ phần cùng loại có quyền biểu quyết ngang bằng nhau tại các cuộc họp nêu trên.

2. Thủ tục tiến hành các cuộc họp riêng biệt như vậy được thực hiện tương tự với các quy định tại Điều 19 và Điều 21.

3. Trừ khi các điều khoản phát hành cổ phần quy định khác, các quyền đặc biệt gắn liền với các loại cổ phần có quyền ưu đãi đối với một số hoặc tất cả các vấn đề liên quan đến chia sẻ lợi nhuận hoặc tài sản của Công ty sẽ không bị thay đổi khi Công ty phát hành thêm các cổ phần cùng loại.

Điều 18. Triệu tập Đại hội đồng cổ đông, chương trình họp, và thông báo họp Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông, hoặc Đại hội đồng cổ đông được triệu tập theo các trường hợp quy định tại Điều 14.4a hoặc Điều 14.4b.

2. Người triệu tập Đại hội đồng cổ đông phải thực hiện những nhiệm vụ sau đây:

a. Lập danh sách các cổ đông đủ điều kiện tham gia và biểu quyết tại đại hội. Danh sách này được lập không sớm hơn 10 (mười) ngày làm việc trước ngày gửi thông báo mời họp Đại hội đồng cổ đông; chương trình họp, và các tài liệu theo quy định phù hợp với luật pháp và các quy định của Công ty;

b. Xác định thời gian và địa điểm tổ chức đại hội;

c. Thông báo và gửi thông báo họp Đại hội đồng cổ đông cho tất cả các cổ đông có quyền dự họp.

Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông được gửi cho tất cả các cổ đông đồng thời công bố trên phương tiện thông tin của Sở giao dịch chứng khoán (đối với các công ty niêm yết hoặc đăng ký giao dịch), trên trang thông tin điện tử (website) của công ty. Thông báo họp Đại hội đồng cổ đông phải được gửi ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp Đại hội đồng cổ đông, (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi một cách hợp lệ, được trả cước phí hoặc được bỏ vào hòm thư). Chương trình họp Đại hội đồng cổ đông, các tài liệu liên quan đến các vấn đề sẽ được biểu quyết tại đại hội được gửi cho các cổ đông hoặc/và đăng trên trang thông tin điện tử của Công ty. Trong trường hợp tài liệu không được gửi kèm thông báo họp Đại hội đồng cổ đông, thông báo mời họp phải nêu rõ địa chỉ trang thông tin điện tử để các cổ đông có thể tiếp cận.

3. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông được đề cập tại Điều 12.3 của Điều lệ này có quyền đề xuất các vấn đề đưa vào chương trình họp Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải được làm bằng văn bản và phải được gửi cho Công ty ít nhất ba ngày làm việc trước ngày khai mạc Đại hội đồng cổ đông. Đề xuất phải bao gồm họ và tên cổ đông, số lượng và loại cổ phần người đó nắm giữ, và nội dung đề nghị đưa vào chương trình họp.

4. Người triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông có quyền từ chối những đề xuất liên quan đến Khoản 3 của Điều 18 trong các trường hợp sau:

a. Đề xuất được gửi đến không đúng thời hạn hoặc không đủ, không đúng nội dung;

b. Vào thời điểm đề xuất, cổ đông hoặc nhóm cổ đông không có đủ ít nhất 5% cổ phần phổ thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu tháng;

c. Vấn đề đề xuất không thuộc phạm vi thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông bàn bạc và thông qua.

5. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị dự thảo nghị quyết cho từng vấn đề trong chương trình họp.

6. Trường hợp tất cả cổ đông đại diện 100% số cổ phần có quyền biểu quyết trực tiếp tham dự hoặc thông qua đại diện được uỷ quyền tại Đại hội đồng cổ đông, những quyết định được Đại hội đồng cổ đông nhất trí thông qua đều được coi là hợp lệ kể cả trong

trường hợp việc triệu tập Đại hội đồng cổ đông không theo đúng trình tự và thủ tục hoặc nội dung biểu quyết không có trong chương trình.

Điều 19. Các điều kiện tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông

1. Đại hội đồng cổ đông được tiến hành khi có số cổ đông dự họp đại diện cho ít nhất 65% cổ phần có quyền biểu quyết.

2. Trường hợp không có đủ số lượng đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, người triệu tập họp hủy cuộc họp. Đại hội đồng cổ đông triệu tập lại chỉ được tiến hành khi có thành viên tham dự là các cổ đông và những đại diện được uỷ quyền dự họp đại diện cho ít nhất 51% cổ phần có quyền biểu quyết.

3. Trường hợp đại hội lần thứ hai không được tiến hành do không có đủ số đại biểu cần thiết trong vòng ba mươi phút kể từ thời điểm ấn định khai mạc đại hội, Đại hội đồng cổ đông lần thứ ba có thể được triệu tập trong vòng hai mươi ngày kể từ ngày dự định tiến hành đại hội lần hai, và trong trường hợp này đại hội được tiến hành không phụ thuộc vào số lượng cổ đông hay đại diện uỷ quyền tham dự và được coi là hợp lệ và có quyền quyết định tất cả các vấn đề dự kiến được phê chuẩn tại Đại hội đồng cổ đông lần thứ nhất.

4. Cổ đông được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông trong trường hợp sau đây:

- a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- b) Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp;
- c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến, bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác;
- d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua gửi thư, fax, thư điện tử.

Điều 20. Thủ tục tiến hành họp và biểu quyết tại Đại hội đồng cổ đông

1. Vào ngày tổ chức Đại hội đồng cổ đông, Công ty phải thực hiện thủ tục đăng ký cổ đông và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các cổ đông có quyền dự họp có mặt đăng ký hết.

2. Khi tiến hành đăng ký cổ đông, Công ty sẽ cấp cho từng cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền có quyền biểu quyết một thẻ biểu quyết, trên đó có ghi số đăng ký, họ và tên của cổ đông, họ và tên đại diện được uỷ quyền và số phiếu biểu quyết của cổ đông đó. Khi tiến hành biểu quyết tại đại hội, số thẻ tán thành nghị quyết được thu trước, số thẻ phản đối nghị quyết được thu sau, cuối cùng đếm tổng số phiếu tán thành hay phản đối để quyết định. Tổng số phiếu tán thành, phản đối từng vấn đề hoặc bỏ phiếu trắng, sẽ được Chủ tọa thông báo ngay sau khi tiến hành biểu quyết vấn đề đó. Đại hội bầu những người chịu trách nhiệm kiểm phiếu hoặc giám sát kiểm phiếu theo đề nghị của Chủ tọa. Số thành viên của ban kiểm phiếu do Đại hội đồng cổ đông quyết định căn cứ đề nghị của Chủ tọa nhưng không vượt quá số người theo quy định của pháp luật hiện hành.

3. Cổ đông đến dự Đại hội đồng cổ đông muộn có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết ngay tại đại hội. Chủ tọa không có trách nhiệm dừng đại hội để cho cổ đông đến muộn đăng ký và hiệu lực của các đợt biểu quyết đã tiến hành trước khi cổ đông đến muộn tham dự sẽ không bị ảnh hưởng.

4. Chủ tịch Hội đồng quản trị làm chủ tọa các cuộc họp do Hội đồng quản trị triệu tập. Trường hợp Chủ tịch vắng mặt hoặc tạm thời mất khả năng làm việc thì các thành viên còn lại bầu một người trong số họ làm chủ tọa cuộc họp. Trường hợp không có người có thể làm chủ tọa, thành viên Hội đồng quản trị có chức vụ cao nhất điều khiển để Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp trong số những người dự họp và người có phiếu bầu cao nhất làm chủ tọa cuộc họp.

Trong các trường hợp khác, người ký tên triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông điều khiển Đại hội đồng cổ đông bầu chủ tọa cuộc họp và người có phiếu bầu cao nhất được cử làm chủ tọa cuộc họp.

5. Quyết định của Chủ tọa về trình tự, thủ tục hoặc các sự kiện phát sinh ngoài chương trình của Đại hội đồng cổ đông sẽ mang tính phán quyết cao nhất.

6. Chủ tọa Đại hội đồng cổ đông có thể hoãn họp đại hội ngay cả trong trường hợp đã có đủ số đại biểu cần thiết đến một thời điểm khác và tại một địa điểm do chủ tọa quyết định mà không cần lấy ý kiến của đại hội nếu nhận thấy rằng :

(a) Các thành viên tham dự không thể có chỗ ngồi thuận tiện ở địa điểm tổ chức đại hội.

(b) Hành vi của những người có mặt làm mất trật tự hoặc có khả năng làm mất trật tự của cuộc họp.

(c) Sự trì hoãn là cần thiết để các công việc của đại hội được tiến hành một cách hợp lệ.

Ngoài ra, Chủ tọa đại hội có thể hoãn đại hội khi có sự nhất trí hoặc yêu cầu của Đại hội đồng cổ đông đã có đủ số lượng đại biểu dự họp cần thiết. Thời gian hoãn tối đa không quá ba ngày kể từ ngày dự định khai mạc đại hội. Đại hội họp lại sẽ chỉ xem xét các công việc lẽ ra đã được giải quyết hợp pháp tại đại hội bị trì hoãn trước đó.

7. Chủ tọa của đại hội hoặc Thư ký đại hội có thể tiến hành các hoạt động mà họ thấy cần thiết để điều khiển Đại hội đồng cổ đông một cách hợp lệ và có trật tự; hoặc để đại hội phản ánh được mong muốn của đa số tham dự.

8. Hội đồng quản trị có thể yêu cầu các cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền tham dự Đại hội đồng cổ đông chịu sự kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh mà Hội đồng quản trị cho là thích hợp. Trường hợp có cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không chịu tuân thủ những quy định về kiểm tra hoặc các biện pháp an ninh nói trên, Hội đồng quản trị sau khi xem xét một cách cẩn trọng có thể từ chối hoặc trục xuất cổ đông hoặc đại diện nói trên tham gia Đại hội.

Trong trường hợp tại Đại hội đồng cổ đông có áp dụng các biện pháp nêu trên, Hội đồng quản trị khi xác định địa điểm đại hội có thể:

(a) Thông báo đại hội được tiến hành tại địa điểm ghi trong thông báo và chủ tọa đại hội có mặt tại đó (“Địa điểm chính của đại hội”);

(b) Bố trí, tổ chức để những cổ đông hoặc đại diện được uỷ quyền không dự họp được theo Điều khoản này hoặc những người muốn tham gia ở địa điểm khác với địa điểm chính của đại hội có thể đồng thời tham dự đại hội;

Thông báo về việc tổ chức đại hội không cần nêu chi tiết những biện pháp tổ chức theo Điều khoản này.

Hàng năm Công ty phải tổ chức Đại hội đồng cổ đông ít nhất một lần. Đại hội đồng cổ đông thường niên không được tổ chức dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản.

Điều 21. Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Trừ các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều này, các nghị quyết, quyết định về nội dung sau đây được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 65% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 65% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản).

- (a) Sửa đổi và bổ sung Điều lệ công ty;
- (b) Loại cổ phần và số lượng cổ phần được chào bán;
- (c) Thay đổi ngành nghề và lĩnh vực kinh doanh;
- (d) Sáp nhập, tổ chức lại và giải thể Công ty;
- (e) Giao dịch mua, bán tài sản Công ty hoặc chi nhánh hoặc giao dịch mua do Công ty hoặc các chi nhánh thực hiện có giá trị bằng hoặc lớn hơn 35% tổng giá trị tài sản của Công ty tính theo báo cáo tài chính gần nhất được kiểm toán.

2. Các nghị quyết, quyết định khác được thông qua nếu được số cổ đông đại diện ít nhất 51% tổng số phiếu biểu quyết của tất cả cổ đông dự họp chấp thuận (trong trường hợp tổ chức họp trực tiếp) hoặc ít nhất 51% tổng số phiếu bầu của các cổ đông có quyền biểu quyết chấp thuận (đối với trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản), trừ các trường hợp quy định tại khoản 1 Điều này.

3. Việc biểu quyết bầu thành viên Hội đồng quản trị phải thực hiện theo phương thức bầu dồn phiếu, theo đó mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của Hội đồng quản trị và cổ đông có quyền dồn hết hoặc một phần tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên. Người trúng cử thành viên Hội Đồng Quản Trị được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số thành viên Hội Đồng Quản Trị (đảm bảo tỷ lệ tối thiểu thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập) quy định tại Điều lệ Công Ty. Ứng viên trúng cử thành viên Hội Đồng Quản Trị phải có ít nhất một (01) phiếu bầu. Để đảm bảo đạt số lượng tối thiểu thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập theo Điều 26 của Điều lệ, các ứng viên độc lập sẽ được chọn trước (tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp riêng cho các ứng viên độc lập). Sau khi chọn đủ số lượng thành viên Hội Đồng Quản Trị độc lập, việc chọn các thành viên Hội Đồng Quản Trị còn lại sẽ được tính theo số phiếu bầu từ cao xuống thấp (bao gồm các ứng viên Hội Đồng Quản Trị không độc lập và độc lập còn lại).

Điều 22. Thẩm quyền và thể thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Hội đồng quản trị có quyền lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông;

2. Hội đồng quản trị phải chuẩn bị phiếu lấy ý kiến, dự thảo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo quyết định. Phiếu lấy ý kiến kèm theo dự thảo quyết định và tài liệu giải trình phải được gửi bằng phương thức bảo đảm đến được địa chỉ đăng ký của từng cổ đông. Hội đồng quản trị phải đảm bảo gửi, công bố tài liệu cho các cổ đông trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phải gửi chậm nhất 10 (mười) ngày trước ngày hết hạn nhận phiếu lấy ý kiến;

3. Phiếu lấy ý kiến phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

(a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp nơi đăng ký kinh doanh của Công ty;

(b) Mục đích lấy ý kiến;

(c) Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số giấy chứng minh nhân dân, hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của cổ đông là cá nhân; tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số quyết định thành lập hoặc số đăng ký kinh doanh của cổ đông hoặc đại diện theo ủy quyền của cổ đông là tổ chức; số lượng cổ phần của từng loại và số phiếu biểu quyết của cổ đông;

(d) Vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

(đ) Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề lấy ý kiến;

(e) Thời hạn phải gửi về Công ty phiếu lấy ý kiến đã được trả lời;

(g) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị và người đại diện theo pháp luật của Công ty;

4. Cổ đông có thể gửi phiếu lấy ý kiến đã trả lời đến công ty theo một trong các hình thức sau đây:

(a) Gửi thư. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời phải có chữ ký của cổ đông là cá nhân, của người đại diện theo ủy quyền hoặc người đại diện theo pháp luật của cổ đông là tổ chức. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty phải được đựng trong phong bì dán kín và không ai được quyền mở trước khi kiểm phiếu;

(b) Gửi fax hoặc thư điện tử. Phiếu lấy ý kiến gửi về công ty qua fax hoặc thư điện tử phải được giữ bí mật đến thời điểm kiểm phiếu.

Các phiếu lấy ý kiến gửi về công ty sau thời hạn đã xác định tại nội dung phiếu lấy ý kiến hoặc đã bị mở trong trường hợp gửi thư và bị tiết lộ trong trường hợp gửi fax, thư điện tử là không hợp lệ. Phiếu lấy ý kiến không được gửi về được coi là phiếu không tham gia biểu quyết;

5. Hội đồng quản trị kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu dưới sự chứng kiến của Người phụ trách Quản trị Công ty hoặc của cổ đông không nắm giữ chức vụ quản lý Công ty. Biên bản kiểm phiếu phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

(a) Tên, địa chỉ trụ sở chính, số và ngày cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, nơi đăng ký kinh doanh;

(b) Mục đích và các vấn đề cần lấy ý kiến để thông qua quyết định;

(c) Số cổ đông với tổng số phiếu biểu quyết đã tham gia biểu quyết, trong đó phân biệt số phiếu biểu quyết hợp lệ và số phiếu biểu quyết không hợp lệ, kèm theo phụ lục danh sách cổ đông tham gia biểu quyết;

(d) Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến đối với từng vấn đề;

(e) Các quyết định đã được thông qua;

(f) Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật của Công ty và của người giám sát kiểm phiếu;

Các thành viên Hội đồng quản trị và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định được thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

6. Biên bản kết quả kiểm phiếu phải được gửi đến các cổ đông trong thời vòng mười lăm ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm phiếu. Trường hợp công ty có trang thông tin điện tử, việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể được thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty;

7. Phiếu lấy ý kiến đã được trả lời, biên bản kiểm phiếu, toàn văn Nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo phiếu lấy ý kiến đều phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty;

8. Quyết định được thông qua theo hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản có giá trị như quyết định được thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông.

Điều 23. Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông

Cuộc họp Đại hội đồng cổ đông phải được ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài và có các nội dung chủ yếu theo quy định tại Điều 146 Luật doanh nghiệp.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông phải làm xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp.

Người chủ trì Đại hội đồng cổ đông chịu trách nhiệm tổ chức lưu trữ các biên bản Đại hội đồng cổ đông.

Biên bản Đại hội đồng cổ đông phải được công bố trên website của Công ty trong thời hạn 24 (hai mươi bốn) giờ và được gửi đến tất cả cổ đông trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc cuộc họp; việc gửi biên bản kiểm phiếu có thể thay thế bằng việc đăng tải lên trang thông tin điện tử của công ty (nếu có).

Biên bản Đại hội đồng cổ đông được coi là bằng chứng xác thực về những công việc đã được tiến hành tại Đại hội đồng cổ đông trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản được đưa ra theo đúng thủ tục quy định trong vòng mười ngày kể từ khi gửi biên bản.

Biên bản họp Đại hội đồng cổ đông, phụ lục danh sách cổ đông đăng ký dự họp, nghị quyết đã được thông qua và tài liệu có liên quan gửi kèm theo thông báo mời họp phải được lưu giữ tại trụ sở chính của công ty.

Điều 24. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông

Trong thời hạn chín mươi ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp Đại hội đồng cổ đông hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông, cổ đông, nhóm cổ đông theo quy định tại khoản 3, Điều 12 Điều lệ này có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông không thực hiện đúng theo quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ công ty;
2. Trình tự, thủ tục ra quyết định và nội dung quyết định vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ công ty.

Điều 25. Hiệu lực các nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông

1. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông có hiệu lực kể từ ngày được thông qua hoặc từ thời điểm hiệu lực ghi tại nghị quyết đó.
2. Các nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua bằng 100% tổng số cổ phần có quyền biểu quyết là hợp pháp và có hiệu lực ngay cả khi trình tự và thủ tục thông qua nghị quyết đó không được thực hiện đúng như quy định.
3. Trường hợp có cổ đông, nhóm cổ đông yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài hủy bỏ nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại Điều 24 của Điều lệ này, thì các nghị quyết đó vẫn có hiệu lực thi hành cho đến khi Tòa án, Trọng tài có quyết định khác, trừ trường hợp áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền.

VII. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Điều 26. Thành phần và nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị

1. Số lượng thành viên Hội đồng quản trị không ít hơn ba (03) người và không nhiều hơn mười một (11) người. Nhiệm kỳ của thành viên Hội đồng quản trị không quá năm (05) năm; thành viên Hội đồng quản trị có thể được bầu lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Tổng số thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải chiếm ít nhất một phần ba (1/3) tổng số thành viên Hội đồng quản trị. Thành viên độc lập Hội đồng quản trị phải đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của Pháp Luật.

Thành viên Hội đồng quản trị không được đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị của không quá 05 Công ty khác.

2. Trường hợp tất cả thành viên Hội đồng quản trị cùng kết thúc nhiệm kỳ thì các thành viên đó tiếp tục là thành viên Hội đồng quản trị cho đến khi có thành viên mới được bầu thay thế và tiếp quản công việc.

3. Các cổ đông nắm giữ cổ phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng có quyền gộp số quyền biểu quyết của từng người lại với nhau để đề cử các ứng viên Hội đồng quản trị. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông nắm giữ từ 5% đến dưới 10% số cổ

phần có quyền biểu quyết trong thời hạn liên tục ít nhất sáu tháng được đề cử một thành viên; từ 10% đến dưới 30% được đề cử hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% được đề cử ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% được đề cử bốn thành viên và nếu từ 65% trở lên được đề cử đủ số ứng viên.

Trường hợp số lượng các ứng viên Hội đồng quản trị thông qua đề cử và ứng cử vẫn không đủ số lượng cần thiết, Hội đồng quản trị đương nhiệm có thể đề cử thêm ứng viên hoặc tổ chức đề cử theo cơ chế được Công ty quy định tại Quy Chế Quản Trị Công ty. Cơ chế đề cử hay cách thức Hội đồng quản trị đương nhiệm đề cử ứng cử viên Hội đồng quản trị phải được công bố rõ ràng và phải được Đại hội đồng cổ đông thông qua trước khi tiến hành đề cử.

4. Thành viên Hội đồng quản trị sẽ không còn tư cách thành viên Hội đồng quản trị trong các trường hợp sau:

a. Thành viên đó không đủ tư cách làm thành viên Hội đồng quản trị theo quy định của Luật Doanh nghiệp hoặc bị luật pháp cấm không được làm thành viên Hội đồng quản trị;

b. Thành viên đó gửi đơn bằng văn bản xin từ chức đến trụ sở chính của Công ty;

c. Thành viên đó bị rối loạn tâm thần và thành viên khác của Hội đồng quản trị có những bằng chứng chuyên môn chứng tỏ người đó không còn năng lực hành vi;

d. Thành viên đó không tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị liên tục trong vòng sáu (06) tháng mà không có sự chấp thuận của Hội đồng quản trị và Hội đồng quản trị quyết định chức vụ của người này bị bỏ trống;

e. Thành viên đó bị bãi nhiệm theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.

5. Việc bổ nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị phải được công bố thông tin theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 27. Quyền hạn và nhiệm vụ của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty trừ những thẩm quyền thuộc về Đại hội đồng cổ đông. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự giám sát và chỉ đạo thực hiện của Hội đồng quản trị.

2. Hội đồng quản trị có trách nhiệm giám sát Tổng giám đốc và các Người quản lý doanh nghiệp khác.

3. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng quản trị do luật pháp, Điều lệ Công ty, và quyết định của Đại hội đồng cổ đông quy định. Cụ thể, Hội đồng quản trị có những quyền hạn và nhiệm vụ sau:

a. Quyết định kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm;

b. Xác định các mục tiêu hoạt động trên cơ sở các mục tiêu chiến lược được Đại hội đồng cổ đông thông qua;

c. Bổ nhiệm và bãi nhiệm các Người quản lý doanh nghiệp theo đề nghị của Tổng giám đốc điều hành và quyết định mức lương của họ;

- d. Quyết định cơ cấu tổ chức của Công ty;
 - e. Đề xuất các loại cổ phiếu có thể phát hành và tổng số cổ phiếu phát hành theo từng loại;
 - f. Đề xuất việc phát hành trái phiếu, trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu và các chứng quyền cho phép người sở hữu mua cổ phiếu theo mức giá định trước;
 - g. Quyết định giá chào bán trái phiếu, cổ phiếu và các chứng khoán chuyển đổi;
 - h. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức Tổng giám đốc hay Người quản lý doanh nghiệp hoặc người đại diện của Công ty khi Hội đồng quản trị cho rằng đó là vì lợi ích tối cao của Công ty. Việc bãi nhiệm nói trên không được trái với các quyền theo hợp đồng của những người bị bãi nhiệm (nếu có);
 - i. Đề xuất mức cổ tức hàng năm và xác định mức cổ tức tạm thời; tổ chức việc chi trả cổ tức;
 - j. Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty.
4. Những vấn đề sau đây phải được Hội đồng quản trị phê chuẩn:
- a. Thành lập chi nhánh hoặc các văn phòng đại diện của Công ty;
 - b. Thành lập các công ty con của Công ty;
 - c. Trong phạm vi quy định tại Điều 149.2 của Luật Doanh nghiệp và trừ trường hợp quy định tại Điều 162.3 Luật Doanh nghiệp phải do Đại hội đồng cổ đông phê chuẩn, Hội đồng quản trị tùy từng thời điểm quyết định việc thực hiện, sửa đổi và huỷ bỏ các hợp đồng lớn của Công ty (bao gồm các hợp đồng mua, bán, sáp nhập, thuê tóm công ty và liên doanh);
 - d. Chỉ định và bãi nhiệm những người được Công ty ủy nhiệm là đại diện thương mại và Luật sư của Công ty;
 - e. Việc vay nợ và việc thực hiện các khoản thế chấp, bảo đảm, bảo lãnh và bồi thường của Công ty;
 - f. Các khoản đầu tư không nằm trong kế hoạch kinh doanh và ngân sách vượt quá 10% giá trị kế hoạch và ngân sách kinh doanh hàng năm;
 - g. Việc mua hoặc bán cổ phần của những công ty khác được thành lập ở Việt Nam hay nước ngoài;
 - h. Việc định giá các tài sản góp vào Công ty không phải bằng tiền liên quan đến việc phát hành cổ phiếu hoặc trái phiếu của Công ty, bao gồm vàng, quyền sử dụng đất, quyền sở hữu trí tuệ, công nghệ và bí quyết công nghệ;
 - i. Việc công ty mua hoặc thu hồi không quá 10% mỗi loại cổ phần;
 - j. Các vấn đề kinh doanh hoặc giao dịch mà Hội đồng quyết định cần phải có sự chấp thuận trong phạm vi quyền hạn và trách nhiệm của mình;
 - k. Quyết định mức giá mua hoặc thu hồi cổ phần của Công ty.
5. Hội đồng quản trị phải báo cáo Đại hội đồng cổ đông về hoạt động của mình, cụ thể là về việc giám sát của Hội đồng quản trị đối với Tổng giám đốc và những Người quản

lý doanh nghiệp khác trong năm tài chính. Trường hợp Hội đồng quản trị không trình báo cáo cho Đại hội đồng cổ đông, báo cáo tài chính hàng năm của Công ty sẽ bị coi là không có giá trị và chưa được Hội đồng quản trị thông qua.

Điều 28. Chủ tịch Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị bầu một thành viên của Hội đồng quản trị làm Chủ tịch. Chủ tịch Hội đồng quản trị không được kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc.

2. Chủ tịch HĐQT là người đại diện theo pháp luật của Công ty và là người đại diện cao nhất cho các lợi ích vật chất, tinh thần của mọi thành viên trong Công ty và của các cổ đông; là người có trách nhiệm cao nhất trong việc bảo đảm an toàn, an ninh trong toàn Công ty, nên Chủ tịch HĐQT có đầy đủ mọi quyền hạn thay mặt HĐQT thực thi những nhiệm vụ như quy định tại Điều 27.

3. Chủ tịch HĐQT là người chủ tài khoản có trách nhiệm cao nhất trong Công ty. Quyền hạn và phạm vi hoạt động của các Người quản lý doanh nghiệp trong bộ máy Giám đốc điều hành và các Người quản lý doanh nghiệp khác được thể chế trong Quy chế làm việc được ban hành kèm theo Bản Điều lệ này.

4. Chủ tịch HĐQT thường xuyên hoạch định kỳ họp với Ban Tổng Giám đốc để nghe báo cáo về tình hình sản xuất, phân tích tình hình thị trường, khách hàng, tình hình tài chính và những vấn đề khác trong Công ty... để định hướng xây dựng các mục tiêu phát triển công ty trong từng thời kỳ phù hợp với các điều kiện trong nước và quốc tế để trình bày trong Đại hội cổ đông hoặc trong HĐQT theo sự phân cấp trong bản Điều lệ này.

5. Chủ tịch HĐQT chịu trách nhiệm chỉ đạo hệ thống tổ chức xây dựng quy hoạch và kế hoạch bồi dưỡng đội ngũ cán bộ chủ chốt của Công ty từ các phòng ban, phân xưởng, thị trường... để đảm bảo không bị thiếu hụt đội ngũ cán bộ nòng cốt về kỹ thuật, chuyên môn, Người quản lý doanh nghiệp trong mọi tình huống theo yêu cầu phát triển của Công ty.

6. Chủ tịch HĐQT có thể cử một số uỷ viên HĐQT không nằm trong bộ máy điều hành tham gia một số công việc nào đó nếu thấy cần thiết, chủ yếu là quản lý về hành chính, duy trì an toàn an ninh, giám sát việc tuân thủ nội quy, quy định của Công ty, của HĐQT hoặc tư vấn một số lĩnh vực nào đó mà khả năng của những cá nhân đó có thể phát huy.

7. Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm triệu tập và chủ tọa Đại hội đồng cổ đông và các cuộc họp của Hội đồng quản trị, đồng thời có những quyền và trách nhiệm khác quy định tại Điều lệ này và Luật Doanh nghiệp. Trường hợp Chủ tịch tạm thời không thể thực hiện nhiệm vụ vì lý do nào đó, Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm một người khác trong số họ để thực hiện nhiệm vụ của Chủ tịch theo nguyên tắc đa số quá bán.

8. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải có trách nhiệm đảm bảo việc Hội đồng quản trị gửi báo cáo tài chính hàng năm, báo cáo hoạt động của công ty, báo cáo kiểm toán và báo cáo kiểm tra của Hội đồng quản trị cho các cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông;

Điều 29. Các cuộc họp của Hội đồng quản trị

1. Trường hợp Hội đồng quản trị bầu Chủ tịch thì cuộc họp đầu tiên của nhiệm kỳ Hội đồng quản trị để bầu Chủ tịch và ra các quyết định khác thuộc thẩm quyền phải được

tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc bầu cử Hội đồng quản trị nhiệm kỳ đó. Cuộc họp này do thành viên có số phiếu bầu cao nhất triệu tập. Trường hợp có nhiều hơn một thành viên có số phiếu bầu cao nhất và ngang nhau thì các thành viên đã bầu theo nguyên tắc đa số một người trong số họ triệu tập họp Hội đồng quản trị.

2. Các cuộc họp thường kỳ. Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập các cuộc họp Hội đồng quản trị, lập chương trình nghị sự, thời gian và địa điểm họp ít nhất năm ngày trước ngày họp dự kiến. Chủ tịch có thể triệu tập họp bất kỳ khi nào thấy cần thiết, nhưng ít nhất là mỗi quý phải họp một lần.

3. Các cuộc họp bất thường. Chủ tịch phải triệu tập họp Hội đồng quản trị, không được trì hoãn nếu không có lý do chính đáng, khi một trong số các đối tượng dưới đây đề nghị bằng văn bản trình bày mục đích cuộc họp và các vấn đề cần bàn:

- a. Tổng giám đốc hoặc ít nhất năm Người quản lý doanh nghiệp;
- b. Ít nhất hai thành viên điều hành của Hội đồng quản trị;
- c. Theo yêu cầu của kiểm toán độc lập để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

4. Các cuộc họp Hội đồng quản trị nêu tại Khoản 3 Điều 29 phải được tiến hành trong thời hạn bảy ngày làm việc sau khi có đề xuất họp. Trường hợp Chủ tịch Hội đồng quản trị không chấp nhận triệu tập họp theo đề nghị thì Chủ tịch phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với công ty; những người đề nghị tổ chức cuộc họp được đề cập đến ở Khoản 3 Điều 29 có thể tự mình triệu tập họp Hội đồng quản trị.

5. Trường hợp có yêu cầu của kiểm toán viên độc lập, Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị để bàn về báo cáo kiểm toán và tình hình Công ty.

6. Địa điểm họp, các cuộc họp Hội đồng quản trị sẽ được tiến hành ở địa chỉ đã đăng ký của Công ty hoặc những địa chỉ khác ở Việt Nam hoặc ở nước ngoài theo quyết định của Chủ tịch Hội đồng quản trị và được sự nhất trí của Hội đồng quản trị.

7. Thông báo và chương trình họp, thông báo họp Hội đồng quản trị phải được gửi trước cho các thành viên Hội đồng quản trị ít nhất 03 (ba) ngày trước khi tổ chức họp. Thông báo họp Hội đồng phải được làm bằng văn bản tiếng Việt và phải thông báo đầy đủ chương trình, thời gian, địa điểm họp, kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Hội đồng quản trị và các phiếu bầu cho những thành viên Hội đồng không thể dự họp. Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên Hội đồng quản trị được đăng ký tại công ty.

8. Cuộc họp Hội đồng quản trị được tiến hành khi có từ ba phần tư tổng số thành viên trở lên dự họp. Trường hợp cuộc họp được triệu tập theo quy định khoản này không đủ số thành viên dự họp theo quy định thì được triệu tập lần thứ hai trong thời hạn 07 ngày, kể từ ngày dự định họp lần thứ nhất, cuộc họp được tiến hành nếu có hơn một nửa số thành viên Hội đồng quản trị dự họp.

9. Thành viên Hội đồng quản trị được coi là tham dự và biểu quyết tại cuộc họp trong trường hợp sau đây:

- (a) Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
- (b) Ủy quyền cho người khác đến dự họp theo quy định tại khoản 10 Điều này.
- (c) Tham dự và biểu quyết thông qua hội nghị trực tuyến hoặc hình thức tương tự khác;
- (d) Gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, fax, thư điện tử.

Trường hợp gửi phiếu biểu quyết đến cuộc họp thông qua thư, phiếu biểu quyết phải đựng trong phong bì kín và phải được chuyển đến Chủ tịch Hội đồng quản trị chậm nhất một giờ trước khi khai mạc. Phiếu biểu quyết chỉ được mở trước sự chứng kiến của tất cả những người dự họp.

Quyết định của Hội đồng quản trị được thông qua nếu được đa số thành viên dự họp chấp thuận; trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Chủ tịch Hội đồng quản trị.

10. Biên bản họp Hội đồng quản trị.

Các cuộc họp của Hội đồng quản trị phải được ghi biên bản và có thể ghi âm, ghi và lưu giữ dưới hình thức điện tử khác. Biên bản phải lập bằng tiếng Việt và có thể lập thêm bằng tiếng nước ngoài, có các nội dung theo quy định tại khoản 1 Điều 154 Luật doanh nghiệp.

Biên bản họp Hội đồng quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải được lưu giữ tại trụ chính của công ty.

Biên bản lập bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài có hiệu lực ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng nước ngoài thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

Chủ tịch Hội đồng quản trị có trách nhiệm chuyển biên bản họp Hội đồng quản trị cho các thành viên và những biên bản đó sẽ phải được xem như những bằng chứng xác thực về công việc đã được tiến hành trong các cuộc họp đó trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản trong thời hạn mười ngày kể từ khi chuyển đi.

Điều 30. Các tiểu ban của Hội đồng quản trị

1. Hội đồng quản trị có thể thành lập tiểu ban trực thuộc để phụ trách về chính sách phát triển, nhân sự, lương thưởng, kiểm toán nội bộ. Số lượng thành viên của tiểu ban do Hội đồng quản trị quyết định, nhưng nên có ít nhất ba (03) người bao gồm thành viên của Hội đồng quản trị và thành viên bên ngoài. Các thành viên độc lập Hội đồng quản trị/thành viên Hội đồng quản trị không điều hành nên chiếm đa số trong tiểu ban và một trong số các thành viên này được bổ nhiệm làm Trưởng tiểu ban theo quyết định của Hội đồng quản trị. Hoạt động của tiểu ban phải tuân thủ theo quy định của Hội đồng quản trị. Nghị quyết của tiểu ban chỉ có hiệu lực khi có đa số thành viên tham dự và biểu quyết thông qua tại cuộc họp của tiểu ban là thành viên Hội đồng quản trị.

2. Việc thực thi quyết định của Hội đồng quản trị, hoặc của tiểu ban trực thuộc Hội đồng quản trị, hoặc của người có tư cách thành viên tiểu ban Hội đồng quản trị phải phù hợp với các quy định pháp luật hiện hành và quy định tại Điều lệ công ty

3. Các quy định liên quan về cơ cấu tổ chức, chức năng của Tiểu Ban Kiểm Toán:

3.1 Cơ cấu tổ chức của Tiểu Ban Kiểm Toán: Phần lớn thành viên của Tiểu Ban Kiểm Toán là thành viên Hội đồng quản trị độc lập và thành viên Hội đồng quản trị không điều hành. Các nội dung cụ thể liên quan đến cơ cấu tổ chức của Tiểu Ban Kiểm Toán sẽ được quy định tại Quy chế Quản Trị Công Ty.

3.2 Ít nhất một (01) thành viên của Tiểu Ban Kiểm Toán có các bằng cấp, chứng chỉ hoặc có kinh nghiệm liên quan đến công tác tài chính, kế toán hoặc kiểm toán.

3.3 Tiểu Ban Kiểm Toán có những quyền hạn và trách nhiệm dưới đây:

a. Khi có yêu cầu của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông được quy định tại Khoản 3 Điều 12 của Điều Lệ này, thực hiện và tiến hành kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Tiểu Ban Kiểm Toán phải báo cáo giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội Đồng Quản Trị và Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông có yêu cầu. Việc kiểm tra của Tiểu Ban Kiểm Toán quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Hội đồng quản trị, không gây gián đoạn điều hành hoạt động kinh doanh của Công Ty;

b. Xây dựng cơ chế tiếp nhận ý kiến phản ánh, khiếu nại của nhân viên trong Công Ty về các sai phạm, thiếu sót trong việc quản lý, điều hành kinh doanh, quản trị rủi ro, kiểm soát nội bộ. Cơ chế này phải đảm bảo bảo mật và bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người phản ánh, khiếu nại, cũng như quy định về điều tra độc lập và các bước xử lý sau đó.

c. Khi phát hiện thành viên Hội Đồng Quản Trị, Tổng Giám Đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công Ty quy định tại Điều 160 của Luật Doanh Nghiệp, Điều 35 và Điều 36 của Điều Lệ này thì phải yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm, đồng thời gửi thông báo ngay bằng văn bản đến Hội Đồng Quản Trị để Hội Đồng Quản Trị ra quyết định xử lý;

d. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

e. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công Ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty theo quyết định của Đại Hội Đồng Cổ Đông hoặc theo yêu cầu của Cổ Đông hoặc nhóm Cổ Đông được quy định tại Khoản 3 Điều 12 của Điều Lệ này;

f. Kiến nghị Hội Đồng Quản Trị các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức của Công Ty

g. Thẩm định báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý của Công Ty. Lập nội dung thẩm định này trong báo cáo của Hội Đồng Quản Trị trình Đại Hội Đồng Cổ Đông tại cuộc họp thường niên.

h. Kiểm toán nội bộ: Tiểu Ban Kiểm Toán chịu trách nhiệm về hoạt động kiểm toán nội bộ của Công Ty.

i. Trong hoạt động kế toán, kiểm toán của Công Ty:

- Đề xuất lựa chọn công ty kiểm toán độc lập, mức phí kiểm toán và mọi vấn đề có liên quan để Hội Đồng Quản Trị trình Đại Hội Đồng Cổ Đông phê duyệt theo thể thức tại Điều 48 của Điều Lệ này;

- Thảo luận với kiểm toán viên độc lập về tính chất và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
- Thảo luận về những vấn đề khó khăn và tồn tại phát hiện từ các kết quả kiểm toán giữa kỳ hoặc cuối kỳ cũng như mọi vấn đề mà kiểm toán viên độc lập muốn bàn bạc;
- Xem xét thư quản lý của kiểm toán viên độc lập;
- Giám sát tính độc lập và khách quan của kiểm toán độc lập.

j. Các quyền hạn và trách nhiệm khác theo Điều lệ này, Quy chế Quản Trị Công ty, và quy định Pháp Luật.

3.4 Tiểu Ban Kiểm Toán được quyền sử dụng tư vấn độc lập để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

3.5 Tổng Giám Đốc và Cán Bộ Quản Lý phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Công ty theo yêu cầu của Tiểu Ban Kiểm Toán.

VIII. TỔNG GIÁM ĐỐC, NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP KHÁC VÀ THU KÝ CÔNG TY

Điều 31. Tổ chức bộ máy quản lý

Công ty sẽ ban hành một hệ thống quản lý mà theo đó bộ máy quản lý sẽ chịu trách nhiệm và nằm dưới sự lãnh đạo của Hội đồng quản trị. Công ty có một Tổng giám đốc, một số Phó Tổng giám đốc, một Giám đốc tài chính và một Kế toán trưởng do Hội đồng quản trị bổ nhiệm. Tổng giám đốc và các Phó Tổng giám đốc có thể đồng thời là thành viên Hội đồng quản trị, và được Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc bãi miễn bằng một nghị quyết được thông qua một cách hợp thức.

Điều 32. Người quản lý doanh nghiệp

1. Theo đề nghị của Tổng giám đốc và được sự chấp thuận của Hội đồng quản trị, Công ty được sử dụng số lượng và loại Người quản lý doanh nghiệp cần thiết hoặc phù hợp với cơ cấu và thông lệ quản lý công ty do Hội đồng quản trị đề xuất tùy từng thời điểm. Người quản lý doanh nghiệp phải có sự mẫn cán cần thiết để các hoạt động và tổ chức của Công ty đạt được các mục tiêu đề ra.

2. Mức lương, tiền thù lao, lợi ích và các điều khoản khác trong hợp đồng lao động đối với Tổng giám đốc sẽ do Hội đồng quản trị quyết định và hợp đồng với những Người quản lý doanh nghiệp khác sẽ do Hội đồng quản trị quyết định sau khi tham khảo ý kiến của Tổng giám đốc.

Điều 33. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, nhiệm vụ và quyền hạn của Tổng giám đốc

1. Bổ nhiệm. Hội đồng quản trị sẽ bổ nhiệm một thành viên trong Hội đồng hoặc một người khác làm Tổng giám đốc và sẽ ký hợp đồng quy định mức lương, thù lao, lợi ích và các điều khoản khác liên quan đến việc tuyển dụng.

2. Nhiệm kỳ. Nhiệm kỳ của Tổng giám đốc không quá năm (5) năm và có thể được tái bổ nhiệm. Việc bổ nhiệm có thể hết hiệu lực căn cứ vào các quy định tại hợp đồng lao động. Tổng giám đốc không được phép là những người bị pháp luật cấm giữ chức vụ này,

tức là những người vị thành niên, người không đủ năng lực hành vi, người đã bị kết án tù, người đang thi hành hình phạt tù, nhân viên lực lượng vũ trang, các cán bộ công chức nhà nước và người đã bị phán quyết là đã làm cho công ty mà họ từng lãnh đạo trước đây bị phá sản.

3. Quyền hạn và nhiệm vụ. Tổng giám đốc có những quyền hạn và trách nhiệm sau:

a. Thực hiện các nghị quyết của Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông thông qua;

b. Quyết định tất cả các vấn đề không cần phải có nghị quyết của Hội đồng quản trị, bao gồm việc thay mặt công ty ký kết các hợp đồng tài chính và thương mại, tổ chức và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh thường nhật của Công ty theo những thông lệ quản lý tốt nhất;

c. Kiến nghị số lượng và các loại Người quản lý doanh nghiệp mà công ty cần thuê để Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm khi cần thiết nhằm áp dụng các hoạt động cũng như các cơ cấu quản lý tốt do Hội đồng quản trị đề xuất, và tư vấn để Hội đồng quản trị quyết định mức lương, thù lao, các lợi ích và các điều khoản khác của hợp đồng lao động của Người quản lý doanh nghiệp;

d. Tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị để quyết định số lượng người lao động, mức lương, trợ cấp, lợi ích, việc bổ nhiệm, miễn nhiệm và các điều khoản khác liên quan đến hợp đồng lao động của họ; trừ các chức danh thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng quản trị.

e. Hàng năm, Tổng giám đốc phải trình Hội đồng quản trị phê chuẩn kế hoạch kinh doanh chi tiết cho năm tài chính tiếp theo trên cơ sở đáp ứng các yêu cầu của ngân sách phù hợp cũng như kế hoạch tài chính năm năm.

f. Thực thi kế hoạch kinh doanh hàng năm được Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị thông qua;

g. Đề xuất những biện pháp nâng cao hoạt động và quản lý của Công ty;

h. Chuẩn bị các bản dự toán dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty (sau đây gọi là bản dự toán) phục vụ hoạt động quản lý dài hạn, hàng năm và hàng quý của Công ty theo kế hoạch kinh doanh. Bản dự toán hàng năm (bao gồm cả bản cân đối kế toán, báo cáo hoạt động sản xuất kinh doanh và báo cáo lưu chuyển tiền tệ dự kiến) cho từng năm tài chính sẽ phải được trình để Hội đồng quản trị thông qua và phải bao gồm những thông tin quy định tại các quy chế của Công ty.

i. Thực hiện tất cả các hoạt động khác theo quy định của Điều lệ này và các quy chế của Công ty, các nghị quyết của Hội đồng quản trị, hợp đồng lao động của Tổng giám đốc điều hành và pháp luật.

4. Báo cáo lên Hội đồng quản trị và các cổ đông. Tổng giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông về việc thực hiện nhiệm vụ và quyền hạn được giao và phải báo cáo các cơ quan này khi được yêu cầu.

5. Bãi nhiệm: Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Tổng giám đốc khi có từ hai phần ba thành viên Hội đồng quản trị trở lên biểu quyết tán thành (trong trường hợp này không tính biểu quyết của Tổng giám đốc) và bổ nhiệm một Tổng giám đốc mới thay thế. Tổng giám đốc bị bãi nhiệm có quyền phản đối việc bãi nhiệm này tại Đại hội đồng cổ đông tiếp theo gần nhất.

Điều 34. Người phụ trách quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị chỉ định ít nhất một (01) người làm Người phụ trách quản trị công ty để hỗ trợ hoạt động quản trị công ty được tiến hành một cách có hiệu quả. Nhiệm kỳ của Người phụ trách quản trị công ty do Hội đồng quản trị quyết định, tối đa là năm (05) năm.:

2. Người phụ trách quản trị công ty phải đáp ứng các tiêu chuẩn sau

- a. Có hiểu biết về pháp luật;
- b. Không được đồng thời làm việc cho công ty kiểm toán độc lập đang thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Công ty;
- c. Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, Điều lệ này và quyết định của Hội đồng quản trị.

3. Hội đồng quản trị có thể bãi nhiệm Người phụ trách quản trị công ty khi cần nhưng không trái với các quy định pháp luật hiện hành về lao động. Hội đồng quản trị có thể bổ nhiệm Trợ lý Người phụ trách quản trị công ty tùy từng thời điểm.

4. Người phụ trách quản trị công ty có các quyền và nghĩa vụ sau:

- a. Tư vấn Hội đồng quản trị trong việc tổ chức họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định và các công việc liên quan giữa Công ty và cổ đông;
- b. Chuẩn bị các cuộc họp Hội đồng quản trị và Đại hội đồng cổ đông theo yêu cầu của Hội đồng quản trị;
- c. Tư vấn về thủ tục của các cuộc họp;
- d. Tham dự các cuộc họp;
- e. Tư vấn thủ tục lập các nghị quyết của Hội đồng quản trị phù hợp với quy định của pháp luật;
- f. Cung cấp các thông tin tài chính, bản sao biên bản họp Hội đồng quản trị và các thông tin khác cho thành viên của Hội đồng quản trị và Kiểm soát viên;
- g. Giám sát và báo cáo Hội đồng quản trị về hoạt động công bố thông tin của công ty.
- h. Bảo mật thông tin theo các quy định của pháp luật và Điều lệ công ty;
- i. Các quyền và nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ công ty

IX. NHIỆM VỤ CỦA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

Điều 35. Trách nhiệm cẩn trọng

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người quản lý doanh nghiệp được uỷ thác có trách nhiệm thực hiện các nhiệm vụ của mình, kể cả những nhiệm vụ với tư cách thành viên các tiểu ban của Hội đồng quản trị, một cách trung thực và theo phương thức mà họ tin là vì lợi ích cao nhất của Công ty và với một mức độ cẩn trọng mà một người thận trọng thường có khi đảm nhiệm vị trí tương đương và trong hoàn cảnh tương tự.

Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người quản lý doanh nghiệp phải là những người có đủ phẩm chất, năng lực, phải làm việc hết sức mình và tuyệt đối trung thành với lợi ích của Công ty, của các Cổ đông và người lao động.

Điều 36. Trách nhiệm trung thực và tránh các xung đột về quyền lợi

1. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người quản lý doanh nghiệp và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên không được phép sử dụng những cơ hội kinh doanh có thể mang lại lợi ích cho Công ty vì mục đích cá nhân; đồng thời không được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để tư lợi cá nhân hay để phục vụ lợi ích của tổ chức hoặc cá nhân khác.

2. Thành viên Hội đồng quản trị Tổng giám đốc, Người quản lý doanh nghiệp và những người có liên quan tới các thành viên nêu trên có nghĩa vụ thông báo cho Hội đồng quản trị tất cả các lợi ích có thể gây xung đột với lợi ích của Công ty mà họ có thể được hưởng thông qua các pháp nhân kinh tế, các giao dịch hoặc cá nhân khác. Những đối tượng nêu trên chỉ được sử dụng những cơ hội đó khi các thành viên Hội đồng quản trị không có lợi ích liên quan đã quyết định không truy cứu vấn đề này.

Điều 37. Trách nhiệm về thiệt hại và bồi thường

1. Trách nhiệm về thiệt hại: Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người quản lý doanh nghiệp vi phạm nghĩa vụ hành động một cách trung thực, không hoàn thành nghĩa vụ của mình với sự cẩn trọng, mẫn cán và năng lực chuyên môn sẽ phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại do hành vi vi phạm của mình gây ra.

2. Bồi thường: Công ty sẽ bồi thường cho những người đã, đang và có nguy cơ trở thành một bên liên quan trong các vụ khiếu nại, kiện, khởi tố đã, đang hoặc có thể sẽ được tiến hành cho dù đây là vụ việc dân sự, hành chính (mà không phải là việc kiện tụng do Công ty thực hiện hay thuộc quyền khởi xướng của Công ty) nếu người đó đã hoặc đang là thành viên Hội đồng quản trị, Người quản lý doanh nghiệp, nhân viên hoặc là đại diện được Công ty (hay công ty con của Công ty) uỷ quyền, hoặc người đó đã hoặc đang làm theo yêu cầu của Công ty (hay công ty con của Công ty) với tư cách thành viên Hội đồng quản trị, Người quản lý doanh nghiệp, nhân viên hoặc đại diện được uỷ quyền của một công ty, đối tác, liên doanh, tín thác hoặc pháp nhân khác. Những chi phí được bồi thường bao gồm: các chi phí phát sinh (kể cả phí thuê luật sư), chi phí phán quyết, các khoản tiền phạt, các khoản phải thanh toán phát sinh trong thực tế hoặc được coi là mức hợp lý khi giải quyết những vụ việc này trong khuôn khổ luật pháp cho phép, với điều kiện là người đó đã hành động trung thực, cẩn trọng, mẫn cán và với năng lực chuyên môn theo phương thức mà người đó tin

tưởng rằng đó là vì lợi ích hoặc không chống lại lợi ích cao nhất của Công ty, trên cơ sở tuân thủ luật pháp và không có sự phát hiện hay xác nhận nào rằng người đó đã vi phạm những trách nhiệm của mình. Công ty có quyền mua bảo hiểm cho những người đó để tránh những trách nhiệm bồi thường nêu trên.

X. BAN KIỂM SOÁT

[Điều khoản này được bãi bỏ có chủ đích]

XI. QUYỀN ĐIỀU TRA SỔ SÁCH VÀ HỒ SƠ CÔNG TY

Điều 38. Quyền điều tra sổ sách và hồ sơ

1. Cổ đông hoặc nhóm cổ đông đề cập trong khoản 3 Điều 26 của Điều lệ này có quyền trực tiếp được kiểm tra trong giờ làm việc và tại địa điểm kinh doanh chính của công ty danh sách cổ đông, các biên bản của Đại hội đồng cổ đông.

2. Thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc và Người quản lý doanh nghiệp có quyền kiểm tra sổ đăng ký cổ đông của Công ty, danh sách cổ đông và những sổ sách và hồ sơ khác của Công ty vì những mục đích liên quan tới chức vụ của mình với điều kiện các thông tin này phải được bảo mật.

3. Công ty sẽ phải lưu Điều lệ này và những bản sửa đổi bổ sung Điều lệ, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, các quy chế, các tài liệu chứng minh quyền sở hữu tài sản, biên bản họp Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị, báo cáo tài chính hàng năm, sổ sách kế toán và bất cứ giấy tờ nào khác theo quy định của pháp luật tại trụ sở chính hoặc một nơi khác với điều kiện là các cổ đông và cơ quan đăng ký kinh doanh được thông báo về địa điểm lưu trữ các giấy tờ này.

XII. PHÂN CHIA LỢI NHUẬN

Điều 39. Cổ tức

1. Theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông và theo quy định của pháp luật, cổ tức sẽ được công bố và chi trả từ lợi nhuận giữ lại của Công ty nhưng không được vượt quá mức do Hội đồng quản trị đề xuất sau khi đã tham khảo ý kiến cổ đông tại Đại hội đồng cổ đông.

2. Theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Hội đồng quản trị có thể quyết định tạm ứng cổ tức giữa kỳ nếu xét thấy việc chi trả này phù hợp với khả năng sinh lời của công ty.

3. Công ty không trả lãi cho khoản tiền trả cổ tức hay khoản tiền chi trả liên quan tới một loại cổ phiếu.

4. Hội đồng quản trị có thể đề nghị Đại hội đồng cổ đông thông qua việc thanh toán toàn bộ hoặc một phần cổ tức bằng những tài sản cụ thể (như cổ phiếu hoặc trái phiếu đã được thanh toán đầy đủ do công ty khác phát hành) và Hội đồng quản trị là cơ quan thực thi nghị quyết này.

5. Trường hợp cổ tức hay những khoản tiền khác liên quan tới một loại cổ phiếu được chi trả bằng tiền mặt, Công ty sẽ phải chi trả bằng tiền đồng Việt Nam và có thể thanh toán bằng séc hoặc lệnh trả tiền gửi qua Ngân hàng/ Bưu điện tới địa chỉ đã đăng ký của cổ đông thụ hưởng và trường hợp có rủi ro phát sinh (từ địa chỉ đã đăng ký của cổ đông) thì cổ

đồng đó phải chịu. Việc thanh toán cổ tức đối với các cổ phiếu niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán nếu có thể được tiến hành thông qua công ty chứng khoán hoặc Trung tâm Lưu ký.

6. Trường hợp có sự chấp thuận của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị có thể quyết định và thông báo rằng những người sở hữu cổ phần phổ thông được nhận cổ tức bằng các cổ phần phổ thông thay cho cổ tức bằng tiền mặt. Các cổ phần bổ sung để trả cổ tức này được ghi là những cổ phần đã thanh toán đầy đủ tiền mua trên cơ sở giá trị của các cổ phần trả cổ tức phải tương đương với số tiền mặt trả cổ tức.

7. Căn cứ Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Hội đồng quản trị có thể thông qua nghị quyết quy định một ngày cụ thể để chốt danh sách cổ đông. Căn cứ theo danh sách chốt tại ngày đó, cổ đông sẽ được nhận các quyền của cổ đông theo quy định của pháp luật.

Điều 40. Các vấn đề khác liên quan đến phân phối lợi nhuận

Việc phân phối lợi nhuận tuân thủ theo quy định của pháp luật và quyết định của Đại hội cổ đông. Hàng năm sau khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước, lợi nhuận sau thuế của Công ty được phân bổ như sau:

1. Quỹ dự trữ bổ sung vốn điều lệ: bằng 5% lợi nhuận sau thuế của Công ty và được trích cho đến khi quỹ dự trữ bằng 10% vốn điều lệ của Công ty.
2. Quỹ dự phòng tài chính 10% lợi nhuận sau thuế cho đến khi bằng 25% mức vốn điều lệ của Công ty.
3. Quỹ khen thưởng, phúc lợi trích tối đa không quá 01 tháng lương.
4. Trích tối đa 5% lợi nhuận sau thuế để trả thù lao cho HĐQT.
5. Các quỹ khác theo quy định của pháp luật.

XIII. TÀI KHOẢN NGÂN HÀNG, QUỸ DỰ TRỮ, NĂM TÀI CHÍNH VÀ HỆ THỐNG KẾ TOÁN

Điều 41. Tài khoản ngân hàng

6. Công ty sẽ mở tài khoản tại các ngân hàng Việt Nam hoặc tại các ngân hàng nước ngoài được phép hoạt động tại Việt Nam.

7. Công ty có thể mở tài khoản ngân hàng ở nước ngoài theo các quy định của pháp luật.

8. Công ty sẽ tiến hành tất cả các khoản thanh toán và giao dịch kế toán thông qua các tài khoản tiền Việt Nam hoặc ngoại tệ tại các ngân hàng mà Công ty mở tài khoản.

Điều 42. Năm tài khóa

Năm tài khóa của Công ty bắt đầu từ ngày đầu tiên của tháng Một hàng năm và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 cùng năm. Năm tài chính đầu tiên bắt đầu từ ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (hoặc giấy phép kinh doanh đối với những ngành, nghề kinh doanh có điều kiện) và kết thúc vào ngày thứ 31 của tháng 12 ngay sau ngày cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh (giấy phép kinh doanh) đó.

Điều 43. Hệ thống kế toán

1. Hệ thống kế toán Công ty sử dụng là Hệ thống Kế toán Việt Nam (VAS) hoặc hệ thống kế toán khác được Bộ Tài chính chấp thuận.
2. Công ty lập sổ sách kế toán bằng tiếng Việt. Công ty sẽ lưu giữ hồ sơ kế toán theo loại hình của các hoạt động kinh doanh mà Công ty tham gia. Những hồ sơ này phải chính xác, cập nhật, có hệ thống và phải đủ để chứng minh và giải trình các giao dịch của Công ty.
3. Công ty sử dụng đồng Việt Nam làm đơn vị tiền tệ dùng trong kế toán.

XIV. TRÁCH NHIỆM CÔNG BỐ THÔNG TIN, THÔNG BÁO RA CÔNG CHÚNG

Điều 44. Báo cáo hàng năm

1. Công ty phải lập bản báo cáo tài chính hàng năm theo quy định của pháp luật cũng như các quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và báo cáo phải được kiểm toán theo quy định tại Điều 46 của Điều lệ này, và trong thời hạn 90 ngày kể từ khi kết thúc mỗi năm tài chính, phải nộp báo cáo tài chính hàng năm đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua cho cơ quan thuế có thẩm quyền và cơ quan đăng ký kinh doanh.

Báo cáo tài chính năm phải bao gồm báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình về lãi và lỗ của Công ty trong năm tài chính và bản cân đối kế toán phản ánh một cách trung thực và khách quan tình hình các hoạt động của Công ty cho đến thời điểm lập báo cáo, báo cáo lưu chuyển tiền tệ và thuyết minh báo cáo tài chính.

2. Báo cáo thường niên: Công ty phải lập và công bố Báo cáo thường niên theo các quy định của pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Điều 45. Công bố thông tin và thông báo ra công chúng

Các báo cáo tài chính hàng năm, Báo cáo thường niên và các tài liệu bổ trợ khác phải được công bố ra công chúng theo những quy định của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và nộp cho cơ quan thuế hữu quan và cơ quan đăng ký kinh doanh theo các quy định của Luật Doanh nghiệp.

XV. KIỂM TOÁN CÔNG TY

Điều 46. Kiểm toán

1. Tại Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ chỉ định một công ty kiểm toán độc lập, hoạt động hợp pháp tại Việt Nam và được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán cho các công ty niêm yết, tiến hành các hoạt động kiểm toán Công ty cho năm tài chính tiếp theo dựa trên những điều khoản và điều kiện thoả thuận với Hội đồng quản trị.
2. Công ty sẽ phải chuẩn bị và gửi báo cáo tài chính hàng năm cho công ty kiểm toán độc lập sau khi kết thúc năm tài chính.
3. Công ty kiểm toán độc lập kiểm tra, xác nhận và báo cáo về báo cáo tài chính hàng năm cho biết các khoản thu chi của Công ty, lập báo cáo kiểm toán và trình báo cáo đó cho Hội đồng quản trị trong vòng hai tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Các nhân

viên của công ty kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán cho Công ty phải được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận.

4. Một bản sao của báo cáo kiểm toán sẽ phải được gửi đính kèm với mỗi bản báo cáo kế toán hàng năm của Công ty.

5. Kiểm toán viên thực hiện việc kiểm toán Công ty sẽ được phép tham dự mọi cuộc họp Đại hội đồng cổ đông và được quyền nhận các thông báo và các thông tin khác liên quan đến Đại hội đồng cổ đông mà các cổ đông được quyền nhận và được phát biểu ý kiến tại đại hội về các vấn đề có liên quan đến kiểm toán.

XVI. CON DẤU

Điều 47. Con dấu

1. Công ty có quyền quyết định về hình thức, số lượng và nội dung con dấu của doanh nghiệp. Nội dung con dấu phải thể hiện những thông tin sau đây:

(a) Tên doanh nghiệp;

(b) Mã số doanh nghiệp.

2. Trước khi sử dụng, Công ty có nghĩa vụ thông báo mẫu con dấu với cơ quan đăng ký kinh doanh để đăng tải công khai trên Cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

3. Hội đồng quản trị sẽ quyết định thông qua con dấu chính thức của Công ty và con dấu được khắc theo quy định của luật pháp.

4. Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc điều hành sử dụng và quản lý con dấu theo quy định của pháp luật hiện hành.

XVII. CHẤM DỨT HOẠT ĐỘNG VÀ THANH LÝ

Điều 48. Chấm dứt hoạt động

1. Công ty có thể bị giải thể hoặc chấm dứt hoạt động trong những trường hợp sau:

- a. Khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty, kể cả sau khi đã gia hạn;
- b. Toà án tuyên bố Công ty phá sản theo quy định của pháp luật hiện hành;
- c. Giải thể trước thời hạn theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- d. Các trường hợp khác do pháp luật quy định.

2. Việc giải thể Công ty trước thời hạn (kể cả thời hạn đã gia hạn) do Đại hội đồng cổ đông quyết định, Hội đồng quản trị thực hiện. Quyết định giải thể này phải thông báo hay xin chấp thuận của cơ quan có thẩm quyền (nếu bắt buộc) theo quy định.

Điều 49. Trường hợp bế tắc giữa các thành viên Hội đồng quản trị và cổ đông

Trừ khi Điều lệ này có quy định khác, các cổ đông nắm giữ một nửa số cổ phiếu đang lưu hành có quyền biểu quyết trong bầu cử thành viên Hội đồng quản trị có quyền đệ đơn khiếu nại tới toà để yêu cầu giải thể theo một hay một số các căn cứ sau:

1. Các thành viên Hội đồng quản trị không thống nhất trong quản lý các công việc của Công ty dẫn đến tình trạng không đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để Hội đồng quản trị hoạt động.

2. Các cổ đông không thống nhất nên không thể đạt được số phiếu cần thiết theo quy định để tiến hành bầu thành viên Hội đồng quản trị.

3. Có sự bất đồng trong nội bộ và hai hoặc nhiều phe cánh cổ đông bị chia rẽ khiến cho việc giải thể sẽ là phương án có lợi hơn cả cho toàn thể cổ đông.

Điều 50. Thanh lý

1. Tối thiểu sáu tháng trước khi kết thúc thời hạn hoạt động của Công ty hoặc sau khi có một quyết định giải thể Công ty, Hội đồng quản trị phải thành lập Ban thanh lý gồm ba thành viên. Hai thành viên do Đại hội đồng cổ đông chỉ định và một thành viên do Hội đồng quản trị chỉ định từ một công ty kiểm toán độc lập. Ban thanh lý sẽ chuẩn bị các quy chế hoạt động của mình. Các thành viên của Ban thanh lý có thể được lựa chọn trong số nhân viên Công ty hoặc chuyên gia độc lập. Tất cả các chi phí liên quan đến thanh lý sẽ được Công ty ưu tiên thanh toán trước các khoản nợ khác của Công ty.

2. Ban thanh lý có trách nhiệm báo cáo cho cơ quan đăng ký kinh doanh về ngày thành lập và ngày bắt đầu hoạt động. Kể từ thời điểm đó, Ban thanh lý sẽ thay mặt Công ty trong tất cả các công việc liên quan đến thanh lý Công ty trước Tòa án và các cơ quan hành chính.

3. Tiền thu được từ việc thanh lý sẽ được thanh toán theo thứ tự sau:

- a. Các chi phí thanh lý;
- b. Tiền lương và chi phí bảo hiểm cho công nhân viên;
- c. Thuế và các khoản nộp có tính chất thuế mà Công ty phải trả cho Nhà nước;
- d. Các khoản vay (nếu có);
- e. Các khoản nợ khác của Công ty;
- f. Số dư còn lại sau khi đã thanh toán tất cả các khoản nợ từ mục (a) đến (e) trên đây sẽ được phân chia cho các cổ đông. Các cổ phần ưu đãi sẽ ưu tiên thanh toán trước.

XVIII. GIẢI QUYẾT TRANH CHẤP NỘI BỘ

Điều 51. Giải quyết tranh chấp nội bộ

1. Trường hợp phát sinh tranh chấp hay khiếu nại có liên quan tới hoạt động của Công ty hay tới quyền của các cổ đông phát sinh từ Điều lệ hay từ bất cứ quyền hoặc nghĩa vụ do Luật Doanh nghiệp hay các luật khác hoặc các quy định hành chính quy định, giữa:

- a. Cổ đông với Công ty; hoặc
- b. Cổ đông với Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Tổng giám đốc điều hành hay Người quản lý doanh nghiệp cao cấp

Các bên liên quan sẽ cố gắng giải quyết tranh chấp đó thông qua thương lượng và hoà giải. Trừ trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, Chủ tịch Hội đồng quản trị sẽ chủ trì việc giải quyết tranh chấp và sẽ yêu cầu từng

bên trình bày các yếu tố thực tiễn liên quan đến tranh chấp trong vòng 15 ngày làm việc kể từ ngày tranh chấp phát sinh. Trường hợp tranh chấp liên quan tới Hội đồng quản trị hay Chủ tịch Hội đồng quản trị, bất cứ bên nào cũng có thể yêu cầu Hội đồng quản trị chỉ định một chuyên gia độc lập để hành động với tư cách là trọng tài cho quá trình giải quyết tranh chấp.

2. Trường hợp không đạt được quyết định hoà giải trong vòng sáu tuần từ khi bắt đầu quá trình hoà giải hoặc nếu quyết định của trung gian hoà giải không được các bên chấp nhận, bất cứ bên nào cũng có thể đưa tranh chấp đó ra Trọng tài kinh tế hoặc Toà án kinh tế.

3. Các bên sẽ tự chịu chi phí của mình có liên quan tới thủ tục thương lượng và hoà giải. Các chi phí của Toà án sẽ do Toà phán quyết bên nào phải chịu.

XIX. BỔ SUNG VÀ SỬA ĐỔI ĐIỀU LỆ

Điều 52. Bổ sung và sửa đổi Điều lệ

1. Việc bổ sung, sửa đổi Điều lệ này phải được Đại hội đồng cổ đông xem xét quyết định.

2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động của Công ty chưa được đề cập trong bản Điều lệ này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của pháp luật khác với những điều khoản trong Điều lệ này thì những quy định của pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và điều chỉnh hoạt động của Công ty.

XX. NGÀY HIỆU LỰC

Điều 53. Ngày hiệu lực

1. Bản điều lệ này gồm 20 chương, 53 điều, được Đại hội đồng cổ đông Công ty cổ phần May Sông Hồng nhất trí thông qua ngày 16 tháng 03 năm 2019 tại trụ sở công ty số 105 Nguyễn Đức Thuận, Tp. Nam Định và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của Điều lệ này kể từ ngày 16 tháng 03 năm 2019. Trừ quy định tại Khoản 1 Điều 28 sẽ có hiệu lực kể từ ngày 1/8/2020.

2. Điều lệ được lập thành 10 bản, có giá trị như nhau, trong đó:

a. 01 bản nộp tại Phòng công chứng Nhà nước của địa phương.
b. 05 bản đăng ký tại cơ quan chính quyền theo quy định của Ủy ban nhân dân Tỉnh, Thành phố.

c. 04 bản lưu trữ tại Trụ sở chính của Công ty.

3. Điều lệ này là duy nhất và chính thức của Công ty.

4. Các bản sao hoặc trích lục Điều lệ Công ty phải có chữ ký của Chủ tịch Hội đồng quản trị hoặc tối thiểu một phần hai tổng số thành viên Hội đồng quản trị mới có giá trị.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị

PHỤ LỤC 01

DANH SÁCH CỔ ĐÔNG SÁNG LẬP CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÔNG HỒNG

TT	Tên cổ đông	Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú	Loại cổ phần	Số cổ phần	Tỉ lệ	Số CMND
1	BÙI ĐỨC THỊNH	Số 15 Mạc Thị Bưởi Nam định	Cổ phần phổ thông	5.150.220	21,63%	160153160
2	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	Số 336, Trường chinh, Nam định	Cổ phần phổ thông	0	0	160098372
3	VŨ THÁI QUÝ	Số 9, Bạch Đằng, Phan Đình Phùng, Nam định	Cổ phần phổ thông	277.380	1,16%	160097859
4	TẠ HOÀNG GIANG	Số 194, Quang Trung, Nam định	Cổ phần phổ thông	341.200	1,43%	162043809

PHỤ LỤC 02

CHI TIẾT VỐN ĐIỀU LỆ CÔNG TY TỪ NGÀY THÀNH LẬP ĐẾN NAY

TT	Tháng	Vốn điều lệ	Ghi chú

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

QUY CHẾ ĐỊNH VÀ QUY ĐỊNH CÔNG TY

CÔNG TY CỔ PHẦN MAY SÔNG HỒNG

(Độc lập)

Tháng 03/2019

QUY CH N I B V QU N TR CÔNG TY CÔNG TY C PH N MAY SÔNG H NG

(Ban hành theo Ngh quy t i h i ng c ông ngày 16 tháng 03 n m 2019)

C n c :

- Lu t Doanh nghi p s 68/2014/QH13 ngày 26 tháng 11 n m 2014;
- Lu t Ch ng khoán s 70/2006/QH11 ngày 29 tháng 06 n m 2006;
- Ngh nh 71/2017/N -CP ngày 06 tháng 06 n m 2017 h ng d n v qu n tr công ty áp d ng i v i công ty i chúng;
- Thông t s 95/2017/TT-BTC ngày 22 tháng 09 n m 2017 c a B Tài chính h ng d n m t s i u c a Ngh nh s 71/2017/N -CP ngày 06 tháng 6 n m 2017 c a Chính ph h ng d n v qu n tr công ty áp d ng i v i công ty i chúng;
- i u l T ch c và Ho t ng c a Công ty c ph n May Sông H ng.

CH NG I – QUY NH CHUNG

i u 1. Ý ngh a và Ph m vi i u ch nh

Quy ch này c xây d ng theo Thông t s 95/2017/TT-BTC ngày 22/9/2017 c a B Tài chính, quy nh v qu n tr Công ty c a Công ty C ph n May Sông H ng.

Quy ch này quy nh nh ng nguyên t c c b n v qu n tr Công ty b o v quy n và l i ích h p pháp c a c ông; th m quy n, ngh a v và ph ng th c ho t ng c a ng i qu n lý Công ty.

i u 2. Nguyên t c qu n tr n i b công ty

- Tuân th nh ng quy nh hi n hành c a pháp lu t;
- Tôn tr ng o c kinh doanh, có trách nhi m v i xã h i;
- m b o quy n l i cho các c ông và i x công b ng gi a các c ông;
- Minh b ch trong ho t ng c a Công ty;
- H i ng qu n tr và Ban Ki m soát qu n lý và ki m soát công ty hi u qu .

i u 3. Gi i thích thu t ng và ch vi t t t

1. Ng i có liên quan là cá nhân ho c t ch c c quy nh t i kho n 17 i u 4 Lu t doanh nghi p, kho n 34 i u 6 Lu t ch ng khoán.

2. Thành viên Hội đồng quản trị không đi u hành là thành viên Hội đồng quản trị không phải là Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và nhân viên quản lý khác theo quy định của nội bộ công ty.
3. “Công ty”: là Công ty Cổ phần May Sông Hồng
4. “Hội đồng Quản trị”: là Hội đồng quản trị
5. “Hội đồng Cổ đông”: là Hội đồng cổ đông
6. “Đi u bị u”: Cổ đông, người đi u (người đi u cổ đông quy định)
7. Người chịu trách nhiệm quản trị công ty: là người có trách nhiệm và quy định nội bộ quy định nội dung Điều lệ 18 Nghị định 71/2017/NĐ-CP.

CHƯƠNG II – C H IÊN VÀ H IÊN NG C H IÊN

Đ i u 4. Quy định và nghĩa vụ của cổ đông

1. Công ty có ý các quy định và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, các văn bản pháp luật liên quan và nội bộ công ty, cụ thể là:
 - a. Quy định về quyền công bằng. Mọi thành viên cùng một loại u cho công ty sử dụng các quy định, nghĩa vụ và lợi ích ngang nhau. Trường hợp công ty có các loại cổ phần ưu đãi, các quy định và nghĩa vụ gắn liền với các loại cổ phần ưu đãi phải công bằng cho công ty và phải được Hội đồng thông qua;
 - b. Quy định về tiếp cận và thông tin nội bộ và thông tin bên ngoài do Công ty công bố theo quy định của pháp luật;
2. Công ty có quy định về các quy định nội bộ pháp định của mình. Trong trường hợp quy định của Hội đồng Cổ đông, quy định của Hội đồng Quản trị vì phạm pháp luật hoặc vì phạm những quy định nội bộ của công ty theo quy định của pháp luật, công ty có quy định nghĩa vụ quy định nội bộ theo trình tự, thủ tục pháp luật quy định. Trường hợp các quy định nội bộ phạm pháp luật gây thiệt hại cho công ty, Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc đi u hành phải bồi thường cho công ty theo trách nhiệm của mình. Công ty có quy định yêu cầu công ty bồi thường thiệt hại theo quy định của pháp luật.

Đ i u 5. Hội đồng cổ đông

1. Hội đồng Cổ đông là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Hội đồng cổ đông thường niên có tổ chức minimum 01 lần.
Hội đồng Quản trị hoặc người trực tiếp chịu trách nhiệm Hội đồng Cổ đông sẽ lập kế hoạch trình nghị sự, bố trí agenda, thời gian họp lý do luận và bị u quy định trong chương trình họp Hội đồng Cổ đông. Agenda họp Hội đồng Cổ đông phải trên lãnh thổ Việt Nam. Trường hợp chịu trách nhiệm Hội đồng Cổ đông tổ chức họp thì nội dung agenda khác nhau thì agenda họp Hội đồng Cổ đông xác định là nội dung tham dự họp.
2. Hội đồng cổ đông thường niên

- a. Hội đồng quản trị phải họp thường niên trong tháng chẵn (04) tháng kể từ ngày kết thúc năm tài chính. Theo nghị quyết Hội đồng quản trị, công quan hệ ký kinh doanh có thể gia hạn, nhưng không quá sáu (06) tháng, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.
- b. Việc họp Hội đồng quản trị thường niên không thể thực hiện hình thức lý do kinh doanh bận rộn.
- c. Hội đồng quản trị tổ chức triệu tập họp Hội đồng quản trị thường niên và lựa chọn đại diện phù hợp. Hội đồng quản trị thường niên quy định nội dung và theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, công bố thông tin qua các báo cáo tài chính năm và dự toán cho năm tài chính tiếp theo.
- d. Trường hợp Báo cáo kiểm toán báo cáo tài chính năm của công ty có các khoản nghi ngờ, Công ty có thể mời đơn vị kiểm toán độc lập để họp Hội đồng quản trị giải thích các nội dung liên quan.

3. Hình thức công bố thông tin:

Hội đồng quản trị triệu tập họp Hội đồng quản trị thông qua các trường hợp sau:

- a. Hội đồng quản trị xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty;
- b. Báo cáo tài chính năm hoặc Báo cáo kiểm toán của năm tài chính phản ánh vấn đề sâu sắc hoặc bất thường (1/2) số cổ đông;
- c. Thành viên Hội đồng quản trị ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật hoặc số thành viên Hội đồng quản trị bị giảm quá một phần hai (1/2) số cổ đông thành viên quy định trong Điều lệ Công ty;
- d. Công đồng nhóm công đồng quy định tại khoản 3 Điều 12 Điều lệ Công ty yêu cầu triệu tập họp Hội đồng quản trị. Yêu cầu triệu tập họp Hội đồng quản trị phải thể hiện bằng văn bản, trong đó nêu rõ lý do và mục đích cuộc họp, có thể ký các công đồng liên quan hoặc văn bản yêu cầu độc lập thành viên và triệu tập họp các công đồng có liên quan;
- e. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty.

4. Công ty không cần mời các công đồng tham dự Hội đồng quản trị, phải thông báo trước cho các công đồng thành viên về quy định mời đơn vị tham gia Hội đồng quản trị hoặc bồi đắp thông tin báo cáo khi công đồng có yêu cầu. Công ty phải thông báo nội dung và lập kế hoạch quy định cho các công đồng theo quy định.

Công ty công bố thông tin trong việc áp dụng các công nghệ thông tin hiện đại công đồng có thể tham dự và phát biểu ý kiến tại cuộc họp Hội đồng quản trị, bao gồm nội dung công đồng biểu quyết thông qua họp Hội đồng quản trị trực tuyến, bồi đắp thông tin hoặc hình thức khác theo quy định tại Điều 140 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty.

6. Báo cáo hoạt động của Hội đồng quản trị trình Hội đồng quản trị thường niên thì phải bao gồm các nội dung sau:

- Đánh giá tình hình hoạt động của công ty trong năm tài chính, trong đó có đánh giá liên quan trách nhiệm môi trường và xã hội (nếu có);
- Hoạt động, thù lao và chi phí hoạt động của Hội đồng quản trị và thành viên Hội đồng quản trị;

- Tng k t các cu c h p c a H QT và các quy t nh c a H QT;
- K t qu giám sát i v i T ng Giám c;
- K t qu giám sát i v i ng i qu n lý khác;
- Các k ho ch trong t ng lai.

7. Tham d H C c a ki m toán viên c l p

Ki m toán viên ho c i di n công ty ki m toán c l p có th c m i d h p H C th ng niên phát bi u ý ki n t i H C v các v n liên quan n Báo cáo tài chính n m trong tr ng h p Báo cáo ki m toán có các kho n ngo i tr tr ng y u.

i u 6. Thông báo v vi c ch t danh sách c ông có quy n tham d i h i c ông

Công ty công b thông tin v vi c l p danh sách c ông có quy n tham d h p H C t i thi u 20 ngày tr c ngày ng ký cu i cùng.

Thông báo v vi c l p danh sách c ông có quy n tham d h p i h i c ông c công b trên trang thông tin i n t c a công ty, y ban ch ng khoán nhà n c.

i u 7. Trình t tri u t p H C

1. L p danh sách c ông có quy n d h p H C

Danh sách c ông có quy n d h p H C c l p d a trên Danh sách ng i s h u ch ng khoán do Công ty ho c n v c y quy n qu n lý c ông l p t i th i i m ch t danh sách. Danh sách c ông có quy n d h p H C c l p không s m h n 10 ngày tr c ngày g i thông báo m i h p H C .

2. Công tác chu n b h p H C

- a. Ng i tri u t p H C ph i chu n b danh sách c ông i u ki n tham gia và bi u quy t t i H C ; ch ng trình, n i dung i h i; tài li u cho i h i; th i gian và a i m t ch c H C ; Thông báo và g i thông báo h p H C cho t t c các c ông có quy n d h p trong úng th i gian quy nh t i Kho n 1 i u này; và các v n khác ph c v i h i phù h p v i lu t pháp và các qui nh c a Công ty. Các v n a vào ch ng trình H C ph i phù h p v i th m quy n H C c qui nh t i i u l Công ty.
- b. C ông ho c nhóm c ông c c p t i Kho n 3 i u 12 Lu t Doanh nghi p có quy n ki n ngh các v n a vào ch ng trình h p H C . Ki n ngh ph i c làm b ng v n b n và ph i c g i cho Công ty ít nh t ba (03) ngày làm vi c tr c ngày khai m c H C . xu t ph i bao g m h và tên c ông, s l ng và lo i c ph n ng i ó n m gi và n i dung ki n ngh a vào ch ng trình h p.
- c. Ng i tri u t p h p H C có quy n t ch i nh ng ki n ngh liên quan n i m (b) Kho n này trong các tr ng h p sau:
 - Ki n ngh c g i n không úng th i h n ho c không , không úng n i dung;

- Vào thời điểm khi nhận, công nhân nhóm công không có ít nhất 10% cổ phần thông trong thời gian liên tục ít nhất sáu (06) tháng theo quy định tại Khoản 3 Điều 114 Luật Doanh nghiệp Công ty;
- Văn bản khi nhận không thu cấp miễn phí thẩm quyền của HĐQT bàn bạc và thông qua;

3. Thông báo triệu tập HĐQT

- a. Thông báo mời họp phải có tên, địa chỉ số chính, mã số doanh nghiệp; tên, địa chỉ thành phố trụ sở công nhân viên địa điểm theo quy định của công ty; thời gian và địa điểm họp, cách thức đăng ký tham dự họp HĐQT và những yêu cầu khác (nếu có) kèm theo.

Thông báo họp HĐQT gửi cho tất cả các công nhân viên thành viên, đồng thời công bố trên trang thông tin internet của Công ty và Ủy ban Kiểm toán Nhà nước chậm nhất là (10) ngày trước ngày khai mạc cuộc họp HĐQT (tính từ ngày mà thông báo được gửi hoặc chuyển đi bằng phương tiện khác, trừ chi phí hoặc chi trả vào hôm đó).

Công ty công bố trên trang thông tin internet của công ty và Ủy ban Kiểm toán Nhà nước về việc họp HĐQT, trong đó nêu rõ nội dung toàn bộ tài liệu họp HĐQT hàng năm. Tài liệu họp HĐQT phải công bố và cấp nhật các tài liệu, bổ sung (nếu có) cho tất cả khi kết thúc HĐQT;

Các tài liệu bao gồm:

- Chương trình họp, các tài liệu sử dụng trong cuộc họp;
- Danh sách và thông tin chi tiết của các thành viên trong trường hợp bầu thành viên HĐQT, Kiểm soát viên;
- Phiếu biểu quyết;
- Mục lục nội dung theo quy định họp;
- Đồ án nghị quyết (nếu có) trong chương trình họp.

Điều 8. Cách thức đăng ký tham dự HĐQT trước ngày khai mạc cuộc họp HĐQT

1. Cách thức đăng ký tham dự cuộc họp HĐQT được quy định tại Thông báo họp HĐQT.
2. Công nhân viên thành viên đăng ký tham dự họp HĐQT theo cách thức đã ghi trong thông báo, bao gồm:
 - Tham dự và biểu quyết trực tiếp tại cuộc họp;
 - Ủy quyền cho một người khác tham dự và biểu quyết tại cuộc họp; (Trường hợp có nhu cầu nhân viên địa điểm các thành viên xác nhận số phần và số phiếu bầu của ủy quyền cho mình (nếu có)).

- Tham dự và biểu quyết thông qua hình thức trực tuyến, biểu quyết điện hoặc hình thức khác (nếu có);
- Gửi biểu quyết trực tiếp thông qua giấy, fax, thư điện tử (nếu có);
- Các hình thức đăng ký tham dự họp HĐQT khác phù hợp với qui định của Pháp luật.

Công ty cổ phần tiến hành áp dụng các công nghệ thông tin hiện có để công có thể tham dự và phát biểu ý kiến trực tiếp HĐQT trực tuyến, bao gồm hình thức công biểu quyết thông qua họp HĐQT trực tuyến, biểu quyết điện hoặc hình thức khác theo quy định tại Điều 140 Luật doanh nghiệp và Điều lệ công ty. Tùy vào điều kiện thực tế hiện tại của HĐQT mà Công ty áp dụng các hình thức đăng ký, tham dự và biểu quyết phù hợp. Mọi cách thức áp dụng phù hợp nêu trên được thông báo minh bạch công khai và thu nhận tín hiệu trong việc áp dụng.

Điều 9. Cách thức đăng ký tham dự HĐQT và Kiểm tra tính khả thi vào ngày họp HĐQT

1. Trước khi khai mạc cuộc họp, Công ty phải thực hiện tất cả các công việc đăng ký công và phải thực hiện việc đăng ký cho đến khi các công có quyền dự họp có mặt đăng ký hết. Công nhân tham dự phải ghi danh theo Giấy tờ qui định tại Thông báo họp HĐQT xác nhận tính khả thi của việc.

Việc đăng ký của thành viên tiến hành ngay trước cuộc họp HĐQT.

2. Khi tiến hành đăng ký tham dự, Công ty cấp cho từng công hoặc cá nhân quy định có quyền biểu quyết (giấy tờ là biểu quyết) biểu quyết, trên đó ghi số đăng ký, họ và tên của công nhân và tên cá nhân quy định và số biểu quyết của công nhân.

3. Biểu quyết của HĐQT nếu có quyền đăng ký ngay và sau đó có quyền tham gia và biểu quyết tại hội nghị. Chủ tịch không có trách nhiệm đăng ký biểu quyết của cá nhân nếu đăng ký và hiện tại của các biểu quyết đã tiến hành trực tiếp khi biểu quyết của cá nhân tham dự không bắt buộc.

Điều 10. Cách thức biểu phiếu

- Hàng Chủ Ban kiểm phiếu theo đúng cách thức áp dụng.
- Người ký danh phiếu biểu quyết trong phiếu quy định của công ty.
- Hàng Chủ và người biểu quyết theo đúng quy định trong nội dung phiếu quy định. Việc biểu quyết cá nhân hành động cách thức biểu quyết tán thành quy định, sau đó thu phiếu biểu quyết không tán thành.
- Công đồng người ký phiếu biểu quyết sau khi cuộc họp đã khai mạc, người ký và có quyền tham gia biểu quyết ngay sau khi người ký. Chủ tịch không được cuộc họp nhân người nhận phiếu. Trong trường hợp này, người ký phiếu biểu quyết đã tiến hành không bình thường.
- Việc biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị phải thực hiện theo phương thức biểu quyết, theo đó mỗi công đồng có phiếu biểu quyết đúng quy định của pháp luật nhân viên biểu quyết của Hội đồng Quản trị và công đồng có quyền nhận phiếu biểu quyết của mình cho một thành viên.

Các phiếu của thành viên Hội đồng Quản trị phải được ghi rõ vào phiếu biểu quyết tính toán đúng theo quy định, phiếu biểu quyết của thành viên biểu quyết và phiếu biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị phải theo quy định pháp luật và nội dung phiếu biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị phải có ít nhất một (01) phiếu biểu quyết của thành viên Hội đồng Quản trị phải theo điều 26 của nội dung, các người biểu quyết (tính theo số phiếu biểu quyết riêng cho các người biểu quyết). Sau khi chọn số thành viên Hội đồng Quản trị phải, vì các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại sẽ tính theo số phiếu biểu quyết đúng theo quy định (bao gồm các người biểu quyết không phải và phải còn lại)

Điều 11. Cách thức kiểm phiếu

- Ban kiểm phiếu thực hiện kiểm tra phiếu biểu quyết thu vào phiếu biểu quyết phát ra của công ty.
- Tổ chức và phân loại riêng phiếu biểu quyết của công ty theo việc biểu quyết tán thành, không tán thành, không có ý kiến.
- Thực hiện kiểm tra phiếu biểu quyết tán thành quy định, sau đó thực hiện kiểm tra phiếu biểu quyết không tán thành và phiếu biểu quyết không có ý kiến.

Điều 12. Thông báo kết quả kiểm phiếu

Kết quả kiểm phiếu sẽ được công bố ngay trước khi bế mạc cuộc họp.

Điều 13. Các thành phần quy định của Hội đồng

- Trong trường hợp Công đồng biểu quyết phải đúng quy định của pháp luật công ty hoặc thay đổi quy định, nghĩa vụ của công đồng quy định nội dung công ty có quyền yêu cầu công ty mua

liên hệ cá nhân. Yêu cầu phải nêu rõ tên, địa chỉ công sở, số điện thoại, địa chỉ email, giá trị hàng hóa, lý do yêu cầu công ty mua hàng. Yêu cầu phải gửi kèm theo biên bản họp của Hội đồng Quản trị công ty trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày Hội đồng Quản trị thông qua nghị quyết về các vấn đề quy định tại khoản này.

2. Công ty phải mua hàng theo yêu cầu của Hội đồng Quản trị quy định tại khoản 1 của Điều này với giá trị hàng hóa có giá trị tính theo nguyên tắc quy định tại Điều 14 của Công ty trong thời hạn 90 ngày, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trường hợp không thỏa thuận về giá thì các bên có thể yêu cầu một tổ chức thẩm định giá chuyên nghiệp định giá. Công ty ghi chi phí ít nhất 03% chi phí thẩm định giá chuyên nghiệp có công lao và là chi phí này là quy định chung.

Điều 14. Lập Biên bản họp Hội đồng

1. Chủ tịch Hội đồng phải ghi biên bản và có thể ghi âm hoặc ghi và lưu giữ dưới hình thức khác. Biên bản họp Hội đồng lập bằng tiếng Việt, có thể lập thêm bằng tiếng Anh và có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ số chính, mã số doanh nghiệp;
- Thời gian và địa điểm họp Hội đồng;
- Chiến lược và nội dung cuộc họp;
- Họ, tên chủ tịch và thành viên;
- Tóm tắt diễn biến cuộc họp và các ý kiến phát biểu của Chủ tịch và thành viên trong chiến lược;
- Số công và thành viên ủy quyền các công việc, phần danh sách ký công, địa chỉ công việc và số ủy quyền;
- Thành viên ủy quyền và thành viên ủy quyền, trong đó ghi rõ phần chi phí ủy quyền, thành viên ủy quyền, không ủy quyền, tán thành, không tán thành và không có ý kiến; tài liệu tham khảo trên thành viên ủy quyền các công việc;
- Các vấn đề đã thông qua và tài liệu ủy quyền thông qua thành viên;
- Chức vụ chủ tịch và thành viên.

Biên bản họp Hội đồng lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có hiệu lực pháp lý như nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản tiếng Việt và tiếng Anh thì nội dung trong biên bản tiếng Việt có hiệu lực áp dụng.

2. Biên bản họp Hội đồng phải lập xong và thông qua trước khi kết thúc cuộc họp. Chủ tịch và thành viên cuộc họp phải chịu trách nhiệm liên đới về tính trung thực, chính xác của nội dung biên bản.

3. Biên bản họp Hội đồng được coi là bằng chứng xác thực về nội dung công việc đã tiến hành tại cuộc họp Hội đồng trừ khi có ý kiến phản đối về nội dung biên bản của các thành viên theo đúng quy định trong vòng mười (10) ngày kể từ khi ghi biên bản.

4. Biên bản họp Hội đồng, phần danh sách công việc ký duyệt kèm chức vụ công, thành viên ủy quyền tham dự và tài liệu có liên quan và phải lưu giữ tại văn phòng Công ty.

Điều 15. Công bố Nghị quyết và Biên bản họp HĐQT hoặc Biên bản kiểm phiếu tại các cuộc họp lý giải công việc và nhiệm vụ ra công chúng

Biên bản họp (hoặc Biên bản kiểm phiếu) và Nghị quyết của họp HĐQT phải được công bố trên trang thông tin internet của Công ty trong thời hạn hai mươi bốn (24) giờ kể từ khi kết thúc cuộc họp. Ngày thi Công ty phải công bố thông tin 24 giờ kể từ khi kết thúc cuộc họp theo quy định của pháp luật.

Điều 16. Thẩm quyền và Trình tự thực hiện lý giải công việc và nhiệm vụ thông qua quyết định HĐQT

Hội đồng Quản trị có quyền lý giải công việc và nhiệm vụ thông qua quyết định của HĐQT bất cứ lúc nào nếu xét thấy cần thiết vì lợi ích của Công ty.

1. Trình tự thực hiện lý giải công việc và nhiệm vụ thông qua quyết định của HĐQT: Các bước lý giải công việc và nhiệm vụ như sau:

a. Chuẩn bị Tài liệu:

Hội đồng Quản trị phải chuẩn bị: Phiếu lý giải, đề xuất quyết định của HĐQT và các tài liệu ghi trình bày đề xuất quyết định. Hội đồng Quản trị phải làm rõ, công bố tài liệu cho các cuộc họp trong một thời gian hợp lý để xem xét biểu quyết và phê duyệt ít nhất mười (10) ngày trước ngày họp thường niên phiếu lý giải.

Phiếu lý giải phải có các nội dung chủ yếu sau đây:

- Tên, địa chỉ trụ sở chính, mã số doanh nghiệp;
- Mục đích lý giải;
- Họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của công dân là cá nhân; tên, mã số doanh nghiệp hoặc số quyết định thành lập, địa chỉ trụ sở chính của công dân là tổ chức hoặc họ, tên, địa chỉ thường trú, quốc tịch, số Thẻ căn cước công dân, Giấy chứng minh nhân dân, Hộ chiếu hoặc chứng thực cá nhân hợp pháp khác của người di cư theo quy định của công dân là tổ chức; số đăng ký kinh doanh và số phiếu biểu quyết của công dân;
- Vấn đề lý giải thông qua quyết định;
- Phương án biểu quyết bao gồm tán thành, không tán thành và không có ý kiến tại cuộc họp lý giải;
- Thời hạn phê duyệt Công ty phiếu lý giải đã đề xuất;
- Họ, tên, chức vụ của Chủ tịch Hội đồng Quản trị và người di cư theo pháp luật của Công ty.

- Tổng số phiếu tán thành, không tán thành và không có ý kiến về nội dung;
- Các vấn đề đã thông qua;
- Họ, tên, chữ ký của Chủ tịch HĐQT, người đi đại diện theo pháp luật của Công ty, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu.

Các thành viên HĐQT, người kiểm phiếu và người giám sát kiểm phiếu phải liên đới chịu trách nhiệm về tính trung thực, chính xác của biên bản kiểm phiếu; liên đới chịu trách nhiệm về các thiệt hại phát sinh từ các quyết định đã thông qua do kiểm phiếu không trung thực, không chính xác.

g. Thông qua quyết định của HĐQT

Nghị quyết đã thông qua theo hình thức lấy ý kiến công bố công khai và có giá trị như nghị quyết đã thông qua tại cuộc họp HĐQT.

h. Lưu tài liệu

Phiếu lấy ý kiến đã xử lý, biên bản kiểm phiếu, nghị quyết đã thông qua và tài liệu có liên quan đi kèm theo phiếu lấy ý kiến xử lý phải lưu giữ tại văn phòng Công ty.

2. HĐQT không công bố công khai trong những trường hợp có ý sau:

- Bổ sung hoặc bổ nhiệm thành viên HĐQT, khi số thành viên S thành viên HĐQT còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
- Xin ý kiến công bố công khai thông qua Nghị quyết HĐQT thường niên.

Điều 17. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của HĐQT

Trong thời hạn chín mươi (90) ngày, kể từ ngày nhận được biên bản họp HĐQT hoặc biên bản kết quả kiểm phiếu lấy ý kiến công bố công khai, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc, công đồng hoặc nhóm công đồng quy định tại khoản 3 Điều 114 Luật Doanh nghiệp có quyền yêu cầu Tòa án hoặc Trọng tài xem xét, hủy bỏ quyết định của HĐQT trong các trường hợp sau đây:

1. Trình tự và thủ tục triệu tập họp hoặc lấy ý kiến công bố công khai và ra quyết định của HĐQT không thực hiện đúng theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, trình tự họp quy định tại khoản 2 Điều 148 của Luật Doanh nghiệp.
2. Nội dung nghị quyết vi phạm pháp luật hoặc Điều lệ Công ty.
3. Trình tự họp quyết định của HĐQT bất hợp pháp theo quy định của Tòa án hoặc Trọng tài, người triệu tập họp HĐQT bất hợp pháp có thể xem xét thực hiện cuộc họp HĐQT theo trình tự, thủ tục quy định tại Luật doanh nghiệp và Điều lệ này.

CHƯƠNG III – THÀNH VIÊN HĐQT VÀ HĐQT

M. C. I. C, NG C, B U, MI N NHI N VÀ BÃI NHI M THÀNH VIÊN HĐQT

Điều 18. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT phải có các tiêu chuẩn và điều kiện sau đây:
 - a. Có năng lực hành vi dân sự, không thuộc diện bị cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp.
 - b. Có trình độ, có năng lực kinh doanh và tổ chức quản lý doanh nghiệp.
 - c. Có sức khỏe, phẩm chất tốt, trung thực, liêm khiết, có hi vọng về tương lai.
 - d. Không có nghĩa vụ là thành viên HĐQT của quá 05 công ty khác.
 - e. Các điều kiện khác theo quy định của Pháp luật.
2. Tiêu chuẩn thành viên HĐQT nội bộ quản trị công ty như sau:
 - b. Không phải là người đang làm việc cho công ty, công ty con của công ty; không phải là người đã từng làm việc cho công ty, công ty con của công ty ít nhất trong 03 năm liền trước đó.
 - c. Không phải là người đang hưởng lương, thù lao từ công ty, trừ các khoản phụ cấp mà thành viên HĐQT nội bộ quản trị công ty hưởng theo quy định;
 - d. Không phải là người có vợ hoặc chồng, cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, con, con nuôi, anh ruột, chị ruột, em ruột là công nhân của công ty; là người quản lý của công ty hoặc công ty con của công ty;
 - e. Không phải là người trực tiếp hoặc gián tiếp sở hữu ít nhất 1% tổng số phần vốn có quy định của công ty;
 - f. Không phải là người đã từng làm thành viên HĐQT nội bộ quản trị, Ban kiểm soát của công ty ít nhất trong 05 năm liền trước đó.
3. Chức vụ HĐQT không kiêm nhiệm chức danh Tổng Giám đốc.

Điều 19. Cách thức công bố, nhóm công bố, công bố vào vị trí thành viên HĐQT

Các công bố thông tin phải được thông qua thị trường liên tục ít nhất sáu (06) tháng có quy định của pháp luật quy định của các thành viên HĐQT. Công bố nhóm công bố thông tin từ 5% đến dưới 10% số phần vốn có quy định của công ty trong thị trường liên tục ít nhất sáu tháng của một thành viên; từ 10% đến dưới 30% của hai thành viên; từ 30% đến dưới 50% của ba thành viên; từ 50% đến dưới 65% của bốn thành viên và từ 65% trở lên của các thành viên.

Các công bố thông tin ngay lập tức thành nhóm thỏa mãn các điều kiện quy định của pháp luật về công bố vào HĐQT. Việc công bố nhóm này phải thông báo cho HĐQT nội bộ quản trị và các công bố thông tin của HĐQT phải thực hiện ngay khi khai mạc HĐQT.

Trình tự công bố thông tin của thành viên HĐQT thông qua công bố và công bố không công bố thông tin, HĐQT nội bộ quản trị có thể thêm công bố thông tin hoặc thực hiện theo cách thức Công ty quy định tại Khoản 4, Điều 23 Quy chế này. Thành viên HĐQT nội bộ quản trị phải công bố thông tin rõ ràng và phải công bố thông tin qua thị trường liên tục khi tiến hành công bố theo quy định pháp luật.

Điều 20. Cách thức bầu thành viên HĐQT

1. Trong trường hợp số thành viên hiện tại của thành viên HĐQT chưa đủ thì việc bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu trực tiếp, theo số phiếu công bố tổng số phiếu bầu theo quy định của pháp luật về nhân viên thành viên bầu của HĐQT và công bố quy định hình thức mua phiếu bầu của mình cho mua theo quy định của công ty.

Phiếu bầu do Ban chấp hành HĐQT chuẩn bị, có ghi danh sách các viên, tổng số phiếu bầu của công ty, có đóng dấu treo Công ty.

Công nhận phiếu bầu, ghi số phiếu bầu cho thành viên mình lựa chọn. Phiếu bầu phải là không tẩy xóa, gập, rách, không viết thêm nội dung vào phiếu bầu hoặc bôi nhọ số lượng thành viên HĐQT được phép bầu.

Ngày trúng thành viên Hội đồng Quản trị xác định theo số phiếu bầu tính toán cao nhất, bắt đầu từ ngày các viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi số thành viên Hội đồng Quản trị (mỗi một lần thì thành viên Hội đồng Quản trị) quy định tại Điều lệ Công ty. Thành viên trúng thành viên Hội đồng Quản trị phải có ít nhất một (01) phiếu bầu. Mỗi một lần thì thành viên Hội đồng Quản trị bầu theo Điều 26 của Điều lệ, các thành viên bầu chọn trực tiếp (tính theo số phiếu bầu cao nhất riêng cho các thành viên bầu). Sau khi chọn số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, việc chọn các thành viên Hội đồng Quản trị còn lại sẽ tính theo số phiếu bầu cao nhất (bao gồm các thành viên Hội đồng Quản trị không bầu và bầu còn lại). Trường hợp có từ 02 thành viên trở lên cùng số phiếu bầu nhau cho thành viên cùng của HĐQT thì số tiền hành xử trong số các thành viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí quy định của công ty.

2. Trong trường hợp số thành viên hiện tại của thành viên HĐQT chưa đủ thì việc bầu thành viên HĐQT phải thực hiện theo phương thức bầu gián tiếp (tán thành, không tán thành, không có ý kiến). Thủ tục quy định thông qua thực hiện theo Khoản 2 Điều 21 Điều lệ Công ty.

Điều 21. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

1. Thành viên HĐQT miễn nhiệm trong các trường hợp sau đây:

- a. Không có tiêu chuẩn và điều kiện theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.
- b. Không tham gia các hoạt động của HĐQT trong 06 (sáu) tháng liên tiếp, trừ trường hợp bất khả kháng.
- c. Có xin thôi việc.
- d. Chết, mất quyền công dân, bị truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc kết án tù giam...
- e. Công ty phá sản, giải thể.
- f. Công ty tổ chức kết thúc hoạt động hoặc công bố thay đổi nội dung theo quy định là thành viên HĐQT.

2. Thành viên HĐQT có thể bị bãi nhiệm theo quy định của HĐQT.

Điều 22. Thông báo về bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT

Sau khi có quyết định bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trên trang internet của Công ty và cho các cơ quan quản lý nhà nước theo trình tự và quy định của pháp luật.

Điều 23. Cách thức gọi thí tuyển thành viên HĐQT

1. HĐQT triệu tập cuộc họp HĐQT về việc bầu thành viên HĐQT phù hợp với nội dung bầu cử: số lượng, cấu trúc thành viên HĐQT, tiêu chuẩn tuyển thành viên tham gia bầu cử, cách thức bầu cử, quy trình theo quy định tại Điều 19 Quy chế này. Việc bầu cử sẽ thực hiện tại Hội đồng Giám sát.

2. Công ty ban hành thông báo công bố công khai về việc bầu thành viên HĐQT trong đó ghi rõ lý do bầu cử, số lượng, tiêu chuẩn và cách thức bầu cử, thời gian thực hiện công bố, ...

3. HĐQT thông qua danh sách ứng viên thông qua các ứng cử viên và thẩm định thông tin về từng ứng viên nhằm đảm bảo các ứng viên đáp ứng điều kiện, tiêu chuẩn làm Thành viên HĐQT theo quy định tại khoản 2 Điều này.

4. Trưởng ban bầu cử ứng viên HĐQT thông qua các ứng cử viên không số lượng cần thi tuyển, HĐQT sẽ chọn danh sách ứng viên theo các tiêu chí sau:

- Số lượng ứng viên: là số lượng còn thi tuyển sau khi thông qua danh sách ứng viên họp thông qua các ứng cử viên tại Khoản 3 Điều này.
- Ứng viên do HĐQT gọi thí tuyển phải là Thành viên HĐQT ứng nhiệm tại nhiệm kỳ quy định thông qua.
- Ứng viên do HĐQT gọi thí tuyển phải là ứng cử viên các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Luật Doanh nghiệp.

M C II. TRÌNH TỰ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN**Điều 24. Thông báo và chuẩn bị nội dung họp**

1. Thông báo họp HĐQT phải được gửi cho các thành viên HĐQT ngày làm việc trước ngày họp.

Thông báo họp HĐQT phải nêu rõ thời gian, địa điểm họp, chương trình, nội dung các vấn đề thảo luận, kèm theo tài liệu cần thi tuyển và danh sách thảo luận và biên bản quy tắc cuộc họp và phiếu bầu quy định cho thành viên HĐQT không thể thiếu.

Cuộc họp HĐQT sẽ tiến hành tại trụ sở chính của Công ty hoặc địa điểm khác theo quy định của Điều lệ HĐQT và các quy định của HĐQT.

2. Điều lệ HĐQT hoặc nghị quyết triệu tập gọi thông báo mời họp và các tài liệu kèm theo trình Giám đốc gửi về các thành viên HĐQT. Trưởng Giám đốc có quyền đề cử các cuộc họp của HĐQT; có quyền thảo luận nhưng không được biểu quyết.

3. Thông báo miệng bằng văn bản, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải báo cáo bằng văn bản cho thành viên HĐQT để ký tại Công ty.

Thành viên HĐQT có thể chấp thuận thông báo miệng bằng văn bản, vì cách này có thể thay thế hoặc thay thế bằng văn bản của thành viên HĐQT.

Thành viên HĐQT có thể yêu cầu bổ sung nội dung chi tiết trình bày bằng văn bản, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác tại Chủ tịch HĐQT hoặc người đại diện.

4. Các hình thức họp khác

a. Cuộc họp của HĐQT có thể thực hiện theo hình thức trực tiếp hoặc qua phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp. Điều kiện để cuộc họp thực hiện theo quy định này là phải có đủ thành viên HĐQT, hoặc là phải có mặt Chủ tịch cuộc họp.

- Nghe tiếng thành viên HĐQT khác cùng tham gia phát biểu trong cuộc họp;
- Phát biểu và tiếp xúc các thành viên tham dự khác một cách riêng tư.

b. Việc thảo luận giữa các thành viên có thể thực hiện một cách trực tiếp qua điện thoại hoặc bằng phương tiện liên lạc thông tin khác hoặc kết hợp các phương thức này. Thành viên HĐQT tham gia cuộc họp như vậy được coi là “có mặt” tại cuộc họp. Điều kiện để cuộc họp thực hiện theo quy định này là phải có đủ thành viên HĐQT, hoặc là phải có mặt Chủ tịch cuộc họp.

c. Các quyết định được thông qua trong cuộc họp qua điện thoại trực tiếp và tiến hành một cách hợp thức, có hiệu lực ngay khi kết thúc cuộc họp như phương thức khác nêu trên bằng các chi tiết trong biên bản của tất cả thành viên HĐQT tham dự cuộc họp này.

Điều 25. Điều kiện thực hiện cuộc họp HĐQT

Các cuộc họp của HĐQT chỉ tiến hành và thông qua các quyết định khi có ít nhất 3/4 (ba phần tư) số thành viên HĐQT có mặt trực tiếp hoặc qua điện thoại (ngay cả quy định). Trường hợp không đủ thành viên dự họp theo quy định, cuộc họp phải trì hoãn tối thiểu trong thời hạn bảy (7) ngày kể từ ngày dự họp lần tiếp theo. Cuộc họp trì hoãn tối thiểu tiến hành nếu có hơn một nửa (1/2) số thành viên HĐQT dự họp.

Thành viên HĐQT chỉ có quyền cho người khác đại diện nếu là thành viên HĐQT họp thường.

Điều 26. Cách thức biểu quyết và thông qua Nghị quyết của HĐQT

1. Trường hợp nội dung Điều 25 này, mỗi thành viên HĐQT hoặc người đại diện quy định trực tiếp có một phiếu cách cá nhân tại cuộc họp HĐQT có mặt (01) phiếu biểu quyết.

2. Thành viên HĐQT không biểu quyết về các hợp đồng, các giao dịch hoặc xuất mà thành viên đó hoặc người liên quan tới thành viên đó có lợi ích và lợi ích đó mâu thuẫn hoặc có thể mâu thuẫn với lợi ích của Công ty. Thành viên HĐQT không tính vào tổng số thành viên

t i thi u có m t có th t ch c cu c h p H QT v nh ng quy t nh mà thành viên ó không có quy n bi u quy t;

3. Theo quy nh t i kho n 4 i u này, khi có v n phát sinh trong m t cu c h p c a H QT liên quan n m c l ích c a thành viên H QT ho c liên quan n quy n bi u quy t c a m t thành viên mà nh ng v n ó không c gi i quy t b ng s t nguy n t b quy n bi u quy t c a thành viên H QT liên quan, nh ng v n phát sinh ó s c chuy n t i ch t a cu c h p và phán quy t c a ch t a liên quan n v n này s có giá tr là quy t nh cu i cùng, tr ng h p tính ch t ho c ph m vi l ích c a thành viên H QT liên quan ch a c công b y ;

4. Thành viên H QT h ng l i t m th p ng c quy nh t i i u 162 Lu t Doanh nghi p c coi là có l ích áng k trong h p ng ó.

5. Thành viên H QT có th g i phi u bi u quy t n cu c h p thông qua th , fax, th i n t . Tr ng h p g i phi u bi u quy t n cu c h p thông qua th , phi u bi u quy t ph i ng trong phong bì kín và ph i c chuy n n Ch t ch H QT ch m nh t m t (01) gi tr c khi khai m c. Phi u bi u quy t ch c m tr c s ch ng ki n c a t c ng i d h p.

6. H QT thông qua các quy t nh và ra ngh quy t trên c s a s thành viên H QT d h p tán thành. Tr ng h p s phi u tán thành và ph n i ngang b ng nhau, phi u bi u quy t c a Ch t ch H QT là phi u quy t nh.

7. Ngh quy t theo hình th c l y ý ki n b ng v n b n c thông qua trên c s ý ki n tán thành c a a s thành viên H QT có quy n bi u quy t. Ngh quy t này có hi u l c và giá tr nh ngh quy t c thông qua t i cu c h p.

i u 27. Biên b n h p H QT

1. Các cu c h p c a H QT ph i c ghi biên b n và có th ghi âm, ghi và l u gi d i hình th c i n t khác. Biên b n ph i l p b ng t i ng Vi t và có th l p thêm b ng t i ng n c ngoài, có các n i dung ch y u sau ây:

- a. Tên, a ch tr s chính, mã s doanh nghi p;
- b. M c ích, ch ng trình và n i dung h p;
- c. Th i gian, a i m h p;
- d. H , tên t ng thành viên d h p ho c ng i c y quy n d h p và cách th c d h p; h , tên các thành viên không d h p và lý do;
- e. Các v n c th o lu n và bi u quy t t i cu c h p;
- f. Tóm t t phát bi u ý ki n c a t ng thành viên d h p theo trình t di n bi n c a cu c h p;
- g. K t qu bi u quy t trong ó ghi rõ nh ng thành viên tán thành, không tán thành và không có ý ki n;
- h. Các v n ã c thông qua;
- i. H , tên, ch ký ch t a và ng i ghi biên b n.

Chức năng và nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị phải chính xác và trung thực và chính xác nội dung biên bản họp Hội đồng Quản trị.

2. Biên bản họp Hội đồng Quản trị và tài liệu sử dụng trong cuộc họp phải có nội dung chính xác và đúng công ty.

3. Biên bản họp báo chí và thông tin và tài liệu khác ngoài có nội dung ngang nhau. Trường hợp có sự khác nhau về nội dung biên bản họp báo chí và thông tin và tài liệu khác ngoài thì nội dung trong biên bản họp báo chí và thông tin có hiệu lực áp dụng.

Điều 28. Thông báo Nghị quyết Hội đồng Quản trị

Sau khi ban hành Nghị quyết Hội đồng Quản trị, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trên trang thông tin internet của Công ty và cho các cơ quan quản lý nhà nước theo trình tự và quy định của pháp luật.

CHƯƠNG IV - THÀNH LẬP VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA TIUBAN KIỂM TOÁN

Điều 29. Thành lập và Hoạt động của Tiểu ban Kiểm toán

1. Tiêu chuẩn của Thành viên Tiểu ban Kiểm toán

- Các thành viên Hội đồng Quản trị có liên quan không được làm thành viên trong Tiểu ban Kiểm toán.
- Hội đồng Quản trị quy định có ít nhất một thành viên trong Tiểu ban kiểm toán có chuyên môn về tài chính, kế toán hoặc kiểm toán (có bằng cấp, chứng chỉ hoặc kinh nghiệm liên quan) và không làm việc cho bộ phận kế toán hoặc tài chính của Công ty.
- Các thành viên Tiểu ban Kiểm toán có chuyên môn và kinh nghiệm đáng tin cậy về quản lý tài chính, kế toán, thuế, tuân thủ.

2. Quy định và trách nhiệm của Tiểu ban Kiểm toán

a. Khi có yêu cầu của Công đồng hoặc nhóm Công đồng đề nghị kiểm tra Kho 3 và 12 của Chi nhánh này, thì cần tiến hành kiểm tra trong thời hạn bảy (07) ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn mười lăm (15) ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, Tiểu ban Kiểm toán phải báo cáo kết quả trình và đề xuất ý kiến về yêu cầu kiểm tra của Hội đồng Quản trị và Công đồng hoặc nhóm Công đồng có yêu cầu. Việc kiểm tra của Tiểu ban Kiểm toán quy định tại khoản này không được cản trở hoạt động bình thường của Chi nhánh quản trị, không gây gián đoạn nội dung hoạt động kinh doanh của Công ty;

b. Xây dựng chế độ tiếp nhận ý kiến phản ánh, khi nhận được khiếu nại của nhân viên trong Công ty về các sai phạm, thì xử lý trong vòng quản lý, nội dung hoạt động kinh doanh, quản trị tài chính, kiểm soát nội bộ. Công ty phải ghi nhận, báo cáo và báo cáo quy định về nội dung và các biện pháp xử lý sau đó.

c. Khi phát hiện thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc vi phạm nghĩa vụ của người quản lý Công ty quy định tại Điều 160 của Luật Doanh Nghiệp, Điều 35 và Điều 36 của Luật này thì phải yêu cầu người có hành vi vi phạm chấm dứt ngay hành vi vi phạm, đồng thời ghi

thông báo ngay bằng văn bản Hội đồng Quản trị Hội đồng Quản trị ra quyết định xử lý;

d. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ tin cậy trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh, trong tổ chức công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;

e. Xem xét sổ kế toán và các tài liệu khác của Công Ty, các công việc quản lý, điều hành hoạt động của Công Ty theo quy định của Hội đồng Công tác theo yêu cầu của Công đồng hoặc nhóm Công đồng quy định tại Khoản 3 Điều 12 của Điều lệ này;

f. Kiến nghị Hội đồng Quản trị các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cấu trúc của Công Ty

g. Tham mưu báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính năm, sáu tháng và quý của Công Ty. Lập nội dung tham mưu này trong báo cáo của Hội đồng Quản trị trình Hội đồng Công tác điều chỉnh bổ sung.

h. Kiểm toán nội bộ: Tiểu Ban Kiểm Toán chịu trách nhiệm về hoạt động kiểm toán nội bộ của Công Ty.

i. Trong hoạt động kế toán, kiểm toán của Công Ty:

- Xu hướng nhân công ty kiểm toán cấp, mức phí kiểm toán và mức độ liên quan Hội đồng Quản trị trình Hội đồng Công tác phê duyệt theo thẩm quyền tại Điều 48 của Điều lệ này;
- Tholu nhân viên kiểm toán viên cấp và phạm vi kiểm toán trước khi bắt đầu việc kiểm toán;
- Tholu nhân sự kiện khó khăn và tồn tại phát hiện các kết quả kiểm toán giữa kế hoạch cuối kỳ kinh doanh mức độ mà kiểm toán viên cấp mua bản báo;
- Xem xét thẩm quyền lý của kiểm toán viên cấp;
- Giám sát tính cấp và khách quan của kiểm toán cấp.

j. Các quy định và trách nhiệm khác theo Điều lệ này, Quy chế Quản trị Công ty, và quy định Pháp Luật.

3. Cấu trúc của Tiểu ban Kiểm toán
Tiểu ban Kiểm toán tiến hành hoạt động theo tholu nhân như hàng quý trước cấu trúc quý của HĐQT. Thành phần tối thiểu của cấu trúc là 2/3 thành viên.

- Tùy theo công việc phân công, thành viên Tiểu ban Kiểm toán có thể yêu cầu họp riêng với lãnh đạo các nhân viên thuộc Ban điều hành.
- Tiểu ban Kiểm toán làm việc theo chế độ quy tắc. Trường hợp mâu thuẫn có sự bất đồng quy tắc ngang nhau thì bất đồng quy tắc bên có ý kiến của Trưởng tiểu ban sẽ là ý kiến quyết định.
- Trưởng Tiểu ban Kiểm toán có thể triệu tập họp, trao đổi riêng với từng thành viên trong Tiểu ban tholu nhân các chế độ riêng biệt.

CHƯƠNG V - QUY TRÌNH TỐT NGHIỆP, THỰC HÀNH, BỒI DƯỠNG, MIỄN NHIỆM CÔNG VIỆC QUẢN LÝ CÔNG TY

Điều 30. Các tiêu chuẩn lựa chọn ứng viên quản lý công ty

1. Tiêu chuẩn cơ bản ứng viên quản lý công ty

- Có năng lực hành vi dân sự, không thuộc diện cấm quản lý doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp;
- Có óc sáng tạo, trung thực, nhiệt tình và có uy tín;
- Nắm vững nghiệp vụ, chuyên môn lĩnh vực phụ trách;
- Có năng lực quản trị;

Các tiêu chuẩn riêng biệt cho từng vị trí (ngoại trừ Tổng Giám đốc) sẽ do Tổng Giám đốc xuất và Hội đồng Quản trị phê duyệt.

2. Tiêu chuẩn và điều kiện làm Tổng Giám đốc/Phó Tổng Giám đốc

Ngoài những quy định tại Điều 65 Luật Doanh nghiệp, Tổng Giám đốc/Phó Tổng Giám đốc còn phải đáp ứng các tiêu chuẩn và điều kiện dưới đây:

- Có kiến thức và kinh nghiệm quản lý Công ty: Từng trải nghiệm thực tiễn, có kinh nghiệm làm công việc quản lý, điều hành trong lĩnh vực hành nghề kinh doanh chủ yếu của Công ty.
- Có sức khỏe, phẩm chất đạo đức tốt, hiểu biết pháp luật.
- Các quy định khác theo quy định của Pháp luật.

Tùy theo từng giai đoạn phát triển của Công ty, tiêu chuẩn và điều kiện của Tổng Giám đốc do Hội đồng Quản trị quy định.

3. Tiêu chuẩn lựa chọn Kế toán trưởng

Các tiêu chuẩn và điều kiện cho vị trí Kế toán trưởng như sau:

- Không thuộc diện ngừng nghiệp vụ quản lý công tác kế toán quy định tại Điều 52 Luật Kế toán.
- Có phẩm chất đạo đức, phẩm chất chuyên nghiệp, trung thực, có ý thức chấp hành và tuân thủ bảo vệ quy định, chính sách, chế độ quản lý tài chính và kinh tế theo quy định của pháp luật và của Công ty;

- Có trình độ chuyên môn, nghiệp vụ kế toán, có thể gian công tác thực tế trong ngành kế toán ít nhất là năm (05) năm và có chứng chỉ bồi dưỡng và cấp chứng chỉ kế toán trưởng ứng theo quy định của pháp luật kế toán.

Điều 31. Về bổ nhiệm người quản lý công ty

Người quản lý doanh nghiệp phải có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ Công ty và các mục tiêu ra trong hồ sơ và thực tế.

Hội đồng Quản trị bổ nhiệm thành viên trong Hội đồng Quản trị hoặc thuê một người khác làm Tổng Giám đốc. Nhiệm kỳ của Tổng Giám đốc là không quá năm (05) năm và có thể tái bổ nhiệm. Về bổ nhiệm có thể dựa trên hồ sơ vào các quy định hiện hành lao động.

Về bổ nhiệm người quản lý doanh nghiệp (trừ Tổng Giám đốc) gồm Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng ban nghiệp vụ và người quản lý khác do Hội đồng Quản trị phê chuẩn theo xu hướng của Tổng Giám đốc.

Theo nghĩa của Tổng Giám đốc và các sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị, Công ty có thể tuyển dụng người quản lý khác với số lượng và tiêu chuẩn phù hợp với các yêu cầu và quy chế quản lý của Công ty do Hội đồng Quản trị quy định.

Người quản lý doanh nghiệp phải có trách nhiệm thực hiện các nghĩa vụ theo quy định của Điều lệ Công ty và các mục tiêu ra trong hồ sơ và thực tế.

Điều 32. Ký hợp đồng lao động với người quản lý công ty

Sau khi có quyết định bổ nhiệm Tổng Giám đốc của Hội đồng Quản trị, Chủ tịch Hội đồng Quản trị ký hợp đồng lao động với Tổng Giám đốc. Nội dung của Hợp đồng lao động theo quy định của pháp luật về hợp đồng lao động và các thỏa thuận không trái với quy định của pháp luật.

Tổng Giám đốc hoặc Chủ tịch Hội đồng Quản trị thực hiện ký hợp đồng lao động với người quản lý khác sau khi được sự chấp thuận của Hội đồng Quản trị.

Điều 33. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm người quản lý công ty

1. Về việc miễn nhiệm Tổng Giám đốc:

Hội đồng Quản trị có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm Tổng Giám đốc khi đa số (trên 50%) thành viên Hội đồng Quản trị họp có quyết định tán thành và bổ nhiệm thành viên Tổng Giám đốc mới thay thế.

Tổng Giám đốc có thể bị Hội đồng Quản trị miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Do nhu cầu công tác, di chuyển, luân chuyển nhân sự của Công ty;
- b. Do sức khỏe không đảm bảo tiếp tục công tác;
- c. Và các trường hợp khác mà pháp luật cho phép

Tổng Giám đốc có thể bị Hội đồng Quản trị bãi nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty;

b. Vi phạm pháp luật nghiêm trọng của nhân viên truy cứu trách nhiệm hình sự hoặc của nhân viên bị phạt tù giam hoặc lao động;

c. Và những trường hợp khác mà pháp luật cho phép.

2. Nội quy nội bộ của công ty khác: vì các nhiệm vụ, bài nhiệm vụ do HĐQT quy định theo xu hướng của Tổng Giám đốc

Vì các nhiệm vụ, bài nhiệm vụ nêu trên không trái với các quy định theo hợp đồng của nhân viên bị bài nhiệm vụ (nếu có).

Điều 34. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm nội quy nội bộ công ty

Sau khi có quy định bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm hoặc cách chức nội quy nội bộ, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trên trang internet của Công ty và cho các cơ quan quản lý nhà nước theo trình tự và quy định của pháp luật.

CHƯƠNG VI – THỰC TIỄN PHÁP LUẬT NGƯỜI LAO ĐỘNG VÀ TỔNG GIÁM ĐỐC

Điều 35. Nguyên tắc làm việc và Phối hợp trong

1. Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và nội quy nội bộ khác phải chịu trách nhiệm trong quá trình thực hiện nhiệm vụ giao và phải nghiêm túc phối hợp trong bộ phận quy định để thực hiện pháp luật, công, phát triển Công ty.

2. Tất cả các thành viên đều có quy định rõ ràng về trách nhiệm hoặc không thể thực hiện nhiệm vụ và có trách nhiệm giải trình về việc đó khi cần yêu cầu.

Các thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc thường xuyên trao đổi trong công việc và cung cấp thông tin qua lại trên tinh thần hợp tác, hỗ trợ lẫn nhau để làm việc theo đúng quy định của luật và pháp luật nhằm hiệu quả hành động sản xuất kinh doanh của Công ty theo đúng những mục tiêu H C thông qua.

Điều 36. Phối hợp trong vị trí nhân sự và Tổng Giám đốc

1. Phối hợp trong vị trí nhân sự và

a. HĐQT khi cần thiết sử dụng nhân sự và trạng thái của Công ty phục vụ công tác của HĐQT. Nội quy công tác thực hiện H C, HĐQT thông báo cho Tổng Giám đốc về việc phối hợp, sử dụng nguồn lực từ các nhà tài trợ (45) ngày trước ngày H C.

b. Tất cả các thành viên của HĐQT, Chủ tịch HĐQT hoặc Chủ tịch thành viên nội dung của hợp đồng quy định thành viên Ban Tổng Giám đốc và/hoặc nội quy nội bộ khác phải chịu trách nhiệm công việc có liên quan đến và tham gia đóng góp ý kiến (nếu có).

c. Tất cả các thành viên khác hoặc tất cả các thành viên liên quan đến các nội dung quản trị do Tổng Giám đốc chỉ đạo, Chủ tịch thành viên nội dung của hợp đồng quy định

m i Ch t ch H QT và/ho c thành viên H QT đ h p và óng góp ý ki n (n u có). N i dung cu c h p c l p thành biên b n và g i cho Ch t ch H QT m t b n báo cáo.

d. i v i các v n mà H QT phê duy t theo T trình c a T ng Giám c, H QT ph n h i trong vòng b y (07) ngày làm vi c ho c m t th i h n khác do hai bên cùng th a thu n.

e. T ng Giám c có trách nhi m báo cáo b ng v n b n v vi c th c hi n nhi m v và quy n h n c giao theo nh k cho H QT (quý/06 tháng/n m) và cho H C th ng niên ho c khi c yêu c u.

f. Trong tr ng h p c p thi t, vì nh ng m c ích liên quan n nhi m v c a mình, thành viên H QT có quy n yêu c u T ng Giám c cung c p các thông tin v ho t ng c a Công ty. T ng Giám c ch u trách nhi m t o m i i u ki n thu n l i cho Ch t ch H QT và các thành viên H QT c ti p c n các thông tin, các báo cáo trong th i gian nhanh nh t.

g. T ng Giám c có quy n t ch i thi hành và b o l u các ý ki n c a mình i v i các quy t nh c a H QT n u nh n th y quy t nh này trái pháp lu t, i u l Công ty, các Quy ch qu n lý ho c Ngh quy t c a H C . Trong tr ng h p này, T ng Giám c ph i có báo cáo gi i trình ngay v i H QT b ng v n b n. Tr ng h p phát hi n r i ro có th nh h ng l n n uy tín ho c/và ho t ng s n xu t kinh doanh c a Công ty ho c phát sinh các s vi c xét th y c n thi t, T ng Giám c có trách nhi m báo cáo ngay cho H QT tr c ti p theo dõi và có bi n pháp x lý.

2. Ph i h p khác Ch t ch H QT và T ng Giám c t o i u ki n cho các thành viên H QT, thành viên Ban T ng Giám c và ng i qu n lý khác tham gia các khóa h c nghi p v , các ho t ng kh o sát th c t , các h i th o nghi p v trong và ngoài n c nh m trau d i, h c h i kinh nghi m, nâng cao ki n th c qu n tr , i u hành Công ty. Vi c tham gia các khóa h c, kh o sát, h i th o c a thành viên H QT, thành viên Ban T ng Giám c và ng i qu n lý khác không c nh h ng n công vi c chung c a Công ty.

i u 37. Các tr ng h p T ng Giám c ngh tri u t p h p H QT và nh ng v n c n xin ý ki n H QT

1. Yêu c u tri u t p h p H QT

Tr ng h p T ng Giám c phát hi n hành vi vi ph m pháp lu t ho c vi ph m i u l công ty c a thành viên H QT và ng i qu n lý khác, T ng Giám c ph i thông báo b ng v n b n v i H QT trong vòng 48 gi yêu c u tri u t p h p H QT, ng th i yêu c u ng i có hành vi vi ph m ch m đ t vi ph m và có gi i pháp kh c ph c h u qu .

T ng Giám c có th ngh tri u t p h p H QT khi nh n th y có s ki n gây nh h ng nghiêm tr ng t i ho t ng s n xu t c a Công ty.

2. Tổng Giám đốc có thể xin ý kiến cho các Hội đồng Quản trị khi thực hiện quy định và nhiệm vụ của mình tại khoản 3 điều 33 của Luật Công ty.

CHƯƠNG VII – ÁNH GIÁ HÀNG NĂM VÀ HỒ TỌA, KHEN THƯỞNG VÀ Khen thưởng VÀ HỒ TỌA THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC VÀ NGƯỜI QUẢN LÝ KHÁC

Điều 38. Ánh giá hoạt động

1. Hội đồng Quản trị có trách nhiệm xây dựng các tiêu chuẩn ánh giá hoạt động cho tất cả các vị trí là thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác.

2. Hàng năm, căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ phân công và các tiêu chuẩn ánh giá đã đề ra thì Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc thực hiện ánh giá hoạt động thành viên Hội đồng Quản trị và thành viên Ban Tổng Giám đốc.

3. Việc ánh giá hoạt động của cán bộ quản lý khác do Tổng Giám đốc thực hiện hoặc có thể đưa vào bản ánh giá hoạt động của các cán bộ quản lý này.

4. Tiêu chí ánh giá hoạt động:

- Kết quả thực hiện công việc giao g m m c hoàn thành, khối lượng, chất lượng, hiệu quả công việc cá nhân, kết quả phát triển cá nhân.
- Phẩm chất, đạo đức, lối sống, nhân cách, tinh thần, việc tuân thủ và chấp hành nội quy Công ty, nội quy lao động, chế độ, chính sách của Công ty và quy định pháp luật.
- Năng lực cá nhân gồm kiến thức, trình độ chuyên môn, khả năng giải quyết vấn đề và khả năng giao tiếp, trình bày.
- Năng lực quản lý, lãnh đạo gồm khả năng quản lý và vận hành hệ thống quy trình, khả năng tạo động viên, quản lý và sử dụng hiệu quả các nguồn lực, thái độ quan tâm, tham mưu, lãng phí.
- Tinh thần học tập nâng cao trình độ, trung thực, cống hiến trong công tác, ý thức trách nhiệm, tinh thần trách nhiệm trong công việc giao và vận hành nhiệm vụ.
- Hoàn thành, phối hợp trong và ngoài công ty, phối hợp nâng cao mối quan hệ hợp tác trong và ngoài Công ty.
- Mối quan hệ với nhân viên cấp dưới và người lao động trong Công ty.

Điều 39. Khen thưởng

Hội đồng Quản trị phối hợp cùng Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng quy chế khen thưởng. Việc khen thưởng thực hiện dựa trên kết quả ánh giá hoạt động tại điều 47 của Quy chế này.

Công ty sẽ tiến hành khen thưởng nhân viên có đóng góp cho tập thể hoặc cá nhân thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và người quản lý khác có đóng góp thành tích trong công tác quản lý hoặc trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

Điều 40. Klu t

- HĐQT/Ban Tổng Giám đốc có trách nhiệm xây dựng hệ thống klu t dựa trên tính chất và mức độ của việc vi phạm. Việc klu t phải có hình thức cao nhất là bãi nhiệm, cách chức.
- Thành viên HĐQT cán bộ quản lý không hoàn thành nhiệm vụ của mình so với yêu cầu và sứ mệnh trung thực, siêng năng, cần trng sự ph i ch u trách nhiệm cá nhân v nh ng thi t h i do mình gây ra.
- Thành viên HĐQT, các b qu n lý khi thực hiện nhiệm vụ mà có hành vi vi phạm quy định pháp luật hoặc quy định của Công ty thì tu theo mức độ vi phạm mà b x lý klu t, vi phạm hành chính hoặc truy c u trách nhiệm hình s theo quy định của pháp luật và i u l Công ty. Tr ng h p gây thi t h i n l i ích của Công ty, công h c ng i khác s ph i b i th ng theo quy định của pháp luật.

CH NG VIII – TRÌNH T , TH T C L A CH N, B NHI M, MI N NHI M NG I PH TRÁCH QU N TR CÔNG TY

Điều 41. Việc bãi nhiệm người ph trách qu n tr Công ty

HQT có thể bãi nhiệm ít nhất 01 người làm các nhiệm vụ của Người ph trách qu n tr công ty. Nhiệm vụ của Người ph trách qu n tr công ty do HĐQT, tối đa là 05 năm.

Điều 42. Các tiêu chuẩn lựa chọn người ph trách qu n tr Công ty

- Có năng lực hành vi dân sự, có óc ngh nghi p, trung thực, nhiệt tình và có uy tín;
- Phải là người có hiểu biết về pháp luật, không có ng thi làm việc cho công ty khi mà toán c l p ang th c hi n ki m toán các báo cáo tài chính của công ty.
- Có năng lực quản trị;
- Các tiêu chuẩn khác theo quy định của pháp luật, i u l và quy t nh c a HĐQT.

Điều 43. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm người ph trách qu n tr Công ty

HQT có thể miễn nhiệm, bãi nhiệm người ph trách qu n tr Công ty khi a s (trên 50%) thành viên HĐQT đồng ý có quy định quy t tán thành và bãi nhiệm miễn Người ph trách qu n tr công ty mới thay thế.

Người ph trách qu n tr Công ty có thể c HĐQT miễn nhiệm trong các trường hợp sau:

- a. Do nhu cầu công tác, i u chuy n, luân chuy n nhân s c a Công ty;

- b. Do sự khác biệt không thể phân biệt công tác;
- c. Và các trường hợp khác mà pháp luật cho phép.

Người phụ trách quản trị công ty có thể H. Q. T. bất kỳ nhiệm vụ trong các trường hợp sau:

- a. Không hoàn thành nhiệm vụ hoặc vi phạm nội quy, quy chế của Công ty;
- b. Vi phạm pháp luật nghiêm trọng hoặc truy cập trách nhiệm hình sự hoặc chấp hành hình phạt tù;
- c. Và những trường hợp khác mà pháp luật cho phép.

Việc bất kỳ nhiệm vụ nêu trên không trái với các quy định theo hợp đồng ký kết (nếu có).

Điều 44. Thông báo bổ nhiệm, miễn nhiệm, bãi nhiệm Người phụ trách quản trị Công ty

Sau khi có quyết định bổ nhiệm, bãi nhiệm, miễn nhiệm người phụ trách quản trị Công ty, Công ty có trách nhiệm công bố thông tin trong nội bộ Công ty và cho các cơ quan nhà nước quản lý, trên trang thông tin internet của Công ty theo trình tự và quy định của pháp luật hiện hành.

CHƯƠNG IX - CÔNG BỐ THÔNG TIN

Điều 45. Nghĩa vụ công bố thông tin

1. Công ty có nghĩa vụ công bố đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin nội bộ và bất kỳ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tài chính và tình hình quản trị công ty cho công chúng và cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền.
2. Công ty phải xây dựng và ban hành quy chế về công bố thông tin của công ty theo quy định tại Luật Chứng khoán và các văn bản hướng dẫn.

Việc công bố thông tin thực hiện theo những phương thức nhằm bảo vệ công chúng và nhà đầu tư có thể tiếp cận một cách công bằng. Ngôn ngữ trong công bố thông tin cần rõ ràng, dễ hiểu và tránh gây hiểu lầm cho công chúng và nhà đầu tư.

CHƯƠNG X – NỘI DUNG THÔNG TIN

Điều 46. Bổ sung và sửa đổi Quy chế quản trị Công ty

Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này phải được Hội đồng Quản trị Công ty xem xét, biểu quyết và thông qua.

Điều 47. Hiệu lực

1. Quy chế này gồm 10 chương 47 điều, được Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần May Sông Hồng thông qua ngày 16 tháng 03 năm 2019 và cùng chấp thuận hiệu lực toàn văn của quy chế, từ quy định tại khoản 2 điều này.
2. Quy định tại khoản 2 điều 18 quy chế này có hiệu lực sau 03 năm kể từ ngày 1/8/2020.

Quy nh t i kho n l e i u 18 quy ch này có hi u l c sau 02 n m k t ngày 1/8/2019.

3. Quy ch này là duy nh t và chính th c a công ty.

4. Các b n sao ho c trích l c Quy ch v qu n tr công ty ph i có ch ký c a Ch t ch H QT ho c có ch ký c a ng i i di n theo pháp lu t m i có giá tr ./.

N i nh n:

- H QT, BKS VPCT;
- L u VPCT.

TM. H I NG QU N TR

CH T CH

M C L C

CHƯƠNG I – QUY ĐỊNH CHUNG.....	1
Điều 1. Ý nghĩa và Phạm vi điều chỉnh.....	1
Điều 2. Nguyên tắc quản trị nội bộ công ty.....	1
Điều 3. Giới thích thu thuế và chi phí tài trợ.....	1
CHƯƠNG II – CÔNG VÀ HỘI ĐỒNG.....	2
Điều 4. Quyền và nghĩa vụ các công.....	2
Điều 5. Hình thức công.....	2
Điều 6. Thông báo về việc chốt danh sách công có quyền tham dự hội đồng.....	4
Điều 7. Trình tự họp HĐQT.....	4
Điều 8. Cách thức đăng ký tham dự HĐQT trước ngày khai mạc cuộc họp HĐQT.....	5
Điều 9. Cách thức đăng ký tham dự HĐQT và Kiểm tra tài cách điều lệ vào ngày tổ chức HĐQT.....	6
Điều 10. Cách thức bỏ phiếu.....	7
Điều 11. Cách thức kiểm phiếu.....	7
Điều 12. Thông báo kết quả kiểm phiếu.....	7
Điều 13. Các trường hợp miễn quyền biểu quyết của HĐQT.....	7
Điều 14. Lập Biên bản hội đồng.....	8
Điều 15. Công bố Nghị quyết và Biên bản họp HĐQT hoặc Biên bản kiểm phiếu điều lệ và ý kiến nghị quyết của công chúng.....	9
Điều 16. Thẩm quyền và Trình tự thẩm định ý kiến công bố nghị quyết của công chúng.....	9
Điều 17. Yêu cầu hủy bỏ quyết định của HĐQT.....	11
CHƯƠNG III – THÀNH VIÊN HĐQT VÀ HĐQT.....	11
Điều 18. Tiêu chuẩn và điều kiện làm thành viên HĐQT.....	12
Điều 19. Cách thức công, nhóm công nghệ, công nghệ vào vị trí thành viên HĐQT.....	12
Điều 20. Cách thức bổ sung thành viên HĐQT.....	13
Điều 21. Các trường hợp miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT.....	13
Điều 22. Thông báo về bổ nhiệm, bãi nhiệm thành viên HĐQT.....	14
Điều 23. Cách thức giới thiệu ứng viên thành viên HĐQT.....	14
Điều 24. Thông báo và chuẩn bị nội dung họp.....	14
Điều 25. Điều kiện tổ chức cuộc họp HĐQT.....	15
Điều 26. Cách thức biểu quyết và thông qua Nghị quyết của HĐQT.....	15
Điều 27. Biên bản họp HĐQT.....	16
Điều 28. Thông báo Nghị quyết HĐQT.....	17
CHƯƠNG IV - BKS VÀ THÀNH VIÊN BKS.....	17

i u 29.	Tiêu chu n và i u ki n làm Thành viên BKS	17
i u 30.	Cách th c c ng i và ng c vào v trí Thành viên BKS c a c ông, nhóm c ông.	Error! Bookmark not defined.
i u 31.	Cách th c b u Thành viên BKS.....	Error! Bookmark not defined.
i u 32.	Các tr ng h p mi n nhi m, bãi nhi m Thành viên BKSError! Bookmark not defined.	
i u 33.	Thông báo v b u, mi n nhi m, bãi nhi m Thành viên BKS.Error! Bookmark not defined.	
i u 34.	Cu ch p c a BKS.....	Error! Bookmark not defined.
CH NG V - QUY NH TRÌNH T , TH T C L A CH N, B NH I M, MI N NH I M NG I QU N LÝ CÔNG TY		19
i u 35.	Các tiêu chu n l a ch n ng i qu n lý công ty.....	19
i u 36.	Vi c b nhi m ng i qu n lý công ty.....	20
i u 37.	Ký h p ng lao ng v i ng i qu n lý công ty.....	20
i u 38.	Các tr ng h p mi n nhi m, bãi nhi m ng i qu n lý công ty.....	20
i u 39.	Thông báo b nhi m, mi n nhi m, bãi nhi m ng i qu n lý công ty.....	21
CH NG VI – TH T C PH I H P HO T NG GI A H QT, BKS VÀ T NG GIÁM C.....		21
i u 40.	Nguyên t c làm vi c và Ph i h p ho t ng.....	21
i u 41.	Ph i h p ho t ng gi a H QT v i BKS	Error! Bookmark not defined.
i u 42.	Ph i h p ho t ng gi a H QT v i T ng Giám c	21
i u 43.	Ph i h p ho t ng gi a BKS v i TG	Error! Bookmark not defined.
i u 44.	Các tr ng h p T ng Giám c và BKS ngh tri u t p h p H QT và nh ng v n c n xin ý ki n H QT.....	22
CH NG VII – ÁNH GIÁ HÀNG N M I V I HO T NG, KHEN TH NG VÀ K LU T I V I THÀNH VIÊN H QT, THÀNH VIÊN BKS, T NG GIÁM C VÀ NG I QU N LÝ KHÁC.....		23
i u 45.	ánh giá ho t ng.....	23
i u 46.	Khen th ng	23
i u 47.	K lu t.....	24
CH NG VIII – TRÌNH T , TH T C L A CH N, B NH I M, MI N NH I M NG I PH TRÁCH QU N TR CÔNG TY.....		24
i u 48.	Vi c b nhi m ng i ph trách qu n tr Công ty.....	24
i u 49.	Các tiêu chu n l a ch n ng i ph trách qu n tr Công ty.....	24
i u 50.	Các tr ng h p mi n nhi m, bãi nhi m ng i ph trách qu n tr Công ty.....	24
i u 51.	Thông báo b nhi m, mi n nhi m, bãi nhi m Ng i ph trách qu n tr Công ty	25
CH NG IX - CÔNG B THÔNG TIN.....		25
i u 52.	Ngh a v công b thông tin.....	25

CH NG X – I U KHO N THI HÀNH	25
i u 53. B sung và s a i Quy ch v qu n tr Công ty.....	25
i u 54. Hi u l c	25